

1. DANH MỤC TẠM THỜI THỨC ĂN CHĂN NUÔI GIA SÚC, GIA CẦM SẢN XUẤT TRONG NƯỚC

(Ban hành kèm theo Thông tư số 26/2012/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 6 năm 2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm An Giang – Xí nghiệp Thức ăn chăn nuôi Thủy sản Địa chỉ: Quốc lộ 91, phường Mỹ Thạnh, Tp. Long Xuyên, An Giang. Điện thoại: 076.3831540/ 3831302; Fax: 076.3831230.			
1	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho heo con từ 7ngày tuổi-15kg	A01	01:2011/AFIEX.AG	
2	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho heo từ 15kg đến 30kg.	A02	02:2011/AFIEX.AG	
3	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho heo từ 30kg đến 60kg.	A03	03:2011/AFIEX.AG	
4	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho heo nái nuôi con.	A04	04:2011/AFIEX.AG	
5	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho heo nái khô,chữa, nọc,hậu bị.	A05	05:2011/AFIEX.AG	
6	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho heo vỗ béo >60kg.	A06	06:2011AFIEX.AG	
7	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho heo từ 15kg đến 50kg giống nội hoặc lai	A45	07:2011AFIEX.AG	
8	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho heo từ 50kg đến xuất chuồng giống nội hoặc lai.	A46	08:2011AFIEX.AG	
9	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho heo nái nuôi con, khô, chữa giống nội hoặc lai.	A48	09:2011AFIEX.AG	
10	Thức ăn hỗn hợp cao cấp hoàn chỉnh dùng cho heo con từ tập ăn đến 7kg.	G300	10:2011AFIEX.AG	
11	Thức ăn hỗn hợp cao cấp hoàn chỉnh dùng cho heo con từ 7kg đến 15kg.	G301	11:2011AFIEX.AG	
12	Thức ăn hỗn hợp cao cấp hoàn chỉnh dùng cho heo từ 15kg đến 30kg.	G302	12:2011AFIEX.AG	
13	Thức ăn hỗn hợp cao cấp hoàn chỉnh dùng cho heo từ 30kg đến 60kg.	G303	13:2011AFIEX.AG	
14	Thức ăn hỗn hợp cao cấp hoàn chỉnh dùng cho heo thịt từ 60kg đến 100kg.	G306	14:2011AFIEX.AG	
15	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho gà lai, gà ta 1- 42 ngày tuổi	A28	15:2011/AFIEX.AG	
16	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho gà tàu, gà ta trên 42 ngày tuổi	A38	16:2011/AFIEX.AG	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
17	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho gà đẻ thương phẩm	A08	17:2011/AFIEX.AG	
18	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho cút đẻ	A09	18:2011/AFIEX.AG	
19	Thức ăn hỗn hợp cao cấp hoàn chỉnh dùng cho vịt con từ 1-21 ngày tuổi	G221	19:2011/AFIEX.AG	
20	Thức ăn hỗn hợp cao cấp hoàn chỉnh dùng cho vịt đẻ cao sản	G252	20:2011/AFIEX.AG	
21	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho vịt con từ 1-21 ngày tuổi	A21	21:2011/AFIEX.AG	
22	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho vịt từ 21 – 42 ngày tuổi	A25	22:2011/AFIEX.AG	
23	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho vịt từ 42 ngày tuổi đến xuất chuồng.	A26	23:2011/AFIEX.AG	
24	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho vịt lai > 6 tuần tuổi	MT224	24:2011/AFIEX.AG	
25	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho vịt đẻ thương phẩm	A22	25:2011/AFIEX.AG	
26	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho vịt đẻ cao sản	A22SP	26:2011/AFIEX.AG	
27	Thức ăn đậm đặc cao cấp dùng cho heo từ 15kg đến xuất chuồng.	G50	AFIEX.AG 01/06	
28	Thức ăn đậm đặc cao cấp dùng cho heo ni khơi, chữa, hậu bị, ni nuôi con, nọc.	G40	AFIEX.AG 01/2009	
29	Thức ăn đậm đặc cao cấp dùng cho heo từ 15kg đến xuất chuồng.	G41	AFIEX.AG 05/05	
30	Thức ăn đậm đặc cao cấp dùng cho heo từ 15kg đến xuất chuồng.	G46	AFIEX.AG 06/05	
31	Thức ăn tinh hỗn hợp dùng cho bò thịt từ 100-200kg	A74	TC 04 - 2001	
32	Thức ăn tinh hỗn hợp dùng cho bò thịt từ 200-400kg	A75	TC 04 - 2001	
33	Thức ăn tinh hỗn hợp dùng cho bò vắt sữa < 6 lít	A76	TC 04 - 2001	
34	Thức ăn tinh hỗn hợp dùng cho bò vắt sữa > 15 lít	A77	TC 04 - 2001	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
	Công ty Liên doanh TNHH ANOVA Địa chỉ: 36 Đại lộ Độc Lập, KCN Việt Nam - Singapore, Thuận An, Bình Dương. Điện thoại: 0650.3782.770. Fax: 0650.3782.700.			
35	Thức ăn bổ sung men tiêu hóa, vi sinh vật có lợi, vitamin trong thức ăn chăn nuôi cho heo, gà vịt.	NOVA-ENZYME	01:2004/Anova	
36	Thức ăn bổ sung dinh dưỡng trong thức ăn cho heo, gà vịt đẻ trứng.	DEFATY	01:2005/Anova	
37	Thức ăn bổ sung vitamin - khoáng chất trong thức ăn cho heo, gà, vịt, trâu bò.	NOVA-CALVIT PLUS	01:2007/Anova	
38	Thức ăn bổ sung vitamin + khoáng + điện giải trong thức ăn cho heo, gia cầm.	NOVA-PERMASOL	01:2008/Anova	
39	Thức ăn bổ sung vitamin + điện giải trong thức ăn cho gà, vịt, cút, ngan.	NOVA-ANTI GUM KC	01:2009/Anova	
40	Thức ăn bổ sung khoáng + vitamin trong thức ăn cho gia súc, gia cầm.	NOVA-B.COMPLEX FORT	01:2010/Anova	
41	Thức ăn bổ sung vitamin, khoáng trong thức ăn cho heo, gà, vịt, trâu, bò, dê cừu.	NOVA-AD.TRICALPHOS	02:2004/Anova	
42	Thức ăn bổ sung sữa bột đặc biệt trong thức ăn cho heo con, dê cừu con, heo nái.	SUPER MILK	02:2005/Anova	
43	Thức ăn bổ sung men vi sinh + vitamin trong thức ăn cho heo, gà, vịt, cút.	NOVA-BACTIC	02:2007/Anova	
44	Chất bổ sung khoáng chất thiết yếu + vitamin trong thức ăn cho gà, heo, bò, dê, cừu.	NOVA-CALCIPHOS	02:2008/Anova	
45	Thức ăn bổ sung vitamin + khoáng chất + vi sinh vật có lợi trong thức ăn cho heo, gà, vịt, cút, ngan.	NOVA-SIÊU TĂNG TỐC	02:2009/Anova	
46	Thức ăn bổ sung vitamin + chất dinh dưỡng trong thức ăn cho gia súc, gia cầm.	NOVA-BROMHEXINE + C	02:2010/Anova	
47	Thức ăn bổ sung men tiêu hóa, vi sinh vật có lợi trong thức ăn cho heo, gà, vịt, cút, dê, cừu, bò.	NOVA-MULTIZYME	03:2004/Anova	
48	Thức ăn bổ sung sữa bột, vitamin đặc biệt trong thức ăn cho heo con, bê, nghé, dê cừu con	NOVA-LAC	03:2005/Anova	
49	Thức ăn bổ sung men tiêu hóa + vi sinh vật có lợi + vitamin trong thức ăn cho heo, gà, vịt, cút, bò, dê, cừu.	EM-SURE	03:2007/Anova	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
50	Thức ăn bổ sung men tiêu hóa + vitamin trong thức ăn cho gà, vịt, cút, heo	NOVA-BACILAC	03:2008/Anova	
51	Thức ăn bổ sung vitamin, điện giải trong thức ăn cho gia súc, gia cầm	ELEC-C	04:2004/Anova	
52	Thức ăn bổ sung vitamin, enzyme, điện giải trong thức ăn cho gia cầm.	NOVA-AMIVIT	04:2005/Anova	
53	Thức ăn bổ sung vitamin + khoáng trong thức ăn cho heo, gà, vịt, cút	NOVA-E SELEN 500	04:2007/Anova	
54	Thức ăn bổ sung khoáng + vitamin + men tiêu hóa trong thức ăn cho heo, gà, vịt, ngan, cút	NOVA-VỎ BÉO CHỐNG CÒI MAU LỚN	04:2008/Anova	
55	Thức ăn bổ sung cung cấp Vitamin, chất giải nhiệt trong thức ăn cho gia súc, gia cầm.	ANA-C.VIT	05:2004/Anova	
56	Thức ăn bổ sung khoáng, vitamin, điện giải trong thức ăn cho gia cầm	NOVA-NORCOVIT	05:2005/Anova	
57	Thức ăn bổ sung men vi sinh vật có lợi + vitamin trong thức ăn cho heo, gà, vịt, cút.	NOVA-LACTOZYME	05:2007/Anova	
58	Thức ăn bổ sung Vitamin K trong thức ăn cho heo, trâu, bò, gà, vịt, cút	NOVA-VITAMIN K	05:2008/Anova	
59	Thức ăn bổ sung vitamin, khoáng trong thức ăn cho heo, bò, dê, cừu, gà, vịt, cút	CASEVIT	06:2004/Anova	
60	Thức ăn bổ sung khoáng, vitamin, điện giải trong thức ăn cho gà, vịt, cút.	NOVA-GUM	06:2005/Anova	
61	Thức ăn bổ sung vitamin + khoáng chất + men tiêu hóa trong thức ăn cho heo thịt, gà vịt thịt.	NOVA-CHỐNG CÒI-VỎ BÉO	06:2007/Anova	
62	Thức ăn bổ sung khoáng + vitamin + vi sinh vật có lợi trong thức ăn cho gà, vịt, cút, ngan.	NOVA-SIÊU TĂNG TRỌNG	06:2008/Anova	
63	Thức ăn bổ sung vitamin, khoáng trong thức ăn cho heo, gà, vịt, cút, trâu bò, dê, cừu	NOVA-MULTIVIT	07:2005/Anova	
64	Thức ăn bổ sung vitamin + chất điện giải + khoáng chất trong thức ăn cho heo, gà, vịt, cút, trâu bò.	NOVA-VITANASOL	07:2007/Anova	
65	Thức ăn bổ sung vitamin + chất dinh dưỡng trong thức ăn cho heo, trâu bò, gà, vịt, cút.	NOVA-SORBITOL + B12	07:2008/Anova	
66	Thức ăn bổ sung men tiêu hóa, vi sinh vật có lợi trong thức ăn cho heo.	NOVA-SUPER MYCO	08:2005/Anova	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
67	Thức ăn bổ sung khoáng hữu cơ + vitamin + men tiêu hóa trong thức ăn cho heo thịt, gà vịt thịt.	NOVA-CHÔNG CỎI MAU LỚN	08:2008/Anova	
68	Thức ăn bổ sung men tiêu hóa cao cấp trong thức ăn cho heo.	NOVA-SUPER COLI	09:2005/Anova	
69	Thức ăn bổ sung vitamin + điện giải trong thức ăn cho heo, trâu, bò, gà, vịt, cút, ngan.	ĐIỆN GIẢI K-C	09:2008/Anova	
70	Premix-vitamin-khoáng cho heo, trâu bò, dê cừu, gà vịt	NOVA-VITA COMPLEX	10:2005/Anova	
71	Thức ăn bổ sung khoáng + vitamin + điện giải trong thức ăn cho heo, trâu, bò, dê, gà, vịt, cút, ngan.	NOVA-ANAZIN KC	10:2008/Anova	
72	Premix-khoáng cho heo thịt, heo con, heo giống	MINERAL FOR PIG	11:2005/Anova	
73	Thức ăn bổ sung vitamin, khoáng trong thức ăn cho heo, gà, vịt, cút, trâu, bò, dê, cừu,	NOVA-ADE B.COMPLEX	12:2005/Anova	
74	Thức ăn bổ sung khoáng, dinh dưỡng đặc biệt trong thức ăn cho heo, bò, gà, vịt, cút.	NOVA-THYROMIN	13:2005/Anova	
75	Thức ăn bổ sung vitamin, acid amin trong thức ăn cho heo, gà, vịt, cút	NOVA-AMINO	14:2005/Anova	
76	Thức ăn bổ sung cung cấp vitamin + điện giải + khoáng trong thức ăn cho gà, vịt, cút, heo, trâu, bò.	NOVA-VITA PLUS	15:2005/Anova	
77	Thức ăn bổ sung sữa bột cao cấp trong thức ăn cho heo con, bê, nghé, dê cừu con.	NOVA-MILK	16:2005/Anova	
78	Premix-vitamin-khoáng cho heo lứa (20-50kg)	NOVAMIX 3	17:2005/Anova	
79	Premix-vitamin-khoáng cho heo thịt (50-90kg)	NOVAMIX 4	18:2005/Anova	
80	Premix-vitamin-khoáng cho heo giống	NOVAMIX 5	19:2005/Anova	
81	Premix-vitamin-khoáng cho gà, vịt đẻ trứng	NOVAMIX 9	20:2005/Anova	
82	Thức ăn bổ sung khoáng, điện giải trong thức ăn cho heo, trâu bò, gà vịt	NOVA-ANTI DIARRHEA	21:2005/Anova	
83	Thức ăn bổ sung vitamin – khoáng chất trong thức ăn cho gà, vịt, cút.	NOVA-ENROVIT	22:2005/Anova	
84	Thức ăn bổ sung khoáng hữu cơ trong thức ăn cho heo, gà, vịt, bò	NOVA-CHROM YEAST	23:2005/Anova	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
85	Thức ăn bổ sung vitamin-khoáng-men tiêu hóa trong thức ăn cho gia súc, gia cầm.	NOVA-COMPLEX-C	24:2005/Anova	
86	Thức ăn bổ sung vitamin – khoáng – chất dinh dưỡng trong thức ăn cho gà, vịt, cút	NOVA-TETRA EGG	25:2005/Anova	
87	Thức ăn bổ sung sữa bột, vitamin, khoáng trong thức ăn cho heo, trâu, bò, dê cừu.	NOVA-MUM	26:2005/Anova	
	Công ty TNHH Dinh dưỡng Âu Châu Địa chỉ: Đường số 4, Lô B2-28, KCN Tân Đông Hiệp B, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Điện thoại: 0650.6271179; Fax: 0650.3737469.			
88	Thức ăn hỗn hợp cho vịt từ 01 ngày tuổi – xuất bán	101	AC. BD 01/09	
89	Thức ăn hỗn hợp cho gà từ 1 ngày – xuất bán	201	AC. BD 01/09	
90	Thức ăn hỗn hợp cho gà hạnh phúc	202	AC. BD 03/09	
91	Thức ăn hỗn hợp cho vịt thịt, vịt vỗ béo	102	AC.BD 04/08	
92	Thức ăn hỗn hợp cho vịt đẻ	104	AC.BD 09/07	
93	Thức ăn hỗn hợp cho gà ta, gà tàu, gà thả vườn từ 1-42 ngày tuổi	E-442	AC.BD01/08	
94	Thức ăn đậm đặc cao cấp cho heo từ tập ăn – xuất chuồng	8910, 9900, 8800A, 9630, 1680	AC.BD01/2011	
95	Thức ăn hỗn hợp cho gà ta, gà tàu, gà thả vườn từ 43 ngày tuổi – xuất bán	E-443	AC.BD02/08	
96	Thức ăn hỗn hợp viên cho vịt siêu thịt từ 22 ngày -xuất bán	777	AC.BD02/10	
97	Thức ăn đậm đặc cho heo từ tập ăn – xuất chuồng	9800, 7630-E, HV9999	AC.BD02/2011	
98	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà thương phẩm	E-445	AC.BD03/08	
99	Thức ăn đậm đặc cho heo từ 5kg – xuất chuồng	9700, 6600-E	AC.BD03/2011	
100	Thức ăn đậm đặc siêu sữa cho heo nái	9600, 2800-E, 137, 121, 1070, 129	AC.BD04/2011	
101	Thức ăn hỗn hợp cho heo từ tập ăn -15kg	950, E-200, DK1060	AC.BD05/2011	
102	Thức ăn hỗn hợp cho heo từ 15kg – 30kg	945, E-14, DK1055	AC.BD06/2011	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
103	Thức ăn hỗn hợp cho vịt từ 01 ngày tuổi – xuất bán	DK330, E-220	AC.BD07/07	
104	Thức ăn hỗn hợp cho heo từ 30kg – 60kg	940, E-15, DK1050	AC.BD07/2011	
105	Thức ăn hỗn hợp cho vịt từ 1 - 21 ngày tuổi	DK333, E-222, 666	AC.BD08/07	
106	Thức ăn hỗn hợp cho heo từ 60kg – xuất chuồng	930, E-16, DK1040	AC.BD08/2011	
107	Thức ăn hỗn hợp cho heo từ 30kg – xuất chuồng	E-19, DK1010, HV30	AC.BD09/2011	
108	Thức ăn hỗn hợp cho heo từ 15kg – 30kg	HV-23	AC.BD10/2011	
109	Thức ăn hỗn hợp cho heo từ 30kg – 60kg	HV-24	AC.BD11/2011	
110	Thức ăn hỗn hợp viên dùng cho thỏ thịt	T-01	AC.BD12/05	
111	Thức ăn hỗn hợp cho heo nái hậu bị, mang thai	HV-26, E-18, 920, DK1020	AC.BD12/2011	
112	Thức ăn hỗn hợp heo sữa từ 7 ngày - 8kg	E100	AC.BD13/05	
113	Thức ăn hỗn hợp viên dùng cho thỏ sinh sản	T-02	AC.BD13/07	
114	Thức ăn hỗn hợp cho heo nái nuôi con	HV-27, E-17, 910, DK1030	AC.BD13/2011	
115	Thức ăn hỗn hợp cho vịt đẻ	DK550, E-440	AC.BD14/2011	
116	Thức ăn hỗn hợp cho vịt siêu trứng	DK555, E-444	AC.BD15/2011	
117	Thức ăn hỗn hợp cho cút đẻ trứng	340-E	AC.BD17/07	
	Công ty TNHH Bayer Việt Nam Địa chỉ: Ấp 4, Thị trấn Uyên Hưng, huyện Tân Uyên, Bình Dương. Tel: 0838450828; Fax: 0839979204.			
118	Thức ăn bổ sung giúp heo và gia cầm mau lớn	Baymix Bacifeed	BA.DN.02/07	
119	Thức ăn bổ sung vitamin, khoáng cho gà vỗ béo, gà thịt	Agrinam Chicken-Finisher, Broiler	BA.HCM.35/04	
120	Bổ sung men tiêu hoá cho vật nuôi	Bazyme P	BA.HCM.59/04	
121	Thức ăn bổ sung vitamin, khoáng cho heo con	Agrinam pig starter	BA.HCM.60/04	
122	Thức ăn bổ sung vitamin, khoáng cho heo lứa, heo vỗ béo	Agrinam Pig Grower, Finisher	BA.HCM.61/04	
123	Thức ăn bổ sung vitamin, khoáng cho heo nái và đực giống	Agrinam Pig Breeder	BA.HCM.62/04	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
124	Thức ăn bổ sung vitamin, khoáng cho gà con, gà hậu bị	Agrinam chicken-starter, Pullet	BA.HCM.64/04	
125	Thức ăn bổ sung vitamin, khoáng cho gà giống, gà đẻ thương phẩm	Agrinam chicken Breeder, Layer	BA.HCM.66/04	
126	Thức ăn bổ sung vitamin, khoáng cho cút	Agrinam Quail-Layer, Meat	BA.HCM.67/04	
127	Thức ăn bổ sung giúp nâng cao năng suất mật và sữa ong chúa	Baymix PolyVitaBee	BA.HCM.76/06	
128	Thức ăn bổ sung cho heo con	BoostStart	BY ĐN 12/08	
129	Nguyên liệu dùng trong thức ăn chăn nuôi	Hemicell D	LN11:2009/BAH	
130	Sản phẩm thay thế bột huyết tương	Immunomax-Plasma Replacer	LN29:2010/BAH	
131	Phụ gia thức ăn chăn nuôi	Pro.Zyme	LN01:2008/BAH	
132	Thức ăn bổ sung vitamin, khoáng cho heo	Orga-Breed	LN02:2008/BAH	
133	Chất bổ sung vào thức ăn kích thích tăng trọng và phòng bệnh	Bacifo	LN03:2008/BAH	
134	Sản phẩm dinh dưỡng cho heo tập ăn sớm	Stockmilk	LN04:2009/BAH	
135	Sản phẩm bổ sung men tiêu hoá, chất điện giải và vi khuẩn có lợi cho gia súc, gia cầm	Lactobac C	LN05:2009/BAH	
136	Sản phẩm dinh dưỡng đậm đặc dùng cho heo	Supastock powder pig pack	LN06:2009/BAH	
137	Nguyên liệu dùng trong chăn nuôi	Dicalcium phosphate	LN07:2008/BAH	
138	Thức ăn bổ sung vitamin E cho vật nuôi	Tetravit E	LN07:2009/BAH	
139	Nguyên liệu dùng trong chăn nuôi	Baymix Latibon Plus ME	LN08:2009/BAH	
140	Nguyên liệu dùng trong thức ăn chăn nuôi	Latibon	LN09:2009/BAH	
141	Nguyên liệu dùng trong thức ăn chăn nuôi	Soycomil K	LN12:2009/BAH	
142	Nguyên liệu dùng trong thức ăn chăn nuôi	Soycomil P	LN13:2009/BAH	
143	Nguyên liệu dùng trong thức ăn chăn nuôi	Toxisorb classis	LN14:2009/BAH	
144	Nguyên liệu dùng trong thức ăn chăn nuôi	Toxisorb premium	LN15:2009/BAH	
145	Thức ăn bổ sung Biotin và khoáng hữu cơ cho heo, bò và gia cầm	Baymix Biotin Plus	LN15:2010/BAH	
146	Thức ăn bổ sung cho gia súc, gia cầm	Baymix vitamin E+	LN17:2009/BAH	
147	Thức ăn bổ sung kẽm hữu cơ cho vật nuôi	Orga-Zinc	LN20:2009/BAH	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
148	Thức ăn bổ sung Selen hữu cơ cho vật nuôi	Org-Sel	LN21:2009/BAH	
149	Thức ăn bổ sung sắt hữu cơ cho vật nuôi	Org-Fer	LN22:2009/BAH	
150	Thức ăn bổ sung Mangan hữu cơ cho vật nuôi	Customix 4637 Orga-Manga	LN23:2009/BAH	
151	Thức ăn bổ sung đồng hữu cơ cho gia súc, gia cầm	Customix 4636 Orga-Copp	LN24:2009/BAH	
152	Thức ăn bổ sung Chrom hữu cơ cho gia súc, gia cầm	Orga-chrom	LN24:2010/BAH	
153	Chất bổ sung vitamin, khoáng, điện giải và acid amin	Multi Sol- G	LN25:2009/BAH	
154	Sản phẩm bổ sung selen vào thức ăn cho gia súc, gia cầm	Sodium Selenite	LN27:2009/BAH	
155	Thức ăn bổ sung vitamin và chất điện giải cho gia cầm	Bagum	LN28:2009/BAH	
156	Sản phẩm bổ sung vào thức ăn chăn nuôi	Protox	LN60:2010/BAH	
	Công ty TNHH Thức ăn chăn nuôi Đa Thành Địa chỉ: Ấp Tân Long, xã Tân Hiệp, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Điện thoại: 0650.3903506.			
157	Thức ăn hỗn hợp dạng viên, dạng mảnh dùng cho vịt con từ 1-21 ngày tuổi	401	TM.BD 02/07	
158	Thức ăn hỗn hợp dạng viên, dạng mảnh dùng cho vịt con từ 22 ngày tuổi –xuất bán	402	TM.BD 03/07	
159	Thức ăn hỗn hợp dạng viên, dạng mảnh dùng cho vịt con từ 1 ngày tuổi –xuất bán	405	TM.BD 04/07	
160	Thức ăn hỗn hợp dạng viên, dạng mảnh dùng cho gà thả vườn từ 1 – 42 ngày tuổi	501	TM.BD 05/07	
161	Thức ăn hỗn hợp dạng viên, dạng mảnh dùng cho gà thả vườn từ 42 ngày tuổi – xuất bán	502	TM.BD 06/07	
162	Thức ăn hỗn hợp dạng viên, dạng mảnh dùng cho gà thả vườn từ 1 ngày tuổi – xuất bán	504	TM.BD 07/07	
163	Thức ăn hỗn hợp dùng nuôi heo nái tiết sữa nuôi con (dạng bột,viên)	366	TM.NBD - 006Th/05	
164	Thức ăn hỗn hợp dùng nuôi heo từ tập ăn đến 15kg (dạng bột,viên)	360	TM.NBD - 007Th/05	
165	Thức ăn đậm đặc dùng nuôi heo thịt từ 15kg đến xuất chuồng (dạng bột,viên)	369	TM.NBD - 008Th/05	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
166	Thức ăn hỗn hợp dùng nuôi heo từ 15kg đến 30kg (dạng bột,viên)	365	TM.NBD - 009Th/05	
167	Thức ăn hỗn hợp dùng nuôi heo từ 30 kg đến xuất chuồng(dạng bột,viên)	367	TM.NBD - 010Th/05	
168	Thức ăn hỗn hợp cho heo từ 15-30kg, Nái nuôi con (dạng bột,viên)	D	TM.NBD-001 Th/02	
169	Thức ăn hỗn hợp cho heo từ 30kg - 70kg (dạng bột,viên)	6	TM.NBD-002 Th/02	
170	Thức ăn hỗn hợp cho heo từ 70kg - 100kg (dạng bột,viên)	7	TM.NBD-003 Th/02	
171	Thức ăn hỗn hợp cho heo nái ,nái mang thai (dạng bột,viên)	10	TM.NBD-004 Th/02	
172	Thức ăn hỗn hợp dùng cho bò sữa loại đặc biệt (dạng bột)		TM.NBD-005 Tb/02	
	Công ty TNHH De Heus Địa chỉ: Lô G-2-CN, KCN Mỹ Phước, Bến Cát, Bình Dương. Tel: 0650.3558380; Fax: 0650.3553082			
173	Thức ăn hỗn hợp heo con từ 7 ngày tuổi đến 7kg	3800	01:2009/DH	
174	Thức ăn hỗn hợp heo con tập ăn – 15kg	3810	01:2010/DH	
175	Premix cho heo thịt từ 15 - 30 kg	3600	01:2011/DH	
176	Thức ăn hỗn hợp heo con từ 7kg - 12kg	3820	02:2009/DH	
177	Thức ăn hỗn hợp bò sữa các giai đoạn	5969	02:2010/DH	
178	Premix cho heo thịt từ 30 - 60 kg	3601	02:2011/DH	
179	Thức ăn hỗn hợp heo từ 12kg - 30kg	3840	03:2009/DH	
180	Thức ăn đậm đặc heo thịt từ 12kg - xuất chuồng	3402	03:2010/DH	
181	Premix cho heo thịt từ 60kg - xuất chuồng	3602	03:2011/DH	
182	Thức ăn hỗn hợp heo thịt từ 30kg - 60kg	3540	04:2009/DH	
183	Thức ăn hỗn hợp heo nái trước khi phối 5 -7 ngày	3085	04:2010/DH	
184	Thức ăn hỗn hợp vịt, ngan đẻ cao sản	7777	04:2011/DH	
185	Thức ăn hỗn hợp heo thịt từ 60kg - 110kg	3350	05:2009/DH	
186	Thức ăn hỗn hợp heo nái mang thai	3010	05:2010/DH	
187	Thức ăn hỗn hợp vịt, ngan đẻ cao sản	7779	05:2011/DH	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
188	Thức ăn hỗn hợp heo nái hậu bị từ 45kg trở lên	3000	06:2009/DH	
189	Thức ăn hỗn hợp gà đẻ từ 19 – 45/50 tuần tuổi	7710	06:2010/DH	
190	Thức ăn hỗn hợp gà thịt từ 15 - 22 ngày tuổi	6720	06:2011/DH	
191	Thức ăn hỗn hợp heo nái mang thai	3030	07:2009/DH	
192	Thức ăn hỗn hợp bò sữa các giai đoạn	5978	07:2010/DH	
193	Premix cho heo nái mang thai và nuôi con	3609	07:2011/DH	
194	Thức ăn hỗn hợp heo nái nuôi con	3060	08:2009/DH	
195	Thức ăn hỗn hợp bò thịt vỗ béo	5958	08:2010/DH	
196	Thức ăn hỗn hợp heo đực giống	3100	09:2009/DH	
197	Thức ăn hỗn hợp heo con tập ăn từ 7 ngày - 15kg	3815	09:2010/DH	
198	Thức ăn hỗn hợp heo kinh tế từ 12kg - 30kg	3860	10:2009/DH	
199	Thức ăn hỗn hợp heo nái mang thai	3031	10:2010/DH	
200	Thức ăn hỗn hợp heo kinh tế từ 30kg - 60kg	3520	11:2009/DH	
201	Thức ăn hỗn hợp heo nái nuôi con	3061	11:2010/DH	
202	Thức ăn hỗn hợp heo kinh tế từ 60kg - 110kg	3330	12:2009/DH	
203	Thức ăn hỗn hợp heo kinh tế từ 30kg - 60kg	3521	12:2010/DH	
204	Thức ăn đậm đặc heo thịt từ 12kg - xuất chuồng	3401	13:2009/DH	
205	Thức ăn hỗn hợp gà đẻ từ 19 – 45/50 tuần tuổi	7701	13:2010/DH	
206	Thức ăn đậm đặc heo thịt từ 12kg - xuất chuồng	3403	14:2009/DH	
207	Thức ăn đậm đặc gà hậu bị từ 1 - 18 tuần tuổi	8000	14:2010/DH	
208	Thức ăn đậm đặc heo thịt từ 12kg - xuất chuồng	3405	15:2009/DH	
209	Thức ăn hỗn hợp heo kinh tế từ 12kg - 30kg	3861	15:2010/DH	
210	Thức ăn đậm đặc heo nái mang thai và nái nuôi con	3409	16:2009/DH	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
211	Thức ăn hỗn hợp gà thịt từ 1 - 14 ngày tuổi	6620	24:2009/DH	
212	Thức ăn hỗn hợp gà thịt từ 15 - 30 ngày tuổi	6830	25:2009/DH	
213	Thức ăn hỗn hợp gà thịt từ 31 ngày tuổi đến xuất chuồng	6930	26:2009/DH	
214	Thức ăn hỗn hợp gà đẻ hậu bị từ 0 - 6 tuần tuổi	7600	27:2009/DH	
215	Thức ăn hỗn hợp gà đẻ hậu bị từ 0 - 6 tuần tuổi	7601	28:2009/DH	
216	Thức ăn hỗn hợp gà đẻ hậu bị từ 7 – 18/19 tuần tuổi	7610	29:2009/DH	
217	Thức ăn hỗn hợp gà đẻ hậu bị từ 7 – 18/19 tuần tuổi	7621	30:2009/DH	
218	Thức ăn hỗn hợp gà đẻ sau 45/50 tuần tuổi	7705	33:2009/DH	
219	Thức ăn hỗn hợp gà đẻ sau 45/50 tuần tuổi	7706	34:2009/DH	
220	Thức ăn hỗn hợp gà thịt thả vườn từ 1 - 28 ngày tuổi	6630	35:2009/DH	
221	Thức ăn hỗn hợp gà thịt thả vườn từ 29 - 42 ngày tuổi	6840	36:2009/DH	
222	Thức ăn hỗn hợp vịt thịt từ 1 - 21 ngày tuổi	7750	37:2009/DH	
223	Thức ăn hỗn hợp vịt thịt từ 22 - 42 ngày tuổi	7760	38:2009/DH	
224	Thức ăn hỗn hợp vịt thịt sau 42 ngày tuổi	7765	39:2009/DH	
225	Thức ăn hỗn hợp vịt, ngan đẻ cao sản	7770	40:2009/DH	
226	Thức ăn hỗn hợp cút thịt từ 1 - 35 ngày tuổi	7780	41:2009/DH	
227	Thức ăn hỗn hợp cút đẻ	7790	43:2009/DH	
228	Thức ăn đậm đặc gà đẻ sau 19 tuần - loại	8001	44:2009/DH	
229	Thức ăn đậm đặc gà đẻ sau 19 tuần -loại	8002	45:2009/DH	
230	Thức ăn hỗn hợp gà giống hậu bị hướng thịt từ 1 - 6 tuần tuổi	7800	48:2009/DH	
231	Thức ăn hỗn hợp gà giống hậu bị hướng thịt từ 1 - 6 tuần tuổi	7801	49:2009/DH	
232	Thức ăn hỗn hợp gà giống hậu bị hướng thịt từ 7 - 21 tuần tuổi	7820	50:2009/DH	
233	Thức ăn hỗn hợp gà giống hậu bị hướng thịt từ 7 - 21 tuần tuổi	7821	51:2009/DH	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
234	Thức ăn hỗn hợp gà giống đẻ hướng thịt sau 21 tuần tuổi	7900	52:2009/DH	
235	Thức ăn hỗn hợp heo thịt từ 15kg - 30kg	3850	53:2009/DH	
236	Thức ăn hỗn hợp gà giống đẻ hướng thịt sau 21 tuần tuổi	7901	54:2009/DH	
237	Thức ăn hỗn hợp bò sữa các giai đoạn	5979	61:2009/DH	
238	Thức ăn đậm đặc gà thịt từ 1 ngày tuổi tới xuất chuồng	8080	70:2009/DH	
239	Thức ăn hỗn hợp gà thịt thả vườn từ 43 ngày tới xuất chuồng	6940	71:2009/DH	
	Công ty TNHH DSM Nutritional Products Việt Nam Địa chỉ: 26 Đại Lộ Độc Lập, KCN Việt Nam – Singapore, Thuận An, Bình Dương. Tel: 0650 3758 432. Fax: 06503758 442.			
240	ROVIMIX 6288 - VITAMIN CONCENTRATE (Premix Vitamin cho gà)	VN10040377	DNPV.BD 042/11	
241	ROVIMIX 8188 - VITAMIN CONCENTRATE (Premix Vitamin cho heo)	VN10041377	DNPV.BD 043/11	
242	ROVIMIX 6188 PLUS - VITAMIN CONCENTRATE (Premix Vitamin cho gà)	VN10042377	DNPV.BD 044/11	
243	VITAMIN PREMIX 4475 (Premix Vitamin cho heo)	VN10119377	DNPV.BD 047/11	
244	VITAMIN PREMIX 4474 (Premix Vitamin cho heo)	VN10147377	DNPV.BD 048/11	
245	VITAMIN PREMIX 50840 (Premix vitamin cho gia cầm)	VN10178377	DNPV.BD 050/11	
246	PREMIX 4 (Premix Vitamin cho gia cầm đẻ)	VN10179377	DNPV.BD 107/10	
247	4200 A (Premix Vitamin cho heo)	VN10306377	DNPV.BD 069/11	
248	4200B (Premix vitamin cho gà thịt)	VN10307377	DNPV.BD 070/11	
249	4200 C (Premix vitamin cho gia cầm đẻ)	VN10308377	DNPV.BD 071/11	
250	4200 F (Premix vitamin cho bò)	VN10309377	DNPV.BD 072/11	
251	4200 H (Premix Vitamin cho heo)	VN10310377	DNPV.BD 073/11	
252	VITAMIN TX300 (Premix Vitamin cho heo)	VN10329377	DNPV.BD 095/11	
253	VITAMIN TX301	VN10332377	DNPV.BD 096/11	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
	(Premix vitamin cho vịt)			
254	VITAMIN TX101 (Premix vitamin cho vịt)	VN10333377	DNPV.BD 097/11	
255	ROVIMIX MAXICHICK (Premix cung cấp vitamin, sắc tố cho gia cầm)	VN10347377	DNPV.BD 098/11	
256	LAYER VITAMIN PREMIX	VN10353377	DNPV.BD 111/11	
257	VITAMIN PREMIX 810 (Premix Vitamin cho heo)	VN15002377	DNPV.BD 052/11	
258	VITAMIN PREMIX 820 (Premix Vitamin cho heo)	VN15003377	DNPV.BD 053/11	
259	CAROPHYLL RED 1% PREMIX (Premix cung cấp sắc tố cho gia cầm)	VN15018377	DNPV.BD 103/09	
260	CAROPHYLL YELLOW 1% PREMIX (Premix cung cấp sắc tố cho gia cầm)	VN15019377	DNPV.BD 104/09	
261	HY.D PREMIX (1KG/TON) (Premix cung cấp vitamin cho gia súc, gia cầm)	VN15132377	DNPV.BD 001/09	
262	PIG BREEDER VITAMIN (Premix vitamin cho heo giống)	VN15148377	DNPV.BD 005/11	
263	CARRED - CANTHAXANTHIN 0.2% (Premix cung cấp sắc tố cho gia cầm)	VN15160377	DNPV.BD 012/07	
264	PIGLET VITAMIN (Premix vitamin cho heo con)	VN15214377	DNPV.BD 006/11	
265	VITAMIN PREMIX 50484 (Premix vitamin cho gia cầm)	VN15252377	DNPV.BD 054/11	
266	PV QUAIL CODE 157 (Premix vitamin cho cút)	VN15260377	DNPV.BD 029/11	
267	PV BROILER CODE 166 (Premix vitamin cho gà thịt)	VN15261377	DNPV.BD 030/11	
268	PV LAYER CODE 155 (Premix vitamin cho gà đẻ)	VN15262377	DNPV.BD 031/11	
269	PV DUCK LAYER CODE 167 (Premix vitamin cho vịt đẻ)	VN15263377	DNPV.BD 032/11	
270	PV PIG CODE 161 (Premix Vitamin cho heo)	VN15264377	DNPV.BD 033/11	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
271	SB PIG GROWER - NO ANTIBIOTICS (Premix vitamin cho heo choai)	VN15277377	DNPV.BD 005/10	
272	BTNHYD - Biotin Hy.D (CHAN MONG DB) (Premix Vitamin cho heo)	VN15279377	DNPV.BD 042/08	
273	LAYER VITAMIN	VN15297377	DNPV.BD 078/10	
274	PS /ST SWINE VITAMIN (Premix Vitamin cho heo)	VN15298377	DNPV.BD 079/10	
275	GW /FN SWINE VITAMIN (Premix Vitamin cho heo)	VN15299377	DNPV.BD 080/10	
276	STARGRO 1012V (Premix Vitamin cho heo)	VN15316377	DNPV.BD 011/10	
277	SW GROWER VIT (Premix Vitamin cho heo)	VN15323377	DNPV.BD 007/11	
278	BROILER GROWER VITAMIN (Premix vitamin cho gà thịt)	VN15326377	DNPV.BD 014/11	
279	SW GROWER VIT (Premix Vitamin cho heo)	VN15327377	DNPV.BD 008/11	
280	CM 3136 (Premix Vitamin cho heo)	VN15335377	DNPV.BD 009/11	
281	BROILER STARTER VITAMIN 0910 (Premix vitamin cho gà thịt)	VN15336377	DNPV.BD 015/11	
282	PIGLET VITAMIN (NO COLIS.) (Premix vitamin cho heo con)	VN15342377	DNPV.BD 004/11	
283	BROILER VITAMIN (Premix vitamin cho gà thịt)	VN15343377	DNPV.BD 055/11	
284	LAYER VITAMIN (Premix vitamin cho gà đẻ)	VN15345377	DNPV.BD 056/11	
285	BIOTIN 0.02% (Premix cung cấp Biotin cho gia súc, gia cầm)	VN15347377	DNPV.BD 077/11	
286	VITAMIN PREMIX 8 (Premix Vitamin cho heo)	VN15348377	DNPV.BD 089/11	
287	VITAMIN FOR GESTATION / LACTATION (Premix Vitamin cho heo)	VN15349377	DNPV.BD 099/11	
288	MINERAL PREMIX 51085 (Premix khoáng cho gà)	VN20077377	DNPV.BD 058/11	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
289	MINERAL PREMIX 4477 (Premix khoáng cho heo)	VN20079377	DNPV.BD 059/11	
290	SWINE MINERAL (Premix khoáng cho heo)	VN20086377	DNPV.BD 082/10	
291	PREMIX KHOANG (Premix khoáng cho heo)	VN20093377	DNPV.BD 113/10	
292	STARGRO 2012M (Premix khoáng cho heo)	VN20099377	DNPV.BD 017/10	
293	MINERAL PREMIX 2122 (Premix khoáng cho gà)	VN20111377	DNPV.BD 045/11	
294	MINERAL PREMIX 2125 (Premix khoáng cho gà)	VN20112377	DNPV.BD 046/11	
295	4300 A (Premix khoáng cho heo)	VN20119377	DNPV.BD 078/11	
296	4300 C (Premix khoáng cho heo nái)	VN20121377	DNPV.BD 080/11	
297	4300 G (Premix khoáng cho bò sữa)	VN20123377	DNPV.BD 082/11	
298	SB - MINERAL C/S (Premix khoáng cho heo con)	VN20125377	DNPV.BD 100/11	
299	BROILER MINERAL Premix khoáng cho gà thịt)	VN20134377	DNPV.BD 060/11	
300	LAYER MINERAL (Premix khoáng cho gà đẻ)	VN20135377	DNPV.BD 061/11	
301	MINERAL PREMIX 4477 (Premix khoáng cho heo)	VN20245377	DNPV.BD 086/11	
302	MINERAL MT201 (Premix khoáng cho heo)	VN20248377	DNPV.BD 101/11	
303	MINERAL MT101 (Premix khoáng cho vịt)	VN20250377	DNPV.BD 109/11	
304	MINERAL MT301 (Premix khoáng cho vịt)	VN20251377	DNPV.BD 102/11	
305	LAYER MINERAL PREMIX (Premix khoáng cho gà đẻ)	VN20265377	DNPV.BD 112/11	
306	SELENIUM 1% PREMIX (Premix cung cấp Selen cho gia súc, gia cầm)	VN25023377	DNPV.BD 192/10	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
307	ORGANIC CHROMIUM 400PPM(CUST.1950) (Premix cung cấp Crôm cho gia súc, gia cầm)	VN25053377	DNPV.BD 009/07	
308	CARGILL 105 - MINERAL PREMIX (Premix khoáng cho heo)	VN25058377	DNPV.BD 063/11	
309	BROILER BREEDER MINERAL (Premix khoáng cho gà thịt)	VN25087377	DNPV.BD 020/11	
310	PIGLET MINERAL SE (Premix khoáng cho heo con)	VN25130377	DNPV.BD 017/11	
311	PIG BREEDER MINERAL (Premix khoáng cho heo giống)	VN25134377	DNPV.BD 018/11	
312	ORGANIC CHROMIUM 0.04% (Premix cung cấp Crôm cho gia súc, gia cầm)	VN25159377	DNPV.BD 017/09	
313	SW GROWER MIN (Premix khoáng cho heo)	VN25164377	DNPV.BD 019/11	
314	PM BROILER CODE 153 (Premix khoáng cho gà thịt)	VN25196377	DNPV.BD 034/11	
315	PM PIG CODE 169 (Premix khoáng cho heo)	VN25197377	DNPV.BD 035/11	
316	SB PIG GROWER MIN (Premix khoáng cho heo choai)	VN25199377	DNPV.BD 019/10	
317	PM PIG CODE 169 VERSION B (Premix khoáng cho heo)	VN25222377	DNPV.BD 040/11	
318	CUSTOMIX 111-PIG STARTER WEANER PREMIX (Premix vitamin và khoáng chất cho lợn con)	VN30046377	DNPV.BD 020/10	
319	CUSTOMIX 555-PIG BREEDER PREMIX (Premix vitamin và khoáng chất cho lợn nái)	VN30048377	DNPV.BD 021/10	
320	CUSTOMIX 888-CHICKEN BROILER PREMIX (Premix vitamin và khoáng chất cho gà thịt)	VN30049377	DNPV.BD 022/10	
321	PTC1 - CM2033 (PULLET PREMIX) (Premix vitamin và khoáng chất cho gà con)	VN30110377	DNPV.BD 023/10	
322	PTC2-CM2034 CHICKEN BREEDER PREMIX (Premix vitamin và khoáng chất cho gà đẻ trứng)	VN30111377	DNPV.BD 024/10	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
323	PIG GROWER PREMIX (Premix vitamin và khoáng chất cho heo)	VN30234377	DNPV.BD 115/10	
324	PIG FINISHER PREMIX (Premix vitamin và khoáng chất heo)	VN30235377	DNPV.BD 116/10	
325	BROILER PREMIX (Premix vitamin và khoáng chất cho gà thịt)	VN30237377	DNPV.BD 112/10	
326	PIG STARTER PREMIX (Premix vitamin và khoáng chất cho heo con)	VN30240377	DNPV.BD 117/10	
327	SOBEMIX 61 (DAIRY COW PREMIX) (Premix vitamin và khoáng chất cho bò sữa)	VN30299377	DNPV.BD 025/10	
328	MỎ NAI CHUA (Premix vitamin và khoáng chất cho heo nái)	VN30446377	DNPV.BD 118/10	
329	LAYING DUCK PREMIX (Premix vitamin và khoáng chất cho vịt đẻ)	VN30493377	DNPV.BD 119/10	
330	TH333 - PIG FINISHER PREMIX (Premix vitamin và khoáng chất cho lợn thịt)	VN30555377	DNPV.BD 027/10	
331	PIG GROWER PREMIX (Premix vitamin và khoáng chất cho heo thịt)	VN30635377	DNPV.BD 121/10	
332	VITAMIN MINERAL PREMIX (10) (Premix vitamin và khoáng chất cho heo)	VN30643377	DNPV.BD 066/11	
333	VITAMIN MINERAL PREMIX (8) (Premix vitamin và khoáng chất heo)	VN30644377	DNPV.BD 009/08	
334	PV - PIG PREMIX (Premix vitamin và khoáng cho lợn choai)	VN30755377	DNPV.BD 028/10	
335	E-SEL (Premix vitamin khoáng cho heo)	VN30847377	DNPV.BD 030/10	
336	PV - PIG PREMIX (Premix vitamin và khoáng cho lợn choai)	VN30863377	DNPV.BD 031/10	
337	SUPER RED - GAIN SE (Premix vitamin và khoáng chất cho heo)	VN30868377	DNPV.BD 032/10	
338	RO1186 - HH HEO DELICE (Premix vitamin và khoáng chất cho heo con)	VN30869377	DNPV.BD 083/10	
339	LAYING DUCK PREMIX (Premix vitamin và khoáng chất cho vịt đẻ)	VN30895377	DNPV.BD 025/11	
340	VINA 001(PIG STARTER PREMIX) (Premix vitamin và khoáng chất cho heo con)	VN30905377	DNPV.BD 033/10	
341	VINA 002 (PIG GROWER PREMIX) (Premix vitamin và khoáng chất cho heo thịt)	VN20248377	DNPV.BD 034/10	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
342	VINA 003 (PIG PRESTARTER) (Premix vitamin và khoáng chất cho con tập ăn)	VN30907377	DNPV.BD 035/10	
343	CUSTOMIX 666 - VIT DE (Premix vitamin và khoáng chất cho vịt đẻ)	VN30909377	DNPV.BD 036/10	
344	CUSTOMIX 668 - VIT SIEU THIT (Premix vitamin và khoáng chất cho vịt siêu thịt)	VN30910377	DNPV.BD 037/10	
345	PX CATTLE CODE 159 (Premix vitamin và khoáng chất cho bò)	VN30922377	DNPV.BD 036/11	
346	PX BREEDER CODE 154 (Premix vitamin và khoáng chất cho gia cầm giống)	VN30929377	DNPV.BD 037/11	
347	PX SOW CODE 168 (Premix vitamin và khoáng chất cho heo nái)	VN30930377	DNPV.BD 038/11	
348	BROILER PREMIX (Premix vitamin và khoáng chất cho gà thịt)	VN30931377	DNPV.BD 038/10	
349	LAYER PREMIX (Premix vitamin và khoáng chất cho gà đẻ)	VN30932377	DNPV.BD 039/10	
350	PIG STARTER PREMIX (Premix vitamin và khoáng chất cho lợn con)	VN30934377	DNPV.BD 040/10	
351	SOBEMIX 10 (PIG STARTER PREMIX) (Premix vitamin và khoáng chất cho heo con giống)	VN30954377	DNPV.BD 041/10	
352	SOBEMIX 11(PIG GROWER PREMIX) (Premix vitamin và khoáng chất cho heo)	VN30955377	DNPV.BD 042/10	
353	SOBEMIX 12(PIG FINISHER PREMIX) (Premix vitamin và khoáng chất cho heo)	VN30956377	DNPV.BD 043/10	
354	SOBEMIX 13 (PIG BREEDER PREMIX) (Premix vitamin và khoáng chất cho heo giống)	VN30958377	DNPV.BD 044/10	
355	SOBEMIX 21 (LAYER PREMIX) (Premix vitamin và khoáng chất cho gà đẻ)	VN30960377	DNPV.BD 045/10	
356	SOBEMIX 22 (BROILER CHICKEN PREMIX) (Premix vitamin và khoáng chất cho gà trống hướng thịt)	VN30961377	DNPV.BD 046/10	
357	SOBEMIX 31(QUAIL PREMIX) (Premix vitamin và khoáng chất cho gia cầm đẻ)	VN30963377	DNPV.BD 047/10	
358	SOBEMIX 40 (DUCK MEAT PREMIX) (Premix vitamin và khoáng chất cho vịt)	VN30977377	DNPV.BD 049/10	
359	THAVIMIX - 0042 (BROILER PREMIX) (Premix tổng hợp gia cầm thịt)	VN30980377	DNPV.BD 122/10	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
360	THAVIMIX - 1665 (LAYING PREMIX) (Premix tổng hợp gia cầm đẻ)	VN30982377	DNPV.BD 123/10	
361	THAVIMIX - 5100 (SWINE PREMIX) (Premix tổng hợp heo thịt)	VN30983377	DNPV.BD 124/10	
362	THAVIMIX - SGL (SWINE BREEDER PREMIX) (Premix tổng hợp heo nái)	VN30988377	DNPV.BD 125/10	
363	PREMIX 1 (Premix vitamin và khoáng chất cho gia cầm thịt)	VN31007377	DNPV.BD 126/10	
364	PREMIX 2 (Premix vitamin và khoáng chất cho heo)	VN31008377	DNPV.BD 127/10	
365	PREMIX 3 (Premix vitamin và khoáng chất cho heo)	VN31011377	DNPV.BD 128/10	
366	LAYER PREMIX (Premix vitamin và khoáng chất cho gà đẻ)	VN31012377	DNPV.BD 144/10	
367	SOBEMIX 22 - BROILER CHICKEN PREMIX (Premix vitamin và khoáng chất cho gà con)	VN31030377	DNPV.BD 053/10	
368	SOBEMIX 41 - LAYER DUCK PREMIX (Premix vitamin và khoáng chất cho vịt đẻ giống)	VN31031377	DNPV.BD 054/10	
369	PIG PREMIX YA10 (Premix vitamin và khoáng chất cho lợn con)	VN31035377	DNPV.BD 055/10	
370	PIG PREMIX YA11 (Premix vitamin và khoáng chất cho lợn thịt)	VN31036377	DNPV.BD 056/10	
371	BROILER PREMIX YA12 (Premix vitamin và khoáng chất cho gà thịt)	VN31044377	DNPV.BD 058/10	
372	POULTRY CM01 (Premix vitamin và khoáng chất cho gà con)	VN31051377	DNPV.BD 177/09	
373	POULTRY CM02 (Premix vitamin và khoáng chất cho gà đẻ)	VN31052377	DNPV.BD 178/09	
374	POULTRY CM03 (Premix vitamin và khoáng chất cho đà điểu)	VN31053377	DNPV.BD 179/09	
375	PIG CM04 (Premix vitamin và khoáng chất cho heo)	VN31054377	DNPV.BD 076/09	
376	PIG CM05 (Premix vitamin và khoáng chất cho heo)	VN31055377	DNPV.BD 080/09	
377	PIG CM06 (Premix vitamin và khoáng chất cho heo)	VN31056377	DNPV.BD 180/09	
378	ST PIG PREMIX (Premix đặc biệt chuyên dùng cho lợn trại)	VN31057377	DNPV.BD 062/10	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
379	PREMIX KHOANG DB CHO HEO CON (Premix khoáng DB cho heo con)	VN31075377	DNPV.BD 063/10	
380	HH BROILER (Premix vitamin và khoáng chất cho gia cầm thịt)	VN31084377	DNPV.BD 064/10	
381	HH LAYER (Premix vitamin và khoáng chất cho gia cầm đẻ)	VN31085377	DNPV.BD 065/10	
382	HH PIG STARTER (Premix vitamin và khoáng chất cho lợn thịt)	VN31087377	DNPV.BD 194/10	
383	PREMIX VITAMIN DB CHO HEO CON (Premix vitamin DB cho heo con)	VN31089377	DNPV.BD 066/10	
384	KHOANG DB HEO THIT (Premix vitamin và khoáng chất cho heo thịt)	VN31107377	DNPV.BD 067/10	
385	RO 1183 - HH HEO DELICE B (Premix vitamin và khoáng chất cho heo con)	VN31108377	DNPV.BD 084/10	
386	RO 107X - HH HEO DELICE A (Premix vitamin và khoáng chất cho heo con)	VN31111377	DNPV.BD 085/10	
387	RO157X - HEO LAI (Premix vitamin và khoáng chất cho heo lai)	VN31114377	DNPV.BD 086/10	
388	RO1961 - DD HEO THIT (Premix DB cho heo thịt)	VN31115377	DNPV.BD 087/10	
389	RO1268 - HH HEO THIT (Premix vitamin và khoáng chất cho heo thịt)	VN31117377	DNPV.BD 089/10	
390	RO1677- HH HEO NAI (Premix vitamin và khoáng chất cho heo nái)	VN31118377	DNPV.BD 090/10	
391	RO 2763 - DD GA THIT (Premix vitamin và khoáng chất cho gà thịt)	VN31119377	DNPV.BD 091/10	
392	RO 287X - DD GA DE (Premix vitamin và khoáng chất cho gà đẻ)	VN31120377	DNPV.BD 092/10	
393	RO 2765 - DD GA THIT (Premix vitamin và khoáng chất cho gà thịt)	VN31121377	DNPV.BD 093/10	
394	RO2265 - HH GA THIT GROWER (Premix vitamin và khoáng chất cho gà thịt)	VN31122377	DNPV.BD 094/10	
395	RO2185 - HH GA THIT STARTER (Premix vitamin và khoáng chất cho gà thịt)	VN31123377	DNPV.BD 095/10	
396	RO2186 - HH GA THIT STARTER (Premix vitamin và khoáng chất cho gà thịt)	VN31124377	DNPV.BD 096/10	
397	RO2266 - HH GA THIT GROWER	VN31125377	DNPV.BD 097/10	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
398	RO2766 - DD GA THIT (Premix vitamin và khoáng chất cho gà thịt)	VN31126377	DNPV.BD 098/10	
399	RO649X - VIT DE (Premix vitamin và khoáng chất cho vịt đẻ)	VN31128377	DNPV.BD 100/10	
400	RO 2183 - HH GA THIT STARTER (Premix vitamin và khoáng chất cho gà thịt)	VN31129377	DNPV.BD 101/10	
401	RO 2183 - HH GA THIT STARTER (Premix vitamin và khoáng chất cho gà thịt)	VN31129377	DNPV.BD 102/10	
402	RO 3465 - HH CUT (Premix vitamin và khoáng chất cho cút)	VN31132377	DNPV.BD 103/10	
403	PREMIX DB CHO HEO NAI GIONG (Premix vitamin và khoáng chất cho heo nái giống)	VN31141377	DNPV.BD 068/10	
404	THAVIMIX BM1530 (Premix tổng hợp heo thịt giai đoạn 15-30 kg)	VN31147377	DNPV.BD 132/10	
405	VITAMIN DB HEO XUAT CHUONG (Premix vitamin và khoáng chất cho heo xuất chuồng)	VN31149377	DNPV.BD 070/10	
406	VITAMIN DB HEO TANG TRUONG (Premix vitamin và khoáng chất cho heo tăng trưởng)	VN31150377	DNPV.BD 071/10	
407	RO 1262 - HH HEO CON (Premix vitamin và khoáng chất cho heo con)	VN31156377	DNPV.BD 104/10	
408	RO 1266 - HH HEO CON Premix vitamin và khoáng chất cho heo con)	VN31157377	DNPV.BD 105/10	
409	MEAT DUCK PREMIX (Premix vitamin và khoáng chất cho vịt thịt)	VN31159377	DNPV.BD 027/11	
410	PREMIX PIGLET CODE 163 VERSION 02 (Premix vitamin và khoáng chất cho heo con)	VN31163377	DNPV.BD 039/11	
411	VITAMIN DB HEO XUAT CHUONG (NO ANTIBIO.) (Premix vitamin và khoáng chất cho heo)	VN31167377	DNPV.BD 103/11	
412	PREMIX DB GA DE - NO ANTIBIOTIC (Premix vitamin và khoáng chất cho gà đẻ)	VN31172377	DNPV.BD 001/10	
413	PREMIX DB VIT THIT - NO ANTIBIOTIC (Premix vitamin và khoáng chất cho vịt thịt)	VN31173377	DNPV.BD 104/11	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
414	RO 2183 - HH GA THIT STARTER (Premix vitamin và khoáng chất cho gà thịt)	VN31129377	DNPV.BD 195/10	
415	PREMIX DB VIT DE - NO ANTIBIOTIC (Premix vitamin và khoáng chất cho vịt đẻ)	VN31175377	DNPV.BD 074/10	
416	PREMIX DB VIT THIT (Premix vitamin và khoáng chất cho vịt thịt)	VN31176377	DNPV.BD 002/10	
417	RO 2183 - HH GA THIT STARTER (Premix vitamin và khoáng chất cho gà thịt)	VN31129377	DNPV.BD 075/10	
418	CUSTOMIX 07 (Premix vitamin và khoáng chất cho vịt)	VN31180377	DNPV.BD 076/10	
419	THAVIMIX 0045 - BROILER PREMIX (Premix tổng hợp gia cầm thịt)	VN31183377	DNPV.BD 136/10	
420	HV PREMIX (Premix Vitamin và khoáng chất cho lợn thịt)	VN31185377	DNPV.BD 003/10	
421	PREMIX DH700 (Premix vitamin và khoáng chất cho bò)	VN31205377	DNPV.BD 161/10	
422	PREMIX DH100 (Premix vitamin và khoáng chất cho heo)	VN31216377	DNPV.BD 197/10	
423	PREMIX DH200 (Premix vitamin và khoáng chất cho heo)	VN31217377	DNPV.BD 198/10	
424	PREMIX DH300 (Premix vitamin và khoáng chất cho heo)	VN31218377	DNPV.BD 199/10	
425	PREMIX DH400 (Premix vitamin và khoáng chất cho vịt)	VN31219377	DNPV.BD 200/10	
426	PREMIX DH500 (Premix vitamin và khoáng chất cho gà)	VN31220377	DNPV.BD 201/10	
427	RO 1261 - HH HEO CON (Premix vitamin và khoáng chất cho heo con)	VN31221377	DNPV.BD 106/10	
428	PREMIX VITAMIN DB CHO HEO CON (N) (Premix vitamin DB cho heo con)	VN31256377	DNPV.BD 202/10	
429	BROILER PREMIX LH P01 (Premix vitamin và khoáng cho gia cầm thịt)	VN31257377	DNPV.BD 175/10	
430	PREMIX DH700 (Premix vitamin và khoáng chất cho bò)	VN31262377	DNPV.BD 196/10	
431	RO 2183 - HH GA THIT STARTER (Premix vitamin và khoáng chất cho gà thịt)	VN31129377	DNPV.BD 001/11	
432	LAYER (Premix vitamin và khoáng chất cho gà đẻ)	VN31281377	DNPV.BD 002/11	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
433	DUCK (Premix vitamin và khoáng chất cho vịt)	VN31282377	DNPV.BD 003/11	
434	KEDIMIX-GS Plex (Premix khoáng hữu cơ cho heo nái)	VN31283377	DNPV.BD 065/11	
435	YA12 NEW - PREMIX DUNG CHO GIA CAM THIT (Premix vitamin và khoáng chất cho gia cầm thịt)	VN31297377	DNPV.BD 105/11	
436	KEDIMIX - SGL (SWINE BREEDER PREMIX) (Premix tổng hợp cho heo nái)	VN31298377	DNPV.BD 067/11	
437	KA PIG PREMIX (Premix vitamin khoáng cho lợn thịt)	VN31305377	DNPV.BD 090/11	
438	THAVIMIX V1530 (Premix vitamin và khoáng chất heo thịt)	VN31311377	DNPV.BD 110/11	
439	3 - NITRO 50% (Premix phòng cầu trùng cho gia súc, gia cầm)	VN80011377	DNPV.BD 141/10	
440	MANDURICOX 1% (Premix phòng cầu trùng cho gia súc, gia cầm)	VN80017377	DNPV.BD 142/10	
441	SALINOCOX 12% (Premix phòng cầu trùng cho gia súc, gia cầm)	VN80018377	DNPV.BD 203/10	
442	SOBERED (Premix phòng cầu trùng cho gia súc, gia cầm)	VN80045377	DNPV.BD 153/09	
443	SOBE – NITRO (Premix phòng cầu trùng cho gia súc, gia cầm)	VN80085377	DNPV.BD 060/08	
444	SALINOCOX 12% (Premix phòng cầu trùng cho gia súc, gia cầm)	VN80098329	DNPV.BD 093/11	
	Công ty TNHH Guyomarc'h Việt Nam Địa chỉ: Ấp 1B, xã An Phú, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương. Điện thoại: 0650.3740.414. Fax: 0650.3740.615.			
445	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho heo con từ 07kg – 08kg	Jolie 1	04:2011/GUYO-VN	
446	Thức ăn hỗn hợp dạng bột và dạng viên cho heo con từ 08kg – 15kg	Jolie 2	05:2011/GUYO-VN	
447	Thức ăn đậm đặc dạng bột cho heo thịt từ 15kg – xuất chuồng	Boss 1	06:2011/GUYO-VN	
448	Thức ăn đậm đặc dạng bột cho heo thịt từ sau cai sữa – xuất chuồng	Boss 9999	07:2011/GUYO-VN	
449	Thức ăn hỗn hợp dạng bột và dạng viên cho heo thịt từ 15kg - 30kg	Boss-110	08:2011/GUYO-VN	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
450	Thức ăn hỗn hợp dạng bột và dạng viên cho heo thịt từ 30kg – 60kg	Boss-112	09:2011/GUYO-VN	
451	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho heo thịt từ 60kg – xuất chuồng	Boss-114	10:2011/GUYO-VN	
452	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho heo thịt từ 15kg - 50kg	Boss Phôi	11:2011/GUYO-VN	
453	Thức ăn đậm đặc dạng bột cho heo nái chữa	M-16	12:2011/GUYO-VN	
454	Thức ăn hỗn hợp dạng bột & viên cho heo nái chữa	M-116	13:2011/GUYO-VN	
455	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho heo nái chữa và đẻ giống	GUYO-Vạn Năng	14:2011/GUYO-VN	
456	Thức ăn đậm đặc dạng bột cho heo nái nuôi con	M-18	15:2011/GUYO-VN	
457	Thức ăn hỗn hợp dạng bột & viên cho heo nái nuôi con	M-118	16:2011/GUYO-VN	
458	Thức ăn hỗn hợp dạng mảnh cho gà màu từ 01 ngày tuổi đến 28 ngày tuổi	CK 222	17:2011/GUYO-VN	
459	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho gà màu từ 29 ngày tuổi đến xuất chuồng	CK 224	18:2011/GUYO-VN	
460	Thức ăn hỗn hợp dạng mảnh cho gà con siêu thịt từ 01 ngày tuổi đến 21 ngày tuổi	CK 242	19:2011/GUYO-VN	
461	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho gà siêu thịt từ 22 ngày tuổi đến 42 ngày tuổi	CK 262	20:2011/GUYO-VN	
462	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho gà siêu thịt từ 43 ngày tuổi đến xuất chuồng	CK 282	21:2011/GUYO-VN	
463	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt đẻ siêu trứng	DK 777	22:2011/GUYO-VN	
464	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt con từ 01 ngày tuổi đến 21 ngày tuổi	DK 722	23:2011/GUYO-VN	
465	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt thịt từ 22 ngày tuổi đến xuất chuồng	DK 724	24:2011/GUYO-VN	
466	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt hậu bị từ 13 tuần tuổi đến 26 tuần tuổi	DK 726	25:2011/GUYO-VN	
467	Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho cú đẻ	QL 555	26:2011/GUYO-VN	
	Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Hà An Địa chỉ: Thị trấn Uyên Hưng, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Điện thoại: 0650.3641.614. Fax: 0650.36541254.			

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
468	Thức ăn đậm đặc dạng bột cho heo thịt từ tập ăn đến xuất chuồng	HANCO700S, X-TREME 900S	HA.BD 01/05	
469	Thức ăn đậm đặc cho heo thịt từ tập ăn đến xuất chuồng	HANCO 9630S	HA.BD 01/06	
470	Thức ăn đậm đặc dạng bột cho heo thịt từ tập ăn đến xuất chuồng	VISA 450, SOLA250, SONY 850	HA.BD 01/07	
471	Thức ăn hỗn hợp đậm đặc dạng bột cho gà từ mới nở đến xuất chuồng	HANCO 742, VISA 442, SOLA 242, SONY 842	HA.BD 01/09	
472	Thức ăn đậm đặc dạng bột cho heo thịt từ tập ăn đến xuất chuồng	HANCO710 S, X-TREME910S,	HA.BD 02/05	
473	Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho heo lai nuôi thịt từ 60kg đến xuất chuồng.	HANCO Tạo Nạc	HA.BD 02/06	
474	Thức ăn đậm đặc dạng bột cho heo thịt từ tập ăn đến xuất chuồng	VISA 448, SOLA248, SONY 848	HA.BD 02/07	
475	Thức ăn đậm đặc dạng bột cho heo thịt từ tập ăn đến xuất chuồng	HANCO720S, X-TREME 920S	HA.BD 03/05	
476	Thức ăn đậm đặc cho heo thịt từ tập ăn đến xuất chuồng	HANCO 9600 S	HA.BD 03/06	
477	Thức ăn đậm đặc dạng bột cho heo thịt từ tập ăn đến xuất chuồng	VISA 446, SOLA246, SONY 846	HA.BD 03/07	
478	Thức ăn đậm đặc dạng bột cho heo nái mang thai và nuôi con	HANCO730, X-TREME930,	HA.BD 04/05	
479	Thức ăn đậm đặc dạng bột cho nái mang thai và nái nuôi con	VISA 438, SOLA238, SONY 838	HA.BD 04/07	
480	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho heo con tập ăn từ 7 ngày tuổi đến 7kg	HANCO740, X-TREME940	HA.BD 05/05	
481	Thức ăn đậm đặc dạng bột cho heo từ tập ăn đến xuất chuồng.	VISA 440, SOLA240, SONY 840	HA.BD 05/07	
482	Thức ăn hỗn hợp cho heo con sau cai sữa từ 7 ngày đến 15kg (dạng bột hoặc viên)	HANCO750, X-TREME950	HA.BD 06/05	
483	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho heo con từ 7 ngày tuổi đến 7 kg	VISA 422, SOLA222, SONY 822	HA.BD 06/07	
484	Thức ăn hỗn hợp cho heo thịt từ 15kg đến 30 kg(dạng bột hoặc viên)	HANCO760, X-TREME960	HA.BD 07/05	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
485	Thức ăn hỗn hợp dạng bột (viên) cho heo con từ 7 ngày tuổi đến 15 kg	VISA 420, SOLA220, SONY 820	HA.BD 07/07	
486	Thức ăn hỗn hợp cho heo thịt từ 30kg đến 60 kg(dạng bột hoặc viên)	HANCO770, X- TREME970	HA.BD 08/05	
487	Thức ăn hỗn hợp dạng bột (viên) cho heo con từ 15 kg đến 30kg	VISA 417, SOLA217, SONY 817	HA.BD 08/07	
488	Thức ăn hỗn hợp cho heo thịt từ 60 kg đến xuất chuồng(dạng bột hoặc viên)	HANCO780, X- TREME980	HA.BD 09/05	
489	Thức ăn hỗn hợp dạng bột (viên) cho heo thịt từ 30 kg đến 60kg	VISA 415, SOLA215, SONY 815	HA.BD 09/07	
490	Thức ăn hỗn hợp dạng bột (viên) cho heo thịt từ 60 kg đến xuất chuồng	VISA 413, SOLA213, SONY 213	HA.BD 10/07	
491	Thức ăn hỗn hợp dạng bột (viên) cho heo thịt từ 50kg đến xuất chuồng	VISA Tạo Nạc, SOLA Tạo Nạc, SONY Tạo Nạc	HA.BD 11/07	
492	Thức ăn hỗn hợp dạng bột (viên) cho nái nuôi con.	VISA 416N, SOLA 216N, SONY 816N.	HA.BD 12/07	
493	Thức ăn hỗn hợp dạng bột (viên) cho nái lai nuôi con	VISA 415N, SOLA 215N, SONY 215N.	HA.BD 13/07	
494	Thức ăn hỗn hợp dạng bột (viên) cho nái mang thai	VISA 414N, SOLA 214N, SONY 814N.	HA.BD 14/07	
495	Thức ăn hỗn hợp dạng bột (viên) cho heo lai từ 15kg đến 30 kg	VISA 416, SOLA 216, SONY 816	HA.BD 15/07	
496	Thức ăn hỗn hợp dạng bột (viên) cho heo lai từ 30 kg đến 60 kg	VISA 414, SOLA 214, SONY 814.	HA.BD 16/07	
497	Thức ăn hỗn hợp dạng bột (viên) cho heo lai từ 60 kg đến xuất chuồng	VISA 412, SOLA 212, SONY 812.	HA.BD 17/07	
498	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt đẻ hướng trứng.	HANCO 70, VISA 70, SOLA 70, SONY 70	HA.BD 18/07	
499	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt đẻ hướng trứng.	HANCO 74, VISA 74, SOLA 74, SONY 74	HA.BD 19/07	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
500	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt đẻ hướng thịt	HANCO 71, VISA 71, SOLA 71, SONY 71	HA.BD 20/07	
501	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt con từ 1 ngày tuổi đến 28 ngày	HANCO 72, VISA 72, SOLA 72, SONY 72	HA.BD 21/07	
502	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt thịt chạy đồng từ 28 ngày tuổi đến xuất	HANCO 73, VISA 73, SOLA 73, SONY 73	HA.BD 22/07	
503	Thức ăn hỗn hợp dạng bột (viên) cho bò sữa	HANCO90,VISA90,SOLA90	HA.BD 23/07	
504	Thức ăn hỗn hợp dạng bột (viên) cho bò thịt	HANCO91,VISA91,SOLA91	HA.BD 24/07	
505	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho gà đẻ trứng	HANCO 80, VISA 80, SOLA 80, SONY 80	HA.BD 25/07	
506	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho gà sinh sản hướng trứng	HANCO 84, VISA 84, SOLA 84, SONY 84	HA.BD 26/07	
507	Thức ăn hỗn hợp dạng mảnh cho gà con từ 1 ngày tuổi đến 28 ngày tuổi	HANCO 81, VISA 81, SOLA 81, SONY 81	HA.BD 27/07	
508	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho gà thịt thả vườn từ 5 tuần tuổi đến 8 tuần tuổi	HANCO 82, VISA 82, SOLA 82, SONY 82	HA.BD 28/07	
509	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho gà thịt thả vườn lớn hơn 8 tuần tuổi	HANCO 83, VISA 83, SOLA 83, SONY 83	HA.BD 29/07	
510	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt thịt chạy đồng	HANCO 75, VISA 75, SOLA 75, SONY 75	HA.BD 30/07	
	Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Hoàng Long Địa chỉ: Đường số 1, KCN Tân Đông Hiệp B, phường Tân Đông Hiệp, Tx. Dĩ An, Bình Dương. Tel: 06503.728255. Fax: 06503.728257.			
511	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo từ 15kg đến 30kg.	B*FEED 2100	HL.BD 01/06	
512	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo từ 30kg đến 60kg.	B*FEED 2200	HL.BD 02/06	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
513	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo từ 60kg đến xuất.	B*FEED 2300	HL.BD 03/06	
514	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo từ 30kg đến xuất.	B*FEED 2350	HL.BD 04/06	
515	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo nái khô, heo nọc	B*FEED 2400	HL.BD 05/06	
516	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo nái nuôi con	B*FEED 2500	HL.BD 06/06	
517	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt đẻ đặc biệt	ENZO 800	HL.BD 07/07	
518	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt đẻ giống bố mẹ	ENZO 800A	HL.BD 07/07	
519	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt con từ 1 đến 21 ngày tuổi	B*FEED 5200A	HL.BD 08/07	
520	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt con từ 1 đến 21 ngày tuổi	BIOMIX 6200	HL.BD 08/07	
521	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt con từ 1 đến 21 ngày tuổi	ENZO 801	HL.BD 08/07	
522	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt vỗ béo, vịt thịt từ 21 ngày tuổi đến xuất bán	B*FEED 5300A	HL.BD 09/07	
523	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt vỗ béo, vịt thịt từ 21 ngày tuổi đến xuất bán	BIOMIX 6300	HL.BD 09/07	
524	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt vỗ béo, vịt thịt từ 21 ngày tuổi đến xuất bán	ENZO 802	HL.BD 09/07	
525	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt đẻ đặc biệt	B*FEED 5100	HL.BD 11/06	
526	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt đẻ đặc biệt	BIOMIX 6100	HL.BD 12/06	
527	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt đẻ giống bố mẹ	BIOMIX 6100A	HL.BD 12/06	
528	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo từ 15kg đến 30kg.	BIOMIX 3301	HL.BD 13/05	
529	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo từ 30kg đến 60kg.	BIOMIX 3302	HL.BD 14/05	
530	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo từ 60kg đến xuất.	BIOMIX 3303	HL.BD 15/05	
531	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo từ 30kg đến xuất.	BIOMIX 3304	HL.BD 16/05	
532	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo nái khô, heo nọc	BIOMIX 3305	HL.BD 17/05	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
533	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt đẻ giống bố mẹ	B*FEED 5100A	HL.BD 17/07	
534	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo nái nuôi con	BIOMIX 3306	HL.BD 18/05	
	Công ty TNHH Kim Long Địa chỉ: Km 7, Lê Hồng Phong, Phú Hòa, Tx. Thủ Dầu Một, Bình Dương. Tel: 0650.8320065; Fax: 0650.3820845.			
535	Thức ăn hỗn hợp cho gà con siêu thịt từ 01-28 ngày tuổi	501-S, 9631S	001 Tg/08	
536	Thức ăn hỗn hợp cho gà con siêu thịt từ 01-28 ngày tuổi	501-A	001 Tg/09	
537	Thức ăn hỗn hợp cho heo từ 15-30 kg	A-15	001 Th/08	
538	Thức ăn đậm đặc cho heo sau cai sữa-xuất chuồng	1080	001 Th/09	
539	Thức ăn đậm đặc cho vịt đẻ	6030	001 Tv/09	
540	Thức ăn hỗn hợp cho gà siêu thịt từ 28 ngày tuổi-xuất	9632S, 502-S, 502-A	002 Tg/08	
541	Thức ăn hỗn hợp cho gà hậu bị từ 9-18 tuần tuổi	211	002 Tg/10	
542	Thức ăn hỗn hợp cho heo thịt từ 30-60kg	6, A-30	002 Th/08	
543	Thức ăn hỗn hợp cho gà đẻ trên 19 tuần tuổi	212	003 Tg/10	
544	Thức ăn hỗn hợp cho heo thịt từ 60-xuất chuồng	7	003 Th/08	
545	Thức ăn hỗn hợp cho vịt con siêu thịt từ 01-21 ngày tuổi	9641S	003 Tv/08	
546	Thức ăn hỗn hợp cho vịt đẻ trên 20 tuần tuổi	312	003 Tv/10	
547	Thức ăn hỗn hợp cho heo nái mang thai	10	004 Th/08	
548	Thức ăn hỗn hợp cho vịt đẻ giống	9647	004 Tv/08	
549	Thức ăn hỗn hợp cho vịt đẻ, ngan đẻ	R 05, R 05A	004 Tv/10	
550	Thức ăn hỗn hợp cho heo con tập ăn -15 kg	07-S, 9651, A-07	005 Th/08	
551	Thức ăn hỗn hợp cho vịt đẻ, ngan đẻ	Thức ăn hỗn hợp cho Vịt Tỷ	005 Tv/10	
552	Thức ăn đậm đặc cho heo nái mang thai và nái nuôi con	PH35S, 939-S, 9253, 939-A	006 Th/08	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
553	Thức ăn đậm đặc cho heo thịt sau cai sữa-xuất chuồng	PH38S, 9252, 929-S	007 Th/08	
554	Thức ăn đậm đặc cho heo thịt siêu nạc sau cai sữa-xuất chuồng	PH46-S, 9251, 919-S, A-09, 919-A	008 Th/08	
555	Thức ăn hỗn hợp cho heo giống 15-30 kg	01-S, 9052, 01-A	009 Th/08	
556	Thức ăn hỗn hợp cho heo từ 15 kg-30 kg	9055, PH20	010 Th/08	
557	Thức ăn hỗn hợp cho heo giống từ 30kg-trên 60 kg	9654, 03-S, 60-S, 9054, 9056, PH30	011 Th/08	
558	Thức ăn hỗn hợp cho gà từ 01 ngày tuổi-xuất	710-A, 710, 9633	012 Tg/08	
559	Thức ăn hỗn hợp cho heo từ 15-30 kg và nái nuôi con	D	013 Th/08	
560	Thức ăn hỗn hợp cho vịt từ 21 ngày tuổi -xuất	602, 9642	014 Tv/08	
561	Thức ăn hỗn hợp cho gà con từ 01-28 ngày tuổi	9631, 501	015 Tg/08	
562	Thức ăn hỗn hợp cho vịt đẻ	99, 999	015 Tv/08	
563	Thức ăn hỗn hợp cho heo giống từ 20-40 kg	150-S, 9655	016 Th/08	
564	Thức ăn hỗn hợp cho vịt con từ 01-21 ngày tuổi	9641, 901, 601	017 Tv/08	
565	Thức ăn hỗn hợp cho heo nái nuôi con	10-B, 9657	018 Th/08	
566	Thức ăn hỗn hợp cho heo hậu bị và nái mang thai	10-A, 9656	019 Th/08	
567	Thức ăn hỗn hợp cho vịt đẻ chạy đồng	9645, 9646, 3300, 603, 603-D, 603-T	020 Tv/08	
568	Thức ăn hỗn hợp cho vịt đẻ	905, 905-N, 905-T	021 Tv/08	
569	Thức ăn hỗn hợp cho gà thả vườn từ 28 ngày -xuất	5022	022 Tg/08	
570	Thức ăn hỗn hợp cho gà thả vườn từ 28 ngày -xuất	502	023 Tg/08	
571	Thức ăn hỗn hợp cho vịt	904	024 Tv/08	
572	Thức ăn hỗn hợp cho vịt đẻ chạy đồng	6033, 9644	025 Tv/08	
573	Thức ăn hỗn hợp cho heo giống 15-30 kg	15-S, 9652, PH15	026 Th/08	
574	Thức ăn hỗn hợp cho heo từ 30 kg - 60 kg	PH16, 02-S, 30-S, 9653, 9053, 02-A	027 Th/08	
575	Thức ăn hỗn hợp cho heo sau cai sữa	09-S	028 Th/09	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
576	Thức ăn hỗn hợp cho gà đẻ	509	029 Tg/08	
577	Thức ăn hỗn hợp cho gà thả vườn từ 28 ngày -xuất	9632	030 Tg/08	
578	Thức ăn hỗn hợp cho gà thịt vỗ béo	5033	032 Tg/08	
579	Thức ăn hỗn hợp cho gà thả vườn từ 01 ngày tuổi - xuất	506	035 Tg/08	
580	Thức ăn hỗn hợp cho heo từ 20-xuất chuồng	8	039 Th/08	
581	Thức ăn đậm đặc cho heo thịt sau cai sữa-xuất chuồng	9254	040 Th/08	
	Công ty TNHH Thức ăn gia súc Lái Thiêu Địa chỉ: 48B, Quốc lộ 13, phường Lái Thiêu, TX Thuận An, Bình Dương. Tel: 06503 754 159. Fax: 06503 743 292.			
582	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho heo con từ tập ăn đến 8kg (dạng bột, viên)	A10	LT.BD 001/08	
583	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo con tập ăn đến 15kg (dạng bột, viên)	A18	LT.BD 001/09	
584	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho heo con từ 8kg đến 15kg (dạng bột, viên)	A20	LT.BD 002/08	
585	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo con tập ăn đến 15kg (dạng bột, viên)	A	LT.BD 002/09	
586	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho heo từ 15kg đến 30kg (dạng bột, viên)	26	LT.BD 003/08	
587	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo từ 15kg đến 30kg (dạng bột, viên)	D	LT.BD 003/09	
588	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho heo từ 30kg đến 60kg (dạng bột, viên)	27	LT.BD 004/08	
589	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo từ 30kg đến 70kg (dạng bột, viên)	6	LT.BD 004/09	
590	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho heo từ 60kg đến xuất chuồng (dạng bột, viên)	28	LT.BD 005/08	
591	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo từ 70kg đến xuất chuồng (dạng bột, viên)	7	LT.BD 005/09	
592	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho heo từ 20kg đến 50kg (dạng bột, viên)	29A	LT.BD 006/08	
593	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo hậu bị, nái mang thai & nái khô (dạng bột, viên)	8	LT.BD 006/09	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
594	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho heo từ 50kg đến xuất chuồng (dạng bột, viên)	29B	LT.BD 007/08	
595	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo nái tiết sữa nuôi con (dạng bột, viên)	9	LT.BD 007/09	
596	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho heo hậu bị, nái mang thai và nái khô (dạng bột, viên)	8	LT.BD 008/08	
597	Thức ăn đậm đặc dùng cho heo từ 15kg đến xuất chuồng (dạng bột)	C	LT.BD 008/09	
598	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho heo nái tiết sữa nuôi con (dạng bột, viên)	9	LT.BD 009/08	
599	Thức ăn đậm đặc “cao đạm” dùng cho heo từ 15kg đến xuất chuồng (dạng bột)	C260	LT.BD 009/09	
600	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho heo đực giống (dạng bột, viên)	11	LT.BD 010/08	
601	Thức ăn đậm đặc “cao đạm” dùng cho heo từ 05kg đến xuất chuồng (dạng bột)	C261	LT.BD 010/09	
602	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho heo con tập ăn đến sau cai sữa 1 tuần (dạng bột, viên)	A70	LT.BD 011/08	
603	Thức ăn đậm đặc “cao đạm thượng hạng” dùng cho heo từ 05kg đến xuất chuồng (dạng bột)	C262	LT.BD 011/09	
604	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho heo con từ sau cai sữa 1 tuần đến 30kg (dạng bột, viên)	A75	LT.BD 012/08	
605	Thức ăn đậm đặc “cao đạm” dùng cho heo từ 05kg đến xuất chuồng (dạng bột)	C263	LT.BD 012/09	
606	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho heo từ 30kg đến 50kg (dạng bột, viên)	76	LT.BD 013/08	
607	Thức ăn đậm đặc “cao đạm thượng hạng tăng tốc” dùng cho heo từ 05kg đến xuất chuồng (dạng bột)	X7000	LT.BD 013/09	
608	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho heo từ 50kg đến 70kg (dạng bột, viên)	77	LT.BD 014/08	
609	Thức ăn đậm đặc : siêu cao đạm tăng tốc” dùng cho heo từ 05kg đến xuất chuồng (dạng bột)	X8000	LT.BD 014/09	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
610	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho heo từ 70kg đến xuất chuồng (dạng bột, viên)	78	LT.BD 015/08	
611	Thức ăn đậm đặc “siêu đậm tăng tốc” dùng cho heo từ 05kg đến xuất chuồng (dạng bột)	X9000	LT.BD 015/09	
612	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho heo từ 20kg đến 50kg (dạng bột, viên)	79A	LT.BD 016/08	
613	Thức ăn đậm đặc dùng cho heo nái chữa, nái đẻ (dạng bột)	C1	LT.BD 016/09	
614	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà tam hoàng, lượng phượng từ 1 đến 42 ngày (dạng bột, viên)	1A	LT.BD 017/09	
615	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà tam hoàng, lượng phượng từ 43 ngày đến xuất bán (dạng bột, viên)	1B	LT.BD 018/09	
616	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà tam hoàng, lượng phượng từ 1 ngày đến xuất bán (dạng bột, viên)	1C	LT.BD 019/09	
617	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà tam hoàng, lượng phượng từ 1 đến 28 ngày (dạng bột, viên)	107	LT.BD 020/09	
618	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà tam hoàng, lượng phượng từ 29 ngày đến xuất bán (dạng bột, viên)	109	LT.BD 021/09	
619	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà tam hoàng, lượng phượng vỗ béo, xuất bán (dạng bột, viên)	11C	LT.BD 022/09	
620	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà công nghiệp da vàng, chân vàng từ 1 đến 21 ngày (dạng bột, viên)	1501	LT.BD 023/09	
621	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà công nghiệp da vàng, chân vàng từ 22 đến 42 ngày (dạng bột, viên)	1502	LT.BD 024/09	
622	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà công nghiệp da vàng, chân vàng từ 43 ngày đến xuất bán (dạng bột, viên)	1503	LT.BD 025/09	
623	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà đẻ (dạng bột, viên)	100	LT.BD 026/09	
624	Thức ăn đậm đặc dùng để trộn cho gà thịt giúp gà tăng trọng nhanh, da vàng, chân vàng (dạng bột, viên)	C46	LT.BD 027/09	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
625	Thức ăn đậm đặc dùng để trộn cho gà đẻ (dạng bột, viên)	C34	LT.BD 028/09	
626	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt, ngan thịt từ 1 đến 21 ngày (dạng bột, viên)	221	LT.BD 029/09	
627	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt, ngan thịt từ 22 ngày đến xuất bán (dạng bột, viên)	224	LT.BD 030/09	
628	Thức ăn hỗn hợp dùng vỗ béo vịt chạy đồng (dạng bột, viên)	22	LT.BD 031/09	
629	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt, ngan thịt từ 1 đến 28 ngày (dạng bột, viên)	22A	LT.BD 032/09	
630	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt, ngan thịt từ 29 ngày đến xuất bán (dạng bột, viên)	22B	LT.BD 033/09	
631	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt, ngan thịt từ 1 ngày đến xuất bán (dạng bột, viên)	22C	LT.BD 034/09	
632	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt, ngan đẻ	22D	LT.BD 035/09	
633	Thức ăn hỗn hợp “cao đậm” dùng cho vịt, ngan đẻ (dạng bột, viên)	200	LT.BD 036/09	
634	Thức ăn đậm đặc dùng cho vịt, ngan đẻ (dạng bột, viên)	3035	LT.BD 037/09	
635	Thức ăn hỗn hợp dùng cho cút hậu bị từ 1-35 ngày (dạng bột, viên)	1100	LT.BD 038/09	
636	Thức ăn hỗn hợp dùng cho cút đẻ (dạng bột, viên)	1200	LT.BD 039/09	
637	Thức ăn hỗn hợp dùng cho bò sữa (dạng bột, viên)	12	LT.BD 040/09	
638	Thức ăn hỗn hợp dùng cho bò thịt thương phẩm	18	LT.BD 041/09	
639	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà hậu bị từ 6 tuần đến 18 tuần (dạng bột, viên)	110	LT.BD 042/09	
640	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo con tập ăn đến 15kg (dạng bột, viên)	A25	LT.BD 043/09	
641	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo từ 15kg đến 50kg (dạng bột, viên)	A26	LT.BD 044/09	
642	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo từ 25kg đến 60kg (dạng bột, viên)	223	LT.BD 045/09	
643	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo từ 20kg đến xuất chuồng (dạng bột, viên)	222	LT.BD 046/09	
644	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo từ 60kg đến xuất chuồng (dạng bột, viên)	224	LT.BD 047/09	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
645	Thức ăn hỗn hợp dùng tạo nạc cho heo từ 30kg đến xuất chuồng (dạng bột, viên)	220	LT.BD 048/09	
646	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo hậu bị, nái mang thai & nái khô (dạng bột, viên)	225	LT.BD 049/09	
647	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo nái tiết sữa nuôi con (dạng bột, viên)	226	LT.BD 050/09	
648	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo con tập ăn đến 15kg (dạng bột, viên)	212B	LT.BD 051/09	
649	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo từ 15kg đến 30kg (dạng bột, viên)	214B	LT.BD 052/09	
650	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo từ 30kg đến 50kg (dạng bột, viên)	215B	LT.BD 053/09	
651	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo từ 20kg đến xuất chuồng (dạng bột, viên)	216B	LT.BD 054/09	
652	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo từ 70kg đến xuất chuồng (dạng bột, viên)	217B	LT.BD 055/09	
653	Thức ăn hỗn hợp dùng tạo nạc cho heo từ 30kg đến xuất chuồng (dạng bột, viên)	220N	LT.BD 056/09	
654	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo hậu bị, nái mang thai & nái khô (dạng bột & viên)	218B	LT.BD 057/09	
655	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo nái tiết sữa nuôi con (dạng bột, viên)	219B	LT.BD 058/09	
656	Thức ăn đậm đặc dùng cho heo từ 05kg đến xuất chuồng (dạng bột)	4110	LT.BD 059/09	
657	Thức ăn đậm đặc dùng cho heo từ 15kg đến xuất chuồng (dạng bột)	4120	LT.BD 060/09	
658	Thức ăn đậm đặc dùng cho heo từ 20kg đến xuất chuồng (dạng bột)	4130	LT.BD 061/09	
659	Thức ăn đậm đặc dùng cho heo từ tập ăn đến xuất chuồng (dạng bột)	4135	LT.BD 062/09	
660	Thức ăn đậm đặc dùng cho heo từ tập ăn đến xuất chuồng (dạng bột)	4140	LT.BD 063/09	
661	Thức ăn đậm đặc dùng cho heo từ tập ăn đến xuất chuồng (dạng bột)	4150	LT.BD 064/09	
662	Thức ăn đậm đặc dùng cho heo từ tập ăn đến xuất chuồng (dạng bột)	4160	LT.BD 065/09	
663	Thức ăn đậm đặc dùng cho heo nái chữa, nái đẻ (dạng bột)	N200	LT.BD 066/09	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
664	Thức ăn đậm đặc dùng cho heo nái tiết sữa nuôi con (dạng bột)	N400	LT.BD 067/09	
665	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà tam hoàng, lượng phượng từ 1 đến 21 ngày (dạng bột, viên)	515	LT.BD 068/09	
666	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà tam hoàng, lượng phượng từ 22 ngày đến 42 ngày (dạng bột, viên)	516	LT.BD 069/09	
667	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà tam hoàng, lượng phượng từ 43 ngày đến xuất bán (dạng bột, viên)	517	LT.BD 070/09	
668	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà tam hoàng, lượng phượng từ 1 ngày đến xuất bán (dạng bột, viên)	518	LT.BD 071/09	
669	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà tam hoàng, lượng phượng vỗ béo, xuất bán (dạng bột, viên)	519	LT.BD 072/09	
670	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà công nghiệp da vàng, chân vàng từ 1 đến 21 ngày (dạng bột, viên)	7770	LT.BD 073/09	
671	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà công nghiệp da vàng, chân vàng từ 22 đến 42 ngày (dạng bột, viên)	7880	LT.BD 074/09	
672	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà công nghiệp da vàng, chân vàng từ 43 ngày đến xuất bán (dạng bột, viên)	7990	LT.BD 075/09	
673	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà hậu bị từ 6 tuần đến 18 tuần (dạng bột, viên)	9989	LT.BD 076/09	
674	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà đẻ (dạng bột, viên)	9990	LT.BD 077/09	
675	Thức ăn đậm đặc dùng cho gà thịt từ 01 ngày đến xuất bán (dạng bột, viên)	160G	LT.BD 078/09	
676	Thức ăn đậm đặc “cao đạm” dùng cho gà thịt từ 01 ngày đến xuất bán (dạng bột, viên)	170G	LT.BD 079/09	
677	Thức ăn đậm đặc dùng cho gà đẻ (dạng bột, viên)	180G	LT.BD 080/09	
678	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt, ngan thịt từ 1 đến 28 ngày (dạng bột, viên)	3060	LT.BD 081/09	
679	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt, ngan thịt từ 29 ngày đến xuất bán (dạng bột, viên)	3070	LT.BD 082/09	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
680	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt, ngan thịt vỗ béo, xuất bán (dạng bột, viên)	3080	LT.BD 083/09	
681	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt, ngan thịt từ 1 ngày đến xuất bán (dạng bột, viên)	3090	LT.BD 084/09	
682	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt, ngan đẻ (dạng bột, viên)	6660	LT.BD 085/09	
683	Thức ăn hỗn hợp “cao đậm” dùng cho vịt, ngan đẻ (dạng bột, viên)	6885	LT.BD 086/09	
684	Thức ăn đậm đặc dùng cho vịt, ngan đẻ (dạng bột, viên)	6996	LT.BD 087/09	
685	Thức ăn hỗn hợp dùng cho cút hậu bị từ 1-35 ngày (dạng bột, viên)	2002	LT.BD 088/09	
686	Thức ăn hỗn hợp dùng cho cút đẻ (dạng bột, viên)	2003	LT.BD 089/09	
687	Thức ăn hỗn hợp dùng cho bò sữa (dạng bột, viên)	378	LT.BD 090/09	
688	Thức ăn hỗn hợp dùng cho bò thịt thương phẩm (dạng bột, viên)	379	LT.BD 091/09	
689	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo con tập ăn đến 15kg (dạng bột, viên)	S12	LT.BD 092/09	
690	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo từ 15kg đến 50kg (dạng bột, viên)	S16	LT.BD 093/09	
691	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo từ 15kg đến 70kg (dạng bột, viên)	S17	LT.BD 094/09	
692	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo từ 50kg đến xuất chuồng (dạng bột, viên)	S18	LT.BD 095/09	
693	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo từ 30kg đến 70kg (dạng bột, viên)	S19	LT.BD 096/09	
694	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo từ 70kg đến xuất chuồng (dạng bột, viên)	S20	LT.BD 097/09	
695	Thức ăn hỗn hợp dùng tạo nạc cho heo từ 30kg đến xuất chuồng (dạng bột, viên)	S27	LT.BD 098/09	
696	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo hậu bị, nái mang thai & nái khô (dạng bột, viên)	S24	LT.BD 099/09	
697	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo nái tiết sữa nuôi con (dạng bột, viên)	S26	LT.BD 100/09	
698	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo con tập ăn đến 15kg (dạng bột, viên)	S21	LT.BD 101/09	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
699	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo từ 20kg đến 50kg (dạng bột, viên)	S22	LT.BD 102/09	
700	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo từ 50kg đến 80kg (dạng bột, viên)	S32	LT.BD 103/09	
701	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo từ 80kg đến xuất chuồng (dạng bột, viên)	S42	LT.BD 104/09	
702	Thức ăn hỗn hợp dùng tạo nạc cho heo từ 30kg đến xuất chuồng (dạng bột, viên)	S55	LT.BD 105/09	
703	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo hậu bị, nái mang thai & nái khô (dạng bột, viên)	S52	LT.BD 106/09	
704	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo nái tiết sữa nuôi con (dạng bột, viên)	S62	LT.BD 107/09	
705	Thức ăn đậm đặc dùng cho heo từ tập ăn đến xuất chuồng (dạng bột, viên)	E14	LT.BD 108/09	
706	Thức ăn đậm đặc dùng cho heo từ 05kg đến xuất chuồng (dạng bột)	E15	LT.BD 109/09	
707	Thức ăn đậm đặc dùng cho heo từ 15kg đến xuất chuồng (dạng bột)	E16	LT.BD 110/09	
708	Thức ăn đậm đặc dùng cho heo từ tập ăn đến xuất chuồng (dạng bột)	E17	LT.BD 111/09	
709	Thức ăn đậm đặc dùng cho heo từ tập ăn đến xuất chuồng (dạng bột)	E18	LT.BD 112/09	
710	Thức ăn đậm đặc dùng cho heo từ tập ăn đến xuất chuồng (dạng bột)	E19	LT.BD 113/09	
711	Thức ăn đậm đặc dùng cho heo nái chữa, nái đẻ (dạng bột)	2228N	LT.BD 114/09	
712	Thức ăn đậm đặc dùng cho heo nái tiết sữa nuôi con (dạng bột)	2229N	LT.BD 115/09	
713	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà tam hoàng, lương phượng từ 1 đến 21 ngày (dạng bột, viên)	V401	LT.BD 116/09	
714	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà tam hoàng, lương phượng từ 22 ngày đến 42 ngày (dạng bột, viên)	V402	LT.BD 117/09	
715	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà tam hoàng, lương phượng từ 43 ngày đến xuất bán (dạng bột, viên)	V403	LT.BD 118/09	
716	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà tam hoàng, lương phượng từ 1 ngày đến xuất bán	V404	LT.BD 119/09	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
717	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà tam hoàng, lương phượng vô béo, xuất bán (dạng bột, viên)	V405	LT.BD 120/09	
718	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà công nghiệp da vàng, chân vàng từ 1 đến 21 ngày (dạng bột, viên)	2346	LT.BD 121/09	
719	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà công nghiệp da vàng, chân vàng từ 22 đến 42 ngày (dạng bột, viên)	2347	LT.BD 122/09	
720	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà công nghiệp da vàng, chân vàng từ 43 ngày đến xuất bán (dạng bột, viên)	2348	LT.BD 123/09	
721	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà hậu bị từ 6 tuần đến 18 tuần (dạng bột, viên)	2349	LT.BD 124/09	
722	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà đẻ (dạng bột, viên)	2340	LT.BD 125/09	
723	Thức ăn đậm đặc “cao đậm” dùng cho gà thịt từ 01 ngày đến xuất bán (dạng bột, viên)	G604	LT.BD 126/09	
724	Thức ăn đậm đặc dùng cho gà thịt từ 01 ngày đến xuất bán (dạng bột, viên)	G606	LT.BD 127/09	
725	Thức ăn đậm đặc dùng cho gà đẻ (dạng bột, viên)	G607	LT.BD 128/09	
726	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt, ngan thịt từ 1 đến 28 ngày (dạng bột, viên)	313	LT.BD 129/09	
727	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt, ngan thịt từ 29 ngày đến xuất bán (dạng bột, viên)	323	LT.BD 130/09	
728	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt, ngan thịt từ 1 ngày đến xuất bán (dạng bột, viên)	343	LT.BD 131/09	
729	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt, ngan đẻ (dạng bột, viên)	360	LT.BD 132/09	
730	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt, ngan đẻ (dạng bột, viên)	370	LT.BD 133/09	
731	Thức ăn đậm đặc dùng cho vịt, ngan đẻ (dạng bột, viên)	380	LT.BD 134/09	
732	Thức ăn hỗn hợp dùng cho cút hậu bị từ 1-35 ngày (dạng bột, viên)	C3000	LT.BD 135/09	
733	Thức ăn hỗn hợp dùng cho cút đẻ (dạng bột, viên)	C3400	LT.BD 136/09	
734	Thức ăn hỗn hợp dùng cho bò sữa (dạng bột, viên)	BS76	LT.BD 137/09	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
735	Thức ăn hỗn hợp dùng cho bò thịt thương phẩm (dạng bột, viên)	BS77	LT.BD 138/09	
736	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo con tập ăn đến 15kg (dạng bột, viên)	70A, CV72	LT.BD 139/09	
737	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo từ 15kg đến 30kg (dạng bột, viên)	66, CV64	LT.BD 140/09	
738	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo từ 30kg đến 70kg (dạng bột, viên)	67, CV65	LT.BD 141/09	
739	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo từ 70kg đến xuất chuồng (dạng bột, viên)	68, CV69	LT.BD 142/09	
740	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo từ 20kg đến 50kg (dạng bột, viên)	75, CV76	LT.BD 143/09	
741	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo từ 30kg đến xuất chuồng (dạng bột, viên)	79, CV78	LT.BD 144/09	
742	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo hậu bị, nái mang thai & nái khô (dạng bột, viên)	80, CV80	LT.BD 145/09	
743	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo nái tiết sữa nuôi con (dạng bột, viên)	90, CV90	LT.BD 146/09	
744	Thức ăn đậm đặc dùng cho heo từ 15kg đến xuất chuồng (dạng bột)	7159	LT.BD 147/09	
745	Thức ăn đậm đặc dùng cho heo từ 10kg đến xuất chuồng (dạng bột)	7160	LT.BD 148/09	
746	Thức ăn đậm đặc dùng cho heo từ 05kg đến xuất chuồng (dạng bột)	7165	LT.BD 149/09	
747	Thức ăn đậm đặc dùng cho heo từ tập ăn đến xuất chuồng (dạng bột)	7170	LT.BD 150/09	
748	Thức ăn đậm đặc dùng cho heo từ tập ăn đến xuất chuồng (dạng bột)	7175	LT.BD 151/09	
749	Thức ăn đậm đặc dùng cho heo nái chữa, nái đẻ (dạng bột)	7180	LT.BD 152/09	
750	Thức ăn đậm đặc dùng cho heo nái tiết sữa nuôi con (dạng bột)	7185	LT.BD 153/09	
751	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà tam hoàng, lượng phượng từ 1 đến 42 ngày (dạng bột, viên)	131	LT.BD 154/09	
752	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà tam hoàng, lượng phượng từ 42 ngày đến xuất bán (dạng bột, viên)	232	LT.BD 155/09	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
753	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà tam hoàng, lương phương từ 01 ngày đến xuất bán (dạng bột, viên)	434	LT.BD 156/09	
754	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà công nghiệp da vàng, chân vàng từ 1 đến 21 ngày (dạng bột, viên)	535	LT.BD 157/09	
755	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà công nghiệp da vàng, chân vàng từ 22 đến 42 ngày (dạng bột, viên)	636	LT.BD 158/09	
756	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà công nghiệp da vàng, chân vàng từ 43 ngày đến xuất bán (dạng bột, viên)	737	LT.BD 159/09	
757	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà hậu bị từ 6 tuần đến 18 tuần (dạng bột, viên)	837	LT.BD 160/09	
758	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà đẻ siêu trứng (dạng bột, viên)	838	LT.BD 161/09	
759	Thức ăn đậm đặc dùng cho gà thịt từ 01 ngày đến xuất bán (dạng bột, viên)	6198	LT.BD 162/09	
760	Thức ăn đậm đặc dùng cho gà đẻ (dạng bột, viên)	6199	LT.BD 163/09	
761	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt, ngan thịt từ 1 đến 28 ngày (dạng bột, viên)	525	LT.BD 164/09	
762	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt, ngan thịt từ 29 ngày đến xuất bán (dạng bột, viên)	626	LT.BD 165/09	
763	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt, ngan thịt từ 1 ngày đến xuất bán (dạng bột, viên)	727	LT.BD 166/09	
764	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt, ngan đẻ siêu trứng (dạng bột, viên)	828	LT.BD 167/09	
765	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt, ngan đẻ siêu trứng (dạng bột, viên)	929	LT.BD 168/09	
766	Thức ăn hỗn hợp cao đạm dùng cho vịt, ngan đẻ siêu trứng (dạng bột, viên)	944	LT.BD 169/09	
767	Thức ăn đậm đặc dùng cho vịt, ngan đẻ siêu trứng (dạng bột, viên)	7007	LT.BD 170/09	
768	Thức ăn đậm đặc cao đạm dùng cho vịt, ngan đẻ siêu trứng (dạng bột, viên)	8008	LT.BD 171/09	
769	Thức ăn hỗn hợp dùng cho cút hậu bị từ 1-35 ngày (dạng bột, viên)	1400	LT.BD 172/09	
770	Thức ăn hỗn hợp dùng cho cút đẻ (dạng bột, viên)	1700	LT.BD 173/09	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
771	Thức ăn hỗn hợp dùng cho bò sữa (dạng bột, viên)	979B	LT.BD 174/09	
772	Thức ăn hỗn hợp dùng cho bò thịt thương phẩm (dạng bột, viên)	878B	LT.BD 175/09	
	Công ty cổ phần Thức ăn dinh dưỡng Nutifarm Địa chỉ: Lô B2 – 54 Đường số 1, KCN Tân Đông Hiệp B, Tx. Dĩ An, Bình Dương. Điện thoại: 0650.3738888. Fax: 0650.3738666.			
773	Thức ăn đậm đặc heo nái chữa, nuôi con	12, Maxi 12, Wave 12, Nuti 12	001:2011/NTF	
774	Thức ăn đậm đặc cho heo từ 5 kg - xuất thịt	01, Maxi 01, Wave 01, Nuti 01	002:2011/NTF	
775	Thức ăn đậm đặc cho heo cai sữa – xuất thịt	02S, Maxi 02S, Wave 02S, Nuti 02S	003:2011/NTF	
776	Thức ăn đậm đặc cho heo từ 5 kg – xuất thịt	02, Maxi 02, Wave 02, Nuti 02	004:2011/NTF	
777	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho heo con từ 7 ngày đến tập ăn	1000, Maxi 1000, Wave 1000, Nuti 1000, 1000A, Maxi 1000A, Wave1000A, Nuti 1000A	005:2011/NTF	
778	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho heo con từ tập ăn đến 15 kg	1020A, Maxi 1020A, Wave 1020A, Nuti 1020A	006:2011/NTF	
779	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho heo từ 15-30 kg	1100A, Maxi 1100A, Wave 1100A, Nuti 1100A	007:2011/NTF	
780	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho heo từ 30-60 kg	1200A, Maxi 1200A, Wave 1200A, Nuti 1200A	008:2011/NTF	
781	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho heo từ 60kg đến xuất thịt	1300A, Maxi 1300A, Wave 1300A, Nuti 1300A	009:2011/NTF	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
782	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho heo từ 15-30 kg	1100L, Maxi 1100L, Wave 1100L, Nuti 1100L, 1500, Maxi 1500, Wave 1500, Nuti 1500	010:2011/NTF	
783	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho heo từ 30-60 kg	1200L, Maxi 1200L, Wave 1200L, Nuti 1200L, 1600, Maxi 1600, Wave 1600, Nuti 1600	011:2011/NTF	
784	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho heo từ 60kg đến xuất thịt	1300L, Maxi 1300L, Wave 1300L, Nuti 1300L, 1700, Maxi 1700, Wave 1700, Nuti 1700	012:2011/NTF	
785	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho heo từ 30kg đến xuất thịt	Tạo nạc, Maxi Tạo nạc, Wave Tạo nạc, Nuti Tạo nạc	013:2011/NTF	
786	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho heo giống, hậu bị, nọc ,nái chữa	1840 , Maxi 1840, Wave1840, Nuti1840, 1840L , Maxi 1840L, Wave1840L, Nuti1840L, 1840A , Maxi 1840A, Wave1840A, Nuti1840A, 1040, Maxi 1040, Wave 1040, Nuti 1040	014:2011/NTF	
787	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho heo nái nuôi con, tiết sữa	1850 , Maxi 1850, Wave1850, Nuti1850, 1850A , Maxi 1850A, Wave1850A, Nuti1850A, 1050, Maxi 1050, Wave 1050, Nuti 1050	015:2011/NTF	
788	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo con từ tập ăn đến 20 kg	1010, Maxi 1010, Wave 1010, Nuti 1010	016:2011/NTF	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
789	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo từ 20 đến 50 kg	1020, Maxi 1020, Wave 1020, Nuti 1020	017:2011/NTF	
790	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo từ 50kg đến xuất thịt	1030, Maxi 1030, Wave 1030, Nuti 1030	018:2011/NTF	
791	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo thịt từ 20 đến 50 kg	1020L, Maxi 1020L, Wave 1020L, Nuti 1020L	019:2011/NTF	
792	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo thịt từ 50kg đến xuất thịt	1030L, Maxi 1030L, Wave 1030L, Nuti 1030 L	020:2011/NTF	
793	Bắp chín ép đùn	Bắp chín ép đùn, Maxi Bắp chín ép đùn, Wave Bắp chín ép đùn, Nuti Bắp chín ép đùn	021:2011/NTF	
794	Đậu nành chín ép đùn	Đậu nành chín ép đùn, Maxi Đậu nành chín ép đùn, Wave Đậu nành chín ép đùn, Nuti Đậu nành chín ép đùn	022:2011/NTF	
795	Thức ăn đậm đặc cho cút đẻ	3100, Maxi 3100, Wave 3100, Nuti 3100, 31, Maxi 31, Wave 31, Nuti 31	023:2011/NTF	
796	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho cút con từ 1 đến 5 tuần tuổi	3200, Maxi 3200, Wave 3200, Nuti 3200, 32, Maxi 32, Wave 32, Nuti 32	024:2011/NTF	
797	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho cút đẻ từ 5 đến 60 tuần tuổi	3400, Maxi 3400, Wave 3400, Nuti 3400, 34, Maxi 34, Wave 34, Nuti 34	025:2011/NTF	
798	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho bò sữa	4000, Maxi 4000, Wave 4000, Nuti 4000, 6000, Maxi 6000, Wave 6000, Nuti 6000	026:2011/NTF	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
799	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho bò thịt	4100, Maxi 4100, Wave 4100, Nuti 4100, 6100, Maxi 6100, Wave 6100, Nuti 6100	027:2011/NTF	
800	Thức ăn đậm đặc dùng cho gà siêu thịt	DD2000, Maxi DD2000, Wave DD2000, Nuti DD2000, DD5600, Maxi DD5600, Wave DD5600, Nuti DD5600	028:2011/NTF	
801	Thức ăn đậm đặc cho gà đẻ sau 18 tuần tuổi	2100, Maxi 2100, Wave 2100, Nuti 2100, 5000, Maxi 5000, Wave 5000, Nuti 5000	029:2011/NTF	
802	Thức ăn đậm đặc cho gà hậu bị từ 1 đến 18 tuần tuổi	2500, Maxi 2500, Wave 2500, Nuti 2500, 5500, Maxi 5500, Wave 5500, Nuti 5500	030:2011/NTF	
803	Thức ăn đậm đặc cho gà đẻ	2126, Maxi 2126, Wave 2126, Nuti 2126	031:2011/NTF	
804	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho gà đẻ từ 1 ngày đến 8 tuần tuổi	2600, Maxi 2600, Wave 2600, Nuti 2600, 5100, Maxi 5100, Wave 5100, Nuti 5100	032:2011/NTF	
805	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho gà đẻ từ 8 đến 18 tuần tuổi	2700, Maxi 2700, Wave 2700, Nuti 2700, 5200, Maxi 5200, Wave 5200, Nuti 5200	033:2011/NTF	
806	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho gà đẻ từ 18 đến 40 tuần tuổi	2400, Maxi 2400, Wave 2400, Nuti 2400, 5300, Maxi 5300, Wave 5300, Nuti 5300	034:2011/NTF	
807	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho gà thả vườn từ 1-28 ngày tuổi	2200, Maxi 2200, Wave 2200, Nuti 2200, 2201, Maxi 2201, Wave 2201, Nuti 2201	035:2011/NTF	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
808	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho gà thả vườn từ 28 ngày tuổi –xuất chuồng	2300, Maxi 2300, Wave 2300, Nuti 2300, 2202, Maxi 2202, Wave 2202, Nuti 2202	036:2011/NTF	
809	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho gà thả vườn từ 1 ngày tuổi –xuất thịt	2350, Maxi 2350, Wave 2350, Nuti 2350, 2203, Maxi 2203, Wave 2203, Nuti 2203	037:2011/NTF	
810	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho gà thịt từ 1-21 ngày tuổi	2800, Maxi 2800, Wave 2800, Nuti 2800, 2101, Maxi 2101, Wave 2101, Nuti 2101	038:2011/NTF	
811	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho gà thịt từ 21-42 ngày tuổi	2900, Maxi 2900, Wave 2900, Nuti 2900, 2102, Maxi 2102, Wave 2102, Nuti 2102	039:2011/NTF	
812	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho gà thịt từ 42 ngày tuổi – xuất thịt	2950, Maxi 2950, Wave 2950, Nuti 2950, 2103, Maxi 2103, Wave 2103, Nuti 2103	040:2011/NTF	
813	Thức ăn đậm đặc cho vịt đẻ	6100, Maxi 6100, Wave 6100, Nuti 6100, 4100, Maxi 4100, Wave 4100, Nuti 4100	041:2011/NTF	
814	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho vịt con từ 1-3 tuần tuổi	6200, Maxi 6200, Wave 6200, Nuti 6200, 4101, Maxi 4101, Wave 4101, Nuti 4101	042:2011/NTF	
815	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho vịt thịt từ 3-6 tuần tuổi	6300, Maxi 6300, Wave 6300, Nuti 6300, 4102, Maxi 4102, Wave 4102, Nuti 4102	043:2011/NTF	
816	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho vịt vỗ béo 6 tuần đến xuất thịt	6350, Maxi 6350, Wave 6350, Nuti 6350, 4103, Maxi 4103, Wave 4103, Nuti 4103	044:2011/NTF	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
817	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho vịt đẻ	6400, Maxi 6400, Wave 6400, Nuti 6400, 4419, Maxi 4419, Wave 4419, Nuti 4419, 4619, Maxi 4619, Wave 4619, Nuti 4619, 4986, Maxi 4986, Wave 4986, Nuti 4986, 4242, Maxi 4242, Wave 4242, Nuti 4242	045:2011/NTF	
818	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho vịt giống	A64, Maxi A64, Wave A64, Nuti A64, 4420, Maxi 4420, Wave 4420, Nuti 4420	046:2011/NTF	
819	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho vịt đẻ	6450, Maxi 6450, Wave 6450, Nuti 6450, 4418, Maxi 4418, Wave 4418, Nuti 4418	047:2011/NTF	
	Doanh nghiệp tư nhân Chế biến Thức ăn gia súc Phú Lợi Địa chỉ: 375 Tổ 43, đường Phú Lợi, phường Phú Lợi, thị xã Thủ Dầu Một, Bình Dương. Điện thoại: 06503838134. Fax: 0650.3838135.			
820	Thức ăn hỗn hợp cho gà từ 1-21 ngày tuổi	Phú Lợi 601, Vitas 510	01/2002/PL	
821	Thức ăn hỗn hợp cho heo từ 60kg – Xuất chuồng	Phú Lợi 7, Hưng Thịnh7, Vitas 7	015/2002/PL	
822	Thức ăn hỗn hợp cho heo nái mang thai và cho con bú	Phú Lợi E, Pacific 119, Hưng Thịnh E, Hưng Lợi E	016/2002/PL	
823	Thức ăn hỗn hợp cho gà từ 21 ngày–xuất chuồng	Phú Lợi 602, Vitas 520	02/2002/PL	
824	Thức ăn hỗn hợp cho gà từ 1 ngày–xuất chuồng	Phú Lợi 603, Vitas 530, Laska 551	03/2002/PL	
825	Thức ăn hỗn hợp cho vịt từ 1-21 ngày tuổi	Phú Lợi 605, Vitas 410, Pacific 107	05/2002/PL	
826	Thức ăn hỗn hợp cho vịt từ 21 ngày–xuất chuồng	Phú Lợi 606, Vitas 420	06/2002/PL	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
827	Thức ăn hỗn hợp cho vịt từ 1 ngày–xuất chuồng	Phú Lợi 607, Vitas 430, Laska 553	07/2002/PL	
828	Thức ăn hỗn hợp cho vịt, ngan đẻ	Phú Lợi 608, Vitas 440, Vitas 460, Laska 9000, Hưng Lợi 608	08/2002/PL	
829	Thức ăn hỗn hợp vỗ béo gà	Phú Lợi 700, Laska 552, Vitas 550	10/2002/PL	
830	Thức ăn hỗn hợp vỗ béo vịt	Phú Lợi 800, Vitas 450, Laska 554	11/2002/PL	
831	Thức ăn hỗn hợp cho heo tập ăn – 15kg	Laska L07	12/2002/PL	
832	Thức ăn hỗn hợp cho heo con (15kg – 30kg) – Nái nuôi con	Phú Lợi D, Vitas D, Laska D, Hưng Thịnh D, Laska 8, Pacific 117	13/2002/PL	
833	Thức ăn hỗn hợp cho heo từ 30kg – 60kg	Phú Lợi 6, Hưng Thịnh 6, Vitas 6	14/2002/PL	
834	Thức ăn đậm đặc dùng cho heo nái mang thai và nuôi con	Laska 900	17/2002/PL	
835	Thức ăn hỗn hợp cho heo từ 30kg – 60kg	Pacific 118	18/2002/PL	
836	Thức ăn đậm đặc dùng cho heo 5kg – xuất chuồng	Laska 555	19/2002/PL	
837	Thức ăn đậm đặc dùng cho heo 5kg – xuất chuồng	Laska 9999	20/2002/PL	
838	Thức ăn đậm đặc dùng cho heo 5kg – xuất chuồng	Laska 999	21/2002/PL	
839	Thức ăn đậm đặc dùng cho heo 5kg – xuất chuồng	Phú lợi P47	24/2002/PL	
840	Thức ăn hỗn hợp cho vịt, ngan đẻ	Gavy 9002	28/2002/PL	
841	Thức ăn hỗn hợp cho vịt, ngan đẻ	Phú Lợi 9001	29/2002/PL	
842	Thức ăn hỗn hợp cho heo từ 30kg – 60kg	Laska 6	35/2004/PL	
843	Thức ăn hỗn hợp cho heo tập ăn – 15kg	Pacific 116, Phú Lợi D07	36/2004/PL	
844	Thức ăn hỗn hợp cho bò thịt – bò sữa	Phú lợi 609	37/2004/PL	
845	Thức ăn hỗn hợp cho heo từ 30kg – 60kg	Hưng Lợi 6, Highland 6, X.O 6, Bluefeed 6	TC-038/2004/PL	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
846	Thức ăn hỗn hợp cho heo từ 60kg – Xuất chuồng	Hưng Lợi 7	TC-039/2004/PL	
847	Thức ăn hỗn hợp cho heo con (15kg – 30kg) – Nái nuôi con	Highland D, X.O D, Bluefeed D, Hưng Lợi D	TC-040/2002/PL	
848	Thức ăn hỗn hợp cho heo tập ăn – 15kg	Bluefeed 115, X.O 150, Highland A3	TC-041/2004/PL	
849	Thức ăn đậm đặc dùng cho heo nái mang thai và nuôi con	Bluefeed 114, X.O 250, Highland A2	TC-042/2004/PL	
850	Thức ăn đậm đặc dùng cho heo 5kg – xuất chuồng	Highland A1, Sino 555, Winner 125, X.O 350, Bluefeed 113, Laska No 1	TC-044/2004/PL	
	Công ty TNHH Thức ăn chăn nuôi Thái Dương Địa chỉ: Ấp Bình Thuận II, Thuận Giao, Thuận An, Bình Dương. Tel: 06503.719234; Fax: 06503.715 115			
851	Thức ăn đậm đặc cho heo thịt từ 15kg - xuất chuồng	P100, 5040	TD.BD-01/07	184/SNN-CN
852	Thức ăn đậm đặc cho heo thịt từ 15kg - xuất chuồng	P400, 5046	TD.BD-02/07	184/SNN-CN
853	Thức ăn đậm đặc cho heo thịt từ 15kg - xuất chuồng	P900, 5048	TD.BD-03/07	184/SNN-CN
854	Thức ăn đậm đặc cho heo nái	P500, 5037	TD.BD-04/07	184/SNN-CN
855	Thức ăn hỗn hợp cho heo con từ 5 ngày đến 8 kg	HD01,6110	TD.BD-05/07	184/SNN-CN
856	Thức ăn hỗn hợp cho heo con tập ăn đến 20 kg	S19, P19V	TD.BD-06/07	184/SNN-CN
857	Thức ăn hỗn hợp cho heo con tập ăn đến 20 kg	6011,6111	TD.BD-07/07	184/SNN-CN
858	Thức ăn hỗn hợp cho heo thịt từ 20 – 40 kg	6112,P17V	TD.BD-08/07	184/SNN-CN
859	Thức ăn hỗn hợp cho heo thịt từ 40 – 70 kg	6113,P15V	TD.BD-09/07	184/SNN-CN
860	Thức ăn hỗn hợp cho heo thịt từ 70 – xuất chuồng	6114,P14V	TD.BD-10/07	184/SNN-CN
861	Thức ăn hỗn hợp cho heo thịt từ 30 – xuất chuồng	6124, P14A-V	TD.BD-11/07	184/SNN-CN

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
862	Thức ăn hỗn hợp cho heo nái nuôi con	6116,P15V	TD.BD-12/07	184/SNN-CN
863	Thức ăn hỗn hợp cho heo nái mang thai	6115,P23V, 6015	TD.BD-13/07	184/SNN-CN
864	Thức ăn hỗn hợp cho heo nái mang thai lai	6025, 6125	TD.BD-14/07	184/SNN-CN
865	Thức ăn hỗn hợp cho bò lai sind, bò thịt, bò cái sinh sản, dê, cừu	1100	TD.BD-15/07	184/SNN-CN
866	Thức ăn hỗn hợp cho gà thả vườn từ 1 đến 42 ngày tuổi	P91H	TD.BD-16/07	184/SNN-CN
867	Thức ăn hỗn hợp cho gà thả vườn từ 43 ngày tuổi đến xuất chuồng	P93V	TD.BD-17/07	184/SNN-CN
868	Thức ăn hỗn hợp cho gà đẻ	P97B	TD.BD-18/07	184/SNN-CN
869	Thức ăn hỗn hợp cho vịt con	P81V	TD.BD-19/07	184/SNN-CN
870	Thức ăn hỗn hợp cho vịt thịt	P83V	TD.BD-20/07	184/SNN-CN
871	Thức ăn hỗn hợp cho vịt đẻ	P87V	TD.BD-21/07	184/SNN-CN
872	Thức ăn hỗn hợp cho vịt con	8117	TD.BD-22/08	
873	Thức ăn hỗn hợp cho vịt thịt	8118	TD.BD-23/08	
874	Thức ăn hỗn hợp cho vịt đẻ	8119	TD.BD-24/08	
875	Thức ăn hỗn hợp cho vịt đẻ	1168	TD.BD-25/08	
876	Thức ăn hỗn hợp cho bò sữa	B01	TD.BD-26/08	
877	Thức ăn hỗn hợp cho bò sữa	B02	TD.BD-27/09	
878	Thức ăn hỗn hợp cho heo con từ 7 – 15kg	Big One	TD.BD-28/09	
879	Thức ăn hỗn hợp cho heo từ 15 – 30kg	Big Two	TD.BD-29/09	
880	Thức ăn hỗn hợp cho heo từ 30 – xuất chuồng	Big Three	TD.BD-30/09	
881	Thức ăn hỗn hợp cho heo con từ 5kg - 25kg	TD19S	TD.BD-31/09	
882	Thức ăn hỗn hợp cho heo con từ 25kg - 50kg	TD17S	TD.BD-32/09	
883	Thức ăn hỗn hợp cho heo con từ 50kg - xuất chuồng	TD15S	TD.BD-33/09	
Cơ sở Chế biến TAGS Thủ Dầu Một				

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
	Địa chỉ: 354, Huỳnh Văn Lũy, phường Phú Lợi, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Điện thoại: 0650.3825258; Fax: 0650.3840938.			
884	Thức ăn hỗn hợp cao cấp dạng bột dùng cho heo con từ 15kg - 30kg và heo nái nuôi con	Cám D	TDM.NBD – 001Th/02	
885	Thức ăn hỗn hợp cao cấp dạng bột dùng cho heo nái chữa	Cám E	TDM.NBD – 002Th/02	
886	Thức ăn hỗn hợp cao cấp dạng bột dùng cho heo từ 30kg - 60 kg	Cám số 6	TDM.NBD – 003Th/02	
887	Thức ăn hỗn hợp cao cấp dạng bột dùng cho heo từ 60kg – 100kg	Cám số 7	TDM.NBD – 004Th/02	
888	Thức ăn hỗn hợp cao cấp dạng viên dùng cho heo từ 15kg - 30kg và heo nái nuôi con	Cám K102	TDM.NBD -001 Th/02	
889	Thức ăn hỗn hợp cao cấp dạng viên dùng cho heo nái chữa	Cám K104	TDM.NBD -002 Th/02	
890	Thức ăn hỗn hợp cao cấp dạng viên dùng cho heo từ 30kg - 60kg	Cám K106	TDM.NBD -003 Th/02	
	Công ty TNHH Sản xuất – Thương mại – Dịch vụ Tiến Đại Phát Địa chỉ: Ấp Bàu Bàng, xã Lai Uyên, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương Tel: 0650 3 551 526, Fax: 0650 3 551 527.			
891	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho heo con siêu thịt từ tập ăn đến 15kg.	As	001:2011/TDP.BD	
892	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho heo siêu thịt từ 15kg đến 30kg.	Ds	002:2011/TDP.BD	
893	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho heo siêu thịt từ 30kg đến 60kg.	6s	003:2011/TDP.BD	
894	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho heo hậu bị và nái mang thai.	8s	004:2011/TDP.BD	
895	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho heo nái tiết sữa nuôi con.	9s	005:2011/TDP.BD	
896	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho heo từ tập ăn đến 15kg.	A	006:2011/TDP.BD	
897	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho heo từ 15kg đến 30kg.	D	007:2011/TDP.BD	
898	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho heo từ 30kg đến 60kg.	6	008:2011/TDP.BD	
899	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho heo từ 60kg đến xuất chuồng.	7	009:2011/TDP.BD	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
900	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho heo hậu bị và nái mang thai.	8	010:2011/TDP.BD	
901	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho heo nái tiết sữa nuôi con.	9	011:2011/TDP.BD	
902	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho heo từ 15kg đến xuất chuồng.	H24L	012:2011/TDP.BD	
903	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho heo từ 30kg đến xuất chuồng.	H26L	013:2011/TDP.BD	
904	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho vịt, ngan đẻ siêu trứng.	VĐ01	014:2011/TDP.BD	
905	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho vịt, ngan đẻ.	VĐ02	015:2011/TDP.BD	
906	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho vịt, ngan thịt từ 1 - 28 ngày tuổi.	VT01	016:2011/TDP.BD	
907	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho vịt, ngan thịt từ 29 ngày tuổi đến xuất bán.	VT02	017:2011/TDP.BD	
908	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho vịt, ngan thịt từ 1 ngày tuổi đến xuất bán.	VT11	018:2011/TDP.BD	
909	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho gà đẻ.	GĐ01	019:2011/TDP.BD	
910	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho gà Công Nghiệp da vàng, chân vàng từ 1 - 12 ngày tuổi.	GCN01	020:2011/TDP.BD	
911	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho gà Công Nghiệp da vàng, chân vàng từ 13 - 22 ngày tuổi.	GCN02	021:2011/TDP.BD	
912	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho gà Công Nghiệp da vàng, chân vàng từ 23 ngày tuổi đến xuất bán.	GCN03	022:2011/TDP.BD	
913	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho gà Tam Hoàng, Lương Phượng từ 1 - 42 ngày tuổi.	GT01	023:2011/TDP.BD	
914	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho gà Tam Hoàng, Lương Phượng từ 43 ngày tuổi đến xuất bán.	GT02	024:2011/TDP.BD	
915	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho gà Tam Hoàng, Lương Phượng từ 1 ngày tuổi đến xuất bán.	GT11	025:2011/TDP.BD	
916	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho bò thịt	BT01	027:2011/TDP.BD	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
917	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho heo con siêu thịt từ tập ăn đến 7kg.	H200S	028:2011/TDP.BD	
918	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho heo con siêu thịt từ tập ăn đến 15kg.	H220S	029:2011/TDP.BD	
919	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho heo siêu thịt từ 15 kg đến 30 kg.	H240S	030:2011/TDP.BD	
920	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho heo siêu thịt từ 30kg đến 60kg.	H260S	031:2011/TDP.BD	
921	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho heo hậu bị, nái mang thai.	H280S	032:2011/TDP.BD	
922	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho heo nái tiết sữa nuôi con.	H290S	033:2011/TDP.BD	
923	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho heo con từ tập ăn đến 15kg.	H220	034:2011/TDP.BD	
924	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho heo từ 15kg đến 30kg.	H240	035:2011/TDP.BD	
925	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho heo từ 30kg đến 60kg.	H260	036:2011/TDP.BD	
926	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho heo hậu bị và nái mang thai.	H280	037:2011/TDP.BD	
927	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho heo nái tiết sữa nuôi con.	H290	038:2011/TDP.BD	
928	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho vịt, ngan đẻ siêu trứng.	VĐ400	039:2011/TDP.BD	
929	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho vịt, ngan đẻ.	VĐ420	040:2011/TDP.BD	
930	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho vịt, ngan thịt từ 1 ngày tuổi đến 28 ngày tuổi.	VT410	041:2011/TDP.BD	
931	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho vịt, ngan thịt từ 29 ngày tuổi đến xuất bán.	VT411	042:2011/TDP.BD	
932	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho vịt, ngan thịt từ 1 ngày tuổi đến xuất bán.	VT412	043:2011/TDP.BD	
933	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho gà đẻ.	GD500	044:2011/TDP.BD	
934	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho gà Công nghiệp da vàng, chân vàng từ 1 - 12 ngày tuổi.	GCN510	045:2011/TDP.BD	
935	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho gà Công nghiệp da vàng, chân vàng từ 13 - 22 ngày tuổi.	GCN511	046:2011/TDP.BD	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
936	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho gà Công nghiệp da vàng, chân vàng từ 23 ngày tuổi đến xuất bán.	GCN512	047:2011/TDP.BD	
937	Hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho gà Tam Hoàng, Lương Phượng từ 1 - 42 ngày tuổi	GT510	048:2011/TDP.BD	
938	Hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho gà Tam Hoàng, Lương Phượng từ 43 ngày tuổi đến xuất bán	GT511	049:2011/TDP.BD	
939	Hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho gà Tam Hoàng, Lương Phượng từ 1 ngày tuổi đến xuất bán	GT512	050:2011/TDP.BD	
940	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho bò thịt.	BT710	052:2011/TDP.BD	
941	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho heo con siêu thịt từ tập ăn đến 7kg	A10S	079:2011/TDP.BD	
942	Đậm đặc "SIÊU CẤP" dùng cho heo nái hậu bị, nái mang thai và nái tiết sữa nuôi con.	H360	053:2011/TDP.BD	
943	Đậm đặc "SIÊU CẤP" dùng cho heo tập ăn đến xuất chuồng.	H400	054:2011/TDP.BD	
944	Đậm đặc "SIÊU CẤP" dùng cho heo tập ăn đến xuất chuồng.	H420	055:2011/TDP.BD	
945	Đậm đặc "SIÊU TRỌNG" dùng cho heo tập ăn đến xuất chuồng.	H440	056:2011/TDP.BD	
946	Đậm đặc "SIÊU TRỌNG" dùng cho heo tập ăn đến xuất chuồng.	H450	057:2011/TDP.BD	
947	Đậm đặc "SIÊU TRỌNG" dùng cho heo tập ăn đến xuất chuồng.	H460	058:2011/TDP.BD	
948	Đậm đặc "SIÊU HẠNG" heo tập ăn đến xuất chuồng.	H470	059:2011/TDP.BD	
949	Đậm đặc "SIÊU HẠNG" dùng cho heo tập ăn đến xuất chuồng.	H480	060:2011/TDP.BD	
950	Đậm đặc dùng cho vịt, ngan đẻ.	H2500	061:2011/TDP.BD	
951	Đậm đặc "SIÊU HẠNG" dùng cho heo nái hậu bị, nái mang thai và nái tiết sữa nuôi con.	H2400	062:2011/TDP.BD	
952	Đậm đặc "SIÊU HẠNG" dùng cho heo từ tập ăn đến xuất chuồng.	H2420	063:2011/TDP.BD	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
953	Đạm đặc "SIÊU HẠNG" dùng cho heo từ tập ăn đến xuất chuồng.	H2440	064:2011/TDP.BD	
954	Đạm đặc "SIÊU HẠNG" dùng cho heo từ tập ăn đến xuất chuồng.	H2450	065:2011/TDP.BD	
955	Đạm đặc "SIÊU HẠNG" dùng cho heo từ tập ăn đến xuất chuồng.	H2460	066:2011/TDP.BD	
956	Đạm đặc "SIÊU HẠNG" dùng cho heo từ tập ăn đến xuất chuồng.	H2470	067:2011/TDP.BD	
957	Đạm đặc "SIÊU HẠNG" dùng cho heo từ tập ăn đến xuất chuồng.	H2480	068:2011/TDP.BD	
958	Đạm đặc "SIÊU HẠNG" dùng cho heo từ tập ăn đến xuất chuồng.	VĐ380	069:2011/TDP.BD	
959	Đạm đặc "SIÊU HẠNG" dùng cho vịt, ngan đẻ	VĐ4500	070:2011/TDP.BD	
960	Đạm đặc dùng cho gà đẻ.	G360	071:2011/TDP.BD	
961	Đạm đặc dùng cho gà thịt.	G460	072:2011/TDP.BD	
962	Đạm đặc "SIÊU HẠNG" dùng cho gà đẻ	G5500	073:2011/TDP.BD	
963	Đạm đặc "SIÊU HẠNG" dùng cho gà thịt	G5900	074:2011/TDP.BD	
964	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho Cút Đẻ.	CĐ01	075:2011/TDP.BD	
965	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho Cút Thịt.	CT01	076:2011/TDP.BD	
966	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho Cút Đẻ	CĐ600	077:2011/TDP.BD	
967	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho Cút Thịt	CT610	078:2011/TDP.BD	
968	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho bò sữa.	BS01	026:2011/TDP.BD	
969	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho bò sữa.	BS700	051:2011/TDP.BD	
970	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho heo từ 40 kg đến xuất chuồng	H27L	001:2012/TDP.BD	
971	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho gà hậu bị từ 8-18 tuần tuổi	GHB502	002:2012/TDP.BD	
972	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho gà hậu bị từ 1-8 tuần tuổi	GHB501	003:2012/TDP.BD	
973	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho gà hậu bị từ 1-8 tuần tuổi	GHB01	004:2012/TDP.BD	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
974	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho gà hậu bị từ 8-18 tuần tuổi	GHB02	005:2012/TDP.BD	
	Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại – Dịch vụ Trọng Phúc Địa chỉ: 420 QL 13 Khu Phố Đông Ba, phường Bình Hoà, Tx. Thuận An, tỉnh Bình Dương. Điện thoại: 0650.3768779. Fax: 0650.3755371.			
975	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho heo con tập ăn đến sau cai sữa 1 tuần (dạng bột, viên)	A33	TP.BD 001/08	
976	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo con tập ăn đến 15 kg(dạng bột, viên)	A98	TP.BD 001/09	
977	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho heo con từ sau cai sữa 1 tuần đến 30kg (dạng bột, viên)	A34	TP.BD 002/08	
978	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo con tập ăn đến 15 kg(dạng bột, viên)	A99	TP.BD 002/09	
979	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho heo từ 30kg đến 50kg (dạng bột, viên)	35	TP.BD 003/08	
980	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo từ 15kg đến 30kg (dạng bột, viên)	D	TP.BD 003/09	
981	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho heo từ 50kg đến 70kg (dạng bột, viên)	36	TP.BD 004/08	
982	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo từ 30kg đến 70kg (dạng bột, viên)	6	TP.BD 004/09	
983	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho heo từ 70kg đến xuất chuồng (dạng bột, viên)	37	TP.BD 005/08	
984	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo từ 70kg đến xuất chuồng (dạng bột, viên)	7	TP.BD 005/09	
985	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho heo từ 20kg đến 50kg (dạng bột, viên)	38A	TP.BD 006/08	
986	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo hậu bị, nái mang thai & nái khô (dạng bột, viên)	8	TP.BD 006/09	
987	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho heo từ 50kg đến xuất chuồng (dạng bột, viên)	39B	TP.BD 007/08	
988	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo nái tiết sữa nuôi con (dạng bột, viên)	9	TP.BD 007/09	
989	Thức ăn hỗn hợp dùng tạo nạc cho heo từ 30kg đến xuất chuồng (dạng bột, viên)	171	TP.BD 008/09	
990	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho heo hậu bị, nái mang thai và nái khô (dạng bột, viên)	8	TP.BD 008/8	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
991	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho heo nái tiết sữa nuôi con (dạng bột, viên)	9	TP.BD 009/08	
992	Thức ăn đậm đặc dùng cho heo từ 15kg đến xuất chuồng (dạng bột)	C10	TP.BD 009/09	
993	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho heo con tập ăn đến sau cai sữa 1 tuần (dạng bột, viên)	A60	TP.BD 010/08	
994	Thức ăn đậm đặc “cao đậm đặc biệt” dùng cho heo từ 05kg đến xuất chuồng (dạng bột)	C18	TP.BD 010/09	
995	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho heo con từ sau cai sữa 1 tuần đến 30kg (dạng bột, viên)	A65	TP.BD 011/08	
996	Thức ăn đậm đặc “cao đậm” dùng cho heo từ 15kg đến xuất chuồng (dạng bột)	C22	TP.BD 011/09	
997	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho heo từ 30kg đến 50kg(dạng bột, viên)	66	TP.BD 012/08	
998	Thức ăn đậm đặc “siêu đậm thượng hạng” dùng cho heo từ 05kg đến xuất chuồng (dạng bột)	C203	TP.BD 012/09	
999	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho heo từ 50kg đến 70kg(dạng bột, viên)	67	TP.BD 013/08	
1000	Thức ăn đậm đặc “siêu đậm thượng hạng” dùng cho heo từ 05kg đến xuất chuồng (dạng bột)	C204	TP.BD 013/09	
1001	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho heo từ 70kg đến xuất chuồng(dạng bột, viên)	68	TP.BD 014/08	
1002	Thức ăn đậm đặc “cao đậm” dùng cho heo từ 05kg đến xuất chuồng (dạng bột)	C205	TP.BD 014/09	
1003	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho heo từ 20kg đến 50kg (dạng bột, viên)	69A	TP.BD 015/08	
1004	Thức ăn đậm đặc “siêu đậm hảo hạng” dùng cho heo từ 05kg đến xuất (dạng bột)	C206	TP.BD 015/09	
1005	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho heo từ 50kg đến xuất chuồng (dạng bột, viên)	69B	TP.BD 016/08	
1006	Thức ăn đậm đặc “siêu đậm tăng tốc” dùng cho heo từ tập ăn đến xuất chuồng (dạng bột)	C207	TP.BD 016/09	
1007	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho heo hậu bị, nái mang thai và nái khô (dạng bột, viên)	8	TP.BD 017/08	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
1008	Thức ăn đậm đặc “tăng tốc cao đậm” dùng cho heo từ tập ăn đến xuất chuồng (dạng bột)	C208	TP.BD 017/09	
1009	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho heo nái tiết sữa nuôi con (dạng bột, viên)	9	TP.BD 018/08	
1010	Thức ăn đậm đặc dùng cho heo nái chữa và heo nái nuôi con (dạng bột)	C12	TP.BD 018/09	
1011	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho heo con tập ăn đến sau cai sữa 1 tuần (dạng bột, viên)	A50	TP.BD 019/08	
1012	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà tam hoàng, lương phượng từ 1 đến 42 ngày (dạng bột, viên)	54	TP.BD 019/09	
1013	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho heo con từ sau cai sữa 1 tuần đến 30kg (dạng bột, viên)	A55	TP.BD 020/08	
1014	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà tam hoàng, lương phượng từ 43 ngày đến xuất bán (dạng bột, viên)	56	TP.BD 020/09	
1015	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho heo từ 30kg đến 50kg (dạng bột, viên)	56	TP.BD 021/08	
1016	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà tam hoàng, lương phượng từ 01 ngày đến xuất bán (dạng bột, viên)	57	TP.BD 021/09	
1017	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho heo từ 50kg đến 70kg (dạng bột, viên)	57	TP.BD 022/08	
1018	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà công nghiệp da vàng, chân vàng từ 1 đến 21 ngày (dạng bột, viên)	5002	TP.BD 022/09	
1019	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho heo từ 70kg đến xuất chuồng (dạng bột, viên)	58	TP.BD 023/08	
1020	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà công nghiệp da vàng, chân vàng từ 22 đến 42 ngày (dạng bột, viên)	5003	TP.BD 023/09	
1021	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho heo từ 20kg đến 50kg (dạng bột, viên)	59A	TP.BD 024/08	
1022	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà công nghiệp da vàng, chân vàng từ 43 ngày đến xuất bán (dạng bột, viên)	5004	TP.BD 024/09	
1023	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho heo từ 50kg đến xuất chuồng (dạng bột, viên)	59B	TP.BD 025/08	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
1024	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà hậu bị từ 6 tuần đến 18 tuần (dạng bột, viên)	2010	TP.BD 025/09	
1025	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho heo hậu bị, nái mang thai và nái khô (dạng bột, viên)	8	TP.BD 026/08	
1026	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà đẻ (dạng bột, viên)	2001	TP.BD 026/09	
1027	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho heo nái tiết sữa nuôi con (dạng bột, viên)	9	TP.BD 027/08	
1028	Thức ăn đậm đặc dùng để trộn cho gà đẻ (dạng bột, viên)	C16	TP.BD 027/09	
1029	Thức ăn đậm đặc dùng để trộn cho gà thịt (dạng bột, viên)	C19	TP.BD 028/09	
1030	Thức ăn đậm đặc dùng để trộn cho gà thịt từ 01 ngày đến xuất bán (dạng bột, viên)	C27	TP.BD 029/09	
1031	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt, ngan thịt từ 01 đến 21 ngày (dạng bột, viên)	111	TP.BD 030/09	
1032	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt, ngan thịt từ 22 ngày đến xuất bán (dạng bột, viên)	121	TP.BD 031/09	
1033	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt, ngan thịt từ 01 ngày đến xuất bán (dạng bột, viên)	141	TP.BD 032/09	
1034	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt, ngan thịt từ 01 ngày đến xuất bán (dạng bột, viên)	142	TP.BD 033/09	
1035	Thức ăn hỗn hợp dùng vỗ béo, xuất bán (dạng bột, viên)	143	TP.BD 034/09	
1036	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt, ngan đẻ (dạng bột, viên)	4000	TP.BD 035/09	
1037	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt, ngan đẻ (dạng bột, viên)	4001	TP.BD 036/09	
1038	Thức ăn đậm đặc dùng cho vịt, ngan đẻ (dạng bột, viên)	4050	TP.BD 037/09	
1039	Thức ăn đậm đặc dùng cho vịt, ngan đẻ (dạng bột, viên)	4051	TP.BD 038/09	
1040	Thức ăn hỗn hợp dùng cho cút hậu bị từ 1-35 ngày (dạng bột, viên)	1010	TP.BD 039/09	
1041	Thức ăn hỗn hợp dùng cho cút đẻ (dạng bột, viên)	1020	TP.BD 040/09	
1042	Thức ăn hỗn hợp dùng cho bò sữa (dạng bột, viên)	10	TP.BD 041/09	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
1043	Thức ăn hỗn hợp dùng cho bò thịt thương phẩm (dạng bột, viên)	11	TP.BD 042/09	
1044	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo con tập ăn đến 15 kg(dạng bột, viên)	A87	TP.BD 043/09	
1045	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo con tập ăn đến 15 kg(dạng bột, viên)	A88	TP.BD 044/09	
1046	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo từ 15 kg đến 30kg (dạng bột, viên)	D	TP.BD 045/09	
1047	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo từ 30 kg đến 70kg (dạng bột, viên)	6	TP.BD 046/09	
1048	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo từ 70 kg đến xuất chuồng (dạng bột, viên)	7	TP.BD 047/09	
1049	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo hậu bị, nái mang thai&nái thô (dạng bột, viên)	8	TP.BD 048/09	
1050	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo nái tiết sữa nuôi con (dạng bột, viên)	9	TP.BD 049/09	
1051	Thức ăn hỗn hợp dùng tạo nạc cho heo từ 30kg đến xuất chuồng (dạng bột, viên)	181	TP.BD 050/09	
1052	Thức ăn đậm đặc dùng cho heo từ 15kg đến xuất chuồng (dạng bột)	166	TP.BD 051/09	
1053	Thức ăn đậm đặc dùng cho heo nái ch ữa và heo nái nuôi con (dạng bột)	177	TP.BD 052/09	
1054	Thức ăn đậm đặc “cao đậm đặc biệt” dùng cho heo từ 05kg đến xuất chuồng (dạng bột)	188	TP.BD 053/09	
1055	Thức ăn đậm đặc “siêu đậm thư ợng hạng” dùng cho heo từ 05kg đến xuất chuồng (dạng bột)	199	TP.BD 054/09	
1056	Thức ăn đậm đặc “siêu đậm thư ợng hạng” dùng cho heo từ tập ăn đến xuất chuồng (dạng bột)	420	TP.BD 055/09	
1057	Thức ăn đậm đặc “siêu cao đậm” dùng cho heo t ừ 05kg đến xuất chuồng (dạng bột)	422	TP.BD 056/09	
1058	Thức ăn đậm đặc “siêu cao đậm” dùng cho heo t ừ 05kg đến xuất chuồng (dạng bột)	423	TP.BD 057/09	
1059	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà tam hoàng, lượng phươg từ 1 đến 21 ngày (dạng bột, viên)	6001	TP.BD 058/09	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
1060	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà tam hoàng, lượng phượng từ 22 ngày đến 42 ngày (dạng bột, viên)	6002	TP.BD 059/09	
1061	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà tam hoàng, lượng phượng từ 43 ngày đến xuất bán (dạng bột, viên)	6003	TP.BD 060/09	
1062	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà tam hoàng, lượng phượng từ 1 ngày đến xuất bán (dạng bột, viên)	6014	TP.BD 061/09	
1063	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà công nghiệp da vàng, chân vàng từ 1 đến 21 ngày (dạng bột, viên)	610	TP.BD 062/09	
1064	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà công nghiệp da vàng, chân vàng từ 22 ngày đến 42 ngày (dạng bột, viên)	611	TP.BD 063/09	
1065	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà công nghiệp da vàng, chân vàng từ 43 ngày đến xuất bán (dạng bột, viên)	612	TP.BD 064/09	
1066	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà hậu bị từ 6 tuần đến 18 tuần (dạng bột, viên)	6019	TP.BD 065/09	
1067	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà đẻ (dạng bột, viên)	6020	TP.BD 066/09	
1068	Thức ăn đậm đặc dùng cho gà thịt (dạng bột, viên)	666	TP.BD 067/09	
1069	Thức ăn đậm đặc “cao đạm” dùng cho gà thịt (dạng bột, viên)	667	TP.BD 068/09	
1070	Thức ăn đậm đặc dùng cho gà đẻ (dạng bột, viên)	999	TP.BD 069/09	
1071	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt, ngan thịt từ 1 đến 21 ngày (dạng bột, viên)	701	TP.BD 070/09	
1072	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt, ngan thịt từ 22 ngày đến xuất bán (dạng bột, viên)	702	TP.BD 071/09	
1073	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt, ngan thịt từ 1 ngày đến xuất bán (dạng bột, viên)	703	TP.BD 072/09	
1074	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt, ngan đẻ (dạng bột, viên)	700	TP.BD 073/09	
1075	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt, ngan đẻ (dạng bột, viên)	710	TP.BD 074/09	
1076	Thức ăn đậm đặc dùng cho vịt, ngan đẻ (dạng bột, viên)	739	TP.BD 075/09	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
1077	Thức ăn hỗn hợp dùng cho cút hậu bị từ 1-35 ngày (dạng bột, viên)	11	TP.BD 076/09	
1078	Thức ăn hỗn hợp dùng cho cút đẻ (dạng bột, viên)	12	TP.BD 077/09	
1079	Thức ăn hỗn hợp dùng cho bò sữa (dạng bột, viên)	10	TP.BD 078/09	
1080	Thức ăn hỗn hợp dùng cho bò thịt thương phẩm (dạng bột, viên)	11	TP.BD 079/09	
1081	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo con tập ăn đến 15kg (dạng bột, viên)	T1000	TP.BD 080/09	
1082	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo từ 15kg đến 30kg (dạng bột, viên)	D	TP.BD 081/09	
1083	thức ăn hỗn hợp dùng cho heo từ 30kg đến 70kg (dạng bột, viên)	6	TP.BD 082/09	
1084	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo từ 70kg đến xuất chuồng (dạng bột, viên)	7	TP.BD 083/09	
1085	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo hậu bị, nái mang thai & nái khô (dạng bột, viên)	8	TP.BD 084/09	
1086	Thức ăn hỗn hợp dùng cho nái tiết sữa nuôi con (dạng bột, viên)	9	TP.BD 085/09	
1087	Thức ăn hỗn hợp dùng tạo nạc cho heo từ 30kg đến xuất chuồng (dạng bột, viên)	161	TP.BD 086/09	
1088	Thức ăn đậm đặc “cao đạm đặc biệt” dùng cho heo từ 05kg đến xuất chuồng (dạng bột)	T305	TP.BD 087/09	
1089	Thức ăn đậm đặc “siêu cao đạm thượng hạng” dùng cho heo từ 05kg đến xuất chuồng (dạng bột)	T306	TP.BD 088/09	
1090	Thức ăn đậm đặc “siêu cao đạm tăng tốc” dùng cho heo tập ăn đến xuất chuồng (dạng bột)	T307	TP.BD 089/09	
1091	Thức ăn đậm đặc dùng cho heo nái chữa và heo nái nuôi con (dạng bột)	T1500	TP.BD 091/09	
1092	Thức ăn đậm đặc dùng cho heo từ 15kg đến xuất chuồng (dạng bột)	T1200	TP.BD 092/09	
1093	Thức ăn đậm đặc “cao đạm” dùng cho heo từ 05kg đến xuất chuồng (dạng bột)	T1800	TP.BD 092/09	
1094	Thức ăn đậm đặc “cao đạm thượng hạng” dùng cho heo từ 05kg đến xuất chuồng (dạng bột)	T333	TP.BD 093/09	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
1095	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà tam hoàng, lượng phượng từ 1 đến 21 ngày (dạng bột, viên)	901	TP.BD 094/09	
1096	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà tam hoàng, lượng phượng từ 22 ngày đến 42 ngày (dạng bột, viên)	922	TP.BD 095/09	
1097	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà tam hoàng, lượng phượng từ 43 ngày đến xuất bán (dạng bột, viên)	943	TP.BD 096/09	
1098	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà tam hoàng, lượng phượng từ 1 ngày đến xuất bán (dạng bột, viên)	911	TP.BD 097/09	
1099	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà công nghiệp da vàng, chân vàng từ 1 đến 21 ngày (dạng bột, viên)	8106	TP.BD 098/09	
1100	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà công nghiệp da vàng, chân vàng từ 22 đến 42 ngày (dạng bột, viên)	8107	TP.BD 099/09	
1101	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà công nghiệp da vàng, chân vàng từ 43 ngày đến xuất bán (dạng bột, viên)	8108	TP.BD 100/09	
1102	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà hậu bị từ 6 tuần đến 18 tuần (dạng bột, viên)	9089	TP.BD 101/09	
1103	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà đẻ (dạng bột, viên)	9090	TP.BD 102/09	
1104	Thức ăn đậm đặc dùng để trộn cho gà đẻ (dạng bột, viên)	T2000	TP.BD 103/09	
1105	Thức ăn đậm đặc dùng cho gà thịt (dạng bột, viên)	T2400	TP.BD 104/09	
1106	Thức ăn đậm đặc “cao đạm” dùng cho gà thịt (dạng bột, viên)	T2500	TP.BD 105/09	
1107	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt, ngan thịt từ 1 đến 21 ngày (dạng bột, viên)	810	TP.BD 106/09	
1108	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt, ngan thịt từ 22 ngày đến xuất bán (dạng bột, viên)	815	TP.BD 107/09	
1109	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt, ngan thịt từ 1 ngày đến xuất bán (dạng bột, viên)	820	TP.BD 108/09	
1110	Thức ăn hỗn hợp “cao đạm” dùng cho vịt, ngan đẻ (dạng bột, viên)	800D	TP.BD 109/09	
1111	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt, ngan đẻ (dạng bột, viên)	808D	TP.BD 110/09	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
1112	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt, ngan đẻ (dạng bột, viên)	899D	TP.BD 111/09	
1113	Thức ăn đậm đặc dùng cho vịt, ngan đẻ (dạng bột, viên)	809D	TP.BD 112/09	
1114	Thức ăn hỗn hợp dùng cho cút hậu bị từ 1-35 ngày (dạng bột, viên)	600	TP.BD 113/09	
1115	Thức ăn hỗn hợp dùng cho cút đẻ (dạng bột, viên)	800	TP.BD 114/09	
1116	Thức ăn hỗn hợp dùng cho bò sữa (dạng bột, viên)	10	TP.BD 115/09	
1117	Thức ăn hỗn hợp dùng cho bò thịt thương phẩm (dạng bột, viên)	11	TP.BD 116/09	
	Công ty TNHH UNI-PRESIDENT Việt Nam Địa chỉ: Số 16-18, Đường ĐT 743, Khu công nghiệp Sóng Thần 2, Tx. Dĩ An, Bình Dương Điện thoại: 0650.3790811~6. Fax: 0650.3790810			
1118	Thức ăn siêu đậm đặc cho heo thịt từ 5kg-xuất chuồng	R1120	01:2004/UPBD	
1119	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho gà giống	H2410	01:2007/UPBD	
1120	Thức ăn hỗn hợp dạng hạt cho gà đẻ thương phẩm từ 18-78 tuần	H2341	01:2011/UPBD	
1121	Bột bắp nấu chín	1001A	01M:2003/UPBD	
1122	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho gà giống (khi tỷ lệ đẻ trên 75%)	H2410A	02:2007/UPBD	
1123	Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho bò con từ 0-6 tháng	H5210	02:2011/UPBD	
1124	Bột đậu nành nấu chín	2002A	02M:2003/UPBD	
1125	Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho heo thịt từ 20kg-50kg	N1130	03:2003/UPBD	
1126	Thức ăn đặc biệt dạng viên cho heo con 7 ngày-15kg	H1122A	03:2004/UPBD	
1127	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt giống	H4312	03:2007/UPBD	
1128	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho bò con từ 0-6 tháng	H5212	03:2011/UPBD	
1129	Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho heo thịt 50kg-90kg (hoặc xuất chuồng)	N1140	04:2003/UPBD	
1130	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt giống (khi tỷ lệ đẻ trên 75%)	H4312A	04:2007/UPBD	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
1131	Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho bò con từ 0-6 tháng	N5210	04:2011/UPBD	
1132	Thức ăn đặc biệt dạng viên cho heo con từ 7 ngày -15kg	N1122A	05:2004/UPBD	
1133	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho bò con từ 0-6 tháng	N5212	05:2011/UPBD	
1134	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt đẻ thương phẩm từ 18-78 tuần	N4242A	06:2004/UPBD	
1135	Thức ăn hỗn hợp dạng hạt cho gà đẻ thương phẩm từ 18- 78 tuần	N2341	06:2011/UPBD	
1136	Thức ăn thay thế sữa dạng viên cho heo từ 7 ngày - 8kg	N1112	07:2003/UPBD	
1137	Thức ăn đặc biệt dạng viên cho heo thịt từ 15kg-30kg	H1132A	07:2011/UPBD	
1138	Thức ăn đặc biệt dạng viên cho heo thịt từ 30kg-60kg	H1142A	07:2011/UPBD	
1139	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho heo theo mẹ 8kg -20kg	N1122	08:2003/UPBD	
1140	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho heo thịt 20kg-50kg	N1132	09:2003/UPBD	
1141	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho heo thịt 50kg-90kg (hoặc xuất chuồng)	N1142	10:2003/UPBD	
1142	Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho cút con từ 1-5 tuần tuổi	H3110	11:2002/UPBD	
1143	Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho cút đẻ từ 5-60 tuần	H3120	12:2002/UPBD	
1144	Thức ăn đậm đặc cho heo thịt từ 15kg- xuất chuồng	R1110A	13:2003/UPBD	
1145	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt đẻ thương phẩm từ 18-78 tuần	H4242	14:2002/UPBD	
1146	Thức ăn đậm đặc cho heo thịt từ 15kg- xuất chuồng	R1110	14:2003/UPBD	
1147	Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho heo nái hậu bị, nái chữa	N1210	15:2003/UPBD	
1148	Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho heo nái nuôi con	N1220	16:2003/UPBD	
1149	Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho heo thịt từ 15kg-30kg	H1130	17:2002/UPBD	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
1150	Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho heo thịt từ 30kg-60kg	H1140	18:2002/UPBD	
1151	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho heo nái hậu bị, nái chữa	N1212	19:2003/UPBD	
1152	Thức ăn thay thế sữa dạng viên cho heo từ 7 ngày - 8kg	H1112	20:2002/UPBD	
1153	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho heo nái nuôi con	N1222	20:2003/UPBD	
1154	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho heo con theo mẹ từ 8kg-15kg	H1122	21:2002/UPBD	
1155	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho heo thịt từ 15kg-30kg	H1132	22:2002/UPBD	
1156	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho heo thịt từ 30kg-60kg	H1142	23:2002/UPBD	
1157	Thức ăn đậm đặc cho heo nái chữa	R1210	23:2003/UPBD	
1158	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho heo thịt từ 60kg- xuất chuồng	H1152	24:2002/UPBD	
1159	Thức ăn đậm đặc cho heo nái nuôi con	R1220	24:2003/UPBD	
1160	Thức ăn đậm đặc cho heo thịt từ 15kg- xuất chuồng	D1110	25:2002/UPBD	
1161	Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho heo nái hậu bị, nái chữa	H1210	26:2002/UPBD	
1162	Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho heo nái nuôi con	H1220	27:2002/UPBD	
1163	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho heo nái hậu bị, nái chữa	H1212	28:2002/UPBD	
1164	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho gà thịt từ 1- 21 ngày tuổi	N2111	28:2003/UPBD	
1165	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho heo nái nuôi con	H1222	29:2002/UPBD	
1166	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho gà thịt từ 22- 42 ngày tuổi	N2122	29:2003/UPBD	
1167	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho gà thịt từ 42 ngày- xuất chuồng	N2132	30:2003/UPBD	
1168	Thức ăn đậm đặc cho gà thịt từ 11 ngày - xuất chuồng	R2110	31:2003/UPBD	
1169	Thức ăn đậm đặc cho heo nái chữa	D1210	32:2002/UPBD	
1170	Thức ăn đậm đặc cho heo nái nuôi con	D1220	33:2002/UPBD	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
1171	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho gà thả vườn từ 1- 28 ngày tuổi	N2211	35:2003/UPBD	
1172	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho gà thả vườn từ 28 ngày- xuất chuồng	N2222	36:2003/UPBD	
1173	Cám gạo nguyên đầu dạng viên	Cám gạo nguyên đầu dạng viên	36:2011/UPVN	
1174	Thức ăn hỗn hợp dạng hạt cho gà thịt từ 1-21 ngày tuổi	H2111	37:2002/UPBD	
1175	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho gà thịt từ 22-42 ngày tuổi	H2122	38:2002/UPBD	
1176	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho gà thịt từ 42 ngày- xuất chuồng	H2132	39:2002/UPBD	
1177	Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho gà đẻ thương phẩm từ 1-8 tuần	N2310	39:2003/UPBD	
1178	Thức ăn đậm đặc cho gà thịt từ 11 ngày - xuất chuồng	D2110	40:2002/UPBD	
1179	Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho gà đẻ thương phẩm từ 8-18 tuần	N2320	40:2003/UPBD	
1180	Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho gà đẻ thương phẩm từ 18- 78 tuần	N2340	41:2003/UPBD	
1181	Thức ăn hỗn hợp dạng hạt cho gà đẻ thương phẩm từ 1-8 tuần	N2311	42:2003/UPBD	
1182	Thức ăn hỗn hợp dạng hạt cho gà thả vườn từ 1-28 ngày tuổi	H2211	43:2002/UPBD	
1183	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho gà đẻ thương phẩm từ 8-18 tuần	N2322	43:2003/UPBD	
1184	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho gà thả vườn từ 28 ngày - xuất chuồng	H2222	44:2002/UPBD	
1185	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho gà đẻ thương phẩm từ 18- 78 tuần	N2342	44:2003/UPBD	
1186	Thức ăn đậm đặc cho gà đẻ thương phẩm từ 8-18 tuần	R2310	45:2003/UPBD	
1187	Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho gà đẻ thương phẩm từ 1-8 tuần	H2310	46:2002/UPBD	
1188	Thức ăn đậm đặc cho gà đẻ thương phẩm từ 18-78 tuần	R2320	46:2003/UPBD	
1189	Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho gà đẻ thương phẩm từ 8-18 tuần	H2320	47:2002/UPBD	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
1190	Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho cút con từ 1-5 tuần tuổi	N3110	47:2003/UPBD	
1191	Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho cút đẻ từ 5-60 tuần	N3120	48:2003/UPBD	
1192	Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho gà đẻ thương phẩm từ 18-78 tuần	H2340	49:2002/UPBD	
1193	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt thịt, ngỗng thịt từ 1-3 tuần	N4112	50:2003/UPBD	
1194	Thức ăn hỗn hợp dạng hạt cho gà đẻ thương phẩm từ 1-8 tuần	H2311	51:2002/UPBD	
1195	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt thịt, ngỗng thịt từ 3-6 tuần	N4122	51:2003/UPBD	
1196	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho gà đẻ thương phẩm từ 8-18 tuần	H2322	52:2002/UPBD	
1197	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt thịt, ngỗng thịt từ 6 tuần- xuất chuồng	N4132	52:2003/UPBD	
1198	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho gà đẻ thương phẩm từ 18-78 tuần	H2342	54:2002/UPBD	
1199	Thức ăn đậm đặc cho gà đẻ thương phẩm từ 8-18 tuần	D2310	56:2002/UPBD	
1200	Thức ăn đậm đặc cho gà đẻ thương phẩm từ 18-40 tuần	D2320	57:2002/UPBD	
1201	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt đẻ thương phẩm từ 18-78 tuần	N4242	57:2003/UPBD	
1202	Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho bò sữa	N5110	61:2003/UPBD	
1203	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt thịt, ngỗng thịt từ 1-3 tuần	H4112	62:2002/UPBD	
1204	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho bò sữa	N5112	62:2003/UPBD	
1205	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt thịt, ngỗng thịt từ 3-6 tuần	H4122	63:2002/UPBD	
1206	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt thịt từ 6 tuần - xuất chuồng	H4132	64:2002/UPBD	
1207	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt đẻ thương phẩm từ 18-78 tuần	H4242A	69:2002/UPBD	
1208	Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho bò sữa	H5110	72:2002/UPBD	
1209	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho bò sữa	H5112	73:2002/UPBD	
1210	Thức ăn đậm đặc cho heo thịt từ 15kg- xuất chuồng	D1110A	76:2002/UPBD	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
1211	Thức ăn siêu đậm đặc cho heo thịt từ 5kg- xuất chuồng	D1120	78:2002/UPBD	
	Công ty TNHH Dinh dưỡng động vật EH Bình Định Việt Nam Địa chỉ: Lô C4, KCN Phú Tài, Quy Nhơn, Bình Định. Tel: 056.3510655 - 3510618. Fax: 056.3510618.			
1212	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo sữa từ 05 ngày - 35 ngày tuổi	9022A	01:2011EH BĐ	
1213	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo sữa từ 05 ngày - 15 kg	9988, 9020, EH20	02:2011EH BĐ	
1214	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo sữa từ 15kg - 30kg	9018, EH18, 552	03:2011EH BĐ	
1215	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo từ 30kg - 60kg	9016, EH16, 553	04:2011EH BĐ	
1216	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo từ 30kg đến xuất chuồng	9015, EH15, 554	05:2011EH BĐ 06:2011EH BĐ	
1217	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo từ 30kg đến 70kg	9014, EH14, 555	05:2011EH BĐ 06:2011EH BĐ	
1218	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo nái mang thai	9215, 556	07:2011EH BĐ	
1219	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo nái nuôi con	9216, 557	08:2011EH BĐ	
1220	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt con từ 0- 6tuần tuổi	7101	15:2011EH BĐ	
1221	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt, ngan trứng sau 7 tuần tuổi đến lúc đẻ trứng	7102	16:2011EH BĐ	
1222	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt đẻ trứng	7103, 7104, 7066, 768	17:2011EH BĐ 18:2011EH BĐ 33:2011EH BĐ	
1223	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt, ngan thịt từ 0-21 ngày	7201	19:2011EH BĐ	
1224	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt thịt từ 22 ngày đến xuất chuồng	7202	20:2011EH BĐ	
1225	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt, ngan thịt từ 43 ngày trở lên	7203	21:2011EH BĐ	
1226	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà trứng từ 0- 6 tuần tuổi	8201	22:2011EH BĐ	
1227	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà trứng từ 7- 18 tuần tuổi	8202	23:2011EH BĐ	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
1228	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà đẻ sau 18 tuần tuổi	8203	24:2011EH BD	
1229	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà thịt từ 0-21 ngày	8101	25:2011EH BD	
1230	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà thịt từ 22-42 ngày	8102	26:2011EH BD	
1231	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà thịt sau 43 ngày trở lên	8103	27:2011EH BD	
1232	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà tam hoàng từ 0-42 ngày	8301	28:2011EH BD	
1233	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà tam hoàng từ 43-63 ngày	8302	29:2011EH BD	
1234	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà tam hoàng sau 63 ngày trở lên	8303	30:2011EH BD	
1235	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo sữa từ 15kg - 30kg	9017, EH17	32:2011EH BD	
1236	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo sữa từ 07 ngày - 15 kg	9021, 551	34:2011EH BD	
	Công ty CP Greenfeed Việt Nam, Chi nhánh Bình Định Địa chỉ: Lô A1, Cụm Công nghiệp Nhơn Bình, Qui Nhơn, Bình Định. Tel: 056.3648756; Fax: 056.3648755			
1237	Thức ăn hỗn hợp dạng mảnh cho gà thịt thương phẩm từ 1-21 ngày tuổi	1112	01:2010/GF BD	
1238	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho gà thịt thương phẩm từ 22-35 ngày tuổi	1124	02:2010/GF BD	
1239	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho gà thịt thương phẩm từ 35 ngày tuổi – xuất chuồng	1134	03:2010/GF BD	
1240	Thức ăn hỗn hợp dạng bột/dạng mảnh/dạng viên cho gà đẻ trứng thương phẩm từ 18 tuần tuổi trở lên	1240, 1242, 1244	04:2010/GF BD, 61:2011/GF BD	
1241	Thức ăn đậm đặc cho gà đẻ hậu bị từ 1–18 tuần tuổi	1250	05:2010/GF BD	
1242	Thức ăn đậm đặc cho gà đẻ thương phẩm từ 18 tuần tuổi trở lên	1260	06:2010/GF BD	
1243	Thức ăn hỗn hợp dạng mảnh cho gà thịt thương phẩm từ 1 – 21 ngày tuổi	HC 112	07:2010/GF BD	
1244	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho gà thịt thương phẩm từ 22 - 35 ngày tuổi	HC 124	08:2010/GFBD	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
1245	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho gà thịt thương phẩm từ 35 ngày tuổi – xuất chuồng	HC 134	09:2010/GF BD	
1246	Thức ăn hỗn hợp dạng hạt cho gà thả vườn, gà lông màu từ 1- 30 ngày tuổi	1312	10:2010/GF BD	
1247	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho gà thả vườn, gà lông màu từ 31 ngày tuổi – xuất chuồng	1324	11:2010/GF BD	
1248	Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho cút con từ 1 – 35 ngày tuổi	2110	12:2010/GF BD	
1249	Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho cút đẻ từ 35 ngày tuổi trở lên	2120	13:2010/GF BD	
1250	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt con từ 1-21 ngày tuổi	3114	14:2010/GF BD	
1251	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt thịt từ 22 - 42 ngày tuổi	3124	15:2010/GF BD	
1252	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt thịt từ 43 ngày tuổi – xuất chuồng	3134	16:2010/GF BD	
1253	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt đẻ từ 18 tuần tuổi	3144	17:2010/GF BD	
1254	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt đẻ chạy đồng từ 20 tuần tuổi	3244	18:2010/GF BD	
1255	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt con từ 1-21 ngày tuổi	HD 114	19:2010/GF BD	
1256	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt thịt từ 22 - 42 ngày tuổi	HD 124	20:2010/GF BD	
1257	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt thịt từ 43 ngày tuổi – xuất chuồng	HD 134	21:2010/GF BD	
1258	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt đẻ từ 18 tuần tuổi	HD 144	22:2010/GF BD	
1259	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt đẻ chạy đồng từ 20 tuần tuổi	HD 244	23:2010/GF BD	
1260	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt đẻ trứng siêu thịt từ 20 tuần tuổi	3154	24:2010/GF BD	
1261	Thức ăn hỗn hợp dạng bột/ dạng viên LEAN MAX 1 cho heo từ 15kg đến 30kg	9100, 9104	25:2010/GF BD	
1262	Thức ăn hỗn hợp dạng bột/ dạng viên LEAN MAX – 2 cho heo từ 30kg – 60kg	9200, 9204	26:2010/GF BD	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
1263	Thức ăn hỗn hợp dạng bột/dạng viên LEAN MAX – 3 cho heo từ 60kg – xuất chuồng	9300, 9304	27:2010/GF BD	
1264	Thức ăn hỗn hợp dạng bột/dạng viên cho heo lai kinh tế từ 20kg – 40kg	9420, 9424	28:2010/GF BD	
1265	Thức ăn hỗn hợp dạng viên Winner – 1 cho heo con từ tập ăn đến 8kg	9014	30:2010/GF BD	
1266	Thức ăn hỗn hợp dạng bột/ dạng viên cho heo lai từ 40kg- xuất chuồng	9430, 9434	30:2010/GF BD	
1267	Thức ăn hỗn hợp cho heo lai từ 40 kg – xuất chuồng	HP430, HP434	31:2010/GFBD	
1268	Thức ăn hỗn hợp dạng bột/ dạng viên LEAN MAX - 1 cho heo từ 15kg đến 30kg	HP 100, HP 104	32:2010/GF BD	
1269	Thức ăn hỗn hợp dạng bột/ dạng viên LEAN MAX - 2 cho heo từ 30kg đến 60kg	HP 200, HP 204	33:2010/GF BD	
1270	Thức ăn hỗn hợp dạng bột/ dạng viên LEAN MAX - 3 cho heo từ 60kg đến xuất chuồng	HP 300, HP 304	34:2010/GF BD	
1271	Thức ăn đậm đặc cho gà thịt thương phẩm từ 1 ngày tuổi – xuất chuồng	1160	35:2010/GF BD	
1272	Thức ăn hỗn hợp dạng bột/ dạng viên Winner -2 cho heo con từ 8kg – 15kg	9020, 9024	37:2010/GF BD	
1273	Thức ăn hỗn hợp dạng bột/ dạng viên WINNER – 2 cho heo con từ 8kg đến 15kg	HP 020, HP 024	38:2010/GF BD	
1274	Thức ăn hỗn hợp dạng bột/ dạng viên cho heo con sau cai sữa WINNER - 3	9030, 9034	39:2010/GF BD	
1275	Thức ăn hỗn hợp dạng bột/ dạng viên cho heo con sau cai sữa từ 15 đến 30kg	HP 030, HP 034	40:2010/GF BD	
1276	Thức ăn hỗn hợp dạng bột/dạng viên PROGESTA cho heo nái mang thai	9040, 9044	41:2010/GF BD	
1277	Thức ăn hỗn hợp dạng bột/ dạng viên DURA – SOW cho heo nái nuôi con	9050, 9054	42:2010/GF BD	
1278	Thức ăn cho heo đực giống dạng bột/ dạng viên SUPER BOAR	9060, 9064	43:2010/GF BD	
1279	Thức ăn hỗn hợp dạng bột/ dạng viên PROGESTA ho heo nái mang thai	HP 040, HP 044	44:2010/GF BD	
1280	Thức ăn hỗn hợp dạng bột/ dạng viên DURA-SOW cho heo nái nuôi con	HP 050, HP 054	45:2010/GF BD	
1281	Thức ăn cho heo đực giống dạng bột/ dạng viên SUPER BOAR	HP 060, HP 064	46:2010/GF BD	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
1282	Thức ăn đậm đặc LEAN MAX CONCENTRATE cho heo thịt từ 15kg đến xuất chuồng	9600	47:2010/GF BD	
1283	Thức ăn đậm đặc cho heo thịt Sau cai sữa – xuất chuồng	9610	48:2010/GF BD	
1284	Thức ăn đậm đặc cho heo thịt siêu nạc Sau cai sữa – xuất chuồng	9630	49:2011/GF BD	
1285	Thức ăn đậm đặc cho heo nái mang thai	9700	50:2010/GF BD	
1286	Thức ăn đậm đặc cho heo nái nuôi con	9800	51:2010/GF BD	
1287	Thức ăn đậm đặc LEAN MAX CONCENTRATE cho heo thịt từ 15kg đến xuất chuồng	HP 600	52:2010/GF BD	
1288	Thức ăn đậm đặc cho heo thịt Sau cai sữa – xuất chuồng	HP 610	53:2010/GF BD	
1289	Thức ăn đậm đặc cho heo thịt siêu nạc Sau cai sữa – xuất chuồng	HP 630	54:2010/GF BD	
1290	Thức ăn đậm đặc cho heo nái mang thai	HP 700	55:2010/GF BD	
1291	Thức ăn đậm đặc cho heo nái nuôi con	HP 800	56:2010/GF BD	
1292	Thức ăn đặc biệt dạng viên cho heo sau cai sữa đến 30kg- MEDIFEED	MF 99	57:2010/GF BD	
1293	Thức ăn hỗn hợp dạng viên WINNER – 1 cho heo con từ tập ăn đến 8 kg	HP 014	58:2010/GF BD	
1294	Thức ăn hỗn hợp dạng bột /dạng mảnh cho gà con hướng trứng thương phẩm từ 1- 8 tuần tuổi	1210, 1212	62:2011/GF BD	
1295	Thức ăn hỗn hợp dạng bột/ dạng mảnh/dạng viên cho gà hậu bị từ 9 – 18 tuần tuổi	1220, 1222, 1224	63:2011/GF BD	
1296	Thức ăn hỗn hợp dạng bột /dạng mảnh cho gà con hướng trứng thương phẩm từ 1- 8 tuần tuổi	HC 210, HC 212	64:2011/GF BD	
1297	Thức ăn hỗn hợp dạng bột/ dạng mảnh/dạng viên cho gà hậu bị từ 9 – 18 tuần tuổi	HC 220, HC 222, HC 224	65:2011/GF BD	
1298	Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho gà đẻ trứng thương phẩm từ 18 tuần tuổi trở lên	HC 240	66:2011/GF BD	
1299	Thức ăn hỗn hợp dạng mảnh cho gà đẻ trứng thương phẩm từ 18 tuần tuổi trở lên	HC 242	67:2011/GFBD	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
1300	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho gà đẻ trứng thương phẩm từ 18 tuần tuổi trở lên	HC 244	68:2011/GF BD	
1301	Thức ăn đậm đặc cho heo thịt siêu nạc sau cai sữa – xuất chuồng	9690	69:2011/GFBD	
	Công ty TNHH Thức ăn chăn nuôi Đặc Khu Hope Việt Nam Địa chỉ: Lô C (C4) KCN Quang Châu, Việt Yên, Bắc Giang. Tel: 02403665555.			
1302	Thức ăn hỗn hợp cao cấp thể hệ mới cho lợn sữa từ 5 ngày tuổi-15kg	KHU HOPE - SỮA VÀNG	01: 2010/TQBG	
1303	Thức ăn hỗn hợp cao cấp thể hệ mới cho lợn sữa từ 7 ngày -25kg	KHU HOPE - 1	02: 2010/TQBG	
1304	Thức ăn hỗn hợp cao cấp thể hệ mới cho lợn từ 15kg-40kg	KHU HOPE - 2	03: 2010/TQBG	
1305	Thức ăn hỗn hợp siêu nạc thể hệ mới cho lợn từ 30kg trở lên	KHU HOPE - 3	04: 2010/TQBG	
1306	Thức ăn hỗn hợp thể hệ mới cho lợn từ 40kg trở lên	KHU HOPE - 4	05: 2010/TQBG	
1307	Thức ăn hỗn hợp thể hệ mới cho lợn từ 40kg trở lên	KHU HOPE - 5	06: 2010/TQBG	
1308	Thức ăn hỗn hợp thể hệ mới cho lợn nái hậu bị	KHU HOPE - 6	07: 2010/TQBG	
1309	Thức ăn hỗn hợp thể hệ mới cho lợn nái chữa	KHU HOPE - 7	08: 2010/TQBG	
1310	Thức ăn hỗn hợp thể hệ mới cho lợn nái nuôi con	KHU HOPE - 8	09: 2010/TQBG	
1311	Thức ăn đậm đặc cao cấp thể hệ mới cho lợn từ 5kg trở lên	KHU HOPE - 4888	10: 2010/TQBG	
1312	Thức ăn đậm đặc cao cấp thể hệ mới cho lợn từ 5kg trở lên	KHU HOPE - 4788	11: 2010/TQBG	
1313	Thức ăn đậm đặc cao cấp thể hệ mới cho lợn từ 5kg trở lên	KHU HOPE - 4688	12: 2010/TQBG	
1314	Thức ăn đậm đặc cao cấp thể hệ mới cho lợn từ 5kg trở lên	KHU HOPE - 4588	13: 2010/TQBG	
1315	Thức ăn đậm đặc cao cấp thể hệ mới cho lợn từ 5kg trở lên	KHU HOPE - 4488	14: 2010/TQBG	
1316	Thức ăn đậm đặc cao cấp thể hệ mới cho lợn từ 5kg trở lên	KHU HOPE - 4388	15: 2010/TQBG	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
1317	Thức ăn đậm đặc cao cấp thể hệ mới cho lợn từ 5kg trở lên	KHU HOPE - 4288	16: 2010/TQBG	
1318	Thức ăn đậm đặc cao cấp thể hệ mới cho lợn nái hậu bị, nái chữa, nái nuôi con	KHU HOPE - 4004	17: 2010/TQBG	
1319	Thức ăn hỗn hợp thể hệ mới cho gà thịt từ 01 -21 ngày tuổi	KHU HOPE - 5110	18: 2010/TQBG	
1320	Thức ăn hỗn hợp thể hệ mới cho gà thịt từ 21 - 42 ngày tuổi	KHU HOPE - 5111	19: 2010/TQBG	
1321	Thức ăn hỗn hợp thể hệ mới cho gà thịt từ 42 ngày tuổi trở lên	KHU HOPE - 5112	20: 2010/TQBG	
1322	Thức ăn đậm đặc thể hệ mới cho gà thịt từ 01 ngày tuổi trở lên	KHU HOPE - 2222	21: 2010/TQBG	
1323	Thức ăn hỗn hợp thể hệ mới cho gà lông màu từ 01 -21 ngày tuổi	KHU HOPE - 5110L	22: 2010/TQBG	
1324	Thức ăn hỗn hợp thể hệ mới cho gà lông màu từ 21 - 42 ngày tuổi	KHU HOPE - 5111L	23: 2010/TQBG	
1325	Thức ăn hỗn hợp thể hệ mới cho gà lông màu từ 42 ngày tuổi trở lên	KHU HOPE - 5112L	24: 2010/TQBG	
1326	Thức ăn hỗn hợp thể hệ mới cho gà lông màu từ 1 ngày tuổi trở lên	KHU HOPE - 5000	25: 2010/TQBG	
1327	Thức ăn hỗn hợp thể hệ mới cho gà đẻ hậu bị	KHU HOPE - 5555	26: 2010/TQBG	
1328	Thức ăn hỗn hợp thể hệ mới cho gà đẻ cao sản	KHU HOPE - 6666	27: 2010/TQBG	
1329	Thức ăn hỗn hợp thể hệ mới cho vịt ngan thịt từ 01- 21 ngày tuổi	KHU HOPE - 6111	28: 2010/TQBG	
1330	Thức ăn hỗn hợp thể hệ mới cho vịt ngan thịt từ 21 - 42 ngày tuổi	KHU HOPE - 6112	29: 2010/TQBG	
1331	Thức ăn hỗn hợp thể hệ mới cho vịt ngan thịt từ 42 ngày tuổi trở lên	KHU HOPE - 6113	30: 2010/TQBG	
1332	Thức ăn hỗn hợp thể hệ mới cho vịt ngan thịt từ 01 ngày tuổi trở lên	KHU HOPE - 6000	31: 2010/TQBG	
1333	Thức ăn hỗn hợp thể hệ mới cho vịt ngan đẻ tỷ lệ $\geq 85\%$	KHU HOPE - 8888	32: 2010/TQBG	
	Công ty Cổ phần Dinh dưỡng quốc tế Đài Trung Địa chỉ: Số 406 khu chung cư Quang Minh, phường Hoàng Văn Thụ, Tp. Bắc Giang, Bắc Giang. Điện thoại: 02403.828.966. Fax: 02403.828.966.			
1334	Thức ăn hỗn hợp cho heo lai kinh tế từ tập ăn đến 15kg	J.121	01: 2011/ĐT-HL1	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
1335	Thức ăn hỗn hợp cho heo lai kinh tế từ 15kg đến 30kg	J.131	02: 2011/ĐT-HL2	
1336	Thức ăn hỗn hợp cho heo lai kinh tế từ 30kg đến xuất	J.141	03: 2011/ĐT-HL3	
1337	Thức ăn hỗn hợp cho heo lai siêu nạc từ tập ăn đến 8kg	J.10	04: 2011/ĐT-HS1	
1338	Thức ăn hỗn hợp cho heo lai siêu nạc từ 8kg đến 20kg	J.11	05: 2011/ĐT-HS2	
1339	Thức ăn hỗn hợp cho heo lai siêu nạc từ 20kg đến 40kg	J.12	06: 2011/ĐT-HS3	
1340	Hỗn hợp cho heo lai siêu nạc từ 40kg đến xuất bán	J.14	07: 2011/ĐT-HS4	
1341	Hỗn hợp cho heo hướng nạc từ tập ăn đến 15kg	J.15	08: 2011/ĐT-HN1	
1342	Hỗn hợp cho heo hướng nạc từ 15kg đến 45kg	J.16	09: 2011/ĐT-HN2	
1343	Hỗn hợp cho heo hướng nạc từ 45kg đến xuất	J.17	10: 2011/ĐT-HN3	
1344	Hỗn hợp cho heo hướng nạc từ 25kg đến xuất	J.18S	11: 2011/ĐT-HN4	
1345	Thức ăn hỗn hợp cho heo nái chữa	J.511	12: 2011/ĐT-HNC	
1346	Thức ăn hỗn hợp cho heo nái mang thai	J.521	13: 2011/ĐT-HNT	
1347	Thức ăn hỗn hợp cho heo nái nuôi con	J.531	14: 2011/ĐT-HND	
1348	Thức ăn đậm đặc cho heo thịt từ tập ăn đến xuất chuồng	J.686	15: 2011/ĐT-ĐĐ	
1349	Hỗn hợp cho gà trắng từ 1 đến 14 ngày	J.01	16: 2011/ĐT-GT1	
1350	Hỗn hợp cho gà trắng từ 15 đến 28 ngày	J.03	17: 2011/ĐT-GT2	
1351	Hỗn hợp cho gà trắng từ 29 đến 42 ngày	J.05	18: 2011/ĐT-GT3	
1352	Hỗn hợp cho gà trắng từ 43 đến xuất	J.07	19: 2011/ĐT-GT4	
1353	Hỗn hợp cho gà lông màu từ 1 đến 28 ngày	J.08	20: 2011/ĐT-GM1	
1354	Hỗn hợp cho gà lông màu từ 29 đến xuất bán	J.09	21: 2011/ĐT-GM2	
1355	Thức ăn hỗn hợp cho gà hậu bị	J.23	22: 2011/ĐT-GĐ2	
1356	Thức ăn hỗn hợp cho gà đẻ siêu trứng	J.24	23: 2011/ĐT-GĐ1	
1357	Thức ăn đậm đặc cho gà thịt từ 1 ngày đến xuất bán	J.231	24: 2011/ĐT-ĐĐG	
1358	Hỗn hợp cho Vịt-Ngan thịt chạy đồng	J.61	25: 2011/ĐT- VNT	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
1359	Hỗn hợp cho vịt thịt từ 1 ngày đến 21 ngày	J.62	26: 2011/ĐT- VT1	
1360	Hỗn hợp cho vịt thịt từ 22 ngày đến xuất bán	J.63	27: 2011/ĐT- VT2	
1361	Hỗn hợp cho vịt – ngan đẻ trên 18 tuần tuổi	J.664	28: 2011/ĐT- VNĐ	
1362	Hỗn hợp cho vịt–ngan siêu đẻ trứng	J.646	29: 2011/ĐT- VNS	
	Công ty Cổ phần Thức ăn chăn nuôi Đất Việt Lô D5, D6 Khu công nghiệp Đình Trám, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang Điện thoại: 0240.3661385. Fax: 0240.3661387.			
1363	Thức ăn đậm đặc cho lợn thịt từ tập ăn – xuất chuồng	C100	01:2011/ ĐV.BG	
1364	Thức ăn đậm đặc cho lợn thịt từ 10kg – xuất chuồng	A100	02:2011/ ĐV.BG	
1365	Thức ăn đậm đặc cho lợn thịt từ tập ăn – xuất chuồng	D100	03:2011/ ĐV.BG	
1366	Thức ăn đậm đặc cho lợn thịt từ 10kg – xuất chuồng	S100	04:2011/ ĐV.BG	
1367	Thức ăn đậm đặc cho lợn nái chữa & nái nuôi con	E100, 662A	05:2011/ ĐV.BG	
1368	Thức ăn đậm đặc cho gà siêu thịt từ 1 ngày tuổi – xuất	F100	06:2011/ ĐV.BG	
1369	Thức ăn đậm đặc cho gà thịt từ 1 ngày tuổi – xuất	G100, 777A	07:2011/ ĐV.BG	
1370	Thức ăn đậm đặc cho ngan, vịt đẻ trứng	V100	08:2011/ ĐV.BG	
1371	Thức ăn hỗn hợp cho lợn con từ tập ăn – cai sữa	E21	09:2011/ ĐV.BG	
1372	Thức ăn hỗn hợp cho lợn con tập ăn – 15kg	E19	10:2011/ ĐV.BG	
1373	Thức ăn hỗn hợp cho lợn thịt siêu nạc từ 15kg – 30kg	E17	11:2011/ ĐV.BG	
1374	Thức ăn hỗn hợp cho lợn nái chữa	E39	12:2011/ ĐV.BG	
1375	Thức ăn hỗn hợp cho lợn thịt siêu nạc từ 30kg – xuất chuồng	E15	13:2011/ ĐV.BG	
1376	Thức ăn hỗn hợp cho lợn thịt từ 15kg – 30kg	L17, 881A	15:2011/ ĐV.BG	
1377	Thức ăn hỗn hợp cho gà siêu thịt từ 1-21 ngày tuổi	G21, 510A	16:2011/ ĐV.BG	
1378	Thức ăn hỗn hợp cho gà siêu thịt từ 22- 42 ngày tuổi	G19, 511A	17:2011/ ĐV.BG	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
1379	Thức ăn hỗn hợp cho gà siêu thịt từ 43 ngày tuổi – xuất	G16, 512A	18:2011/ ĐV.BG	
1380	Thức ăn hỗn hợp cho gà thịt từ 1-40 ngày tuổi	GM1, 551A	19:2011/ ĐV.BG	
1381	Thức ăn hỗn hợp cho gà thịt từ 41 ngày tuổi – xuất bán	GM2, 552A	20:2011/ ĐV.BG	
1382	Thức ăn hỗn hợp cho gà đẻ trứng từ 18 tuần tuổi- loại thải	G40	21:2011/ ĐV.BG	
1383	Thức ăn hỗn hợp cho vịt, ngan thịt từ 1-21 ngày tuổi	V19, 331A	22:2011/ ĐV.BG	
1384	Thức ăn hỗn hợp cho vịt, ngan thịt từ 22 ngày tuổi – xuất bán	V16, 332A	23:2011/ ĐV.BG	
1385	Thức ăn hỗn hợp cho vịt, ngan thịt từ 1 ngày tuổi – xuất bán	V15, 333A	24:2011/ ĐV.BG	
1386	Thức ăn hỗn hợp cho vịt, ngan đẻ trứng	V40	25:2011/ ĐV.BG	
1387	Thức ăn hỗn hợp cho gà hậu bị dưới 18 tuần tuổi	G39	26:2011/ ĐV.BG	
1388	Thức ăn hỗn hợp cho lợn thịt từ 30kg – xuất chuồng	L15, 882A	27:2011/ ĐV.BG	
1389	Thức ăn hỗn hợp cho lợn thịt từ 10kg – xuất chuồng	L13, 883A	29:2011/ ĐV.BG	
1390	Thức ăn hỗn hợp cho lợn nái nuôi con và cho con bú	E40	30:2011/ ĐV.BG	
1391	Thức ăn hỗn hợp cho gà thịt từ 1 ngày tuổi – xuất chuồng	LM3	31:2011/ ĐV.BG	
1392	Thức ăn hỗn hợp cho lợn thịt từ 20kg- 50kg	TURBO 888	32:2011/ ĐV.BG	
1393	Thức ăn đậm đặc cho lợn thịt từ tập ăn – xuất chuồng	A150S	33:2011/ ĐV.BG	
1394	Thức ăn hỗn hợp cho lợn con từ 7kg – 15kg	880A	36:2011/ ĐV.BG	
	Công ty TNHH Hải Sơn Địa chỉ: Số 22A, thị trấn Vôi, Lạng Giang, Bắc Giang. Tel: 02402213320. Fax: 02403638262.			
1395	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho lợn lai từ tập ăn đến 15kg	Hasaco 8888	HSBG20/06	
1396	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho lợn lai từ 15kg đến 30kg	Hasaco 9999	HSBG21/06	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
1397	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho lợn lai từ 30kg đến 60kg	Hasaco 1000	HSBG22/06	
1398	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho lợn lai từ 30kg đến xuất chuồng	Hasaco 2000	HSBG23/06	
1399	Thức ăn hỗn hợp dạng viên/mảnh dùng cho gà lông màu từ 01 ngày tuổi đến 40 ngày tuổi	Gà vàng 01	HSBG24/06	
1400	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho gà lông màu từ 41 ngày tuổi đến xuất bán	Gà vàng 02	HSBG25/06	
1401	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho vịt, ngan con từ 01 ngày tuổi đến 21 ngày tuổi	Vịt, ngan 1818	HSBG26/06	
1402	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho vịt, ngan từ 22 ngày tuổi đến xuất bán	Vịt, ngan 1819	HSBG27/06	
1403	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho vịt, ngan đẻ	Vịt, ngan đẻ 2020	HSBG28/06	
	Chi nhánh Chế biến lương thực & Thức ăn chăn nuôi Địa chỉ: Đường Tân Ninh, phường Trần Phú, thành phố Bắc Giang, Bắc Giang. Điện thoại: 0240.3854455; Fax: 0240.3854631.			
1404	Thức ăn đậm đặc dạng bột cho lợn thịt từ 6kg - xuất chuồng	M.151	01:2001/CNCBLT &TACN	
1405	Thức ăn đậm đặc dạng bột cho lợn thịt từ 6kg - xuất chuồng	M.152	02:2001/CNCBLT &TACN	
1406	Thức ăn đậm đặc dạng bột cho lợn thịt vỗ béo	M.153	03:2001/CNCBLT &TACN	
1407	Thức ăn đậm đặc dạng bột cho lợn nái	M.154	04:2001/CNCBLT &TACN	
1408	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho lợn thịt từ 10- 30kg	Lợn 1	05:2001/CNCBLT &TACN	
1409	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho lợn thịt từ 30kg- xuất	Lợn 2	06:2001/CNCBLT &TACN	
1410	Thức ăn đậm đặc dạng bột cho gà thịt từ 1 ngày tuổi – xuất	M.501	07:2001/CNCBLT &TACN	
1411	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho gà thịt từ 1- 21 ngày tuổi	M.502	08:2001/CNCBLT &TACN	
1412	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho gà thịt từ 22- 42 ngày tuổi	M.503	09:2001/CNCBLT &TACN	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
1413	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho gà thịt từ 43- xuất	M.504	10:2001/CNCBLT &TACN	
1414	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho gà lông màu từ 1- 35 ngày	M.505	11:2001/CNCBLT &TACN	
1415	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho gà lông màu từ 36 ngày xuất	M.506	12:2001/CNCBLT &TACN	
1416	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho ngan, vịt thịt từ 1- 21 ngày	M.701	14:2001/CNCBLT &TACN	
1417	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho ngan, vịt thịt từ 22- 42 ngày	M.702	15:2001/CNCBLT &TACN	
1418	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho ngan, vịt thịt từ 43- xuất	M.703	16:2001/CNCBLT &TACN	
1419	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt đẻ siêu trứng	M.704	17:2001/CNCBLT &TACN	
1420	Thức ăn đậm đặc dạng bột cho lợn thịt siêu nạc từ tập ăn – xuất	X 011	21:2001/CNCBLT &TACN	
1421	Thức ăn đậm đặc dạng bột cho lợn thịt siêu nạc từ tập ăn – xuất	X 002	22:2001/CNCBLT &TACN	
1422	Thức ăn đậm đặc dạng bột cho lợn thịt từ tập ăn – xuất.	X 033	24:2001/CNCBLT &TACN	
1423	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho lợn thịt siêu nạc từ 10 - 35kg	X 055	25:2001/CNCBLT &TACN	
1424	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho lợn thịt siêu nạc từ 35kg – xuất	X 066	26:2001/CNCBLT &TACN	
1425	Thức ăn đậm đặc dạng bột cho lợn nái mang thai & nuôi con	X 007	27:2001/CNCBLT &TACN	
1426	Thức ăn đậm đặc dạng bột cho gà thịt từ 1 ngày – xuất	X 101	28:2001/CNCBLT &TACN	
1427	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho gà thịt từ 1- 21 ngày tuổi	X 102	29:2001/CNCBLT &TACN	
1428	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho gà thịt từ 22-42 ngày tuổi	X 103	30:2001/CNCBLT &TACN	
1429	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho gà thịt từ 43 ngày- xuất	X 104	31:2001/CNCBLT &TACN	
1430	Thức ăn đậm đặc dạng bột cho lợn thịt từ 6kg- xuất chuồng	L111	31:2001/CNCBLT &TACN	
1431	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho gà thịt lông màu từ 1-35 ngày tuổi	X 105	32:2001/CNCBLT &TACN	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
1432	Thức ăn đậm đặc dạng bột cho lợn thịt từ tập ăn - xuất chuồng	L112	32:2001/CNCBLT &TACN	
1433	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho gà thịt lông màu từ 36 ngày – xuất	X 106	33:2001/CNCBLT &TACN	
1434	Thức ăn đậm đặc dạng bột cho lợn thịt vỗ béo	L113	33:2001/CNCBLT &TACN	
1435	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho gà đẻ siêu trứng	X 108	34:2001/CNCBLT &TACN	
1436	Thức ăn đậm đặc dạng bột cho lợn nái	L114	34:2001/CNCBLT &TACN	
1437	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho ngan, vịt thịt từ 1- 21 ngày	X 201	35:2001/CNCBLT &TACN	
1438	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho lợn thịt từ 10- 30kg	L115	35:2001/CNCBLT &TACN	
1439	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho ngan, vịt thịt từ 22 ngày – xuất	X 202	36:2001/CNCBLT &TACN	
1440	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho lợn thịt từ 30kg- xuất	L116	36:2001/CNCBLT &TACN	
1441	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt đẻ siêu trứng	X 204	37:2001/CNCBLT &TACN	
1442	Thức ăn đậm đặc dạng bột cho gà thịt từ 1 ngày tuổi – xuất	G. 121	37:2001/CNCBLT &TACN	
1443	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho ngan, vịt thịt từ 22 ngày – xuất	X 205	38:2001/CNCBLT &TACN	
1444	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho gà thịt từ 1- 21 ngày tuổi	G. 122	38:2001/CNCBLT &TACN	
1445	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho gà thịt từ 22- 42 ngày tuổi	G. 123	39:2001/CNCBLT &TACN	
1446	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho gà thịt từ 43- xuất	G. 124	40:2001/CNCBLT &TACN	
1447	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho gà lông màu từ 1- 35 ngày	G. 125	41:2001/CNCBLT &TACN	
1448	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho gà lông màu từ 36 ngày xuất	G. 126	42:2001/CNCBLT &TACN	
1449	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho gà đẻ siêu trứng	G. 127	43:2001/CNCBLT &TACN	
1450	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho ngan, vịt thịt từ 1- 21 ngày	v. 131	44:2001/CNCBLT &TACN	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
1451	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho ngan, vịt thịt từ 22- 42 ngày tuổi	v. 132	45:2001/CNCBLT &TACN	
1452	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho ngan, vịt thịt từ 43- xuất	v. 133	46:2001/CNCBLT &TACN	
1453	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt đẻ siêu trứng	v. 134	46:2001/CNCBLT &TACN	
	Công ty TNHH Thịnh Đức Địa chỉ: Tâm Tàng, Quang Châu, Việt Yên, Bắc Giang. Điện thoại: 0240.3868091. Fax: 0240.3868091.			
1454	Thức ăn đậm đặc dùng cho lợn từ tập ăn đến xuất bán	GF134	01:2011TĐ/BG	
1455	Thức ăn hỗn hợp dùng cho lợn từ 20kg đến xuất bán	GF554	013:2011 TĐ/BG	
1456	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà lông màu từ 21 ngày đến xuất bán	VU102	02:2011 TĐ/BG	
1457	Thức ăn hỗn hợp dùng cho lợn từ 15 đến 30kg.	VU121	03:2011 TĐ/BG	
1458	Thức ăn hỗn hợp dùng cho lợn từ 15 đến 30kg.	GF 222	04:2011 TĐ/BG	
1459	Thức ăn đậm đặc dùng cho lợn từ tập ăn đến xuất bán	VU1710	07:2004/TĐ.BG	
1460	Thức ăn hỗn hợp dùng cho Vịt, Ngan từ 28 ngày đến xuất bán	VU104	07:2011 TĐ/BG	
1461	Thức ăn đậm đặc dùng cho gà từ 01 ngày tuổi đến xuất bán	GF 200	TĐ.135/VU2002	
1462	Thức ăn đậm đặc dùng cho lợn nái	VU20	TĐ.BG 02/03	
1463	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà lông màu từ 01-21 ngày	VU101	TĐ.BG 06.08	
1464	Thức ăn đậm đặc dùng cho gà từ 01 ngày tuổi đến xuất bán	VU100	TĐ.BG 06/03	
1465	Thức ăn hỗn hợp dùng cho lợn từ 30kg đến xuất bán	VU 125	TĐ.BG 18/08	
1466	Thức ăn hỗn hợp dùng cho Vịt, Ngan từ 01-28 ngày tuổi	VU103	TĐ.BG 21/08	
1467	Thức ăn hỗn hợp dùng cho lợn từ 7 ngày tuổi đến 20kg.	GF 221	TĐ.BG 23/09	
1468	Thức ăn đậm đặc dùng cho lợn từ tập ăn đến xuất bán	G7	TĐ.BG 25/09	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
1469	Thức ăn đậm đặc dùng cho lợn từ tập ăn đến xuất bán	X9	TĐ.BG 25/09	
1470	Thức ăn hỗn hợp dùng cho lợn từ 7 ngày tuổi đến 20kg.	VU 145	TĐ.BG 25/09	
1471	Thức ăn hỗn hợp dùng cho lợn từ 30kg đến xuất bán	GF 223	TĐ.BG 26/09	
1472	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà lông màu từ 01-21 ngày	GF 441	TĐ.BG 27/09	
1473	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà lông màu từ 21 ngày đến xuất bán	GF 442	TĐ.BG 28/09	
1474	Thức ăn hỗn hợp dùng cho Vịt, Ngan từ 01-28 ngày tuổi	GF 331	TĐ.BG 29/09	
1475	Thức ăn hỗn hợp dùng cho Vịt, Ngan từ 28 ngày đến xuất bán	GF 332	TĐ.BG 30/09	
1476	Thức ăn hỗn hợp dùng cho lợn từ 30 kg đến xuất bán	GF 224	TĐ.BG 33/09	
1477	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà gột	GF 440	TĐ.BG 34/09	
1478	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà gột	VU101A	TĐ.BG 34/09	
1479	Thức ăn hỗn hợp dùng cho lợn từ 20kg đến xuất bán	VU668	TĐ.BG 34/10	
1480	Thức ăn hỗn hợp dùng cho lợn từ 30kg đến xuất bán	VU122	TĐ/BG/18/08	
	Công ty TNHH Vimark Địa chỉ: Lô D7, KCN Đình Trám, Việt Yên, Bắc Giang. Điện thoại: 0240.3559218. Fax: 0240.3559220.			
1481	Thức ăn chăn nuôi đậm đặc cho lợn thịt từ tập ăn đến xuất chuồng	3G	01:2011/ VM BG	
1482	Thức ăn chăn nuôi đậm đặc cho lợn thịt siêu nạc từ tập ăn đến xuất chuồng	M-559, O- 25, 9650	02:2011/ VM BG	
1483	Thức ăn chăn nuôi đậm đặc cho lợn thịt từ tập ăn đến xuất chuồng	M- 555, M- 557, O- 10	03:2011/ VM BG	
1484	Thức ăn chăn nuôi đậm đặc cho gà thịt từ 01 ngày tuổi đến xuất bán	M- 521, O- 22	04:2011/ VM BG	
1485	Thức ăn chăn nuôi đậm đặc cho lợn nái chữa và nái nuôi con	M-504, O- 44	05:2011/ VM BG	
1486	Thức ăn chăn nuôi hỗn hợp đặc biệt cho lợn con từ tập ăn đến 15kg	N- 88, O- 88	06:2011/ VM BG	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
1487	Thức ăn chăn nuôi hỗn hợp cho lợn siêu nạc từ 12kg đến 40kg	N- 82, 151-S, SN-20	07:2011/ VM BG	
1488	Thức ăn chăn nuôi hỗn hợp cho lợn siêu nạc từ 41kg đến 80kg (hoặc) xuất chuồng	N- 83, 181-S, SN-50	08:2011/ VM BG	
1489	Thức ăn chăn nuôi hỗn hợp cho lợn thịt lai F1, F2 từ 15kg đến 30kg	N- 85, F- 101	09:2011/ VM BG	
1490	Thức ăn chăn nuôi hỗn hợp cho lợn thịt lai F1, F2 từ 31kg đến xuất chuồng	N- 86, F- 102	10:2011/ VM BG	
1491	Thức ăn chăn nuôi hỗn hợp cho lợn nái chữa và nuôi con	N- 84, F- 104	11:2011/ VM BG	
1492	Thức ăn chăn nuôi hỗn hợp cho lợn thịt lai thường từ 31kg đến xuất chuồng	N- 189, F- 131	12:2011/ VM BG	
1493	Thức ăn chăn nuôi hỗn hợp cho gà siêu thịt từ 01 ngày đến 14 ngày tuổi	G- 14, T- 414	13:2011/ VM BG	
1494	Thức ăn chăn nuôi hỗn hợp cho gà siêu thịt từ 15 ngày đến 28 ngày tuổi	G- 28, T- 415	14:2011/ VM BG	
1495	Thức ăn chăn nuôi hỗn hợp cho gà siêu thịt từ 29 ngày tuổi đến xuất bán	G- 45, T- 416	15:2011/ VM BG	
1496	Thức ăn chăn nuôi hỗn hợp cho gà lông màu từ 01 ngày đến 22 ngày tuổi	G- 71, T- 228, 662- C	16:2011/ VM BG	
1497	Thức ăn chăn nuôi hỗn hợp cho gà lông màu từ 23 ngày tuổi đến xuất bán	G- 72, T- 229, 882- C	17:2011/ VM BG	
1498	Thức ăn chăn nuôi hỗn hợp cho vịt, ngan thịt từ 1 đến 21 ngày tuổi	G- 74, T- 321	18:2011/ VM BG	
1499	Thức ăn chăn nuôi hỗn hợp cho vịt, ngan thịt từ 22 ngày tuổi- xuất bán	G- 75, T- 322	19:2011/ VM BG	
1500	Thức ăn chăn nuôi hỗn hợp cho vịt, ngan thịt vỗ béo	G- 77, T- 323	20:2011/ VM BG	
	Công ty Cổ phần Tập đoàn DABACO Việt Nam Địa chỉ: Đường Lý Thái Tổ, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh. Điện thoại: 0241.3825.496. Fax: 0241.3826.077.			
1501	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho gà siêu thịt từ 1-14 ngày tuổi	G-4554	001:2010/DBC.BN	
1502	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho gà siêu thịt từ 15-28 ngày tuổi	G-4555	002:2010/DBC.BN	
1503	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho gà siêu thịt từ 29-42 ngày tuổi	G-4556	003:2010/DBC.BN	
1504	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho gà siêu thịt từ 43 ngày tuổi-xuất bán	G-4559	004:2010/DBC.BN	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
1505	Thức ăn hỗn hợp cho gà lông màu nuôi công nghiệp từ 1-30 ngày tuổi	G-4550	005:2010/DBC.BN	
1506	Thức ăn hỗn hợp cho gà lông màu nuôi công nghiệp 31 ngày tuổi-xuất bán	G-4551	006:2010/DBC.BN	
1507	Thức ăn hỗn hợp cho gà vàng thả vườn từ 1 ngày tuổi - xuất bán	G-4557	007:2010/DBC.BN	
1508	Thức ăn hỗn hợp cho gà vàng thả vườn từ 30 ngày tuổi -xuất bán	G-4558	008:2010/DBC.BN	
1509	Thức ăn hỗn hợp cho gà hậu bị từ 5-18 tuần tuổi	G-4552	009:2010/DBC.BN	
1510	Thức ăn hỗn hợp cho gà đẻ trứng từ 18 tuần tuổi đến kết thúc	G-4553	010:2010/DBC.BN	
1511	Thức ăn hỗn hợp cho vịt đẻ trứng	G-5552	011:2010/DBC.BN	
1512	Thức ăn hỗn hợp cho ngan, vịt thả đồng từ 1-28 ngày tuổi	G-5553	012:2010/DBC.BN	
1513	Thức ăn hỗn hợp cho ngan, vịt thả đồng từ 28 ngày tuổi - xuất bán	G-5554	013:2010/DBC.BN	
1514	Thức ăn hỗn hợp cho ngan, vịt thịt từ 48 ngày tuổi đến xuất bán	G-5558	014:2010/DBC.BN	
1515	Thức ăn hỗn hợp cho cút từ 1-35 ngày tuổi	G-3510	015:2010/DBC.BN	
1516	Thức ăn hỗn hợp dùng cho cút đẻ trứng	G-3520	016:2010/DBC.BN	
1517	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho bò sữa	G-4545	017:2010/DBC.BN	
1518	Thức ăn hỗn hợp dùng cho bò thịt	G-3036	018:2010/DBC.BN	
1519	Thức ăn đặc biệt cho lợn con tập ăn	Grow Feed số 1	019:2010/DBC.BN	
1520	Thức ăn hoàn chỉnh cho lợn cai sữa	G-8100	020:2010/DBC.BN	
1521	Thức ăn hỗn hợp cho lợn ngoại siêu nạc từ tập ăn đến 15kg	G-8100A	021:2010/DBC.BN	
1522	Thức ăn hỗn hợp cho thịt lợn từ 16-30kg	G-8777	022:2010/DBC.BN	
1523	Thức ăn hỗn hợp cho lợn từ 30kg đến xuất bán	G-8888	023:2010/DBC.BN	
1524	Thức ăn hỗn hợp cho lợn thịt từ 31-60kg	G-9999	024:2010/DBC.BN	
1525	Thức ăn hỗn hợp cao cấp cho lợn ngoại siêu nạc từ 15-30kg	G-8989	025:2010/DBC.BN	
1526	Thức ăn hỗn hợp cao cấp cho lợn ngoại siêu nạc từ 30kg -xuất bán	G-9090	026:2010/DBC.BN	
1527	Thức ăn hỗn hợp dùng cho lợn cái hậu bị và nái chữa	G-8686	028:2010/DBC.BN	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
1528	Thức ăn hỗn hợp dùng cho lợn nái nuôi con	G-8787	029:2010/DBC.BN	
1529	Thức ăn hỗn hợp dùng cho lợn đực giống khai thác tinh	G-8585	030:2010/DBC.BN	
1530	Thức ăn đậm đặc cao cấp cho gà thịt từ 1 ngày tuổi đến xuất bán	G-4500	031:2010/DBC.BN	
1531	Thức ăn đậm đặc cao cấp cho gà hậu bị từ 5-18 tuần tuổi	G-4570	032:2010/DBC.BN	
1532	Thức ăn đậm đặc cao cấp cho gà đẻ trứng từ 18 tuần tuổi đến kết thúc	G-4590	033:2010/DBC.BN	
1533	Thức ăn đậm đặc cao cấp cho vịt đẻ trứng	G-5550	034:2010/DBC.BN	
1534	Thức ăn đậm đặc cao cấp cho lợn từ cai sữa đến 25kg	G-8300	035:2010/DBC.BN	
1535	Thức ăn đậm đặc cao cấp cho lợn thịt từ 26-100kg	G-8400	036:2010/DBC.BN	
1536	Thức ăn đậm đặc cao cấp cho lợn thịt từ tập ăn đến xuất bán	G-8200	037:2010/DBC.BN	
1537	Thức ăn đậm đặc dạng bột cho lợn từ 5-100kg	G-8500	038:2010/DBC.BN	
1538	Thức ăn đậm đặc dạng bột cho lợn hướng nạc giai đoạn từ 7-100kg	G-8750	039:2010/DBC.BN	
1539	Thức ăn đậm đặc cao cấp cho lợn thịt vỗ béo	G-8900	040:2010/DBC.BN	
1540	Thức ăn đậm đặc cao cấp cho lợn nái chữa và nái nuôi con	G-8000	041:2010/DBC.BN	
1541	Thức ăn đậm đặc cao cấp cho bò tiết sữa	G-4546	042:2010/DBC.BN	
1542	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho ngan, vịt thịt từ 1 ngày tuổi - xuất bán	G-5559	043:2010/DBC.BN	
1543	Thức ăn hỗn hợp cho gà siêu thịt từ 1-14 ngày tuổi	T-7100	051:2010/DBC.BN	
1544	Thức ăn hỗn hợp cho gà siêu thịt từ 15-28 ngày tuổi	T-7200	052:2010/DBC.BN	
1545	Thức ăn hỗn hợp cho gà siêu thịt từ 29-42 ngày tuổi	T-7300	053:2010/DBC.BN	
1546	Thức ăn hỗn hợp cho gà siêu thịt từ 43 ngày tuổi-xuất bán	T-7400	054:2010/DBC.BN	
1547	Thức ăn hỗn hợp cho gà lông màu từ 1-42 ngày tuổi	T-701	055:2010/DBC.BN	
1548	Thức ăn hỗn hợp cho gà lông màu từ 42 ngày tuổi -xuất bán	T-702	056:2010/DBC.BN	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
1549	Thức ăn hỗn hợp cho gà lông màu từ 1 ngày tuổi đến xuất bán	T-7000	057:2010/DBC.BN	
1550	Thức ăn hỗn hợp cho gà vàng thả vườn từ 30 ngày tuổi-xuất bán	T-703	058:2010/DBC.BN	
1551	Thức ăn hỗn hợp cho gà hậu bị từ 5-18 tuần tuổi	T-5100	059:2010/DBC.BN	
1552	Thức ăn hỗn hợp cho gà đẻ trứng từ 18 tuần tuổi đến kết thúc	T-5000	060:2010/DBC.BN	
1553	Thức ăn hỗn hợp cao cấp cho vịt đẻ siêu trứng	T-502	061:2010/DBC.BN	
1554	Thức ăn hỗn hợp cho vịt thả đồng từ 1-28 ngày tuổi	T-3130	062:2010/DBC.BN	
1555	Thức ăn hỗn hợp cho vịt thả đồng từ 28 ngày tuổi -xuất bán	T-3230	063:2010/DBC.BN	
1556	Thức ăn hỗn hợp cho ngan, vịt từ 48 ngày tuổi đến xuất bán	T-3330	064:2010/DBC.BN	
1557	Thức ăn hỗn hợp cho cút từ 1-35 ngày tuổi	T-3300	065:2010/DBC.BN	
1558	Thức ăn hỗn hợp cao cấp dùng cho cút đẻ trứng	T-404	066:2010/DBC.BN	
1559	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho bò sữa	T-3535	067:2010/DBC.BN	
1560	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho ngan, vịt thịt từ 1 ngày tuổi -xuất bán	T-3430	068:2010/DBC.BN	
1561	Thức ăn đặc biệt cho lợn con tập ăn	Topfeeds số 1	069:2010/DBC.BN	
1562	Thức ăn đặc biệt dạng viên cho lợn con cai sữa	T-6020	070:2010/DBC.BN	
1563	Thức ăn hỗn hợp cho lợn ngoại siêu nạc từ tập ăn đến 15kg	T-6020A	071:2010/DBC.BN	
1564	Thức ăn hỗn hợp cho lợn thịt từ 16-30kg	T-2120	072:2010/DBC.BN	
1565	Thức ăn hỗn hợp cho lợn thịt từ 30kg đến xuất bán	T-2220	073:2010/DBC.BN	
1566	Thức ăn hỗn hợp cho lợn thịt từ 31-60kg	T-2222	074:2010/DBC.BN	
1567	Thức ăn hỗn hợp cao cấp cho lợn ngoại siêu nạc từ 15-30kg	T-2320	075:2010/DBC.BN	
1568	Thức ăn hỗn hợp cao cấp cho lợn ngoại siêu nạc từ 30kg -xuất bán	T-2330	076:2010/DBC.BN	
1569	Thức ăn hỗn hợp dạng bột và viên cho lợn cái hậu bị	T-6030	078:2010/DBC.BN	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
1570	Thức ăn hỗn hợp dùng cho lợn nái chữa và nuôi con	T-6040	079:2010/DBC.BN	
1571	Thức ăn hỗn hợp cho lợn đực khai thác tinh	T-6445	080:2010/DBC.BN	
1572	Thức ăn đậm đặc cao cấp cho gà thịt từ 1 ngày tuổi -xuất bán	T-2000	081:2010/DBC.BN	
1573	Thức ăn đậm đặc cao cấp cho gà hậu bị từ 5-18 tuần tuổi	T-2180	082:2010/DBC.BN	
1574	Thức ăn đậm đặc cao cấp cho gà đẻ trứng từ 18 tuần tuổi - kết thúc	T-5185	083:2010/DBC.BN	
1575	Thức ăn đậm đặc cao cấp cho vịt đẻ siêu trứng	T-503	084:2010/DBC.BN	
1576	Thức ăn đậm đặc cao cấp cho lợn tập ăn đến 30kg	T-6100	085:2010/DBC.BN	
1577	Thức ăn đậm đặc cao cấp cho lợn thịt từ 30kg đến xuất bán	T-6200	086:2010/DBC.BN	
1578	Thức ăn đậm đặc cao cấp cho lợn thịt từ tập ăn đến xuất bán	T-6300	087:2010/DBC.BN	
1579	Thức ăn đậm đặc cao cấp cho lợn thịt từ 5-100kg	T-6400	088:2010/DBC.BN	
1580	Thức ăn đậm đặc cao cấp cho lợn từ 5kg đến xuất bán	T-007	089:2010/DBC.BN	
1581	Thức ăn đậm đặc cao cấp cho lợn từ cai sữa đến xuất bán	T-009	090:2010/DBC.BN	
1582	Thức ăn đậm đặc cao cấp cho lợn siêu nạc từ 10-100kg	T-6220	091:2010/DBC.BN	
1583	Thức ăn đậm đặc cao cấp cho lợn nái chữa và nái nuôi con	T-6000	092:2010/DBC.BN	
1584	Thức ăn đậm đặc cao cấp cho bò tiết sữa	T-305	093:2010/DBC.BN	
1585	Thức ăn hỗn hợp cho gà siêu thịt từ 1-14 ngày tuổi	NS-910	101:2010/DBC.BN	
1586	Thức ăn hỗn hợp cho gà siêu thịt từ 15-28 ngày tuổi	NS-920	102:2010/DBC.BN	
1587	Thức ăn hỗn hợp cho gà siêu thịt từ 29-42 ngày tuổi	NS-930	103:2010/DBC.BN	
1588	Thức ăn hỗn hợp cho gà siêu thịt từ 43 ngày tuổi-xuất bán	NS-940	104:2010/DBC.BN	
1589	Thức ăn hỗn hợp cho gà lông màu nuôi công nghiệp từ 1-30ngày tuổi	NS-108	105:2010/DBC.BN	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
1590	Thức ăn hỗn hợp cho gà lông màu nuôi công nghiệp từ 31 ngày tuổi-xuất bán	NS-109	106:2010/DBC.BN	
1591	Thức ăn hỗn hợp cho gà vàng thả vườn từ 1 ngày tuổi-xuất bán	NS-107	107:2010/DBC.BN	
1592	Thức ăn hỗn hợp cho gà vàng thả vườn từ 30 ngày tuổi-xuất bán	NS-106	108:2010/DBC.BN	
1593	Thức ăn hỗn hợp cho gà hậu bị từ 5-18 tuần tuổi	NS-820	109:2010/DBC.BN	
1594	Thức ăn hỗn hợp cho gà đẻ trứng từ 18 tuần tuổi đến kết thúc	NS-810	110:2010/DBC.BN	
1595	Thức ăn hỗn hợp cho vịt đẻ trứng	NS-660	111:2010/DBC.BN	
1596	Thức ăn hỗn hợp cho vịt thả đồng từ 1-28 ngày tuổi	NS-610	112:2010/DBC.BN	
1597	Thức ăn hỗn hợp cho ngan, vịt thịt từ 28 ngày tuổi -xuất bán	NS-620	113:2010/DBC.BN	
1598	Thức ăn hỗn hợp cho ngan, vịt thịt từ 48 ngày tuổi -xuất bán	NS-630	114:2010/DBC.BN	
1599	Thức ăn hỗn hợp cho cút từ 1-35 ngày tuổi	NS-330	115:2010/DBC.BN	
1600	Thức ăn hỗn hợp dùng cho cút đẻ trứng	NS-340	116:2010/DBC.BN	
1601	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho bò sữa	NS-550	117:2010/DBC.BN	
1602	Thức ăn hỗn hợp dùng cho bò thịt	NS-360	118:2010/DBC.BN	
1603	Thức ăn đặc biệt cho lợn con tập ăn	Nasaco số 1	119:2010/DBC.BN	
1604	Thức ăn hỗn hợp đặc biệt cho lợn con theo mẹ	NS-27A	120:2010/DBC.BN	
1605	Thức ăn hỗn hợp cho lợn ngoại siêu nạc từ tập ăn đến 15kg	NS-27S	121:2010/DBC.BN	
1606	Thức ăn hỗn hợp cho lợn từ 16-30kg	NS-450	122:2010/DBC.BN	
1607	Thức ăn hỗn hợp cho lợn thịt từ 30kg đến xuất bán	NS-451	123:2010/DBC.BN	
1608	Thức ăn hỗn hợp cho lợn thịt từ 31-60kg	NS-457	124:2010/DBC.BN	
1609	Thức ăn hỗn hợp cao cấp cho lợn ngoại siêu nạc từ 15-30kg	NS-455	125:2010/DBC.BN	
1610	Thức ăn hỗn hợp cao cấp cho lợn ngoại siêu nạc từ 30kg -xuất bán	NS-456	126:2010/DBC.BN	
1611	Thức ăn hỗn hợp dùng cho lợn cái hậu bị và nái chữa	NS-453	128:2010/DBC.BN	
1612	Thức ăn hỗn hợp dùng cho lợn nái nuôi con	NS-454	129:2010/DBC.BN	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
1613	Thức ăn hỗn hợp dùng cho lợn đực giống khai thác tinh	NS-452	130:2010/DBC.BN	
1614	Thức ăn đậm đặc dạng bột cho gà thịt từ 1 ngày tuổi -xuất bán	NS-145	131:2010/DBC.BN	
1615	Thức ăn đậm đặc cao cấp cho gà hậu bị từ 5-18 tuần tuổi	NS-185	132:2010/DBC.BN	
1616	Thức ăn đậm đặc cao cấp cho gà đẻ trứng từ 18 tuần tuổi-kết thúc	NS-195	133:2010/DBC.BN	
1617	Thức ăn đậm đặc cao cấp cho vịt đẻ siêu trứng	NS-600	134:2010/DBC.BN	
1618	Thức ăn đậm đặc dạng bột cho lợn từ cai sữa đến 25kg	NS-205	135:2010/DBC.BN	
1619	Thức ăn đậm đặc dạng bột cho lợn thịt từ 26-100kg	NS-215	136:2010/DBC.BN	
1620	Thức ăn đậm đặc dạng bột cho lợn thịt từ 30kg đến xuất bán	NS-115	137:2010/DBC.BN	
1621	Thức ăn đậm đặc dạng bột cho lợn thịt từ 5-100kg	S-900	138:2010/DBC.BN	
1622	Thức ăn đậm đặc cao cấp cho lợn thịt từ tập ăn đến xuất bán	NS-245	139:2010/DBC.BN	
1623	Thức ăn đậm đặc dạng bột cho lợn thịt từ 5-100kg	NS-225	140:2010/DBC.BN	
1624	Thức ăn đậm đặc cao cấp cho lợn siêu nạc từ 10kg đến xuất bán	NS-226	141:2010/DBC.BN	
1625	Thức ăn đậm đặc cao cấp cho lợn vỗ béo	NS-235	142:2010/DBC.BN	
1626	Thức ăn đậm đặc dạng bột cho lợn nái chữa và nái nuôi con	NS-234	143:2010/DBC.BN	
1627	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho ngan, vịt thịt từ 1 ngày tuổi -xuất bán	NS-640	144:2010/DBC.BN	
1628	Thức ăn hỗn hợp cho gà siêu thịt từ 1-14 ngày tuổi	K-5400	151:2010/DBC.BN	
1629	Thức ăn hỗn hợp cho gà siêu thịt từ 15-28 ngày tuổi	K-5500	152:2010/DBC.BN	
1630	Thức ăn hỗn hợp cho gà siêu thịt từ 29-42 ngày tuổi	K-5600	153:2010/DBC.BN	
1631	Thức ăn hỗn hợp cho gà siêu thịt từ 43 ngày tuổi-xuất bán	K-5650	154:2010/DBC.BN	
1632	Thức ăn hỗn hợp cho gà lông màu nuôi công nghiệp từ 1-30 ngày tuổi	K-5700	155:2010/DBC.BN	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
1633	Thức ăn hỗn hợp cho gà lông màu nuôi công nghiệp từ 31 ngày tuổi-xuất bán	K-5800	156:2010/DBC.BN	
1634	Thức ăn hỗn hợp cho gà vàng thả vườn từ 1 ngày tuổi - xuất bán	K-5900	157:2010/DBC.BN	
1635	Thức ăn hỗn hợp cho gà vàng thả vườn từ 30 ngày tuổi-xuất bán	K-5950	158:2010/DBC.BN	
1636	Thức ăn hỗn hợp cho gà hậu bị từ 5-18 tuần tuổi	K-5200	159:2010/DBC.BN	
1637	Thức ăn hỗn hợp cho gà đẻ trứng từ 18 TT đến kết thúc	K-5300	160:2010/DBC.BN	
1638	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt đẻ trứng	K-2700	161:2010/DBC.BN	
1639	Thức ăn hỗn hợp cho vịt thả đồng từ 1-28 ngày tuổi	K-2800	162:2010/DBC.BN	
1640	Thức ăn hỗn hợp cho vịt thả đồng từ 28 ngày tuổi -xuất bán	K-2900	163:2010/DBC.BN	
1641	Thức ăn hỗn hợp cho ngan, vịt thịt từ 48 ngày tuổi - xuất bán	K-2950	164:2010/DBC.BN	
1642	Thức ăn hỗn hợp cho cút từ 1-35 ngày tuổi	K-4100	165:2010/DBC.BN	
1643	Thức ăn hỗn hợp dùng cho cút đẻ trứng	K-4200	166:2010/DBC.BN	
1644	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho bò sữa	K-5454	167:2010/DBC.BN	
1645	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho ngan, vịt thịt từ 1 ngày tuổi -xuất bán	K-2960	168:2010/DBC.BN	
1646	Thức ăn đặc biệt cho lợn con tập ăn	Khangti Vina số 1	169:2010/DBC.BN	
1647	Thức ăn hỗn hợp cho lợn con cai sữa	K-7500	170:2010/DBC.BN	
1648	Thức ăn hỗn hợp cho lợn ngoại siêu nạc từ tập ăn -15kg	K-7500S	171:2010/DBC.BN	
1649	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho lợn thịt từ 16-30kg	K-7666	172:2010/DBC.BN	
1650	Thức ăn hỗn hợp cho lợn thịt từ 30kg đến xuất bán	K-7777	173:2010/DBC.BN	
1651	Thức ăn hỗn hợp cho lợn thịt từ 31-60kg	K-6666	174:2010/DBC.BN	
1652	Thức ăn hỗn hợp CC cho lợn ngoại siêu nạc từ 15-30kg	K-7878	175:2010/DBC.BN	
1653	Thức ăn hỗn hợp CC cho lợn ngoại siêu nạc từ 30kg -xuất bán	K-7979	176:2010/DBC.BN	
1654	Thức ăn hỗn hợp dùng cho lợn cái hậu bị và nái chữa	K-7474	178:2010/DBC.BN	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
1655	Thức ăn hỗn hợp dùng cho lợn nái nuôi con	K-7575	179:2010/DBC.BN	
1656	Thức ăn hỗn hợp dùng cho lợn đực giống khai thác tinh	K-7373	180:2010/DBC.BN	
1657	Thức ăn đậm đặc cao cấp cho gà thịt từ 1 ngày tuổi đến xuất bán	K-5555	182:2010/DBC.BN	
1658	Thức ăn đậm đặc cao cấp cho gà hậu bị từ 5-18 tuần tuổi	K-1700	183:2010/DBC.BN	
1659	Thức ăn đậm đặc cao cấp cho gà đẻ trứng từ 18TT- kết thúc	K-1800	184:2010/DBC.BN	
1660	Thức ăn đậm đặc cao cấp cho vịt đẻ trứng	K-2600	185:2010/DBC.BN	
1661	Thức ăn đậm đặc cao cấp cho lợn từ cai sữa đến 25kg	K-7600	186:2010/DBC.BN	
1662	Thức ăn đậm đặc cao cấp cho lợn thịt từ 26-100kg	K-7700	187:2010/DBC.BN	
1663	Thức ăn đậm đặc cao cấp cho lợn thịt từ tập ăn đến xuất bán	K-7720	188:2010/DBC.BN	
1664	Thức ăn đậm đặc cao cấp cho lợn thịt từ 5-100kg	K-7800	189:2010/DBC.BN	
1665	Thức ăn đậm đặc cao cấp cho lợn từ cai sữa đến xuất bán	K-9000	190:2010/DBC.BN	
1666	Thức ăn đậm đặc cao cấp cho lợn vỗ béo	K-7900	191:2010/DBC.BN	
1667	Thức ăn đậm đặc cao cấp cho lợn nái chữa và nái nuôi con	K-7400	192:2010/DBC.BN	
1668	Thức ăn đậm đặc cao cấp cho bò tiết sữa	K-3000	193:2010/DBC.BN	
1669	Thức ăn hỗn hợp cho gà siêu thịt từ 1-14 ngày tuổi	D-1	201:2010/DBC.BN	
1670	Thức ăn hỗn hợp cho gà siêu thịt từ 15-28 ngày tuổi	D-2	202:2010/DBC.BN	
1671	Thức ăn hỗn hợp cho gà siêu thịt từ 29-42 ngày tuổi	D-3	203:2010/DBC.BN	
1672	Thức ăn hỗn hợp cho gà siêu thịt từ 43 ngày tuổi-xuất bán	D-4	204:2010/DBC.BN	
1673	Thức ăn hỗn hợp cho gà lông màu nuôi công nghiệp từ 1-30 ngày tuổi	D-54	205:2010/DBC.BN	
1674	Thức ăn hỗn hợp cho gà lông màu nuôi công nghiệp 31 ngày tuổi-xuất bán	D-55	206:2010/DBC.BN	
1675	Thức ăn hỗn hợp cho gà vàng thả vườn từ 1 ngày tuổi - xuất bán	D-56	207:2010/DBC.BN	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
1676	Thức ăn hỗn hợp cho gà vàng thả vườn từ 30 ngày tuổi -xuất bán	D-57	208:2010/DBC.BN	
1677	Thức ăn hỗn hợp cho gà hậu bị từ 5-18 tuần tuổi	D-51	209:2010/DBC.BN	
1678	Thức ăn hỗn hợp cho gà đẻ trứng từ 18 tuần tuổi đến kết thúc	D-52	210:2010/DBC.BN	
1679	Thức ăn hỗn hợp dùng cho ngan, vịt đẻ trứng	D-21	211:2010/DBC.BN	
1680	Thức ăn hỗn hợp cho ngan, vịt từ 1-28 ngày tuổi	D-22	212:2010/DBC.BN	
1681	Thức ăn hỗn hợp cho ngan, vịt từ 28 ngày tuổi - xuất bán	D-23	213:2010/DBC.BN	
1682	Thức ăn hỗn hợp cho ngan, vịt từ 48 ngày tuổi đến xuất bán	D-24	214:2010/DBC.BN	
1683	Thức ăn hỗn hợp cho cút từ 1-35 ngày tuổi	D-33	215:2010/DBC.BN	
1684	Thức ăn hỗn hợp dùng cho cút đẻ trứng	D-34	216:2010/DBC.BN	
1685	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho bò sữa	A-3500	217:2010/DBC.BN	
1686	Thức ăn hỗn hợp dùng cho bò thịt	D-36	218:2010/DBC.BN	
1687	Thức ăn đặc biệt cho lợn con tập ăn	Dabaco số 1	219:2010/DBC.BN	
1688	Thức ăn hỗn hợp dùng cho lợn con tập ăn	D-40	220:2010/DBC.BN	
1689	Thức ăn hỗn hợp cho lợn ngoại siêu nạc từ tập ăn -15kg	D-40A	221:2010/DBC.BN	
1690	Thức ăn hỗn hợp cho thịt lợn từ 16-30kg	D-41	222:2010/DBC.BN	
1691	Thức ăn hỗn hợp cho lợn từ 30kg đến xuất bán	D-42	223:2010/DBC.BN	
1692	Thức ăn hỗn hợp cho lợn thịt từ 31-60kg	D-43	224:2010/DBC.BN	
1693	Thức ăn hỗn hợp cao cấp cho lợn ngoại siêu nạc từ 15-30kg	D-46	225:2010/DBC.BN	
1694	Thức ăn hỗn hợp cao cấp cho lợn ngoại siêu nạc từ 30kg -xuất bán	D-47	226:2010/DBC.BN	
1695	Thức ăn hỗn hợp cao cấp cho lợn ngoại siêu nạc từ 30kg -xuất bán	D-47B	227:2010/DBC.BN	
1696	Thức ăn hỗn hợp dùng cho lợn cái hậu bị và nái chữa	D-45	229:2010/DBC.BN	
1697	Thức ăn hỗn hợp dùng cho lợn nái nuôi con	D-48	230:2010/DBC.BN	
1698	Thức ăn hỗn hợp dùng cho lợn đực giống	D-49	231:2010/DBC.BN	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
1699	Thức ăn đậm đặc cao cấp cho gà thịt từ 1 ngày tuổi đến xuất bán	D-135	232:2010/DBC.BN	
1700	Thức ăn đậm đặc cao cấp cho gà thịt từ 22 ngày tuổi đến xuất bán	D-131	233:2010/DBC.BN	
1701	Thức ăn đậm đặc cao đạm dạng bột cho lợn thịt từ 5kg - xuất bán	D-151	234:2010/DBC.BN	
1702	Thức ăn đậm đặc cao cấp cho gà hậu bị từ 5-18 tuần tuổi	D-137	235:2010/DBC.BN	
1703	Thức ăn đậm đặc cao cấp cho gà giống bố mẹ từ 9-20 tuần tuổi	D-134	236:2010/DBC.BN	
1704	Thức ăn đậm đặc cao cấp cho gà đẻ trứng từ 18 tuần tuổi đến kết thúc	D-132	237:2010/DBC.BN	
1705	Thức ăn đậm đặc cao cấp cho gà giống bố mẹ từ 20 tuần tuổi-kết thúc	D-136	238:2010/DBC.BN	
1706	Thức ăn đậm đặc dạng viên dùng cho vịt, ngan đẻ trứng	D-20	239:2010/DBC.BN	
1707	Thức ăn đậm đặc cao cấp cho lợn từ tập ăn đến 30kg	DB-2007	240:2010/DBC.BN	
1708	Thức ăn đậm đặc dạng bột dùng cho lợn từ cai sữa đến 30kg	D-60	241:2010/DBC.BN	
1709	Thức ăn đậm đặc cao cấp cho lợn thịt từ 26-100kg	A-4520	242:2010/DBC.BN	
1710	Thức ăn đậm đặc dạng bột dùng cho lợn thịt từ 30-100kg	D-70	243:2010/DBC.BN	
1711	Thức ăn đậm đặc cao cấp cho lợn thịt từ tập ăn đến xuất bán	DB-9100	244:2010/DBC.BN	
1712	Thức ăn đậm đặc dạng bột cho lợn thịt từ tập ăn đến xuất bán	N-151A	245:2010/DBC.BN	
1713	Thức ăn đậm đặc cao đạm cho lợn thịt từ 5-100kg	DB-9001	246:2010/DBC.BN	
1714	Thức ăn đậm đặc cho lợn thịt từ 5-100kg	A-4530	247:2010/DBC.BN	
1715	Thức ăn đậm đặc dạng bột dùng cho lợn từ 5-100kg	D-80	248:2010/DBC.BN	
1716	Thức ăn đậm đặc cao đạm dùng cho lợn từ cai sữa -xuất bán	D-90	249:2010/DBC.BN	
1717	Thức ăn đậm đặc cao cấp cho lợn siêu nạc từ 10-100kg	A-4150	250:2010/DBC.BN	
1718	Thức ăn đậm đặc cho lợn vỗ béo	A-4540	251:2010/DBC.BN	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
1719	Thức ăn đậm đặc dạng bột dùng cho lợn nái chữa và nái n.con	D-10	252:2010/DBC.BN	
1720	Thức ăn đậm đặc dạng bột cho lợn nái chữa và nái nuôi con	A-4550	253:2010/DBC.BN	
1721	Thức ăn đậm đặc cao cấp cho bò tiết sữa	D-35	254:2010/DBC.BN	
1722	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho ngan, vịt thịt từ 1 ngày tuổi -xuất bán	D-25	255:2010/DBC.BN	
1723	Thức ăn hỗn hợp cho gà Ai Cập để trứng	D-53	256:2010/DBC.BN	
1724	Thức ăn cho chim cảnh	DB-CC1	257:2010/DBC.BN	
1725	Thức ăn hỗn hợp cho gà màu nuôi công nghiệp từ 1-28 ngày tuổi	T-GM1	289:2010/DBC.BN	
1726	Thức ăn hỗn hợp cho gà màu nuôi công nghiệp từ 29-60 ngày tuổi	T-GM2	290:2010/DBC.BN	
1727	Thức ăn hỗn hợp cho gà màu nuôi công nghiệp từ 61 ngày tuổi-xuất bán	T-GM3	291:2010/DBC.BN	
1728	Thức ăn hỗn hợp cho gà màu nuôi công nghiệp từ 61 ngày tuổi-xuất bán	K-GM3	292:2010/DBC.BN	
1729	Thức ăn hỗn hợp cho gà màu nuôi công nghiệp từ 29-60 ngày tuổi	K-GM2	293:2010/DBC.BN	
1730	Thức ăn hỗn hợp cho gà màu nuôi công nghiệp từ 1-28 ngày tuổi	K-GM1	294:2010/DBC.BN	
1731	Thức ăn hỗn hợp cho gà màu nuôi công nghiệp từ 1-28 ngày tuổi	G-GM1	295:2010/DBC.BN	
1732	Thức ăn hỗn hợp cho gà màu nuôi công nghiệp từ 29-60 ngày tuổi	G-GM2	296:2010/DBC.BN	
1733	Thức ăn hỗn hợp cho gà màu nuôi công nghiệp từ 61 ngày tuổi - xuất bán	G-GM3	297:2010/DBC.BN	
1734	Thức ăn hỗn hợp cho gà màu nuôi công nghiệp từ 1-28 ngày tuổi	D-GM1	298:2010/DBC.BN	
1735	Thức ăn hỗn hợp cho gà màu nuôi công nghiệp từ 29-60 ngày tuổi	D-GM2	299:2010/DBC.BN	
1736	Thức ăn hỗn hợp cho gà màu nuôi công nghiệp từ 61 ngày tuổi -xuất bán	D-GM3	300:2010/DBC.BN	
1737	Thức ăn hỗn hợp cho gà màu nuôi công nghiệp từ 1-28 ngày tuổi	NS-GM1	301:2010/DBC.BN	
1738	Thức ăn hỗn hợp cho gà màu nuôi công nghiệp từ 29-60 ngày tuổi	NS-GM2	302:2010/DBC.BN	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
1739	Thức ăn hỗn hợp cho gà màu nuôi công nghiệp từ 61 ngày tuổi-xuất bán	NS-GM3	303:2010/DBC.BN	
	Công ty TNHH Thức ăn chăn nuôi và Nông nghiệp EH Việt Nam Địa chỉ: KCN Tiên Sơn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh. Điện Thoại: 0241.3714566; Fax: 0241.3839266			
1740	Thức ăn đậm đặc cao cấp cho lợn siêu nạc từ 5kg đến xuất chuồng	EH-160	001:2011/EHBN	32/TB-NN
1741	Thức ăn đậm đặc dùng cho lợn từ 5kg đến xuất chuồng	EH-150S	002:2011/EHBN	32/TB-NN
1742	Thức ăn đậm đặc dùng cho lợn từ 5kg đến xuất chuồng	EH-150	003:2011/EHBN	32/TB-NN
1743	Thức ăn đậm đặc dùng cho lợn từ 5kg đến xuất chuồng	EH-151S	004:2011/EHBN	32/TB-NN
1744	Thức ăn đậm đặc dùng cho lợn từ 5kg đến xuất chuồng	EH-151	005:2011/EHBN	32/TB-NN
1745	Thức ăn đậm đặc dùng cho lợn nái	EH-1600	006:2011/EHBN	32/TB-NN
1746	Thức ăn đậm đặc cao cấp dùng cho lợn từ tập ăn đến xuất bán	P-189	007:2011/EHBN	32/TB-NN
1747	Thức ăn đậm đặc cao cấp dùng cho lợn siêu nạc từ 5kg đến xuất chuồng	HI-1919	012:2011/EHBN	32/TB-NN
1748	Thức ăn đậm đặc cao cấp dùng cho lợn siêu nạc từ 5kg đến xuất chuồng	HI-1818	013:2011/EHBN	32/TB-NN
1749	Thức ăn đậm đặc dùng cho gà thịt	EH-113	016:2011/EHBN	32/TB-NN
1750	Thức ăn đậm đặc dùng cho gà thịt	EH-112C	017:2011/EHBN	32/TB-NN
1751	Thức ăn đậm đặc dùng cho gà thịt	P-123	018:2011/EHBN	32/TB-NN
1752	Thức ăn đậm đặc dùng cho gà thịt	HI-1320	020:2011/EHBN	32/TB-NN
1753	Thức ăn hỗn hợp cao cấp dùng cho lợn siêu nạc từ 12kg-30kg	EH-861	023:2011/EHBN	32/TB-NN
1754	Thức ăn hỗn hợp cao cấp dùng cho lợn siêu nạc từ 30kg-50kg	EH-862	024:2011/EHBN	32/TB-NN
1755	Thức ăn hỗn hợp cao cấp dùng cho lợn siêu nạc từ 50kg-xuất bán	EH-863	025:2011/EHBN	32/TB-NN

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
1756	Thức ăn hỗn hợp cao cấp dạng viên sinh đôi dùng cho lợn sữa (05 ngày-16kg)	EH-888	026:2011/EHBN	32/TB-NN
1757	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho lợn sữa (07 ngày-10kg)	EH-880S	027:2011/EHBN	32/TB-NN
1758	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho lợn sữa (07 ngày-10kg)	EH-880	028:2011/EHBN	32/TB-NN
1759	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho lợn con từ 15kg-30kg	EH-882	029:2011/EHBN	32/TB-NN
1760	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho lợn con từ 15kg-30kg	EH-882A	030:2011/EHBN	32/TB-NN
1761	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho lợn thịt trên 30kg	EH-883	031:2011/EHBN	32/TB-NN
1762	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho lợn thịt trên 30kg	EH-884	032:2011/EHBN	32/TB-NN
1763	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho lợn thịt trên 30kg	EH-8845	033:2011/EHBN	32/TB-NN
1764	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho lợn nái có chửa	EH-866	034:2011/EHBN	32/TB-NN
1765	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho lợn nái nuôi con	EH-868	035:2011/EHBN	32/TB-NN
1766	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà tam hoàng từ 01-21 ngày	EH-211	036:2011/EHBN	32/TB-NN
1767	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho gà tam hoàng từ 22-42 ngày	EH-212	037:2011/EHBN	32/TB-NN
1768	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho gà tam hoàng sau 43 ngày	EH-213	038:2011/EHBN	32/TB-NN
1769	Thức ăn hỗn hợp cao cấp dùng cho gà lông màu từ 01 ngày đến xuất chuồng	EH-233	039:2011/EHBN	32/TB-NN
1770	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà thịt từ 01-21 ngày	EH-510	040:2011/EHBN	32/TB-NN
1771	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho gà thịt từ 22-42 ngày	EH-511	041:2011/EHBN	32/TB-NN
1772	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho gà thịt sau 43 ngày	EH-512	042:2011/EHBN	32/TB-NN
1773	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà thịt từ 01-21 ngày	EH-510L	043:2011/EHBN	32/TB-NN
1774	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho gà thịt từ 22-42 ngày	EH-511L	044:2011/EHBN	32/TB-NN

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
1775	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho gà thịt sau 43 ngày	EH-512L	045:2011/EHBN	32/TB-NN
1776	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà đẻ sau 20 tuần	EH-523	046:2011/EHBN	32/TB-NN
1777	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho vịt, ngan con 01-21 ngày	EH-411	047:2011/EHBN	32/TB-NN
1778	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho vịt, ngan thịt từ 22-42 ngày	EH-412	048:2011/EHBN	32/TB-NN
1779	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho vịt, ngan thịt sau 43 ngày	EH-413	049:2011/EHBN	32/TB-NN
1780	Thức ăn hỗn hợp cao cấp dùng cho vịt, ngan thịt sau 01 ngày đến xuất chuồng	EH-432	050:2011/EHBN	32/TB-NN
1781	Thức ăn hỗn hợp cao cấp dạng viên sinh đôi dùng cho lợn sữa (05 ngày-16kg)	P-999	051:2011/EHBN	32/TB-NN
1782	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho lợn sữa (07 ngày-10kg)	P-950S	052:2011/EHBN	32/TB-NN
1783	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho lợn sữa (07 ngày-15kg)	P-950	053:2011/EHBN	32/TB-NN
1784	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho lợn con (15kg-30kg)	P-952	054:2011/EHBN	32/TB-NN
1785	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho lợn con (15kg-30kg)	P-952A	055:2011/EHBN	32/TB-NN
1786	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho lợn thịt trên 30kg	P-954	056:2011/EHBN	32/TB-NN
1787	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho lợn thịt trên 30kg	P-955	057:2011/EHBN	32/TB-NN
1788	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà lông màu từ 01-30 ngày	P-201	058:2011/EHBN	32/TB-NN
1789	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho gà lông màu sau 31 ngày-xuất bán	P-202	059:2011/EHBN	32/TB-NN
1790	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà lông màu từ 01 ngày đến xuất chuồng	P-203	060:2011/EHBN	32/TB-NN
1791	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà thịt từ 01-21 ngày	P-5510	061:2011/EHBN	32/TB-NN
1792	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho gà thịt từ 22-42 ngày	P-5511	062:2011/EHBN	32/TB-NN
1793	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho gà thịt sau 43 ngày	P-5512	063:2011/EHBN	32/TB-NN

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
1794	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà đẻ hậu bị từ 7-20 tuần	P-502	064:2011/EHBN	32/TB-NN
1795	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà đẻ trứng	P-503	065:2011/EHBN	32/TB-NN
1796	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho vịt, ngan con 01-30 ngày	P-401	066:2011/EHBN	32/TB-NN
1797	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho vịt, ngan thịt từ 30 ngày đến xuất chuồng	P-402	067:2011/EHBN	32/TB-NN
1798	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho vịt, ngan (1 ngày tuổi đến xuất chuồng)	P-403	068:2011/EHBN	32/TB-NN
1799	Thức ăn hỗn hợp cao cấp dạng viên sinh đôi dùng cho lợn sữa (05 ngày-16kg)	HI-777	069:2011/EHBN	32/TB-NN
1800	Thức ăn hỗn hợp cao cấp dạng viên dùng cho lợn sữa siêu nạc từ 05 ngày-12kg	HI-750	070:2011/EHBN	32/TB-NN
1801	Thức ăn hỗn hợp cao cấp dạng viên dùng cho lợn siêu nạc từ 16kg-30kg	HI-752	071:2011/EHBN	32/TB-NN
1802	Thức ăn hỗn hợp cao cấp dạng viên dùng cho lợn siêu nạc trên 31kg	HI-754	072:2011/EHBN	32/TB-NN
1803	Thức ăn hỗn hợp cao cấp dạng viên dùng cho lợn siêu nạc trên 31kg	HI-755	073:2011/EHBN	32/TB-NN
1804	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà lông màu từ 01-28 ngày	HI-260	074:2011/EHBN	32/TB-NN
1805	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà lông màu sau 29 ngày	HI-261	075:2011/EHBN	32/TB-NN
1806	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà lông màu từ 01 ngày đến xuất chuồng	HI-262	076:2011/EHBN	32/TB-NN
1807	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà thịt từ 01-20 ngày	HI-910	077:2011/EHBN	32/TB-NN
1808	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà thịt từ 21-40 ngày	HI-911	078:2011/EHBN	32/TB-NN
1809	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt, ngan con từ 01-28 ngày	HI-4610	079:2011/EHBN	32/TB-NN
1810	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt, ngan thịt sau 29 ngày	HI-4611	080:2011/EHBN	32/TB-NN
1811	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt, ngan thịt sau 01 ngày đến xuất chuồng	HI-4612	081:2011/EHBN	32/TB-NN
1812	Thức ăn hỗn hợp cao cấp dạng viên sinh đôi dùng cho lợn sữa từ 05 ngày-15kg	RG-7020	082:2011/EHBN	32/TB-NN

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
1813	Thức ăn hỗn hợp dùng cho lợn từ 15kg-50kg	RG-7018	083:2011/EHBN	32/TB-NN
1814	Thức ăn hỗn hợp dùng cho lợn từ 50kg-100kg	RG-7015	084:2011/EHBN	32/TB-NN
1815	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà thịt từ 01-14 ngày	RG-7510	085:2011/EHBN	32/TB-NN
1816	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà thịt từ 15-28 ngày	RG-7511	086:2011/EHBN	32/TB-NN
1817	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà thịt từ 29-48 ngày	RG-7512	087:2011/EHBN	32/TB-NN
1818	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà lông màu từ 01-21 ngày	RG-7321	088:2011/EHBN	32/TB-NN
1819	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà lông màu từ 22-42 ngày	RG-7322	089:2011/EHBN	32/TB-NN
1820	Thức ăn đậm đặc cao cấp dùng cho lợn từ 5kg-100kg	RG-7048	09:2010/EHBN	32/TB-NN
1821	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà lông màu từ 43 ngày-xuất bán	RG-7323	090:2011/EHBN	32/TB-NN
1822	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt, ngan con từ 01-14 ngày	RG-7411	091:2011/EHBN	32/TB-NN
1823	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt, ngan thịt từ 15-42 ngày	RG-7412	092:2011/EHBN	32/TB-NN
1824	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt, ngan thịt từ 43 ngày-xuất bán	RG-7413	093:2011/EHBN	32/TB-NN
1825	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho vịt đẻ	EH-423	094:2011/EHBN	32/TB-NN
1826	Thức ăn hỗn hợp cao cấp dạng viên dùng cho lợn sữa từ tập ăn-12kg	EH-860	095:2011/EHBN	32/TB-NN
1827	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho lợn thịt trên 30kg	EH-838	096:2011/EHBN	32/TB-NN
1828	Thức ăn đậm đặc cao cấp dùng cho lợn từ 5kg-100kg	RG-7046	10:2010/EHBN	32/TB-NN
1829	Thức ăn đậm đặc cao cấp dùng cho lợn từ 5kg-100kg	RG-7042	12:2010/EHBN	32/TB-NN
1830	Thức ăn đậm đặc dùng cho gà thịt	RG-7113	18:2010/EHBN	32/TB-NN
1831	Thức ăn đậm đặc cao cấp dùng cho lợn siêu nạc từ 5kg-100kg	HI-1717	38:2010/EHBN	32/TB-NN

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
1832	Thức ăn đậm đặc cao cấp dùng cho lợn siêu nạc từ 5kg-100kg	EH-180	39:2010/EHBN	32/TB-NN
1833	Thức ăn đậm đặc cao cấp dùng cho lợn siêu nạc từ 5kg-100kg	P-190	40:2010/EHBN	32/TB-NN
	Nhà máy Thức ăn chăn nuôi Kinh Bắc - Công ty CP Tập đoàn DABACO Việt Nam Địa chỉ: KCN Đồng Ngạnh, xã Khắc Niệm, Tp. Bắc Ninh, Bắc Ninh. Tel: 02413.821833. Fax: 02413.825116.			
1834	Thức ăn đậm đặc cho lợn từ tập ăn - 30kg	KB-01	01:2011/KB.BN	
1835	Thức ăn đậm đặc cho lợn thịt từ 5kg - xuất bán	KB-02	02:2011/KB.BN	
1836	Thức ăn đậm đặc cho lợn thịt từ 10kg - xuất bán	KB-03	03:2011/KB.BN	
1837	Thức ăn đậm đặc cho lợn nái chữa và nái nuôi con	KB-04	04:2011/KB.BN	
1838	Thức ăn đậm đặc cho lợn từ 26kg - xuất bán	KB-05	05:2011/KB.BN	
1839	Thức ăn đậm đặc cho gà thịt từ 1 ngày tuổi - xuất bán	KB-06	06:2011/KB.BN	
1840	Thức ăn đậm đặc cho lợn từ cai sữa - xuất bán	KB-07	07:2011/KB.BN	
1841	Thức ăn đậm đặc cao cấp cho lợn thịt từ tập ăn - xuất bán	KB-08	08:2011/KB.BN	
1842	Thức ăn hỗn hợp cho lợn ngoại siêu nạc từ tập ăn - 15kg	KB-09	09:2011/KB.BN	
1843	Thức ăn hỗn hợp cao cấp cho lợn ngoại siêu nạc từ 15-40kg	KB-10	10:2011/KB.BN	
1844	Thức ăn hỗn hợp cao cấp cho lợn ngoại siêu nạc từ 40kg-xuất bán	KB-12	12:2011/KB.BN	
1845	Thức ăn hỗn hợp cho lợn thịt từ 16-30kg	KB-13	13:2011/KB.BN	
1846	Thức ăn hỗn hợp cho lợn thịt từ 30kg-xuất bán	KB-14	14:2011/KB.BN	
1847	Thức ăn hỗn hợp cho lợn thịt từ 61kg-xuất bán	KB-14L	15:2011/KB.BN	
1848	Thức ăn đặc biệt cho lợn con tập ăn	Kinh Bắc số 1	16:2011/KB.BN	
1849	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho cút từ 1 - 35 ngày tuổi	KB-17	17:2011/KB.BN	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
1850	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho cút đẻ trứng	KB-18	18:2011/KB.BN	
1851	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho gà siêu thịt từ 1-15 ngày tuổi	KB-20	19:2011/KB.BN	
1852	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho gà siêu thịt từ 16-30 ngày tuổi	KB-21	20:2011/KB.BN	
1853	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho gà siêu thịt từ 31 ngày tuổi-xuất bán	KB-22	21:2011/KB.BN	
1854	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho gà lông màu từ 1 - 30 ngày tuổi	KB-24	22:2011/KB.BN	
1855	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho gà lông màu từ 31 ngày tuổi-xuất bán	KB-25	23:2011/KB.BN	
1856	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho gà lông màu từ 31 ngày tuổi-xuất bán	KB-25L	24:2011/KB.BN	
1857	Thức ăn đậm đặc cao cấp cho gà thịt từ 1 ngày tuổi - xuất bán	KB-26	25:2011/KB.BN	
1858	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho gà hậu bị	KB-27	26:2011/KB.BN	
1859	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho gà đẻ siêu trứng	KB-28	27:2011/KB.BN	
1860	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho lợn nái hậu bị và nái chữa	KB-31	28:2011/KB.BN	
1861	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho lợn nái nuôi con	KB-32	29:2011/KB.BN	
1862	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho thỏ thịt	KB-37	30:2011/KB.BN	
1863	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho thỏ sinh sản	KB-38	31:2011/KB.BN	
1864	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho vịt ngan thịt từ 1 - 28 ngày tuổi	KB-41	32:2011/KB.BN	
1865	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho vịt ngan thịt từ 28 ngày tuổi-xuất bán	KB-42	33:2011/KB.BN	
1866	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho vịt, ngan đẻ trứng	KB-45	34:2011/KB.BN	
1867	Thức ăn đậm đặc siêu cao đạm cho lợn thịt tập ăn - xuất bán	KB-99	35:2011/KB.BN	
1868	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho bò thịt	KB-34	36:2011/KB.BN	
1869	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho gà siêu thịt từ 43 ngày tuổi-xuất bán	KB-23	37:2011/KB.BN	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
1870	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho gà thịt từ 1 ngày tuổi-xuất bán	KB-29	38:2011/KB.BN	
	Công ty Cổ phần Tập đoàn Minh Tâm Địa chỉ: KCN Lương Tài, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh. Điện thoại: 0241.3640666. Fax: 0241.3640640.			
1871	Thức ăn siêu đậm đặc dạng bột cho lợn từ tập ăn đến 25kg.	MT9999	01:2007/MTBN	
1872	Thức ăn đậm đặc cho heo thịt từ 5kg đến xuất chuồng.	MT999	02:2007/MTBN	
1873	Thức ăn đậm đặc cho lợn thịt	MT151	03:2007/MTBN	
1874	Thức ăn siêu đậm đặc cho lợn từ tập ăn đến xuất chuồng.	MT6666	04:2007/MTBN	
1875	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho lợn thịt từ 30kg đến xuất chuồng	Mt6868	07:2007/MTBN	
1876	Thức ăn đậm đặc cho gà thịt từ 1 ngày tuổi đến xuất chuồng.	MT145	08:2007/MTBN	
1877	Thức ăn đậm đặc cho heo thịt từ tập ăn đến xuất chuồng.	MT990	104:2007/MTBN	
1878	Thức ăn hỗn hợp cho gà vàng thả vườn từ 1 ngày tuổi đến xuất bán.	A05	105:2007/MTBN	33/TBNN
1879	Thức ăn hỗn hợp cho gà vàng thả vườn từ 1 ngày tuổi đến xuất bán.	G05	106:2007/MTBN	33/TBNN
1880	Thức ăn hỗn hợp cho lợn tập ăn từ 7 ngày tuổi đến 10kg.	VS8851	107:2007/MTBN	
1881	Thức ăn hỗn hợp cho lợn tập ăn từ 7 ngày tuổi đến 10kg.	MT991	108:2007/MTBN	
1882	Thức ăn đậm đặc cho heo thịt từ tập ăn đến xuất chuồng.	VS9930	109:2007/MTBN	
1883	Thức ăn hỗn hợp cho ngan, vịt thịt thả đồng từ 1 ngày tuổi đến xuất bán.	V05	112:2007/MTBN	33/TBNN
1884	Thức ăn hỗn hợp cho ngan, vịt thịt thả đồng từ 1 ngày tuổi đến xuất bán.	C05	113:2007/MTBN	33/TBNN
1885	Thức ăn hỗn hợp cho gà vàng thả vườn từ 22 ngày tuổi đến xuất bán.	G06	116:2007/MTBN	33/TBNN
1886	Thức ăn hỗn hợp cho gà vàng thả vườn từ 22 ngày tuổi đến xuất bán.	A06	117:2007/MTBN	33/TBNN
1887	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho lợn siêu nạc từ 15-30kg.	814	119:2007/MTBN	33/TBNN

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
1888	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho lợn siêu nạc từ 30-60kg.	GF92	120:2007/MTBN	
1889	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho lợn siêu nạc từ 30-60kg.	815	120:2007/MTBN	33/TBNN
1890	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho lợn siêu nạc từ 60kg đến xuất bán.	816	121:2007/MTBN	33/TBNN
1891	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho lợn nuôi trang trại từ 15-30kg.	825	122:2007/MTBN	33/TBNN
1892	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho lợn nuôi trang trại từ 30kg đến xuất chuồng.	826	123:2007/MTBN	33/TBNN
1893	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho lợn nái chửa.	866	124:2007/MTBN	
1894	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho lợn nái nuôi con.	867	125:2007/MTBN	
1895	Thức ăn hỗn hợp cho gà hậu bị từ 5 – 18 tuần tuổi.	G14	128:2007/MTBN	
1896	Thức ăn hỗn hợp cho gà đẻ từ 18 tuần tuổi đến kết thúc.	G15	129:2007/MTBN	
1897	Thức ăn hỗn hợp cho gà lông màu từ 1-30 ngày tuổi.	G07	131:2007/MTBN	33/TBNN
1898	Thức ăn hỗn hợp cho gà lông màu từ 1-30 ngày tuổi.	G08	132:2007/MTBN	33/TBNN
1899	Thức ăn đậm đặc cho ngan, vịt đẻ siêu trứng.	V04	133:2007/MTBN	
1900	Thức ăn hỗn hợp cho cút đẻ trên 35 ngày tuổi.	V09	135:2007/MTBN	
1901	Thức ăn hỗn hợp cho cút đẻ trên 35 ngày tuổi.	GF282	135:2007/MTBN	
1902	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho lợn siêu nạc từ 15-30kg.	214	136:2007/MTBN	
1903	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho lợn nuôi trang trại từ 15-30kg.	GF22	136:2007/MTBN	33/TBNN
1904	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho lợn siêu nạc từ 30-60kg.	215	137:2007/MTBN	
1905	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho lợn siêu nạc từ 60kg đến xuất bán.	216	138:2007/MTBN	
1906	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho lợn nuôi trang trại từ 15-30kg.	225	139:2007/MTBN	33/TBNN

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
1907	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho lợn nuôi trang trại từ 30kg đến xuất chuồng.	226	140:2007/MTBN	33/TBNN
1908	Thức ăn đậm đặc cho ngan, vịt đẻ siêu trứng.	C04	141:2007/MTBN	
1909	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho lợn nái chữa.	266	141:2007/MTBN	
1910	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho lợn nái nuôi con.	267	142:2007/MTBN	
1911	Thức ăn đậm đặc cho gà thịt từ 1 ngày tuổi đến xuất chuồng.	414L	143:2007/MTBN	
1912	Thức ăn hỗn hợp cho cút hậu bị từ 1 đến 35 ngày tuổi.	V08	143:2007/MTBN	
1913	Thức ăn hỗn hợp cho cút hậu bị từ 1 đến 35 ngày tuổi.	GF280	143:2007/MTBN	
1914	Thức ăn hỗn hợp cho gà hậu bị từ 5 – 18 tuần tuổi.	A14	146:2007/MTBN	
1915	Thức ăn hỗn hợp cho gà đẻ từ 18 tuần tuổi đến kết thúc.	A15	147:2007/MTBN	
1916	Thức ăn hỗn hợp cho gà siêu thịt từ 29 ngày tuổi đến xuất bán.	A03	148:2007/MTBN	33/TBNN
1917	Thức ăn hỗn hợp cho gà lông màu từ 1-30 ngày tuổi.	A07	149:2007/MTBN	33/TBNN
1918	Thức ăn hỗn hợp cho gà lông màu từ 1-30 ngày tuổi.	A08	150:2007/MTBN	33/TBNN
1919	Thức ăn hỗn hợp cho cút hậu bị từ 1 đến 35 ngày tuổi.	C08	152:2007/MTBN	
1920	Thức ăn hỗn hợp cho cút đẻ trên 35 ngày tuổi.	C09	153:2007/MTBN	
1921	Thức ăn đậm đặc cho lợn nái chữa và nuôi con.	1420	154:2007/MTBN	
1922	Siêu hạng cho heo thịt từ 15kg đến xuất bán	1510	155:2007/MTBN	
1923	Siêu cao đạm cho heo từ 5 kg đến xuất chuồng	1530	156:2007/MTBN	
1924	Thức ăn đậm đặc cho heo thịt từ tập ăn đến xuất chuồng.	1590	157:2007/MTBN	
1925	Thức ăn hỗn hợp cho lợn tập ăn từ 7 ngày tuổi đến 10kg.	Super millk	158:2007/MTBN	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
1926	Thức ăn hỗn hợp siêu hạng cho lợn thịt từ 15-30kg.	GF80	160:2007/MTBN	33/TBNN
1927	Thức ăn hỗn hợp siêu hạng cho lợn thịt từ 30kg đến xuất chuồng.	GF84	161:2007/MTBN	33/TBNN
1928	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho lợn nuôi trang trại từ 15-30kg.	GF21	163:2007/MTBN	
1929	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho lợn siêu nạc từ 15-30kg.	GF90	164:2007/MTBN	33/TBNN
1930	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho lợn nái chữa.	GF66	167:2007/MTBN	
1931	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho lợn nái nuôi con.	GF67	168:2007/MTBN	
1932	Siêu đậm đặc cho gà thịt từ 1 ngày tuổi đến xuất chuồng.	555	169:2007/MTBN	
1933	Thức ăn hỗn hợp cho gà hậu bị từ 5 – 18 tuần tuổi.	GF390	173:2007/MTBN	
1934	Thức ăn hỗn hợp cho gà đẻ từ 18 tuần tuổi đến kết thúc.	GF392	174:2007/MTBN	
1935	Thức ăn hỗn hợp cho gà siêu thịt từ 1-14 ngày tuổi.	GF520	175:2007/MTBN	33/TBNN
1936	Thức ăn hỗn hợp cho gà siêu thịt từ 15-28 ngày tuổi.	GF521	176:2007/MTBN	33/TBNN
1937	Thức ăn hỗn hợp cho gà siêu thịt từ 29 ngày tuổi đến xuất bán.	GF522	177:2007/MTBN	33/TBNN
1938	Thức ăn hỗn hợp cho gà vàng thả vườn từ 1 ngày tuổi đến xuất bán.	GF650	178:2007/MTBN	33/TBNN
1939	Thức ăn hỗn hợp cho gà vàng thả vườn từ 22 ngày tuổi đến xuất bán.	GF652	179:2007/MTBN	
1940	Thức ăn hỗn hợp cho gà lông màu từ 1-30 ngày tuổi.	GF452	180:2007/MTBN	33/TBNN
1941	Thức ăn hỗn hợp cho gà lông màu 31 ngày tuổi đến xuất bán.	GF454	181:2007/MTBN	
1942	Thức ăn hỗn hợp cho ngan, vịt thịt từ 1-22 ngày tuổi.	GF950	182:2007/MTBN	33/TBNN
1943	Thức ăn hỗn hợp cho ngan, vịt thịt từ 22 ngày tuổi đến xuất bán.	GF951	183:2007/MTBN	
1944	Thức ăn hỗn hợp cho ngan, vịt thịt thả đồng từ 1 ngày tuổi đến xuất bán.	GF550	184:2007/MTBN	33/TBNN

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
1945	Thức ăn hỗn hợp siêu hạng cho ngan, vịt đẻ siêu trứng.	GF850	185:2007/MTBN	
1946	Thức ăn đậm đặc cho ngan, vịt đẻ siêu trứng.	GF250	186:2007/MTBN	
1947	Thức ăn hỗn hợp cho gà siêu thịt từ 1-14 ngày tuổi.	G01	189:2007/MTBN	33/TBNN
1948	Thức ăn hỗn hợp cho gà siêu thịt từ 15-28 ngày tuổi.	G02	190:2007/MTBN	33/TBNN
1949	Thức ăn hỗn hợp cho gà siêu thịt từ 29 ngày tuổi đến xuất bán.	G03	191:2007/MTBN	33/TBNN
1950	Thức ăn hỗn hợp cho gà siêu thịt từ 1-14 ngày tuổi.	A01	192:2007/MTBN	33/TBNN
1951	Thức ăn hỗn hợp cho gà siêu thịt từ 15-28 ngày tuổi.	A02	193:2007/MTBN	33/TBNN
1952	Thức ăn hỗn hợp cho ngan, vịt thịt từ 22 ngày tuổi đến xuất bán.	V06	201:2007/MTBN	33/TBNN
1953	Thức ăn hỗn hợp cho ngan, vịt thịt từ 22 ngày tuổi đến xuất bán.	C06	202:2007/MTBN	33/TBNN
1954	Thức ăn hỗn hợp cho ngan, vịt thịt từ 22 ngày tuổi đến xuất bán.	GF952	203:2007/MTBN	33/TBNN
1955	Thức ăn đậm đặc cao cấp cho lợn thịt từ tập ăn đến 30kg.	MT0099	210:2009/MTBN	
1956	Thức ăn đậm đặc cao cấp cho lợn thịt từ tập ăn đến 30kg.	VS0099	211:2009/MTBN	
1957	Thức ăn đậm đặc cao cấp cho lợn thịt từ tập ăn đến 30kg.	GF0099	212:2009/MTBN	
1958	Thức ăn đậm đặc cao cấp dạng bột cho lợn thịt.	MT159	213:2009/MTBN	
1959	Thức ăn đậm đặc cao cấp dạng bột cho lợn thịt.	VS159	214:2009/MTBN	
1960	Thức ăn đậm đặc cao cấp cho lợn thịt từ tập ăn đến xuất bán.	GF159	215:2009/MTBN	
1961	Thức ăn đậm đặc dạng bột cho gà thịt từ 1 ngày tuổi đến xuất chuồng.	MT59	216:2009/MTBN	
1962	Siêu đậm đặc cho gà thịt từ 1 ngày tuổi đến xuất chuồng.	VS59	217:2009/MTBN	
1963	Đậm đặc cao cấp cho gà thịt từ 1 ngày tuổi đến xuất chuồng.	GF59	218:2009/MTBN	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
1964	Thức ăn hỗn hợp siêu hạng cho lợn thịt từ 30kg đến xuất chuồng.	M-EURO	219:2009/MTBN	33/TBNN
1965	Thức ăn hỗn hợp siêu hạng cho lợn thịt từ 30kg đến xuất chuồng.	V-EURO	220:2009/MTBN	
1966	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho lợn siêu nạc từ 60kg đến xuất bán.	GF94	221:2007/MTBN	33/TBNN
1967	Thức ăn hỗn hợp siêu hạng cho lợn thịt từ 30kg đến xuất chuồng.	G-EURO	221:2007/MTBN	33/TBNN
1968	Thức ăn hỗn hợp siêu hạng cho ngan, vịt đẻ siêu trứng.	VO3	52:2007/MTBN	
1969	Thức ăn hỗn hợp cho ngan, vịt thịt từ 22 ngày tuổi đến xuất bán.	V02	53:2007/MTBN	33/TBNN
1970	Thức ăn hỗn hợp cho ngan, vịt thịt từ 1-22 ngày tuổi.	V01	54:2007/MTBN	33/TBNN
1971	Thức ăn hỗn hợp cám sữa đặc biệt cho lợn con từ 7 ngày tuổi đến 15kg.	Baby.mt	57:2007/MTBN	33/TBNN
1972	Thức ăn đậm đặc cao đạm cho lợn thịt từ tập ăn đến xuất chuồng.	999	58:2007/MTBN	
1973	Thức ăn đậm đặc siêu cao đạm cho lợn từ tập ăn đến 50kg.	989	59:2007/MTBN	
1974	Thức ăn đậm đặc siêu hạng cho lợn từ 5 kg đến xuất chuồng.	979	60:2007/MTBN	
1975	Thức ăn đậm đặc siêu tốc cho lợn từ 15 kg đến xuất chuồng.	969	61:2007/MTBN	
1976	Thức ăn đậm đặc siêu hạng cho lợn nái mang thai và nuôi con	959	62:2007/MTBN	
1977	Thức ăn siêu đậm đặc dạng bột dùng cho lợn vỗ béo.	949	63:2007/MTBN	
1978	Thức ăn hỗn hợp siêu hạng cho lợn thịt từ 15-30kg.	828	64:2007/MTBN	33/TBNN
1979	Thức ăn hỗn hợp siêu hạng cho lợn thịt từ 30kg đến xuất chuồng.	818	65:2007/MTBN	33/TBNN
1980	Thức ăn hỗn hợp cho ngan, vịt thịt từ 1-22 ngày tuổi.	C01	67:2007/MTBN	33/TBNN
1981	Thức ăn hỗn hợp cho ngan, vịt thịt từ 22 ngày tuổi đến xuất bán.	C02	68:2007/MTBN	33/TBNN
1982	Thức ăn hỗn hợp siêu hạng cho ngan, vịt đẻ siêu trứng.	CO3	69:2007/MTBN	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
1983	Thức ăn hỗn hợp cám sữa đặc biệt cho lợn con từ 7 ngày tuổi đến 15kg.	Baby.vs	70:2007/MTBN	33/TBNN
1984	Thức ăn hỗn hợp cám sữa đặc biệt cho lợn con từ 7 ngày tuổi đến 15kg.	SuperBaby	70:2007/MTBN	33/TBNN
1985	Thức ăn cao đậm cho lợn thịt từ tập ăn đến xuất chuồng.	666	73:2007/MTBN	
1986	Thức ăn đậm đặc siêu cao đậm cho lợn từ tập ăn đến 50kg.	656	74:2007/MTBN	
1987	Thức ăn đậm đặc cho heo thịt từ 5kg đến xuất chuồng.	646	75:2007/MTBN	
1988	Thức ăn đậm đặc siêu tốc cho lợn từ 15 kg đến xuất chuồng.	636	76:2007/MTBN	
1989	Thức ăn đậm đặc siêu hạng cho lợn nái mang thai và nuôi con	626	77:2007/MTBN	
1990	Thức ăn hỗn hợp siêu hạng cho lợn thịt từ 15-30kg.	222	80:2007/MTBN	33/TBNN
1991	Thức ăn hỗn hợp siêu hạng cho lợn thịt từ 30kg đến xuất chuồng.	212	81:2007/MTBN	
1992	Siêu đậm đặc cho heo từ tập ăn đến xuất chuồng.	BigBang	82:2008/MTBN	
1993	Siêu đậm đặc cho heo từ tập ăn đến xuất chuồng.	New Star	83:2007/MTBN	
	Công ty TNHH NUTRECO Địa chỉ: KCN Đại Đồng, Hoàn Sơn, Tiên Du, Bắc Ninh. Điện thoại: 0241.3847995/ 3847997. Fax: 0241.3847994			
1994	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho lợn con từ tập ăn đến 15kg	N-909	001:2010/NTC	
1995	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho lợn siêu nạc từ 20 - 50kg	N-919	002:2010/NTC	
1996	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho lợn siêu nạc từ 50kg - xuất bán	N-929	003:2010/NTC	
1997	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho lợn siêu nạc từ 30kg - xuất bán	N-939	004:2010/NTC	
1998	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho lợn thịt từ 15 - 30kg	N-949	005:2010/NTC	
1999	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho lợn thịt từ 30kg – xuất bán	N-959	006:2010/NTC	
2000	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho lợn thịt từ 20kg – 50kg	N-969	007:2010/NTC	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
2001	Thức ăn hỗn hợp C cho lợn nái hậu bị và nái chữa	N-819	008:2010/NTC	
2002	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho lợn nái nuôi con	N-829	009:2010/NTC	
2003	Thức ăn đậm đặc cao cấp cho lợn thịt từ tập ăn đến xuất bán.	N-999	010:2010/NTC	
2004	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho gà siêu thịt từ 1 -14 ngày tuổi	N-709	011:2010/NTC	
2005	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho gà siêu thịt từ 15 - 28 ngày tuổi	N-719	012:2010/NTC	
2006	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho gà siêu thịt từ 29 - 42 ngày tuổi	N-729	013:2010/NTC	
2007	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho gà siêu thịt từ 43 ngày tuổi - xuất bán	N-739	014:2010/NTC	
2008	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho gà lông màu từ 1 – 21 ngày tuổi	N-749	015:2010/NTC	
2009	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho gà lông màu từ 22 – 42 ngày tuổi bán	N-759	016:2010/NTC	
2010	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho gà thả vườn từ 30 ngày tuổi-xuất bán	N-759L	017:2010/NTC	
2011	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho gà thả vườn từ 1 ngày tuổi - xuất bán	N-769	018:2010/NTC	
2012	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho gà hậu bị từ 8 – 18 tuần tuổi	N-789	019:2010/NTC	
2013	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho gà đẻ siêu trứng.	N-799	020:2010/NTC	
2014	Thức ăn đậm đặc cho gà thịt từ 1 ngày tuổi - xuất bán	N-609	021:2010/NTC	
2015	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho vịt, ngan thịt từ 1 -28 ngày tuổi	N-659	022:2010/NTC	
2016	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho vịt, ngan thịt từ 29 ngày tuổi-xuất bán	N-669	023:2010/NTC	
2017	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho vịt đẻ	N-689	024:2010/NTC	
2018	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho cút hậu bị	N-509	025:2010/NTC	
2019	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho cút đẻ.	N-519	026:2010/NTC	
2020	Thức ăn hỗn hợp đặc biệt cho gà gột từ 1 -21 ngày tuổi	N-749A	027:2011/NTC	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
2021	Thức ăn hảo hạng cho lợn sữa từ 5 ngày tuổi - 8 kg	N-909A	028:2011/NTC	
2022	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho lợn siêu nạc từ 10 – 30 kg	N-919A	029:2011/NTC	
2023	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho lợn thịt từ 10 – 30 kg	N-949A	030:2011/NTC	
2024	Thức ăn đậm đặc cho lợn thịt từ 5kg – xuất bán	N-989	031:2011/NTC	
2025	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho gà lông màu từ 43 ngày tuổi – xuất bán	N-779	032:2011/NTC	
	Cơ sở Thức ăn gia súc Tân Hưng Địa chỉ: 1766 khu phố 5, phường Phước Hiệp, Tx. Bà Rịa, Bà Rịa Vũng Tàu. Điện thoại: 0643825998.			
2026	Thức ăn cho lợn từ 15 - 30kg	D	TC 01-2001/TAH	
2027	Thức ăn cho lợn từ 30 - 60kg	6	TC 01-2001/TAH	
2028	Thức ăn cho lợn từ 60kg - xuất chuồng	7	TC 01-2001/TAH	
2029	Thức ăn cho lợn nái hậu bị và nái mang thai	10	TC 01-2001/TAH	
	Công ty TNHH Japfa Comfeed Bình Thuận Địa chỉ: Xã Đông Hà, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận. Điện thoại: 0623 531530. Fax: 0623.531532.			
2030	Cốm sữa cho heo con theo mẹ đến sau cai sữa 02 tuần	Milac A	01:2010/JCB	
2031	Thức ăn hỗn hợp cho heo con tập ăn đến 20 kg	Milac B	02:2010/JCB	
2032	Thức ăn hỗn hợp dạng mảnh cho gà đẻ từ 19 tuần tuổi - loại thải	636	02:2011/JCB	
2033	Thức ăn hỗn hợp dạng viên heo thịt cao sản từ 15 kg - 40kg	652S	03:2010/JCB	
2034	Thức ăn hỗn hợp dạng viên heo thịt cao sản từ 40 kg - 70kg	653S	04:2010/JCB	
2035	Thức ăn hỗn hợp dạng mảnh cho gà đẻ từ 19 tuần tuổi - loại thải	9636	04:2011/JCB	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
2036	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho heo hậu bị giống cao sản từ 60 kg trở lên	655S	05:2011/JCB	
2037	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho heo con tập ăn đến 8 kg	650	06:2010/JCB	
2038	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho heo nái cao sản từ phối giống-107 ngày mang thai	656S	06:2011/JCB	
2039	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho heo nái cao sản từ 07 ngày trước khi đẻ-nuôi con	657S	07:2011/JCB	
2040	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho heo con tập ăn đến 15 kg	651	08:2010/JCB	
2041	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho heo thịt từ 15 kg - 30 kg	652	10:2010/JCB	
2042	Thức ăn đậm đặc dạng bột cho gà đẻ từ 19 tuần tuổi - loại thải	9230	107:2010/JCB	
2043	Thức ăn đậm đặc dạng bột cho gà hậu bị từ 05 tuần tuổi - 18 tuần tuổi	9231	108:2010/JCB	
2044	Thức ăn hỗn hợp dạng mảnh cho gà con siêu thịt từ 01- 14 ngày tuổi	610	11:2011/JCB	
2045	Thức ăn hỗn hợp dạng viên gà thịt lông màu từ 21- 42 ngày tuổi	622X	116:2010/JCB	
2046	Thức ăn hỗn hợp dạng viên gà thịt lông màu từ 21- 42 ngày tuổi	9622X	118:2010/JCB	
2047	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho heo thịt từ 30 kg - 60 kg	653	12:2010/JCB	
2048	Thức ăn hỗn hợp dạng mảnh cho gà giò siêu thịt từ 15 ngày - 28 ngày tuổi	611	12:2011/JCB	
2049	Thức ăn hỗn hợp dạng mảnh gà thịt từ 29 ngày- 42 ngày tuổi	612C	13:2011/JCB	
2050	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho heo thịt từ 60 kg - xuất chuồng	654	14:2010/JCB	
2051	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho gà siêu thịt từ 29 ngày - 42 ngày tuổi	612	14:2011/JCB	
2052	Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho heo nái mang thai	456	15:2010/JCB	
2053	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho gà siêu thịt 07 ngày trước khi xuất chuồng	613	15:2011/JCB	
2054	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho heo nái mang thai	656	16:2010/JCB	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
2055	Thức ăn hỗn hợp dạng mảnh cho gà con siêu thịt từ 01- 14 ngày tuổi	9610	16:2011/JCB	
2056	Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho heo nái từ 14 ngày trước khi đẻ - nuôi con	457	17:2010/JCB	
2057	Thức ăn hỗn hợp dạng mảnh cho gà giò siêu thịt từ 15 ngày - 28 ngày tuổi	9611	17:2011/JCB	
2058	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho heo nái từ 14 ngày trước khi đẻ - nuôi con	657	18:2010/JCB	
2059	Thức ăn hỗn hợp dạng mảnh gà thịt từ 29 ngày- 42 ngày tuổi	9612C	18:2011/JCB	
2060	Thức ăn hỗn hợp dạng viên heo thịt từ 20kg - 40kg	652A	19:2010/JCB	
2061	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho gà siêu thịt từ 29 ngày - 42 ngày tuổi	9612	19:2011/JCB	
2062	Thức ăn hỗn hợp dạng viên heo thịt từ 40kg - xuất chuồng	653A	20:2010/JCB	
2063	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho gà siêu thịt 07 ngày trước khi xuất chuồng	9613	20:2011/JCB	
2064	Thức ăn đậm đặc dạng bột cho heo thịt cao sản từ 15 kg - xuất chuồng	252	22:2010/JCB	
2065	Thức ăn đậm đặc dạng bột cho heo thịt siêu nạc từ 15kg - xuất chuồng	253	23:2010/JCB	
2066	Thức ăn đậm đặc dạng bột cho heo thịt siêu nạc từ 05kg - xuất chuồng	253X	24:2010/JCB	
2067	Thức ăn đậm đặc dạng bột cho heo nái mang thai và nuôi con	258 GESTALAC	25:2010/JCB	
2068	Thức ăn hỗn hợp dạng mảnh gà thịt lông màu từ 01-28 ngày tuổi	621	30:2010/JCB	
2069	Thức ăn hỗn hợp dạng viên gà thịt lông màu từ 28 ngày-42 ngày tuổi	622	31:2010/JCB	
2070	Thức ăn hỗn hợp dạng viên gà thịt lông màu từ 42 ngày - xuất chuồng	623	32:2010/JCB	
2071	Thức ăn hỗn hợp dạng mảnh cho gà hậu bị từ 01 ngày - 08 tuần tuổi	630	34:2010/JCB	
2072	Thức ăn hỗn hợp dạng mảnh cho gà hậu bị từ 08 tuần - 12 tuần tuổi	631	36:2010/JCB	
2073	Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho gà hậu bị từ 12 tuần - 18 tuần tuổi	432	37:2010/JCB	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
2074	Thức ăn hỗn hợp dạng mảnh cho gà hậu bị từ 12 tuần - 18 tuần tuổi	632	38:2010/JCB	
2075	Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho gà đẻ từ 18 tuần - 60 tuần tuổi	433	39:2010/JCB	
2076	Thức ăn hỗn hợp dạng mảnh cho gà đẻ từ 18 tuần - 60 tuần tuổi	633	40:2010/JCB	
2077	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt con từ 01 - 21 ngày tuổi	641	45:2010/JCB	
2078	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt thịt 04 tuần trước khi xuất chuồng	643	47:2010/JCB	
2079	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt đẻ thương phẩm từ 18 tuần tuổi-loại thải	645	49:2010/JCB	
2080	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt đẻ siêu trứng từ 18 tuần tuổi - loại thải	646	50:2010/JCB	
2081	Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho cút hậu bị từ 01 - 35 ngày tuổi	461	51:2010/JCB	
2082	Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho cút đẻ từ 35 ngày tuổi - loại thải	462	52:2010/JCB	
2083	Thức ăn đậm đặc dạng bột cho gà thịt từ 01 ngày tuổi - xuất chuồng	210	53:2010/JCB	
2084	Thức ăn đậm đặc dạng bột cho gà hậu bị từ 05 tuần tuổi - 18 tuần tuổi	231	54:2010/JCB	
2085	Thức ăn đậm đặc dạng bột cho gà đẻ từ 19 tuần tuổi - loại thải	230	55:2010/JCB	
2086	Thức ăn hỗn hợp dạng viên heo thịt cao sản từ 15 kg - 40kg	9652S	56:2010/JCB	
2087	Thức ăn hỗn hợp dạng viên heo thịt cao sản từ 40 kg - 70kg	9653S	57:2010/JCB	
2088	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho heo con tập ăn đến 15 kg	9651	61:2010/JCB	
2089	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho heo thịt từ 15 kg - 30 kg	9652	63:2010/JCB	
2090	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho heo thịt từ 30 kg - 60 kg	9653	65:2010/JCB	
2091	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho heo nái mang thai	9656	69:2010/JCB	
2092	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho heo nái từ 14 ngày trước khi đẻ - nuôi con	9657	71:2010/JCB	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
2093	Thức ăn đậm đặc dạng bột cho heo thịt cao sản từ 15 kg - xuất chuồng	9252	75:2010/JCB	
2094	Thức ăn đậm đặc dạng bột cho heo thịt siêu nạc từ 15kg - xuất chuồng	9253	76:2010/JCB	
2095	Thức ăn hỗn hợp dạng mảnh gà thịt lông màu từ 01-28 ngày tuổi	9621	83:2010/JCB	
2096	Thức ăn hỗn hợp dạng viên gà thịt lông màu từ 28-42 ngày tuổi	9622	84:2010/JCB	
2097	Thức ăn hỗn hợp dạng viên gà thịt lông màu từ 42 ngày - xuất chuồng	9623	85:2010/JCB	
2098	Thức ăn hỗn hợp dạng mảnh cho gà hậu bị từ 01 ngày - 08 tuần tuổi	9630	87:2010/JCB	
2099	Thức ăn hỗn hợp dạng mảnh cho gà hậu bị từ 08 tuần - 12 tuần tuổi	9631	89:2010/JCB	
2100	Thức ăn hỗn hợp dạng mảnh cho gà hậu bị từ 12 tuần - 18 tuần tuổi	9632	91:2010/JCB	
2101	Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho gà đẻ từ 18 tuần - 60 tuần tuổi	9433	92:2010/JCB	
2102	Thức ăn hỗn hợp dạng mảnh cho gà đẻ từ 18 tuần - 60 tuần tuổi	9633	93:2010/JCB	
	Doanh nghiệp tư nhân Thành Hưng Địa chỉ: 665C Ấp Phú Hào, xã Phú Hưng, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Điện thoại: 075.3822627. Fax: 075.3827679			
2103	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dạng bột và dạng viên cho lợn từ 15kg-30kg	D	01:2011/TH	
2104	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dạng bột và dạng viên cho lợn từ 30kg-60kg	6	02:2011/TH	
2105	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dạng bột và dạng viên cho lợn từ 60kg đến xuất chuồng	7	03:2011/TH	
2106	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dạng bột và dạng viên cho lợn nái nuôi con	9	04:2011/TH	
2107	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dạng bột và dạng viên cho lợn nái chữa, hậu bị	E	05:2011/TH	
2108	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh chất lượng cao dạng bột và dạng viên cho lợn từ 15kg-30kg	A0101	06:2011/TH	
2109	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh chất lượng cao dạng bột và dạng viên cho lợn từ 30kg-60kg	A0606	07:2011/TH	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
2110	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh chất lượng cao dạng bột và dạng viên cho lợn từ 60kg đến xuất chuồng	A0707	08:2011/TH	
2111	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh chất lượng cao dạng bột và dạng viên cho lợn nái nuôi con	A0808	09:2011/TH	
2112	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh chất lượng cao dạng bột và dạng viên cho lợn nái chữa, hậu bị.	A0909	10:2011/TH	
2113	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh chất lượng cao dạng bột và dạng viên cho lợn từ 15kg-30kg	A0101	11:2011/TH	
2114	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh chất lượng cao dạng bột và dạng viên cho lợn từ 30kg-60kg	A0606	12:2011/TH	
2115	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh chất lượng cao dạng bột và dạng viên cho lợn từ 60kg đến xuất chuồng	A0707	13:2011/TH	
2116	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh chất lượng cao dạng bột và dạng viên cho lợn nái nuôi con	A0808	14:2011/TH	
2117	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh chất lượng cao dạng bột và dạng viên cho lợn nái chữa, hậu bị	A0909	15:2011/TH	
2118	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dạng bột và dạng viên cho bò thịt	9	16:2011/TH	
2119	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dạng bột và dạng viên cho bò vỗ béo	10	17:2011/TH	
	Cơ sở Thức ăn gia súc Thiên An Địa chỉ: Ấp 1A, Thạnh Phú Đông, Giồng Trôm, Bến Tre. Điện thoại : 075.3864629. Fax: 075.3864629.			
2120	Hỗn hợp dùng cho vịt chạy đồng	601	01:2010/TA	
2121	Hỗn hợp thức ăn dùng cho bò thịt ,vỗ béo	1600	01:2011/TA	
2122	Hỗn hợp dùng cho bò thịt b,bò vỗ béo	554	01:2011/TA	
2123	Hỗn hợp dùng cho vịt chạy đồng ,vỗ béo	557	01:2011/TA	
2124	Hỗn hợp dùng cho heo từ 15-30kg	D	01:2011/TA	
2125	Hỗn hợp dùng cho vịt chạy đồng	602	02:2010/TA	
2126	Hỗn hợp thức ăn dùng cho bò sữa	1700	02:2011/TA	
2127	Hỗn hợp dùng cho bò sữa	555	02:2011/TA	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
2128	Thức ăn hỗn hợp cho vịt thịt từ 1 ngày đến xuất	559	02:2011/TA	
2129	Hỗn hợp dùng cho heo từ 30- 60 kg	6	02:2011/TA	
2130	Hỗn hợp thức ăn dùng cho gà thả vườn từ 1 ngày tuổi- xuất	603	03:2010/TA	
2131	Hỗn hợp dùng cho heo từ 60-100kg	7	03:2011/TA	
2132	Thức ăn hỗn hợp cho vịt đẻ siêu trứng	558	03:2011/TA	
2133	Hỗn hợp thức ăn dùng cho gà thả vườn từ 1 ngày tuổi- xuất	604	04:2010/TA	
2134	Hỗn hợp dùng cho heo nái hậu bị và nái khô	E	04:2011/TA	
2135	Hỗn hợp cho gà thả vườn từ 1 ngày –xuất	556	04:2011/TA	
2136	Hỗn hợp dùng cho nái nuôi con	9	05:2011/TA	
2137	Hỗn hợp dùng cho heo từ 15-30 kg	D	TA.BT01/07	
2138	Hỗn hợp dùng cho heo từ 15-30kg	D	TA.BT01/08	
2139	Hỗn hợp dùng cho bò thịt ,bò vỗ béo	1900	TA.BT01/08	
2140	Hỗn hợp dùng cho heo từ 30- 60 kg	6	TA.BT02/07	
2141	Hỗn hợp dùng cho heo từ 30-60kg	6	TA.BT02/08	
2142	Hỗn hợp dùng cho bò sữa	1800	TA.BT02/08	
2143	Hỗn hợp dùng cho heo từ 60-100kg	7	TA.BT03/07	
2144	Hỗn hợp dùng cho heo từ 60-100kg	7	TA.BT03/08	
2145	Hỗn hợp dùng cho heo nái chữa	E	TA.BT04/07	
2146	Hỗn hợp dùng cho heo nái hậu bị và nái khô	E	TA.BT04/08	
2147	Hỗn hợp dùng cho heo nái nuôi con	9	TA.BT05/07	
2148	Hỗn hợp dùng cho nái nuôi con	9	TA.BT05/08	
	Công ty TNHH chăn nuôi TÀGS Tân Lợi Địa chỉ: Số 49 Công Lý, khu phố II, thị trấn Mỏ Cày, huyện Mỏ Cày Nam, Bến Tre. Điện thoại: 0753.843.277. Fax: 0753.843.530.			
2149	Dùng cho heo từ 15kg->xuất chuồng	TÂN LỢI 991	TL.BT01/06	
2150	Dùng cho heo từ 15->30kg dạng viên	TALOFEEED V652	TL.BT01/07	
2151	Dùng cho heo từ 15->30kg dạng viên	RUBYFEED V852	TL.BT01/07	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
2152	Dùng cho heo từ 15->30kg dạng viên	PIGI V9052	TL.BT01/07	
2153	Dùng cho heo từ 15kg->xuất chuồng	TẤN LỢI 992	TL.BT01/08	
2154	Dùng cho vịt con từ 1->21 ngày tuổi	PIGIFEED 901	TL.BT01/08	
2155	Dùng cho heo từ 30->60kg dạng bột	HƯNG PHÁT 6	TL.BT02/01	
2156	Dùng cho heo từ 15->30kg dạng viên	TẤN LỢI 952	TL.BT02/06	
2157	Dùng cho heo từ 15->30kg dạng viên	HƯNG PHÁT 952	TL.BT02/06	
2158	Dùng cho heo từ 30->60kg dạng viên	TALOFEEEDV653	TL.BT02/07	
2159	Dùng cho heo từ 30->60kg dạng viên	RUBYFEED V853	TL.BT02/07	
2160	Dùng cho heo từ 30->60kg dạng viên	PIGI V9053	TL.BT02/07	
2161	Dùng cho vịt thịt từ 22 ngày->xuất chuồng	PIGIFEED 902	TL.BT02/08	
2162	Dùng cho heo từ 30->60kg dạng viên	TẤN LỢI 953	TL.BT03/06	
2163	Dùng cho heo từ 30->60kg dạng viên	HƯNG PHÁT 953	TL.BT03/06	
2164	Dùng cho heo nái chữa dạng viên	TALOFEEED V656	TL.BT03/07	
2165	Dùng cho heo nái mang thai dạng viên	RUBYFEED V856	TL.BT03/07	
2166	Dùng cho heo từ 60kg->xuất chuồng dạng viên	PIGI V9054	TL.BT03/07	
2167	Dùng cho vịt vỗ béo	PIGIFEED 904	TL.BT03/08	
2168	Dùng cho heo nái nuôi con dạng bột	HƯNG PHÁT 9	TL.BT03/09	
2169	Dùng cho heo từ 60kg->xuất chuồng dạng viên	TẤN LỢI 954	TL.BT04/06	
2170	Dùng cho heo nái chữa dạng viên	TẤN LỢI 956	TL.BT04/06	
2171	Dùng cho heo nái mang thai dạng viên	HƯNG PHÁT 956	TL.BT04/06	
2172	Dùng cho heo nái hậu bị	TALOFEEED 8	TL.BT04/07	
2173	Dùng cho heo từ 15->30kg dạng bột	TALOFEEED 652	TL.BT04/07	
2174	Dùng cho heo từ 15->30 kg dạng bột	RUBYFEED 852	TL.BT04/07	
2175	Dùng cho heo nái mang thai dạng viên	PIGI V9056	TL.BT04/07	
2176	Dùng cho vịt đẻ siêu trứng	PIGIFEED 900	TL.BT0408	
2177	Dùng cho heo từ 15->30 kg dạng bột	TẤN LỢI D	TL.BT05/06	
2178	Dùng cho heo từ 30->60kg dạng bột	TALOFEEED 653	TL.BT05/07	
2179	Dùng cho heo từ 30->60 kg dạng bột	RUBYFEED 853	TL.BT05/07	
2180	Dùng cho heo nái nuôi con dạng viên	PIGI V9057	TL.BT05/07	
2181	Dùng cho gà con từ 1->21 ngày tuổi	TALOFEEED 600	TL.BT05/08	
2182	Dùng cho heo từ 30->60 kg dạng bột	TẤN LỢI 6	TL.BT06/06	
2183	Dùng cho heo từ 30->60kg dạng bột	TALOFEEED 654	TL.BT06/07	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
2184	Dùng cho heo từ 30->60kg dạng bột	RUBYFEED 854	TL.BT06/07	
2185	Dùng cho gà thịt từ 22->35 ngày tuổi	TALOFEEED 601	TL.BT06/08	
2186	Dùng cho heo từ 60kg->xuất chuồng	TẤN LỢI 7	TL.BT07/06	
2187	Dùng cho heo nái chữa dạng bột	TALOFEEED 656	TL.BT07/07	
2188	Dùng cho heo nái chữa dạng bột	RUBYFEED 856	TL.BT07/07	
2189	Dùng cho gà thịt từ 35 ngày tuổi->xuất chuồng	TALOFEEED 602	TL.BT07/08	
2190	Dùng cho heo nái mang thai dạng bột	TẤN LỢI E	TL.BT08/06	
2191	Dùng cho heo nái mang thai dạng bột	HƯNG PHÁT E	TL.BT08/06	
2192	Dùng cho heo nái nuôi con dạng viên	TẤN LỢI 957	TL.BT08/07	
2193	Dùng cho heo nái nuôi con dạng viên	HƯNG PHÁT 957	TL.BT08/07	
2194	Dùng cho heo nái nuôi con dạng bột	TALOFEEED 657	TL.BT08/07	
2195	Dùng cho heo nái nuôi con dạng viên	TALOFEEED V657	TL.BT08/07	
2196	Dùng cho heo nái tiết sữa, nuôi con dạng bột	RUBYFEED 857	TL.BT08/07	
2197	Dùng cho gà ta, gà tàu từ 1 ngày tuổi-xuất chuồng	TALOFEEED 604	TL.BT08/08	
2198	Dùng cho heo nái nuôi con dạng bột	TẤN LỢI 9	TL.BT09/06	
2199	Dùng cho heo nái hậu bị	TẤN LỢI 8	TL.BT09/06	
2200	Dùng cho heo nái hậu bị	HƯNG PHÁT 8	TL.BT09/06	
2201	Dùng cho gà con từ 1->21 ngày tuổi	TALOFEEED 600L	TL.BT09/08	
2202	Dùng cho gà thịt từ 22->35 ngày tuổi	TALOFEEED 601L	TL.BT10/08	
2203	Dùng cho gà thịt từ 35 ngày tuổi->xuất chuồng	TALOFEEED 602L	TL.BT11/08	
2204	Dùng cho heo từ 15->30kg dạng bột	HƯNG PHÁT D	TL.BT24/98	
2205	Dùng cho heo từ 60kg->xuất chuồng dạng bột	HƯNG PHÁT 7	TL.BT27/98	
	Doanh nghiệp tư nhân Tiến Thành Địa chỉ: Ấp Nghĩa Huân, xã Mỹ Thạnh, huyện Giồng Trôm, Bến Tre. Điện thoại: 0753.823550. Fax: 0753.823048			
2206	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo từ 15-30kg và nái nuôi con	TĂGSTT D	01/2001	
2207	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo từ 30-60kg	TĂGSTT 6	01/2001	
2208	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo từ 60kg đến xuất chuồng	TĂGSTT 7	01/2001	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
2209	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo nái chữa	TĂGSST E	01/2001	
2210	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo từ 15-30kg và nái nuôi con	TĂGSST D	01/2001	
2211	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo từ 30-60kg	TĂGSST 6	01/2001	
2212	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo từ 60kg đến xuất chuồng	TĂGSST 7	01/2001	
2213	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo nái chữa	TĂGSST E	01/2001	
2214	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho bò sữa	Long Hưng 1208	TT-BT 01/05	
2215	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng cho bò thịt	Long Hưng 2208	TT-BT 02/05	
Công ty TNHH An Lợi Địa chỉ: C326 - Lô 91B, phường An Bình, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ. Điện thoại: 0710.3893933. Fax: 0710.3891977.				
2216	Thức ăn bổ sung ADE, canxi, phospho cho gia súc, gia cầm.	CANXI- DE	AL. CT 05/ 07	
2217	Thức ăn bồi dưỡng heo nái- Kích thích tạo sữa	SOW SUPER MEAL	AL. CT01/ 05	
2218	Thức ăn bổ sung khoáng	MENIRAL MIX	AL. CT01/ 07	
2219	Thức ăn bổ sung bồi dưỡng heo con	PIGLET SUPER MEAL	AL. CT02/ 05	
2220	Thức ăn bổ sung vitamin khoáng, acid amin, men tiêu hóa cho heo nái	SOW PROLAC	AL. CT02/ 07	
2221	Thức ăn bổ sung vitamin ADE, canxi, phosphor, phòng ngừa bại liệt- Kích thích tạo sữa	ADE CALPHOS	AL. CT03/ 05	
2222	Thức ăn bổ sung vitamin, khoáng, acid amin, men tiêu hóa cho heo từ tập ăn – 30kg	AMINOZYME	AL. CT03/ 07	
2223	Thức ăn bổ sung Vitamin C, canxi, phospho	C- CALPHOS	AL. CT04/ 05	
2224	Thức ăn bổ sung vitamin, khoáng, acid amin, men tiêu hóa cho heo thịt	NUTRI- PLEX	AL. CT04/ 07	
2225	Thức ăn bổ sung vitamin E, canxi, phospho, kích thích tăng trọng	E- CALPHOS	AL. CT05/ 05	
2226	Thức ăn bổ sung Biotin, canxi, phospho	BIOTINE- CALPHOS	AL. CT06/ 05	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
2227	Thức ăn bổ sung Biotin, canxi, phosphor cho gia súc, gia cầm	CANXI- H	AL. CT06/ 07	
2228	Thức ăn bổ sung lysine, canxi, phospho	CALPHOSINE	AL. CT07/ 05	
2229	Thức ăn bổ sung acid amin, khoáng cho gia súc, gia cầm	ME- LYSINE	AL. CT07/ 07	
2230	Thức ăn bổ sung men tiêu hóa	MULTIZYME	AL. CT08/ 05	
2231	Thức ăn bổ sung Vitamin tổng hợp cho gia súc, gia cầm	VTA- COMPLEX	AL. CT08/ 07	
2232	Thức ăn bổ sung vitamin và khoáng cho gia súc, gia cầm	VITA PLUS	AL. CT09/ 07	
2233	Thức ăn bổ sung vitamin, khoáng	VITAMENIRAL- C	AL. CT09/05	
2234	Thức ăn bổ sung Vitamin hỗn hợp	VITAMIX Soluble	Al. CT10/ 05	
2235	Thức ăn bổ sung vitamin C, B1, B6 cho gia súc, gia cầm	VITAMIN C Soluble	AL. CT10/ 07	
2236	Thức ăn bổ sung vitamin C cho gia súc, gia cầm.	VITAMIN C Antistress	AL. CT11/ 07	
2237	Thức ăn bổ sung vitamin C, B1, B6 cho gia súc, gia cầm.	AVIT C200	AL. CT12/ 07	
2238	Thức ăn bổ sung vitamin C cho gia súc, gia cầm	AVITA C150	AL. CT13/ 07	
2239	Thức ăn bổ sung vitamin và men tiêu hóa cho gia súc, gia cầm	FEEDZYME	AL. CT14/ 07	
2240	Thức ăn bổ sung men tiêu hóa, men vi sinh cho gia súc, gia cầm.	LACTOZYME	AL. CT15/ 07	
2241	Thức ăn bổ sung vitamin và khoáng cho heo nái	CUSTOMIX 1749	AL. CT16/ 07	
2242	Thức ăn bổ sung vitamin nhóm B và colistine sulfate cho gia súc, gia cầm	ANTI- COLI	AL. CT17/ 07	
2243	Thức ăn bổ sung men tiêu hóa và men vi sinh cho gia súc, gia cầm.	ENZYME	AL. CT18/ 07	
2244	Thức ăn bổ sung vitamin nhóm B, colistine sulfate, ampicilline cho gia súc, gia cầm.	AMPI- COLI	AL. CT19/ 07	
2245	Thức ăn bổ sung vitamin nhóm B, acid amin, oxytetra cho gia súc gia cầm.	TETRA- AMINO	AL. CT20/ 07	
2246	Thức ăn bổ sung vitamin nhóm B, enrofloxacin cho gia súc, gia cầm	ENRO- VIT	AL. CT21/ 07	
2247	Thức ăn bổ sung vitamin nhóm B, men tiêu hóa, Zinc bacitracin cho gia súc, gia cầm	BACI- FERM	AL. CT22/ 07	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
2248	Thức ăn bổ sung vitamin, khoáng, acid amin, enzyme cho heo nái.	DƯỠNG THAI-TẠO SỮA	AL. CT24/ 07	
2249	Thức ăn bổ sung chất điện giải cho gia súc, gia cầm	ELECTROLYTE	AL. CT25/ 07	
2250	Thức ăn bổ sung vitamin nhóm B và sulfadiazine cho gia súc, gia cầm	VITASUL	AL. CT26/ 07	
2251	Thức ăn bổ sung vitamin nhóm B, men tiêu hóa, colistine sulfate cho gia súc, gia cầm.	COLI- ZYME	AL. CT27/ 07	
2252	Thức ăn bổ sung vitamin nhóm B, Amoxicilline, Gentamycine cho gia súc, gia cầm.	AMOGENCO	AL. CT28/ 07	
2253	Thức ăn bổ sung vitamin nhóm B và Aureomycine cho gia súc, gia cầm.	AUREO	AL. CT30/ 07	
2254	Thức ăn bổ sung vitamin nhóm B và Norfloxacin cho gia súc, gia cầm.	VITA- NOR	AL. CT31/ 07	
2255	Thức ăn bổ sung vitamin nhóm B, vitamin C, lysine. Methionine, sorbitol cho gia súc, gia cầm.	SORBITOL- C	AL. CT32/ 07	
	Công ty TNHH Minh Tân Lô 30 A3 – 5, KCN Trà Nóc, quận Bình Thủy, Tp. Cần Thơ. Điện thoại: 0710.3501189. Fax: 0710 3843474.			
2256	Premix vitamin, khoáng cho gia cầm	MT - TĂNG TRỨNG	01:2011/MTCT	
2257	Premix vitamin, khoáng cho gia cầm	CANA EGGS	02:2011/MTCT	
2258	Premix vitamin khoáng dùng cho vật nuôi	BEST LEAN	03:2011/MTCT	
2259	Premix vitamin khoáng dùng cho vật nuôi	MULTI LEAN	04:2011/MTCT	
2260	Premix vitamin khoáng dùng cho vật nuôi	MITA LEAN	05:2011/MTCT	
2261	Premix vitamin dùng cho vật nuôi	MITA CSOL	06:2011/MTCT	
2262	Premix vitamin dùng cho vật nuôi	COOLER	07:2011/MTCT	
2263	Premix vitamin dùng cho vật nuôi	MITA CMAX	08:2011/MTCT	
2264	Premix vitamin dùng cho vật nuôi	MITA AD3E	09:2011/MTCT	
2265	Premix vitamin dùng cho vật nuôi	MITA BIOTIN	10:2011/MTCT	
2266	Premix vitamin dùng cho vật nuôi	BIOTIN AD3E	11:2011/MTCT	
2267	Premix vitamin khoáng dùng cho vật nuôi	SUPER PANAMIX	12:2011/MTCT	
2268	Premix vitamin khoáng dùng cho vật nuôi	PHOSCAMIX	13:2011/MTCT	
2269	Premix vitamin khoáng dùng cho vật nuôi	SELEN E	14:2011/MTCT	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
2270	Premix vitamin khoáng dùng cho vật nuôi	MT CHỐNG CÒI	15:2011/MTCT	
2271	Premix vitamin khoáng dùng cho vật nuôi	CANXI C	16:2011/MTCT	
2272	Premix vitamin khoáng dùng cho vật nuôi	MITA MILK S	17:2011/MTCT	
2273	Premix vitamin khoáng dùng cho vật nuôi	FAST WEIGHT	18:2011/MTCT	
2274	Premix vitamin khoáng dùng cho vật nuôi	YES PIG	19:2011/MTCT	
2275	Premix vitamin dùng cho vật nuôi	AB CHICK	20:2011/MTCT	
2276	Premix vitamin dùng cho vật nuôi	ANTIBAC	21:2011/MTCT	
2277	Premix vitamin dùng cho vật nuôi	SKIP	22:2011/MTCT	
2278	Chế phẩm sinh học dùng cho vật nuôi	MITAZYME PIG	23:2011/MTCT	
2279	Chế phẩm sinh học dùng cho vật nuôi	ALPHAZYME	24:2011/MTCT	
2280	Chế phẩm sinh học dùng cho vật nuôi	PROTAZYME	25:2011/MTCT	
2281	Chế phẩm sinh học dùng cho vật nuôi	MITARON	26:2011/MTCT	
2282	Chế phẩm sinh học dùng cho vật nuôi	LACTOCIN	27:2011/MTCT	
2283	Chế phẩm sinh học dùng cho vật nuôi	LACTO SKIP	28:2011/MTCT	
2284	Chế phẩm sinh học dùng cho vật nuôi	YES MD	29:2011/MTCT	
2285	Chế phẩm sinh học dùng cho vật nuôi	MITA PLUS	30:2011/MTCT	
2286	Phụ gia thức ăn dùng cho vật nuôi	ACIDIFIER	31:2011/MTCT	
2287	Premix vitamin dùng cho vật nuôi	SORBITOL B12	32:2011/MTCT	
2288	Premix khoáng dùng cho vật nuôi	MITALYTE	33:2011/MTCT	
2289	Chế phẩm sinh học dùng cho vật nuôi	MITA Q&Y	34:2011/MTCT	
2290	Premix vitamin khoáng dùng cho vật nuôi	RUDDY	35:2011/MTCT	
2291	Premix vitamin dùng cho vật nuôi	MITA BCOMPLEX	36:2011/MTCT	
2292	Premix bổ sung vitamin, khoáng cho vật nuôi	HEPATIC 900	37:2011/MTCT	
2293	Premix bổ sung vitamin cho vật nuôi	CHOLIVER	38:2011/MTCT	
	Xí nghiệp Thức ăn chăn nuôi - Công ty CP Phân bón và Hóa chất Cần Thơ Địa chỉ: KCN Trà Nóc 1, Quận Bình Thủy, Tp. Cần Thơ. ĐT: 0710.3841521 – 3744445. Fax: 0710.3841429 – 3744446.			
2294	Thức ăn hỗn hợp cho heo con tập ăn từ 7 ngày - 8 kg	CB-H01	TACB.36/11	24/TB.CCTY
2295	Thức ăn hỗn hợp cho heo con sau cai sữa từ 8 - 15 kg	CB-H02	TACB.37/11	24/TB.CCTY
2296	Thức ăn hỗn hợp cho heo thịt từ 15 - 30 kg	CB-H03	TACB.38/11	24/TB.CCTY

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
2297	Thức ăn hỗn hợp cho heo thịt từ 30 - 60 kg	CB-H04	TACB.39/11	24/TB.CCTY
2298	Thức ăn hỗn hợp cho heo thịt từ 60 kg - xuất chuồng	CB-H05	TACB.40/11	24/TB.CCTY
2299	Thức ăn hỗn hợp cho heo thịt từ 8 - 30 kg	CB-H06	TACB.41/11	24/TB.CCTY
2300	Thức ăn hỗn hợp cho heo thịt từ 30 kg - xuất chuồng	CB-H07	TACB.42/11	24/TB.CCTY
2301	Thức ăn hỗn hợp cho heo cái hậu bị	CB-H08	TACB.43/11	24/TB.CCTY
2302	Thức ăn hỗn hợp cho heo nái mang thai	CB-H09	TACB.44/11	24/TB.CCTY
2303	Thức ăn hỗn hợp cho heo nái nuôi con	CB-H10	TACB.45/11	24/TB.CCTY
2304	Thức ăn hỗn hợp cho gà thịt từ 1 - 28 ngày tuổi	CB-G01	TACB.46/11	26/TB.CCTY
2305	Thức ăn hỗn hợp cho gà thịt từ 29 ngày tuổi - 7 ngày trước xuất chuồng	CB-G02	TACB.47/11	26/TB.CCTY
2306	Thức ăn hỗn hợp cho gà vỗ béo - 7 ngày trước xuất chuồng	CB-G03	TACB.48/11	26/TB.CCTY
2307	Thức ăn hỗn hợp cho gà hậu bị hướng trứng	CB-G04	TACB.49/11	26/TB.CCTY
2308	Thức ăn hỗn hợp cho gà đẻ trứng thương phẩm	CB-G05	TACB.50/11	26/TB.CCTY
2309	Thức ăn hỗn hợp cho vịt thịt từ 1 - 21 ngày tuổi	CB-V01	TACB.51/11	25/TB.CCTY
2310	Thức ăn hỗn hợp cho vịt thịt từ 22 ngày tuổi - xuất chuồng	CB-V02	TACB.52/11	25/TB.CCTY
2311	Thức ăn hỗn hợp cho vịt vỗ béo	CB-V03	TACB.53/11	25/TB.CCTY
2312	Thức ăn hỗn hợp cho vịt đẻ trứng thương phẩm	CB-V04	TACB.54/11	25/TB.CCTY
	Công ty TNHH Thuốc Thú y 2/9 Cần Thơ Địa chỉ: 108/46/6B đường Nguyễn Việt Hồng, phường An Phú, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ. Tel: 07103.833063. Fax: 07103.832578.			
2313	Men tiêu hóa	LAC-STREP	2/9.CT 01/05	
2314	Men tiêu hóa	LAC0BAZYM	2/9.CT 02/05	
2315	Men tiêu hóa	STREP-LC	2/9.CT 03/05	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
2316	Men tiêu hóa	VS-5WAY	2/9.CT 04/05	
2317	Khoáng vi lượng	PROTA-IOD	2/9.CT 07/05	
2318	Men tiêu hóa	ZYM-LAC	2/9.CT 08/04	
2319	Vitamin - Khoáng - A.Amin	MULTI-PREMIX	2/9.CT 08/05	
2320	Vitamin - Khoáng - Men tiêu hóa	BIOTIC-PREMIX	2/9.CT 09/04	
2321	Men tiêu hóa	AS-BAZYM	2/9.CT 10/05	
2322	Men tiêu hóa	STREP-TOZYM	2/9.CT 11/05	
2323	Men tiêu hóa	S-BIO-ZYM	2/9.CT 12/05	
2324	Men tiêu hóa	MICRO-SACC	2/9.CT 14/04	
2325	Men tiêu hóa	ADB-COLI	2/9.CT 15/05	
2326	Vitamin - Khoáng - Men tiêu hóa	BIO-MUTIZYM	2/9.CT 17/04	
	Công ty TNHH Vạn Lợi Địa chỉ: 136B- đường Nguyễn Văn Cừ kéo dài, phường An Bình, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ. Điện thoại/ Fax: 0710.3894077.			
2327	Thức ăn bổ sung Vitamin, khoáng, enzyme cho gia súc, gia cầm.	VIOFA	VL. CT- 12/ 06	
2328	Thức ăn bổ sung Vitamin nhóm B, kitasamycine cho gia súc, gia cầm.	KITANOX- 100	VL- CT- 06/ 06	
2329	Thức ăn bổ sung vitamin C, Oxytetracycline cho gia súc, gia cầm.	OXYTETRA- C	VL. CT- 01/ 07	
2330	Thức ăn bổ sung Vitamin, khoáng, acid amin cho heo con	PIGLET- CARE	VL. CT- 01/06	
2331	Thức ăn bổ sung vitamin A, D, E, C và nhóm B cho gia súc, gia cầm.	ADE- BCOMPLEX- C	VL. CT- 02/ 07	
2332	Thức ăn bổ sung Vitamin, khoáng, acid amin cho heo nái	SOW- CARE	VL. CT- 02/06	
2333	Thức ăn bổ sung Vitamin E, C, sorbitol, acid amin cho gia súc, gia cầm.	VL- CMIN	VL. CT- 03/ 07	
2334	Thức ăn bổ sung men tiêu hóa cho gia súc, gia cầm.	GASTROZYME	VL. CT- 03/06	
2335	Thức ăn bổ sung vitamin C và điện giải cho gia súc, gia cầm.	ELECTROLYTE	VL. CT- 04/ 07	
2336	Thức ăn bổ sung vitamin cho gia súc, gia cầm.	VITAMET	VL. CT- 04/06	
2337	Thức ăn bổ sung Vitamin C20% cho gia súc, gia cầm.	VITA C200	VL. CT- 05/ 07	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
2338	Thức ăn bổ sung men tiêu hóa và men vi sinh cho gia súc, gia cầm.	LACTOLUS	VL. CT- 05/06	
2339	Thức ăn bổ sung Vitamin A, D, E và ampicilline, colitine cho gia súc, gia cầm.	AMCOVIT	VL. CT- 06/ 07	
2340	Thức ăn bổ sung Vitamin, acid amin, enzyme, men vi sinh cho gia súc, gia cầm.	STOCK- PIG	VL. CT- 07/ 06	
2341	Thức ăn bổ sung Vitamin A, D, E, sulfadimethoxine và trimethoprime cho gia súc, gia cầm.	VL- SULTRIMIX	VL. CT- 07/ 07	
2342	Thức ăn bổ sung vitamin, canxi, phospho cho gia súc, gia cầm.	CANXI- VIT	VL. CT- 08/ 06	
2343	Thức ăn bổ sung betaglucan, sorbitol và men tiêu hóa cho gia súc, gia cầm.	SORZYME	VL. CT- 08/ 07	
2344	Thức ăn bổ sung Vitamin B1, B6, C và anagin cho gia súc, gia cầm.	ANAGIN- C	VL. CT- 09/ 06	
2345	Thức ăn bổ sung vitamin nhóm B, C và tylosine cho gia cầm.	TYLO- VIT	VL. CT- 09/ 07	
2346	Thức ăn bổ sung vitamin, khoáng, acid amin, men tiêu hóa cho heo nái, heo con.	AMYLAC	VL. CT- 10/ 06	
2347	Thức ăn bổ sung Vitamin nhóm B, sulfadiazine cho gia súc, gia cầm	OFAVIT	VL. CT- 11/ 06	
2348	Thức ăn bổ sung Vitamin A, D, E, vitamin nhóm B và Oxytetra cho gia cầm.	TETRA VIT	VL. CT- 11/ 07	
2349	Thức ăn bổ sung vitamin, men tiêu hóa, men vi sinh cho gia súc, gia cầm.	GROWZYME	VL. CT- 13/ 06	
2350	Thức ăn bổ sung Vitamin, khoáng, acid amin, men tiêu hóa cho gia heo choai.	CHỐNG CÒI	VL. CT- 14/ 06	
2351	Thức ăn bổ sung vitamin E, canxi, phospho cho gia súc, gia cầm.	EMIX- 100	VL. CT- 15/ 06	
2352	Thức ăn bổ sung vitamin, khoáng, acid amin cho heo thịt	PREMIX TĂNG TRỌNG HEO THỊT	VL. CT- 16/ 06	
	Công ty CP Sản xuất Kinh doanh Vật tư & Thuốc Thú y (VEMEDIM) Địa chỉ: Số 07 đường 30/4 , Phường Xuân Khánh, Quận Ninh Kiều, TP.Cần Thơ Điện thoại: 84-07103.820703. Fax: 84-07103738839.			
2353	Premix, vitamin, khoáng, axit amin cho gia súc, gia cầm.	Aminovit	01:2005/VMD	
2354	Dung dịch bổ sung vitamin và khoáng cho gia súc, gia cầm	Vime- Senic EH	01:2008/VMD	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
2355	Thức ăn bổ sung vitamin, khoáng và vi khuẩn hữu ích cho gia súc, gia cầm	Calphovit	02:2005/VMD	
2356	Premix vitamin cho gia súc, gia cầm	ADE B complex	02:2008/VMD	
2357	Premix khoáng dùng cho gia súc	Mineral TB	03:2005/VMD	
2358	Premix vitamin, axit amin khoáng cho gà đẻ	Embavit No.2-100	03:2008/VMD	
2359	Thức ăn bổ sung vitamin, enzyme tiêu hoá cho gia súc, gia cầm	Prozyme new	04:2005/VMD	
2360	Bổ sung vitamin, axit amin dùng cho gia súc, gia cầm	Sorpherol (dd)	04:2008/VMD	
2361	Chế phẩm sinh học dùng cho gia súc, gia cầm	Vime -6 way	05:2005/VMD	
2362	Dung dịch bổ sung vitamin và axit amin cho gia súc, gia cầm	Elacamin	05:2008/VMD	
2363	Premix vitamin dùng cho gia súc , gia cầm	Vimevit fort	06:2005/VMD	
2364	Dung dịch bổ sung vitamin và acid amin cho gia súc, gia cầm	Elacamin plus	06:2008/VMD	
2365	Premix vitamin - axit amin dùng cho gia súc, gia cầm	Vimix plus	07:2005/VMD	
2366	Thức ăn bổ sung vitamin cho gia súc gia cầm	Vitamin C Antistress	07:2008/VMD	
2367	Premix vitamin –khoáng – axit amin dùng cho gà đẻ trứng giống.	Embavit No.3	08:2005/VMD	
2368	Premix bổ sung vitamin cho gia súc , gia cầm	B complex C premix	08:2008/VMD	
2369	Premix - vitamin - khoáng – axit amin dùng cho heo nái	Embavit No.6	09:2005/VMD	
2370	Thức ăn bổ sung vitamin- axit amin cho gia súc , gia cầm	Goliver	09:2008/VMD	
2371	Premix vitamin – khoáng – axit amin dùng cho gia súc	Vemevit No.6-200	10:2005/VMD	
2372	Premix cung cấp vitamin và chất điện giải	Vitamin plus	10:2008/VMD	
2373	Premix vitamin- khoáng dùng cho heo vỗ béo	Embavit ®7	11:2005/VMD	
2374	Premix bổ sung chất điện giải và vitamin cho gia súc gia cầm	Vimelyte concentrated	11:2008/VMD	
2375	Premix vitamin- khoáng dùng cho heo vỗ béo	Vemevit ®7-200	12:2005/VMD	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
2376	Bổ sung Vitamin A, D3 và E cho gia súc gia cầm	Vit AD3E	12:2008/VMD	
2377	Thức ăn bổ sung vitamin và khoáng cho gia súc, gia cầm	PRO-MILK	13:2006/VMD	
2378	Premix vitamin bổ sung cho gia cầm	Terra Egg promoter	13:2008/VMD	
2379	Thức ăn đậm đặc cho heo nái, nái mang thai, nái nuôi con và heo con	Vimelac	14:2006/VMD	
2380	Premix vitamin bổ sung cho gia súc gia cầm	Vimevit plus	14:2008/VMD	
2381	Thức ăn đậm đặc dùng cho nái nuôi con và heo con	Vime-Đạm sữa	15:2006/VMD	
2382	Premix bổ sung vitamin và amino acid cho gia súc gia cầm	VP-1000	15:2008/VMD	
2383	Chế phẩm sinh học dùng cho gia súc, gia cầm	Vime- Bacilac	16:2006/VMD	
2384	Premix bổ sung vitamin và amino acid cho gia súc gia cầm	Vimelyte	16:2008/VMD	
2385	Premix vitamin và khoáng dùng cho gà đẻ, gà giống.	Terra-Egg	17:2006/VMD	
2386	Thức ăn bổ sung vitamin, khoáng cho gia cầm	Anti-Gum	17:2008/VMD	
2387	Thức ăn bổ sung premix vitamin cho gia cầm	Super-egg	18:2008/VMD	
2388	Thức ăn bổ sung premix vitamin cho gia súc gia cầm	B Complex C	19:2008/VMD	
2389	Premix bổ sung vitamin và vi khuẩn hữu ích cho gia súc, gia cầm	Olavit new	20:2008/VMD	
2390	Premix bổ sung vitamin cho gia súc, gia cầm	Sorpherol	21:2008/VMD	
2391	Premix bổ sung vitamin C cho gia súc, gia cầm	Vitamin C-100	22:2008/VMD	
2392	Premix bổ sung vitamin và acid amin cho heo cai sữa và heo thịt	Vime- Amino Heo cai sữa- heo thịt	23:2008/VMD	
2393	Premix bổ sung vitamin và acid amin cho heo nái	Vime- Amino Heo nái	24:2008/VMD	
2394	Premix bổ sung vitamin và acid amin cho gà , vịt , ngan	Vime- Amino Gà – vịt - ngan	25:2008/VMD	
2395	Dung dịch bổ sung khoáng cho gia súc gia cầm	CAN- XI - PHOS	26:2008/VMD	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
2396	Thức ăn đậm đặc dùng cho gia súc gia cầm	Vimemilk	27:2008/VMD	
	Công ty Thức ăn chăn nuôi Liên doanh Việt Trung Địa chỉ: Đội 19, xã Thanh Hưng, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên. Tel: 02303832125. Fax: 03203832089.			
2397	Thức ăn đậm đặc cho lợn từ tập ăn đến xuất chuồng	KN888, KN889, KN808, KN800, VT968	VTĐB01-05	
2398	Thức ăn hỗn hợp cho lợn từ 7 ngày tuổi đến 15kg	KN551	VTĐB01-06	
2399	Thức ăn hỗn hợp cho lợn từ 15kg đến 30kg	KN552	VTĐB01-06	
2400	Thức ăn hỗn hợp cho lợn từ 30kg đến xuất chuồng	KN560	VTĐB01-06	
2401	Thức ăn đậm đặc cho lợn từ tập ăn đến xuất chuồng	B999	VTĐB01-09	
2402	Thức ăn hỗn hợp cho lợn từ 30kg đến xuất chuồng	B668	VTĐB01-11	
2403	Thức ăn hỗn hợp cho vịt, ngan	KN616, KN610KN600	VTĐB02-05	
2404	Thức ăn cho gà	KN811, KN510, KN513	VTĐB02-06	
2405	Thức ăn đậm đặc cho lợn từ tập ăn đến xuất chuồng	B1000	VTĐB02-09	
2406	Thức ăn hỗn hợp cho lợn từ 7 ngày tuổi đến 15kg	B34	VTĐB03-09	
2407	Thức ăn hỗn hợp cho lợn từ 30kg đến xuất chuồng	B38	VTĐB04-09	
2408	Thức ăn cho gà	B16	VTĐB05-09	
2409	Thức ăn cho gà	B12	VTĐB06-09	
2410	Thức ăn hỗn hợp cho vịt, ngan	B21	VTĐB07-09	
2411	Thức ăn đậm đặc cho lợn từ tập ăn đến xuất chuồng	BM99	VTĐB08-09	
2412	Thức ăn đậm đặc cho lợn từ tập ăn đến xuất chuồng	BM100	VTĐB09-09	
2413	Thức ăn đậm đặc cho lợn từ tập ăn đến xuất chuồng	B52	VTĐB10-09	
	Công ty CP Sản xuất – Thương mại AHH Địa chỉ: Lô I2 + I3, KCN Định Quán, huyện Định Quán, Đồng Nai. Tel: 0613633443; Fax: 0613632966.			

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
2414	Thức ăn hỗn hợp vịt, ngan sinh sản hướng trứng 0-8 tuần	7110, 7210	AHH ĐN 01/08	924/SNN-CB
2415	Thức ăn hỗn hợp vịt, ngan sinh sản hướng trứng từ 8 tuần –Đẻ trứng.	7120, 7220	AHH ĐN 02/08	924/SNN-CB
2416	Thức ăn hỗn hợp vịt, ngan sinh sản hướng trứng - đẻ trứng	7130, 7230	AHH ĐN 03/08	924/SNN-CB
2417	Thức ăn hỗn hợp vịt, ngan sinh sản hướng thịt từ 0-8 tuần.	7111, 7211	AHH ĐN 04/08	924/SNN-CB
2418	Thức ăn hỗn hợp vịt, ngan sinh sản hướng thịt từ 8 tuần – đẻ trứng	7121, 7122	AHH ĐN 05/08	924/SNN-CB
2419	Thức ăn hỗn hợp vịt, ngan sinh sản hướng thịt trong thời gian sinh sản	7131, 7231	AHH ĐN 06/08	924/SNN-CB
2420	Thức ăn hỗn hợp vịt, ngan hướng thịt từ 0-4 tuần.	7112, 7212	AHH ĐN 07/08	924/SNN-CB
2421	Thức ăn hỗn hợp vịt, ngan hướng thịt từ 4 tuần - xuất chuồng.	7122, 7222	AHH ĐN 08/08	924/SNN-CB
2422	Thức ăn hỗn hợp heo: 7-15 kg, hỗn hợp dạng bột, viên.	9110, 9210	TC AHH 9110-07	836/SNN-PTNT-NN
2423	Thức ăn hỗn hợp heo: 15-30 kg, hỗn hợp dạng bột, viên	9120, 9220	TC AHH 9120-06	3984/2006/CBTC-TĐC
2424	Thức ăn hỗn hợp heo: 30-60 kg hỗn hợp dạng bột, viên	9130, 9230	TC AHH 9130-06	4008/2006/CBTC-TĐC
2425	Thức ăn hỗn hợp heo: 60-xuất chuồng hỗn hợp dạng bột	9140, 9240	TC AHH 9140-06	4010/2006/CBTC-TĐC
2426	Thức ăn hỗn hợp heo nái nuôi con- hỗn hợp dạng bột, viên	9150, 9250	TC AHH 9150-07	836/SNN-PTNT-NN
2427	Thức ăn hỗn hợp heo nái nuôi con- hỗn hợp dạng bột, viên.	9160, 9260	TC AHH 9160-07	836/SNN-PTNT-NN
2428	Thức ăn đậm đặc heo từ tập ăn tới xuất chuồng	9301	TC AHH 9301-06	4093/2006/CBTC-TĐC
2429	Thức ăn đậm đặc heo từ tập ăn tới xuất chuồng	9302	TC AHH 9302-06	4095/2006/CBTC-TĐC
2430	Thức ăn đậm đặc heo từ tập ăn tới xuất chuồng	9303	TC AHH 9303-06	4094/2006/CBTC-TĐC
	Công ty TNHH Dinh Dưỡng Á Châu (VN) Địa chỉ: KCN Sông Mỹ, Xã Bắc Sơn, Trảng Bom, Đồng Nai. Tel: 0613.869111; Fax: 0613.869110			

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
2431	Thức ăn hỗn hợp dạng bột viên cho heo sữa từ 7 ngày -8kg	800,V800,100,V100, 880,V880	ANT ĐN 001/08	
2432	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho heo sữa từ 7 ngày -8kg	800N, 100N, 880N	ANT ĐN 002/08	
2433	Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên cho heo con từ 7 ngày-15kg	801, 801V, 101, 101V, 881, 881V	ANT ĐN 003/08	
2434	Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên cho heo thịt từ 15 kg – 30 kg	802, 802V, 102, 102V, 882, 882V	ANT ĐN 004/08	
2435	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho heo thịt từ 15 kg – 30 kg	802S, 102S	ANT ĐN 005/08	
2436	Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên cho heo thịt từ 30kg -60kg	803, 803V,103, 103V, 883, 883V	ANT ĐN 006/08	
2437	Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên cho heo thịt từ 60kg –xuất chuồng	804,804V,104,104V, 884, 884V	ANT ĐN 007/08	
2438	Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên cho heo nái chữa	855, 855V, 105, 105V, 885, 885V	ANT ĐN 008/08	
2439	Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên cho heo nái nuôi con	866, 866V, 106, 106V, 886, 886V, 876, 876V	ANT ĐN 009/08	
2440	Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên cho heo lai từ 15kg-30kg	82L, 82LV, 102L,102LV	ANT ĐN 010/08	
2441	Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên cho heo lai từ 30kg – 60kg	83L, 83LV, 103L, 103LV	ANT ĐN 011/08	
2442	Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên cho heo lai từ 60kg – xuất chuồng	84L, 84LV,104L, 104LV	ANT ĐN 012/08	
2443	Thức ăn đậm đặc dạng bột cho heo thịt từ 15kg- xuất chuồng	8000, 8888, 8238, 8800	ANT ĐN 013/08	
2444	Thức ăn đậm đặc dạng bột cho heo thịt từ 5kg- xuất chuồng	8000S	ANT ĐN 014/08	
2445	Thức ăn đậm đặc dạng bột cho heo thịt từ tập ăn-xuất chuồng	8244, 8844, 122, 8900	ANT ĐN 015/08	
2446	Thức ăn đậm đặc dạng bột cho heo nái sinh sản	9000, 166, 8860	ANT ĐN 016/08	
2447	Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên tạo nạc dùng cho heo thịt từ 15kg – xuất chuồng	833, 833V, 133, 133V, 873, 873V, 888V	ANT ĐN 017/08	
2448	Thức ăn đậm đặc dạng bột cho heo thịt từ tập ăn - xuất chuồng	8246, 8846, 123, 8990	ANT ĐN 018/08	
2449	Thức ăn đậm đặc cao cấp dạng bột, hạt cho heo choai từ 15-50kg	B1500/H1500	ANT ĐN 019/08	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
2450	Thức ăn đậm đặc siêu nạc dạng bột, hạt cho heo thịt từ 50kg – xuất chuồng	B1550/H1550	ANT ĐN 020/08	
2451	Thức ăn hỗn hợp đặc biệt dạng viên cho heo con sau cai sữa – 15kg	V81A	ANT ĐN 021/08	
2452	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho heo thịt từ 30kg –60kg	803S, 103S, 883S	ANT ĐN 022/08	
2453	Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên cho heo nái chữa	V85A, B85A, B15A, V15A, 875, 875V	ANT ĐN 023/08	
2454	Thức ăn đậm đặc dạng bột cho heo nái chữa	155, 8850	ANT ĐN 024/08	
2455	Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên cho heo thịt từ 60 – xuất chuồng	874, 874V	ANT ĐN 025/08	
2456	Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên cho heo thịt từ 15 – 30kg	872, 872V	ANT ĐN 026/08	
2457	Thức ăn hỗn hợp dạng viên, hạt cho gà thịt từ 01-21ngày	6230, 6230H, 201, 201V, 210H	ANT ĐN 027/08	
2458	Thức ăn hỗn hợp dạng viên, hạt cho gà thịt từ 22-42 ngày	6320, 6320V, 202, 202V, 202H,220V, 220H	ANT ĐN 028/08	
2459	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho gà thịt từ 43 ngày-xuất chuồng	6420, 203V, 230V	ANT ĐN 029/08	
2460	Thức ăn hỗn hợp dạng viên, hạt cho gà tam hoàng từ 01-42 ngày	6270, 6270H, 211A, 270	ANT ĐN 030/08	
2461	Thức ăn hỗn hợp dạng viên, hạt cho gà tam hoàng từ 29 - 49 ngày	6370, 6370H	ANT ĐN 031/08	
2462	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho gà tam hoàng từ 43 ngày-xuất chuồng	6470, 212, 370	ANT ĐN 032/08	
2463	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho gà ta, gà tàu giai đoạn vỗ béo	6480, 213, 470	ANT ĐN 033/08	
2464	Thức ăn hỗn hợp dạng viên, hạt cho gà tam hoàng-gà ta từ 01-42ngày	6270, 6270L, 6270H	ANT ĐN 034/08	
2465	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho gà tam hoàng,gà ta từ 43 ngày- xuất chuồng	6370L, V210A	ANT ĐN 035/08	
2466	Thức ăn đậm đặc dạng bột cho gà thịt từ 21 ngày-xuất chuồng	6000	ANT ĐN 036/08	
2467	Thức ăn đậm đặc dạng bột cho gà thịt từ 1 ngày-xuất chuồng	6000L, 222	ANT ĐN 037/08	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
2468	Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho gà đẻ từ 01 ngày - 8 tuần	3210, 301, 310	ANT ĐN 038/08	
2469	Thức ăn đậm đặc dạng bột, hạt cho gà đẻ từ 9-17 tuần	3300, 3300H, 322	ANT ĐN 039/08	
2470	Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho gà đẻ từ 9-17 tuần	3310, 302, 320	ANT ĐN 040/08	
2471	Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho gà đẻ từ 17-21 tuần	3410, 304	ANT ĐN 041/08	
2472	Thức ăn đậm đặc bột cho gà đẻ từ 18 tuần – đào thải	3500	ANT ĐN 042/08	
2473	Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho gà đẻ từ 18 tuần – đào thải	3510, 3610	ANT ĐN 043/08	
2474	Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho gà đẻ trong môi trường nóng bức từ 18 tuần – đào thải	3910, 305, 330	ANT ĐN 044/08	
2475	Thức ăn đậm đặc dạng bột cho gà đẻ từ 18 tuần – đào thải	3900, 333, 3000	ANT ĐN 045/08	
2476	Thức ăn hỗn hợp dạng hạt cho gà bắt đầu đẻ – đào thải	H355	ANT ĐN 046/08	
2477	Thức ăn hỗn hợp dạng viên, hạt cho vịt từ 1 ngày – 21 ngày	5220, 5220H	ANT ĐN 047/08	
2478	Thức ăn hỗn hợp dạng bột, viên cho vịt từ 22 ngày- xuất chuồng	5320, 503V, 450, 450V	ANT ĐN 048/08	
2479	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt từ 01 ngày tuổi trở lên	5320V	ANT ĐN 049/08	
2480	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt từ 41 ngày- xuất chuồng	5420, 503, 452	ANT ĐN 050/08	
2481	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt chạy đồng vỗ béo	5420L, 515, 453	ANT ĐN 051/08	
2482	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt đẻ thương phẩm giai đoạn đẻ trứng	5520	ANT ĐN 052/08	
2483	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt đẻ	5590	ANT ĐN 053/08	
2484	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt bố mẹ giống từ 20 tuần – đào thải	5620, 506	ANT ĐN 054/08	
2485	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt bố mẹ giống 22 tuần – đào thải	5620S	ANT ĐN 055/08	
2486	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt đẻ giai đoạn đẻ trứng	5720, 504, 454	ANT ĐN 056/08	
2487	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt đẻ thương phẩm	5820, 508	ANT ĐN 057/08	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
2488	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt đẻ thương phẩm	5820S, 509, 456	ANT ĐN 058/08	
2489	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt bố mẹ giống từ 20tuần-đào thải	5628, 505, 455	ANT ĐN 059/08	
2490	Thức ăn đậm đặc dạng bột cho cút để giai đoạn đẻ trứng	3890	ANT ĐN 060/08	
2491	Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho cút giống giai đoạn đẻ trứng	3860	ANT ĐN 061/08	
2492	Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho cút con từ 01 – 40 ngày	3710, 701, 511	ANT ĐN 062/08	
2493	Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho cút để giai đoạn đẻ trứng	3810, 702, 510	ANT ĐN 063/08	
	Công ty TNHH Cargill Việt Nam (Công bố áp dụng cho tất cả các nhà máy của Cargill tại miền Nam) Địa chỉ: Lô 29, KCN Biên Hoà 2, Đồng Nai. Tel: 0613.836525; Fax: 0613.835099/ 836520			
2494	Sữa bột cao cấp cho heo con - cho heo trên 3 ngày tuổi	1010, 1010-A	1010:2011/CAR	
2495	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho heo con - từ 7 ngày tuổi đến 8kg (hoặc sau cai sữa 2 tuần)	1012, 1012-A	1012:2011/CAR	
2496	Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho heo con - từ 8kg đến 15kg (hoặc sau cai sữa 2 tuần đến 45 ngày)	1020, 1020-A	1020:2011/CAR	
2497	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho heo con - từ 8kg đến 15kg (hoặc sau cai sữa 2 tuần đến 45 ngày)	1022, 1022-A	1022:2011/CAR	
2498	Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho heo - từ 15 kg đến 30kg hoặc từ 45 đến 70 ngày tuổi	1030, 1030-A	1030:2011/CAR	
2499	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho heo - từ 15 kg đến 30kg hoặc từ 45 đến 70 ngày tuổi	1032, 1032-A	1032:2011/CAR	
2500	Thức ăn hỗn hợp cho heo nái chữa	1040, 1040-A, 1040-PF	1040:2009/CAR	
2501	Thức ăn hỗn hợp cho heo nái chữa	1042, 1042-A, 1042-PF	1042:2009/CAR	
2502	Thức ăn hỗn hợp cho heo nái chữa	1042-KS	1042- KS:2011/CAR	
2503	Thức ăn hỗn hợp cho heo nái nuôi con	1050, 1050-A	1050:2011/CAR	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
2504	Thức ăn hỗn hợp cho heo nái nuôi con	1052, 1052-A	1052:2011/CAR	
2505	Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho heo con - từ 20kg đến 40kg	1100, 1100-A	1100:2011/CAR	
2506	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho heo con - từ 20kg đến 40kg	1102, 1102-A	1102:2011/CAR	
2507	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho heo con - từ 20kg đến 40kg	1102-KS	1102-KS:2011/CAR	
2508	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho heo con - từ 15kg đến 30kg	1102-S, 1102-AS	1102-S:2011/CAR	
2509	Thức ăn hỗn hợp bột cho heo thịt - từ 40kg đến 70kg	1200, 1200-A, 1200-PF	1200:2011/CAR	
2510	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho heo thịt - từ 40kg đến 70kg	1202, 1202-A, 1202-PF	1202:2011/CAR	
2511	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho heo thịt - từ 30kg đến xuất chuồng	1202-S, 1202-AS	1202-S:2011/CAR	
2512	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho heo thịt - từ 30kg đến 7 ngày trước khi xuất chuồng	1202-SM	1202-SM:2011/CAR	
2513	Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho heo thịt - từ 70kg đến xuất chuồng	1300, 1300-A	1300:2009/CAR	
2514	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho heo thịt - từ 70kg đến xuất chuồng	1302, 1302-A	1302:2009/CAR	
2515	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho heo thịt - từ 70 kg đến xuất chuồng	1302-S, 1302-AS	1302-S:2011/CAR	
2516	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho heo thịt - từ 15kg đến 30kg	1412, 1412-A	1412:2009/CAR	
2517	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho heo thịt - từ 30kg đến 60kg	1422, 1422-A	1422:2009/CAR	
2518	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho heo thịt - từ 20kg đến 40kg	1422-α, 1422a- α	1422-α:2009/CAR	
2519	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho heo thịt - từ 40kg đến xuất chuồng	1432- α, 1432a- α	1432- α:2009/CAR	
2520	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho heo thịt - từ 60kg - xuất chuồng	1432, 1432-A	1432:2009/CAR	
2521	Thức ăn hỗn hợp cho heo nái chữa (cho ăn theo nhu cầu)	1440, 1440-A	1440:2009/CAR	
2522	Thức ăn hỗn hợp cho heo nái chữa (cho ăn theo nhu cầu)	1442, 1442-A	1442:2009/CAR	
2523	Thức ăn đậm đặc cho heo thịt - từ 20kg đến xuất chuồng	1600, 1600-A	1600:2009/CAR	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
2524	Thức ăn đậm đặc dạng bột cho heo thịt - từ 20kg đến xuất chuồng	1600-S, 1600-AS	1600-S:2009/CAR	
2525	Thức ăn đậm đặc cho heo thịt - từ 20kg đến xuất chuồng	1610, 1610-A	1610:2009/CAR	
2526	Thức ăn đậm đặc cho heo thịt siêu nạc - từ 20kg đến xuất chuồng	1630, 1630-A	1630:2009/CAR	
2527	Thức ăn siêu đậm đặc cho heo thịt - từ 10kg đến xuất chuồng	1650, 1650-A, 1650-S, 1650-AS	1650:2009/CAR	
2528	Thức ăn siêu đậm đặc cho heo thịt - từ 10kg đến xuất chuồng	1680, 1680-A	1680:2009/CAR	
2529	Thức ăn đậm đặc cho heo nái chữa	1700, 1700-A	1700:2009/CAR	
2530	Thức ăn đậm đặc cho heo nái nuôi con	1800, 1800-A	1800:2009/CAR	
2531	Thức ăn hỗn hợp đặc biệt cho heo con tập ăn - dùng cho heo từ 7 - 35 ngày tuổi	1912	1912:2011/CAR	
2532	Thức ăn hỗn hợp đặc biệt cho heo con - từ 8kg đến 15kg	1922-HE, 1922-A	1922- HE:2011/CAR	
2533	Thức ăn hỗn hợp đặc biệt cho heo con - từ 8kg đến 15kg	1922-MP	1922- MP:2011/CAR	
2534	Thức ăn hỗn hợp cho gà thịt - từ 1 đến 14 ngày tuổi	2101, 2101-A, 2101-LH	2101:2011/CAR	
2535	Thức ăn hỗn hợp cho gà thịt - từ 1 đến 21 ngày tuổi	2101-BD	2101- BD:2010/CAR	
2536	Thức ăn hỗn hợp cho gà công nghiệp lông màu - từ 1 đến 21 ngày tuổi	2111, 2111-A	2111:2011/CAR	
2537	Thức ăn hỗn hợp cho gà thịt - từ 15 đến 28 ngày tuổi	2201, 2201-A, 2201-LH	2201:2011/CAR	
2538	Thức ăn hỗn hợp cho gà thịt - từ 15 đến 28 ngày tuổi	2202, 2202-A, 2202-LH	2202:2011/CAR	
2539	Thức ăn hỗn hợp cho gà thịt - từ 22 đến 42 ngày tuổi	2202-BD	2202- BD:2010/CAR	
2540	Thức ăn hỗn hợp cho gà công nghiệp lông màu - từ 22 đến 42 ngày tuổi	2211, 2211-A	2211:2011/CAR	
2541	Thức ăn hỗn hợp cho gà công nghiệp lông màu - từ 22 đến 42 ngày tuổi	2212, 2212-A	2212:2011/CAR	
2542	Thức ăn hỗn hợp cho gà thịt - từ 29 đến 42 ngày tuổi	2302, 2302-A, 2302LH	2302:2011/CAR	
2543	Thức ăn hỗn hợp cho gà thịt - từ 43 ngày tuổi đến xuất chuồng	2302-BD	2302- BD:2010/CAR	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
2544	Thức ăn hỗn hợp cho gà công nghiệp lông màu - từ 43 ngày đến 2 tuần trước khi xuất chuồng	2312, 2312-A	2312:2011/CAR	
2545	Thức ăn hỗn hợp cho gà thịt - trên 42 ngày tuổi đến xuất chuồng	2402, 2402-A	2402:2009/CAR	
2546	Thức ăn hỗn hợp cho gà bố mẹ hướng thịt - từ 3 đến 6 tuần tuổi	2411, 2411-A	2411:2009/CAR	
2547	Thức ăn hỗn hợp cho gà công nghiệp lông màu - 2 tuần trước khi xuất chuồng	2412, 2412-A	2412:2010/CAR	
2548	Thức ăn hỗn hợp cho gà bố mẹ hướng thịt - từ 6 đến 19 tuần tuổi	2421, 2421-A	2421:2009/CAR	
2549	Thức ăn hỗn hợp cho gà bố mẹ hướng thịt - từ 6 đến 19 tuần tuổi	2422, 2422-A	2422:2009/CAR	
2550	Thức ăn hỗn hợp cho gà bố mẹ hướng thịt - từ 20 đến 24 tuần tuổi	2432, 2432-A	2432:2009/CAR	
2551	Thức ăn hỗn hợp cho gà bố mẹ hướng thịt - từ 25 đến 45 tuần tuổi	2511, 2511-A	2511:2011/CAR	
2552	Thức ăn hỗn hợp cho gà bố mẹ hướng thịt - từ 25 đến 45 tuần tuổi	2512, 2512-A	2512:2011/CAR	
2553	Thức ăn hỗn hợp cho gà bố mẹ hướng thịt - từ 46 đến 67 tuần tuổi	2522, 2522-A	2522:2011/CAR	
2554	Thức ăn đậm đặc cho gà thịt - từ 1 ngày tuổi - xuất chuồng	2600, 2600-A	2600:2009/CAR	
2555	Thức ăn hỗn hợp cho gà đẻ trứng thương phẩm - từ 1 ngày - 6 tuần tuổi	3100, 3100-A	3100:2011/CAR	
2556	Thức ăn hỗn hợp cho gà đẻ trứng thương phẩm - từ 1 ngày - 6 tuần tuổi	3101, 3101-A	3101:2011/CAR	
2557	Thức ăn hỗn hợp cho gà đẻ trứng thương phẩm - từ 7 - 18 tuần tuổi	3200, 3200-A	3200:2011/CAR	
2558	Thức ăn hỗn hợp cho gà đẻ trứng thương phẩm - từ 7 - 18 tuần tuổi	3201, 3201-A	3201:2011/CAR	
2559	Thức ăn hỗn hợp cho gà đẻ trứng thương phẩm - từ 7 - 18 tuần tuổi	3201, 3201-A	3202:2011/CAR	
2560	Thức ăn hỗn hợp cho gà đẻ trứng thương phẩm - từ 18 tuần tuổi trở lên	3400, 3400-A	3400:2009/CAR	
2561	Thức ăn hỗn hợp cho gà đẻ trứng thương phẩm - từ 18 tuần tuổi trở lên	3401, 3401-A, 3401-S, 3401-AS	3401:2009/CAR	
2562	Thức ăn hỗn hợp cho gà đẻ trứng thương phẩm - từ 18 tuần tuổi trở lên	3402, 3402-A	3402:2009/CAR	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
2563	Thức ăn hỗn hợp cho gà đẻ trứng thương phẩm - từ 18 tuần tuổi trở lên	3500, 3500-A	3500:2009/CAR	
2564	Thức ăn hỗn hợp cho gà đẻ trứng thương phẩm - từ 18 tuần tuổi trở lên	3501, 3501-A	3501:2009/CAR	
2565	Thức ăn đậm đặc cho gà đẻ hậu bị - từ 1 - 18 tuần tuổi	3610, 3610-A	3610:2009/CAR	
2566	Thức ăn đậm đặc cho gà đẻ - từ 18 tuần tuổi trở lên	3620, 3620-A	3620:2009/CAR	
2567	Thức ăn hỗn hợp cho vịt con - từ 1 - 21 ngày tuổi	4102, 4102-A	4102:2009/CAR	
2568	Thức ăn hỗn hợp cho ngan và vịt con - từ 1 - 21 ngày tuổi	4112, 4112-A	4112:2010/CAR	
2569	Thức ăn hỗn hợp cho vịt con - từ 1 - 21 ngày tuổi	4152, 4152-A	4152:2009/CAR	
2570	Thức ăn hỗn hợp cho vịt thịt - từ 22 - 42 ngày tuổi	4202, 4202-A	4202:2009/CAR	
2571	Thức ăn hỗn hợp cho ngan và vịt - từ 22 ngày tuổi - xuất chuồng	4212, 4212-A	4212:2010/CAR	
2572	Thức ăn hỗn hợp cho vịt thịt - từ 43 ngày tuổi - xuất chuồng	4302, 4302-A	4302:2009/CAR	
2573	Thức ăn hỗn hợp cho vịt đẻ - từ 18 tuần tuổi trở lên	4442, 4442-A	4442:2009/CAR	
2574	Thức ăn hỗn hợp cho vịt đẻ - từ 18 tuần tuổi trở lên	4442-S, 4442-AS	4442-S:2009/CAR	
2575	Thức ăn hỗn hợp cho vịt đẻ - từ 20 tuần tuổi trở lên	4452, 4452-A	4452:2009/CAR	
2576	Thức ăn hỗn hợp cho vịt đẻ trứng giống - từ 18 tuần tuổi trở lên	4462, 4462-A	4462:2009/CAR	
2577	Thức ăn hỗn hợp cho gà ta và gà lông màu - từ 1 - 42 ngày tuổi	5101, 5101-A	5101:2011/CAR	
2578	Thức ăn hỗn hợp cho gà ta và gà lông màu - từ 1 ngày tuổi trở lên	5112, 5112-A	5112:2009/CAR	
2579	Thức ăn hỗn hợp cho gà ta và gà lông màu - trên 42 ngày tuổi đến 2 tuần trước khi xuất chuồng	5202, 5202-A	5202:2011/CAR	
2580	Thức ăn hỗn hợp cho gà ta và gà lông màu - 2 tuần trước khi xuất chuồng	5302, 5302-A	5203:2009/CAR	
2581	Thức ăn hỗn hợp cho cút con - từ 1 - 35 ngày tuổi	5400, 5400-A	5400:2009/CAR	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
2582	Thức ăn hỗn hợp cho cút đẻ - từ 35 ngày tuổi trở lên	5500, 5500-A	5500:2009/CAR	
2583	Thức ăn hỗn hợp cho cút đẻ từ 35 ngày tuổi trở lên	5500-BR	5500- BR:2011/CAR	
2584	Thức ăn hỗn hợp cao cấp cho heo con - từ 8kg hoặc 30 ngày tuổi đến 15kg	8002, 8002-A	8002:2011/CAR	
2585	Thức ăn hỗn hợp cao cấp đặc biệt cho heo nái mang thai	8042, 8042-A	8042:2009/CAR	
2586	Thức ăn hỗn hợp cao cấp đặc biệt cho heo nái nuôi con	8052, 8052-A	8052:2009/CAR	
2587	Thức ăn hỗn hợp cao cấp cho heo - từ 15 kg hoặc 45 ngày tuổi đến 30kg	8100, 8100-A	8100:2011/CAR	
2588	Thức ăn hỗn hợp cao cấp cho heo - từ 15 kg hoặc 45 ngày tuổi đến 30kg	8102, 8102-A	8102:2011/CAR	
2589	Thức ăn hỗn hợp cao cấp cho heo - từ 30kg đến 60kg	8202, 8202-A	8202:2011/CAR	
	Công ty Cổ phần Chăn nuôi C.P Việt Nam (Công bố áp dụng cho tất cả các nhà máy của C.P Việt Nam tại miền Nam) Địa chỉ: Lô 39, KCN Biên Hoà II, TP. Biên Hoà, Đồng Nai. Tel: 0613.836251-8. Fax: 0613.836086/ (728).			
2590	GÀ THỊT (21 ngày tuổi - 7 ngày trước khi xuất chuồng)	311B, 511B, 811B, 911B, GT 02B,,GT 12B, 9411B, 9611B, 8411B, 8611B	01:2010/CP	
2591	GÀ THỊT (1 ngày - 21 ngày tuổi)	310M, 510M, 810M, 910M, GT 01M,,GT 11M, 9410M, 9610M, 8410M, 8610M	01:2011/CP	
2592	VỊT THỊT (1 ngày - 21 ngày tuổi)	548, 948, VT 11, 9648, 8648	02:2010/CP	
2593	GÀ ĐẼ (18 tuần tuổi - loại)	324M, 524M, 824M, 924M, GĐ 03M, GĐ 13M, 9424M, 9624M, 8424M, 8624M	02:2011/CP	
2594	VỊT ĐẼ (1 ngày - 21 ngày tuổi)	541, 941, VĐ 11, 9641, 8641	03:2010/CP	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
2595	VỊT ĐẼ (42 ngày tuổi - bắt đầu đẻ)	542P, 942P, VĐ 12P, 9642P, 8642P	03:2011/CP	
2596	VỊT ĐẼ (21 ngày tuổi - bắt đầu đẻ)	542, 942, VĐ 12, 9642, 8642	04:2010/CP	
2597	BÊ CON (mới sinh đến 6 tháng tuổi)	371, 571, 871, 971	05:2010/CP	
2598	HEO THỊT (15 kg - 30 kg thể trọng) HEO THỊT SIÊU NẠC (50 kg - 80 kg thể trọng)	352, 552, 852, 952, HT 02, HT 12, 9452, 9652, 8452, 8652	10:2009/CP	
2599	HEO SỮA (5 ngày tuổi - 12 kg thể trọng)	350S, 550S, 850S, 950S, HS 01, HS 11, 9450S, 9650S, 8450S, 8650S	CP ĐN 01/08	
2600	BÒ VỎ BÉO	395, 595, 895, 995	CP ĐN 01/09	
2601	HEO CON TẬP ĂN (7 ngày tuổi – 30 kg thể trọng)	351, 551, 851, 951, HT 01, HT 11, 9451, 9651, 8451, 8651,	CP ĐN 02/08	
2602	HEO CON TẬP ĂN (7 ngày tuổi – 15 kg thể trọng)	351GP, 551GP, 851GP, 951GP, HT 01GP, HT 11GP, 9451GP, 9651GP, 8451GP, 8651GP	CP ĐN 02/09	
2603	HEO CON TẬP ĂN (7 ngày tuổi – 30 kg thể trọng)	351X26, 551X26, 851X26, 951X26, HT 01X26, HT 11X26, 9451X26, 9651X26, 8451X26, 8651X26	CP ĐN 03/08	
2604	GÀ ĐẼ THƯƠNG PHẨM	324A, 524A, 824A, 924A, GĐ 03A,, GĐ 13A, 9424A, 9624A, 8424A, 8624A	CP ĐN 03/09	
2605	GÀ ĐẼ (1 ngày - 19 tuần tuổi)	121, 721, GĐ 21, 9221, 8221	CP ĐN 04/09	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
2606	HEO THỊT (30 kg - 50 kg thể trọng)	352S, 552S, 852S, 952S, HT 02S, HT 12S, 9452S, 9652S, 8452S, 8652S	CP ĐN 05/08	
2607	GÀ THỊT (15 ngày - 21 ngày tuổi)	311A, 511A, 811A, 911A, GT 02A, GT 12A, 9411A, 9611A, 8411A, 8611A	CP ĐN 05/09	
2608	HEO THỊT (30 kg - 60 kg thể trọng) HEO THỊT SIÊU NẠC (80 kg thể trọng - xuất chuồng)	353, 553, 853, 953, HT 03, HT 13, 9453, 9653, 8453, 8653	CP ĐN 06/08	
2609	HEO THỊT (80 kg thể trọng - xuất chuồng)	353S, 553S, 853S, 953S, HT 03S, HT 13S, 9453S, 9653S, 8453S, 8653S	CP ĐN 07/08	
2610	HEO THỊT (60 kg thể trọng - xuất chuồng)	354, 554, 854, 954, HT 04, HT 14, 9454, 9654, 8454, 8654	CP ĐN 08/08	
2611	HEO GIỐNG (40 kg - 110 kg thể trọng)	362, 562, 862, 962, HG02, HG12, 9462, 9662, 8462, 8662	CP ĐN 09/08	
2612	HEO CÁI HẬU BỊ (100 kg - 2 tuần trước khi phối giống)	362P, 562P, 862P, 962P, HG 02P, HG 12P, 9462P, 9662P, 8462P, 8662P	CP ĐN 10/08	
2613	HEO NỌC (3 tuần trước khi khai thác - loại thải)	368, 568, 868, 968, HG 08, HG 18, 9468, 9668, 8468, 8668	CP ĐN 11/08	
2614	HEO NÁI CHỮA (sau phối giống - 2 tuần trước khi đẻ)	366, 566, 866, 966, HG 06, HG 16, 9466, 9666, 8466, 8666	CP ĐN 12/08	
2615	HEO NÁI NUÔI CON (2 tuần trước khi đẻ - cai sữa)	367, 567, 867, 967, HG 07, HG 17, 9467, 9667, 8467, 8667	CP ĐN 13/08	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
2616	HEO NÁI NUÔI CON GIỐNG TỐT (2 tuần trước khi đẻ - phối giống)	367S, 567S, 867S, 967S, HG 07S, HG 17S, 9467S, 9667S, 8467S, 8667S	CP ĐN 14/08	
2617	HEO (15 kg thể trọng - xuất chuồng)	150, 750, HT 20, 9250, 8250	CP ĐN 15/08	
2618	HEO (15 kg thể trọng - xuất chuồng)	150S, 750S, HT 20S, 9250S, 8250S	CP ĐN 16/08	
2619	HEO (15 kg thể trọng - xuất chuồng)	150X, 750X, HT 20X, 9250X, 8250X	CP ĐN 17/08	
2620	HEO (15 kg thể trọng - xuất chuồng)	151, 751, HT 21, 9251, 8251	CP ĐN 18/08	
2621	HEO (15 kg thể trọng - xuất chuồng)	151S, 751S, HT 21S, 9251S, 8251S	CP ĐN 19/08	
2622	HEO NÁI CHỨA	156, 756, HG 26, 9256, 8256	CP ĐN 20/08	
2623	HEO NÁI NUÔI CON	157, 757, HG 27, 9257, 8257	CP ĐN 21/08	
2624	HEO NÁI CHỨA VÀ NÁI NUÔI CON	157M, 757M, HG 27M, 9257M, 8257M	CP ĐN 22/08	
2625	HEO NÁI CHỨA VÀ NÁI NUÔI CON	157S, 757S, HG 27S, 9257S, 8257S	CP ĐN 23/08	
2626	HEO CON (15 kg - 30 kg thể trọng)	352L, 552L, 852L, 952L, HL 02, HL 12, 9452A, 9652A, 9452L, 9652L, 8452A, 8652A, 8452L, 8652L	CP ĐN 24/08	
2627	HEO THỊT (30 kg - 60 kg thể trọng)	353L, 553L, 853L, 953L, HL 03, HL 13, 9453A, 9653A, 9453L, 9653L, 8453A, 8653A, 8453L, 8653L	CP ĐN 25/08	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
2628	HEO THỊT (60 kg thể trọng - xuất chuồng)	354L, 554L, 854L, 954L, HL 04, HL 14, 9454A, 9654A, 9454L, 9654L, 8454A, 8654A, 8454L, 8654L	CP ĐN 26/08	
2629	HEO NÁI CHỮA (sau phối giống - đẻ)	366L, 566L, 866L, 966L, HG 06L, HG 16L, 9466A, 9666A, 9466L, 9666L, 8466A, 8666A, 8466L, 8666L	CP ĐN 27/08	
2630	HEO NÁI NUÔI CON	367L, 567L, 867L, 967L, HG 07L, HG 17L, 9467A, 9667A, 9467L, 9667L, 8467A, 8667A, 8467L, 8667L	CP ĐN 28/08	
2631	GÀ THỊT (1 ngày - 21 ngày tuổi)	310, 510, 810, 910, GT 01, GT 11, 9410, 9610, 8410, 8610	CP ĐN 29/08	
2632	GÀ THỊT (21 ngày tuổi - 7 ngày trước khi xuất chuồng)	311, 511, 811, 911, GT 02, GT 12, 9411, 9611, 8411, 8611	CP ĐN 30/08	
2633	GÀ THỊT (21 ngày tuổi - 7 ngày trước khi xuất chuồng)	311C, 511C, 811C, 911C, GT 02C, GT 12C, 9411C, 9611C, 8411C, 8611C	CP ĐN 31/08	
2634	GÀ THỊT (7 ngày trước khi xuất chuồng)	313, 513, 813, 913, GT 03, GT 13, 9413, 9613, 8413, 8613	CP ĐN 32/08	
2635	GÀ TA (1 ngày - 4 tuần tuổi)	510L, 910L, GT 11L, 9610L, 8610L	CP ĐN 33/08	
2636	GÀ TA (4 tuần tuổi - xuất chuồng)	511L, 911L, GT 12L, 9611L, 8611L	CP ĐN 34/08	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
2637	GÀ TA VỖ BÉO (1 tuần trước khi xuất chuồng)	513L, 913L, GT 13L, 9613L, 8613L	CP ĐN 35/08	
2638	GÀ TA (1 ngày tuổi - xuất chuồng)	6514, 8914, GÀ TA 123, 9614, 8614	CP ĐN 36/08	
2639	GÀ THỊT (21 ngày tuổi - xuất chuồng)	114, 714, GT 24, 9214, 8214	CP ĐN 37/08	
2640	GÀ BỐ MẸ GIỐNG THỊT (1 ngày - 4 tuần tuổi)	331, 531, 831, 931, GG 01, GG 11, 9431, 9631, 8431, 8631	CP ĐN 38/08	
2641	GÀ BỐ MẸ GIỐNG THỊT (5 tuần - 22 tuần tuổi)	332, 532, 832, 932, GG 02, GG 12, 9432, 9632, 8432, 8632	CP ĐN 39/08	
2642	GÀ BỐ MẸ GIỐNG THỊT (18 tuần - 23 tuần tuổi)	332NP, 532NP, 832NP, 932NP, GG 02NP, GG 12NP, 9432NP, 9632NP, 8432NP, 8632NP	CP ĐN 40/08	
2643	GÀ BỐ MẸ GIỐNG THỊT (23 tuần tuổi - loại)	334, 534, 834, 934, GG 04, GG 14, 9434, 9634, 8434, 8634	CP ĐN 41/08	
2644	GÀ TRỒNG BỐ MẸ GIỐNG THỊT (23 tuần tuổi - loại)	335, 535, 835, 935, GG 05, GG 15, 9435, 9635, 8435, 8635	CP ĐN 42/08	
2645	GÀ ĐỂ (1 ngày - 8 tuần tuổi)	321, 521, 821, 921, GĐ 01, GĐ 11, 9421, 9621, 8421, 8621	CP ĐN 43/08	
2646	GÀ ĐỂ (9 tuần - 18 tuần tuổi)	322, 522, 822, 922, GĐ 02, GĐ 12, 9422, 9622, 8422, 8622	CP ĐN 44/08	
2647	GÀ ĐỂ (18 tuần tuổi - loại)	324, 524, 824, 924, GĐ 03, GĐ 13, 9424, 9624, 8424, 8624	CP ĐN 45/08	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
2648	GÀ ĐẼ (45 tuần tuổi - loại)	325, 525, 825, 925, GĐ 04, GĐ 14, 9425, 9625, 8425, 8625	CP ĐN 46/08	
2649	GÀ ĐẼ (9 tuần - 18 tuần tuổi)	122, 722, GĐ 22, 9222, 8222	CP ĐN 47/08	
2650	GÀ ĐẼ (19 tuần tuổi - loại)	124, 724, GĐ 24, 9224, 8224	CP ĐN 48/08	
2651	GÀ ĐẼ (19 tuần tuổi - loại)	126, 726, GĐ 26, 9226, 8226	CP ĐN 49/08	
2652	VỊT GIỐNG BỒ MẸ SIẾU THỊT (20 tuần tuổi - loại)	543, 943, VG 13, 9643, 8643	CP ĐN 50/08	
2653	VỊT ĐẼ (20 tuần tuổi - loại)	544, 944, VĐ 14, 9644, 8644	CP ĐN 51/08	
2654	VỊT ĐẼ (20 tuần tuổi - loại)	545, 945, VĐ 15, 9645, 8645	CP ĐN 52/08	
2655	VỊT THỊT (1 ngày - 21 ngày tuổi)	548, 948, VT 11, 9648, 8648	CP ĐN 53/08	
2656	VỊT THỊT (21 ngày - 42 ngày tuổi)	549, 949, VT 12, 9649, 8649	CP ĐN 54/08	
2657	VỊT THỊT (43 ngày tuổi - xuất bán)	540, 940, VT 13, 9640, 8640	CP ĐN 55/08	
2658	VỊT THỊT VỖ BÉO (21 ngày tuổi - xuất bán)	549B, 949B, VT 13B, 9649B, 8649B	CP ĐN 56/08	
2659	VỊT CHẠY ĐỒNG (1 ngày - 21 ngày tuổi)	6548, 8948, VT 11L, 9648L, 8648L	CP ĐN 57/08	
2660	VỊT CHẠY ĐỒNG VỖ BÉO (21 ngày tuổi - xuất bán)	549L, 949L, VT 13L, 9649L, 8649L	CP ĐN 58/08	
2661	CHIM CÚT HẬU BỊ (1 ngày - 35 ngày tuổi)	301, 801, CĐ 01, 9401, 8401	CP ĐN 59/08	
2662	CHIM CÚT ĐẼ	302, 802, CĐ 02, 9402, 8402	CP ĐN 60/08	
2663	BÒ SỮA CAO SẢN (21 ngày trước khi đẻ - 3 tháng sau khi đẻ)	381, 581, 881, 981	CP ĐN 61/08	
2664	BÒ SỮA	384, 584, 884, 984	CP ĐN 62/08	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
2665	BÒ SỮA (2 tháng trước khi cạn sữa)	385, 585, 885, 985	CP ĐN 63/08	
2666	BÒ SỮA (giai đoạn cạn sữa, 60 - 21 ngày trước khi đẻ)	386, 586, 886, 986	CP ĐN 64/08	
2667	HEO THỊT (15 kg - 30 kg thể trọng)	352M, 552M, 852M, 952M, HT 02M, HT 12M, 9452M, 9652M, 8452M, 8652M	CP ĐN 67/08	
2668	GÀ ĐẼ (19 tuần tuổi - loại)	125, 725, GĐ 25, 9225, 8225	CP ĐN 68/08	
2669	BÒ SỮA	385S, 585S, 885S, 985S	CP ĐN 69/08	
	Công ty TNHH Đồng Nai Long Châu Địa chỉ: 40/10, KPhố 5, P.Tam Hiệp, TP Biên Hòa, Đồng Nai ĐT: 0613825981; fax: 0613811677			
2670	Thức ăn đậm đặc dạng bột dùng cho heo từ tập ăn - xuất	Agistar A79-CPC	01:2009/LCĐN	
2671	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho heo sữa từ 7 ngày - 7 kg	LC. Group A 10	02:2009/LCĐN	
2672	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho heo con từ 7kg- 15kg	LC. Group A 20	03:2009/LCĐN	
2673	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho heo từ 15 - 30 kg	LC. Group A 30	04:2009/LCĐN	
2674	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho heo từ 15 - 30 kg	Good Hope A 30	04:2009/LCĐN	
2675	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho heo từ 30 - 60 kg	LC. Group A 40	05:2009/LCĐN	
2676	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho heo từ 60kg - xuất chuồng	LC .Group A 50	06:2009/LCĐN	
2677	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho heo từ 60kg - xuất chuồng	Good Hope A50	06:2009/LCĐN	
2678	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho heo nái chữa, nái hậu bị	LC. Group A 60	07:2009/LCĐN	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
2679	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho heo nái nuôi con	LC. Group A 70	08:2009/LCĐN	
2680	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho heo lai từ 15 - 30 kg	LC. Group A 320	09:2009/LCĐN	
2681	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho heo lai từ 15 - 30 kg	Good Hope A320	09:2009/LCĐN	
2682	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho heo lai từ 30 - 60 kg	LC. Group A 420	10:2009/LCĐN	
2683	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho heo lai từ 30 - 60 kg	Good Hope A420	10:2009/LCĐN	
2684	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho heo lai từ 60kg - xuất chuồng	LC. Group A 520	11:2009/LCĐN	
2685	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho heo lai nái chữa, nái hậu bị	LC. Group A 620	12:2009/LCĐN	
2686	Thức ăn đậm đặc dạng bột dùng cho heo từ tập ăn - Xuất	LC. Group C20	13:2009/LCĐN	
2687	Thức ăn đậm đặc dạng bột dùng cho heo nái nuôi con	LC .Group C 70	14:2009/LCĐN	
2688	Thức ăn đậm đặc dạng bột dùng cho heo từ 5 -100 kg	LC. Group C 80	15:2009/LCĐN	
2689	Thức ăn đậm đặc dạng bột dùng cho heo từ 5 -100 kg	Good Hope C80	15:2009/LCĐN	
2690	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho gà thả vườn từ 1-42 ngày	LC. Group G 31	16:2009/LCĐN	
2691	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho gà thả vườn từ 42 ngày - xuất	LC. Group G 32	17:2009/LCĐN	
2692	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho vịt – Ngan đẻ từ 21 tuần tuổi	LC. Group V 31	18:2009/LCĐN	
2693	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho vịt đẻ từ 21 tuần tuổi	Good Hope V 31	18:2009/LCĐN	
2694	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho vịt đẻ bố mẹ	LC. Group V 32	19:2009/LCĐN	
2695	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho vịt đẻ thương phẩm	ECO E100	19:2009/LCĐN	
2696	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho vịt giống bố mẹ	LC. Group V 33	20:2009/LCĐN	
2697	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho vịt đẻ bố mẹ	Agistar V32	20:2009/LCĐN	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
2698	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho vịt – Ngan siêu thịt từ 1 - 21 ngày	LC. Group V 41	21:2009/LCĐN	
2699	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho vịt con từ 1-28 ngày	Agristar V41	21:2009/LCĐN	
2700	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho vịt – Ngan siêu thịt từ 21 - 42 ngày	LC. Group V 42	22:2009/LCĐN	
2701	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho vịt thịt từ 21 - 42 ngày	Good Hope V 42	22:2009/LCĐN	
2702	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho vịt thịt từ 42 ngày - xuất	LC. Group V 43	23:2009/LCĐN	
2703	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho vịt thịt từ 42 ngày - xuất	Good Hope V 43	23:2009/LCĐN	
2704	Thức ăn hỗn hợp dạng bột,viên dùng cho bò sữa	Long Chau Group B100	24:2009/LCĐN	
2705	Thức ăn hỗn hợp dạng bột,viên dùng cho bò thịt, bê con, bò cạp sữa	Long Chau Group B200	25:2009/LCĐN	
2706	Thức ăn hỗn hợp dạng bột dùng cho bò sữa	Việt Mỹ Bò Sữa	26:2009/LCĐN	
2707	Thức ăn hỗn hợp dạng bột dùng cho bò sữa	V-Pro 5000	26:2009/LCĐN	
2708	Thức ăn hỗn hợp dạng bột dùng cho bò sữa	NewWay Bò Sữa	26:2009/LCĐN	
2709	Thức ăn hỗn hợp dạng bột dùng cho bò sữa	Mê Kông Bò sữa	26:2009/LCĐN	
2710	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho vịt đẻ chạy đồng	Speed Feed 9500	27:2009/LCĐN	
2711	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho vịt đẻ chạy đồng	God Feed 3050	27:2009/LCĐN	
2712	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho vịt đẻ chạy đồng	Prince Feed 6500	27:2009/LCĐN	
2713	Thức ăn hỗn hợp dạng mảnh dùng cho gà lông màu từ 01 ngày -xuất	Long Châu 2041	28:2009/LCĐN	
2714	Thức ăn hỗn hợp dạng mảnh dùng cho gà lông màu từ 01 ngày -xuất	NewWay Gà Lông Màu	28:2009/LCĐN	
2715	Thức ăn hỗn hợp dạng mảnh dùng cho gà con từ 1 - 42 ngày tuổi.	ECO E20	28:2009/LCĐN	
2716	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho vịt từ 1-21 ngày	Long Châu 3301	29:2009/LCĐN	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
2717	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho vịt từ 1-21 ngày	Việt Mỹ 3301	29:2009/LCĐN	
2718	Thức ăn đậm đặc dạng bột dùng cho heo tập ăn - xuất chuồng	Siêu TT 9999	30:2009/LCĐN	
2719	Thức ăn đậm đặc dạng bột dùng cho heo tập ăn - xuất chuồng	Long Châu Siêu TT 9999	30:2009/LCĐN	
2720	Thức ăn hỗn hợp dạng bột,viên dùng cho heo từ 15 kg - 30 kg	Long Châu D	31:2009/LCĐN	
2721	Thức ăn hỗn hợp dạng bột,viên dùng cho heo từ 15 kg - 30 kg	Mê Kông D	31:2009/LCĐN	
2722	Thức ăn hỗn hợp dạng bột,viên dùng cho heo từ 15 kg - 30 kg	Việt Mỹ D	31:2009/LCĐN	
2723	Thức ăn hỗn hợp dạng bột,viên dùng cho heo từ 15 kg - 30 kg	NEWWAY 605	31:2009/LCĐN	
2724	Thức ăn hỗn hợp dạng bột,viên dùng cho heo từ 15 kg - 30 kg	ECO E10	31:2009/LCĐN	
2725	Thức ăn hỗn hợp dạng bột,viên dùng cho heo từ 30 kg - 60 kg	Long Châu 6	32:2009/LCĐN	
2726	Thức ăn hỗn hợp dạng bột,viên dùng cho heo từ 30 kg - 60 kg	Mê Kông 6	32:2009/LCĐN	
2727	Thức ăn hỗn hợp dạng bột,viên dùng cho heo từ 30 kg - 60 kg	Việt Mỹ 6	32:2009/LCĐN	
2728	Thức ăn hỗn hợp dạng bột,viên dùng cho heo từ 30 kg - 60 kg	NEWWAY 606	32:2009/LCĐN	
2729	Thức ăn hỗn hợp dạng bột,viên dùng cho heo từ 30 kg - 60 kg	ECO E11	32:2009/LCĐN	
2730	Thức ăn hỗn hợp dạng bột,viên dùng cho heo từ 60 kg -xuất	Long Châu 7	33:2009/LCĐN	
2731	Thức ăn hỗn hợp dạng bột,viên dùng cho heo từ 60 kg -xuất	Mê Kông 7	33:2009/LCĐN	
2732	Thức ăn hỗn hợp dạng bột,viên dùng cho heo từ 60 kg -xuất	Việt Mỹ 7	33:2009/LCĐN	
2733	Thức ăn hỗn hợp dạng bột,viên dùng cho heo từ 60 kg -xuất	NEWWAY 607	33:2009/LCĐN	
2734	Thức ăn hỗn hợp dạng bột,viên dùng cho heo nái nuôi con,kích thích tiết sữa	Long châu 9	34:2009/LCĐN	
2735	Thức ăn hỗn hợp dạng bột,viên dùng cho heo nái nuôi con,kích thích tiết sữa	Mê Kông 9	34:2009/LCĐN	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
2736	Thức ăn hỗn hợp dạng bột,viên dùng cho heo nái nuôi con,kích thích tiết sữa	Việt Mỹ 9	34:2009/LCĐN	
2737	Thức ăn hỗn hợp dạng bột,viên dùng cho heo nái nuôi con,kích thích tiết sữa	NewWay 609	34:2009/LCĐN	
2738	Thức ăn hỗn hợp dạng bột,viên dùng cho heo nái hậu bị, nọc, nái chữa	Long Châu 10	35:2009/LCĐN	
2739	Thức ăn hỗn hợp dạng bột,viên dùng cho heo nái hậu bị, nọc, nái chữa	Mê Kông 10	35:2009/LCĐN	
2740	Thức ăn hỗn hợp dạng bột,viên dùng cho heo nái hậu bị, nọc, nái chữa	Việt Mỹ 10	35:2009/LCĐN	
2741	Thức ăn hỗn hợp dạng bột,viên dùng cho heo nái hậu bị, nọc, nái chữa	NewWay 610	35:2009/LCĐN	
2742	Thức ăn hỗn hợp dạng bột,viên dùng cho heo nái hậu bị, nọc, nái chữa	ECO E	35:2009/LCĐN	
2743	Thức ăn hỗn hợp dạng bột,viên dùng cho heo tạo nạc - heo 30kg-xuất	Long Châu Tạo Nạc	36:2009/LCĐN	
2744	Thức ăn hỗn hợp dạng bột,viên dùng cho heo tạo nạc - heo 30kg-xuất	Mê Kông Tạo Nạc	36:2009/LCĐN	
2745	Thức ăn hỗn hợp dạng bột,viên dùng cho heo tạo nạc - heo 30kg-xuất	Việt Mỹ Tạo Nạc	36:2009/LCĐN	
2746	Thức ăn hỗn hợp dạng bột,viên dùng cho heo tạo nạc - heo 30kg-xuất	NewWay 608	36:2009/LCĐN	
2747	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho vịt con từ 1 - 21 ngày	NewWay 205	37:2009/LCĐN	
2748	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho vịt con từ 1 - 21 ngày	Long Châu 3302	38:2009/LCĐN	
2749	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho vịt con từ 1 - 21 ngày	Vịt con chạy đồng	38:2009/LCĐN	
2750	Thức ăn đậm đặc dạng bột dùng cho gà thịt	LC. Group G2DD	39:2009/LCĐN	
2751	Thức ăn hỗn hợp dạng mảnh dùng cho gà siêu thịt (từ 1-21 ngày)	Agristar G21_CPC	40:2009/LCĐN	
2752	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho gà siêu thịt (từ 21 ngày-xuất)	Agristar G22_CPC	41:2009/LCĐN	
2753	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho heo con từ tập ăn đến 15kg	Agristar A29_CPC	42:2009/LCĐN	
2754	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho heo từ 15kg-30kg	Agristar A39_CPC	43:2009/LCĐN	
2755	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho heo từ 30kg-60kg	Agristar A49_CPC	44:2009/LCĐN	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
2756	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho heo nái mang thai	Agristar A69_CPC	45:2009/LCĐN	
2757	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho heo nái nuôi con	Agristar A89_CPC	46:2009/LCĐN	
2758	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho heo từ 60kg-xuất	Agristar A59_CPC	47:2009/LCĐN	
2759	Thức ăn đậm đặc dạng bột dùng cho heo từ 15kg-xuất	Agristar A78_CPC	48:2009/LCĐN	
2760	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho gà thả vườn	ECO E21	49:2009/LCĐN	
2761	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho vịt chạy đồng	ECO E31	50:2009/LCĐN	
2762	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho vịt đẻ chạy đồng	ECO E99	51:2009/LCĐN	
2763	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho vịt từ 1 -21 ngày tuổi	ECO E30	52:2009/LCĐN	
2764	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho heo nái nuôi con	GoodHope A70	53:2009/LCĐN	
2765	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho heo nái nuôi con,kích thích tiết sữa	GoodHope A720	54:2009/LCĐN	
2766	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho heo nái nuôi con,kích thích tiết sữa	LC.Group A720	54:2009/LCĐN	
2767	TĂGS siêu đậm đặc dạng bột dùng cho heo thịt.	LC.Group C90	55:2009/LCĐN	
2768	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho thỏ con	LC. Group TH1	LCĐN 04/2007	
2769	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho thỏ thịt	LC. Group TH2	LCĐN 05/2007	
2770	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho thỏ đẻ	LC. Group TH3	LCĐN 06/2007	
2771	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho gà vỗ béo	Long Châu 2031	LCĐN 123/2005	
2772	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho vịt vỗ béo	Long Châu 3031	LCĐN 124/2005	
	Công ty TNHH Nông nghiệp EH Việt Nam Địa chỉ: KCN Bàu Xéo, huyện Trảng Bom, Đồng Nai. Tel: 061.3921921; Fax: 061.3921915.			
2773	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo sữa từ 7 ngày - 8 kg	EH 110, RG-7022	01:2009/EH ĐN	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
2774	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo sữa từ 7 ngày - 15 kg	EH-111	02:2009/EH ĐN	
2775	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo con từ 15kg - 30 kg.	EH-121	03:2009/EH ĐN	
2776	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo thịt từ 30 kg - 60 kg.	EH-131	04:2009/EH ĐN	
2777	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo nái nuôi con.	EH- 161	06:2009/EH ĐN	
2778	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo nái nuôi con.	EH-171	07:2009/EH ĐN	
2779	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo thịt từ 60 kg – xuất chuồng	RG-7014	08:2009/EH ĐN	
2780	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo thịt từ 30 kg - 60 kg	RG-7017	09:2009/EH ĐN	
2781	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo con từ 15kg - 30 kg.	RG-7018	10:2009/EH ĐN	
2782	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt đẻ hậu bị sau 43 ngày.	T-9422	100:2009/EH ĐN	
2783	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt đẻ tỷ lệ $\geq 85\%$	T-9423	101:2009/EH ĐN	
2784	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt đẻ tỷ lệ $\geq 85\%$	T-9423S	102:2009/EH ĐN	
2785	Thức ăn hỗn hợp dùng cho cút đẻ hậu bị từ 1 – 35 ngày.	T-9511	103:2009/EH ĐN	
2786	Thức ăn hỗn hợp dùng cho cút đẻ hậu bị sau 35 ngày.	T-9512	104: 2009/EH ĐN	
2787	Thức ăn hỗn hợp cao cấp dùng cho gà trống từ 0 ngày-28 ngày tuổi	EH-301	105:2009/EH ĐN	
2788	Thức ăn hỗn hợp cao cấp dùng cho gà trống từ 29 ngày-7 ngày trước khi xuất chuồng.	EH-302	106:2009/EH ĐN	
2789	Thức ăn hỗn hợp cao cấp dùng cho gà trống 7 ngày trước khi xuất chuồng.	EH-303	107:2009/EH ĐN	
2790	Thức ăn đậm đặc cao cấp dùng cho gà thịt từ 1 ngày – xuất chuồng	EH 3600	108: 2009/EH ĐN	
2791	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo sữa từ 7 ngày - 15 kg	RG-7020	11:2009/EH ĐN	
2792	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo sữa từ 7 ngày - 8 kg	RG-7022	12:2009/EH ĐN	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
2793	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo nái nuôi con.	RG-7715	13:2009/EH ĐN	
2794	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo nái nuôi con.	RG-7716	14:2009/EH ĐN	
2795	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo sữa từ 7 ngày - 8 kg	EH 860	15:2009/EH ĐN	
2796	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo sữa từ 7 ngày - 15 kg	EH-861	16:2009/EH ĐN	
2797	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo con từ 15kg - 30 kg.	EH-862	17:2009/EH ĐN	
2798	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo thịt từ 30 kg - 60 kg.	EH-863	18:2009/EH ĐN	
2799	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo thịt từ 60 kg – xuất chuồng	EH-864	19:2009/EH ĐN	
2800	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo nái nuôi con.	EH-901	20:2009/EH ĐN	
2801	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo nái nuôi con.	EH-902	21:2009/EH ĐN	
2802	Thức ăn hỗn hợp cao cấp dùng cho heo từ 30 kg - xuất chuồng.	EH-3	22:2009/EH ĐN	
2803	Thức ăn hỗn hợp cao cấp dùng cho heo thịt từ 30 kg - xuất chuồng.	EH-3A	23:2009/EH ĐN	
2804	Thức ăn đậm đặc dùng cho heo từ 15kg – xuất chuồng	EH-151	24: 2009/EH ĐN	
2805	Thức ăn đậm đặc dùng cho heo từ 15kg – xuất chuồng	EH-152	25: 2009/EH ĐN	
2806	Thức ăn đậm đặc dùng cho heo từ 15kg – xuất chuồng	EH-153	26: 2009/EH ĐN	
2807	Thức ăn đậm đặc dùng cho heo từ cai sữa – xuất chuồng	EH-153S	27:2009/EH ĐN	
2808	Thức ăn đậm đặc dùng cho heo từ 15kg – xuất chuồng	EH 1600	28: 2009/EH ĐN	
2809	Thức ăn đậm đặc dùng cho heo nái mang thai và nuôi con	EH 1700	29: 2009/EH ĐN	
2810	Thức ăn đậm đặc dùng cho heo từ 15kg – xuất chuồng	RG7038	30:2009/EH ĐN	
2811	Thức ăn đậm đặc dùng cho heo từ 15kg – xuất chuồng	RG 7046	31: 2009/EH ĐN	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
2812	Thức ăn đậm đặc dùng cho heo từ cai sữa – xuất chuồng	RG 7049	32: 2009/EH ĐN	
2813	Thức ăn đậm đặc dùng cho heo nái mang thai và nuôi con	RG 7738	33: 2009/ EH ĐN	
2814	Thức ăn đậm đặc dùng cho heo từ 15kg – xuất chuồng	EH 880	34: 2009/EH ĐN	
2815	Thức ăn đậm đặc dùng cho heo từ 15kg – xuất chuồng	EH 881	35: 2009/EH ĐN	
2816	Thức ăn đậm đặc dùng cho heo từ 15kg – xuất chuồng	EH 882	36: 2009/EH ĐN	
2817	Thức ăn đậm đặc dùng cho heo từ 15kg – xuất chuồng	EH 883	37: 2009/ EH ĐN	
2818	Thức ăn đậm đặc dùng cho heo từ cai sữa – xuất chuồng	EH 883S	38: 2009/EH ĐN	
2819	Thức ăn đậm đặc dùng cho heo nái mang thai và nuôi con	EH 900	39:2009/EH ĐN	
2820	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà thịt từ 0 - 21 ngày tuổi.	EH-311	40:2009/EH ĐN	
2821	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà thịt từ 22 - 42 ngày.	EH-312	41:2009/EH ĐN	
2822	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà thịt sau 43 ngày.	EH-313	42:2009/EH ĐN	
2823	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà tam hoàng từ 0 – 42 ngày.	EH-321	43:2009/EH ĐN	
2824	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà tam hoàng từ 43 – 63 ngày.	EH-322	44:2009/EH ĐN	
2825	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà tam hoàng sau 63 ngày.	EH- 323	45:2009/EH ĐN	
2826	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà đẻ từ 0 – 6 tuần.	EH 331	46:2009/EH ĐN	
2827	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà đẻ từ 7 - 20 tuần.	EH 332	47:2009/EH ĐN	
2828	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà đẻ sau 20 tuần.	EH-333	48:2009/EH ĐN	
2829	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà thịt từ 0 – 21 ngày tuổi	RG-510	49:2009/EH ĐN	
2830	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà thịt từ 0 – 21 ngày tuổi	RG-511	50:2009/EH ĐN	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
2831	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà thịt từ 0 – 21 ngày tuổi	RG-512	51:2009/EH ĐN	
2832	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà thịt sau 43 ngày.	RG-513	52:2009/EH ĐN	
2833	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà tam hoàng từ 0 – 42 ngày.	RG-7321	53:2009/EH ĐN	
2834	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà tam hoàng từ 43 – 63 ngày.	RG-7322	54:2009/EH ĐN	
2835	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà tam hoàng sau 63 ngày	RG-7323	55:2009/EH ĐN	
2836	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà đẻ từ 1 – 6 tuần.	RG 7331	56: 2009/EH ĐN	
2837	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà đẻ từ 7 - 20 tuần.	RG 7332	57: 2009/EH ĐN	
2838	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà đẻ sau 20 tuần.	RG-7333	58:2009/EH ĐN	
2839	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt con từ 0 - 21 ngày.	EH-411	59:2009/EH ĐN	
2840	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt thịt từ 22 - 42 ngày.	EH-412	60:2009/EH ĐN	
2841	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt thịt sau 43 ngày.	EH-413	61:2009/EH ĐN	
2842	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt thịt con từ 0 - 21 ngày.	EH-411A	62:2009/EH ĐN	
2843	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt đẻ từ 0 - 42 ngày.	EH-421	63:2009/EH ĐN	
2844	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt đẻ hậu bị sau 43 ngày.	Eh422	64:2009/EH ĐN	
2845	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt đẻ tỷ lệ $\geq 85\%$	EH-423	65:2009/EH ĐN	
2846	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt đẻ tỷ lệ $\geq 85\%$	EH-423S	66:2009/EH ĐN	
2847	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt con từ 0 - 21 ngày	RG-7411	67:2009/EH ĐN	
2848	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt thịt con từ 0 - 21 ngày.	RG-7411A	68:2009/EH ĐN	
2849	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt thịt từ 22 - 42 ngày.	RG-7412	69:2009/EH ĐN	
2850	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt thịt sau 43 ngày.	RG-7413	70:2009/EH ĐN	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
2851	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt đẻ từ 0 - 42 ngày.	RG-7421	71:2009/EH ĐN	
2852	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt đẻ hậu bị sau 43 ngày.	RG7422	72: 2009 /EH ĐN	
2853	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt đẻ tỷ lệ $\geq 85\%$	RG-7423	73:2009/EH ĐN	
2854	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt đẻ tỷ lệ $\geq 85\%$	RG-7423S	74:2009/EH ĐN	
2855	Thức ăn hỗn hợp dùng cho cút đẻ hậu bị từ 0 – 35 ngày.	EH 511	75 :2009/EH ĐN	
2856	Thức ăn hỗn hợp dùng cho cút đẻ hậu bị từ 1 – 35 ngày.	RG 7511	77: 2009/EH ĐN	
2857	Thức ăn hỗn hợp dùng cho cút đẻ hậu bị sau 35 ngày.	RG7512	78: 2009 /EH ĐN	
2858	Thức ăn hỗn hợp dùng cho cút đẻ hậu bị sau 35 ngày.	EH 512	78: 2009/EH ĐN	
2859	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo sữa từ 7 ngày - 15 kg	T-9888	79:2009/EH ĐN	
2860	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo sữa từ 7 ngày - 15 kg	T-9861	80:2009/EH ĐN	
2861	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo con từ 15kg - 30 kg.	T-9862	81:2009/EH ĐN	
2862	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo thịt từ 30 kg - 60 kg	T-9863	82:2009/EH ĐN	
2863	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo thịt từ 60 kg – xuất chuồng	T-9864	83:2009/EH ĐN	
2864	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo nái nuôi con.	T-9901	84:2009/EH ĐN	
2865	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo nái nuôi con.	T-9902	85:2009/EH ĐN	
2866	Thức ăn đậm đặc dùng cho heo từ 15kg – xuất chuồng	T-9044	86 : 2009 /EH ĐN	
2867	Thức ăn đậm đặc dùng cho heo từ 15kg – xuất chuồng	T- 9046	87: 2009/ EH ĐN	
2868	Thức ăn đậm đặc dùng cho heo từ cai sữa – xuất chuồng	T -9049	88: 2009/ EH ĐN	
2869	Thức ăn đậm đặc dùng cho heo nái mang thai và nuôi con	T- 9038	89 : 2009/ EH ĐN	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
2870	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà thịt từ 0 - 21 ngày tuổi	T-9311	90:2009/EH ĐN	
2871	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà thịt từ 22 - 42 ngày.	T-9312	91:2009/EH ĐN	
2872	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà thịt sau 43 ngày.	T-9313	92:2009/EH ĐN	
2873	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà đẻ từ 1 – 6 tuần.	T-9331	93 : 2009/EH ĐN	
2874	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà đẻ từ 7 - 20 tuần.	T-9332	94:2009/EH ĐN	
2875	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà đẻ sau 20 tuần.	T-9333	95:2009/EH ĐN	
2876	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt con từ 0 - 21 ngày	T-9411	96:2009/EH ĐN	
2877	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt thịt từ 22 - 42 ngày.	T-9412	97:2009/EH ĐN	
2878	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt thịt sau 43 ngày.	T-9413	98:2009/EH ĐN	
2879	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt đẻ từ 0 - 42 ngày.	T-9421	99:2009/EH ĐN	
	Công ty TNHH FARMTECH (Việt Nam) Địa chỉ: Lô IV-1, KCN Hồ Nai, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai. Điện thoại: 0613.988158. Fax: 0613.988159.			
2880	Thức ăn hỗn hợp dạng viên sữa nhân tạo cho heo con từ 7 ngày - 10kg	H1V	02:2009/FT DN	
2881	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho heo con tập ăn 7 ngày - 15kg	AH2V	06:2009/FT DN	
2882	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho heo con 20kg - 40kg	H3V	08:2009/FT DN	
2883	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho heo con từ 15kg đến 30kg	AH3V	10:2009/FT DN	
2884	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho heo thịt từ 40kg - 70kg	H4V	12:2009/FT DN	
2885	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho heo thịt 30kg - xuất chuồng	AH4V	14:2009/FT DN	
2886	Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho heo nái mang thai	H6	15:2009/FT DN	
2887	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho heo nái mang thai	H6V	16:2009/FT DN	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
2888	Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho heo nái nuôi con	H7	17:2009/FT DN	
2889	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho heo nái nuôi con	H7V	18:2009/FT DN	
2890	Thức ăn hỗn hợp dạng bột dùng cho heo nái mang thai	H8	19:2009/FT DN	
2891	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho heo nái mang thai	H8V	20:2009/FT DN	
2892	Thức ăn đậm đặc dạng bột cho heo thịt từ 20kg - xuất chuồng	DH3	21:2009/FT DN	
2893	Thức ăn đậm đặc dạng bột cho heo thịt từ 20kg - xuất chuồng	DH4	22:2009/FT DN	
2894	Thức ăn đậm đặc dạng bột cho heo nái chữa	DH6	23:2009/FT DN	
2895	Thức ăn đậm đặc dạng bột cho heo nái nuôi con	DH7	24:2009/FT DN	
2896	Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho gà đẻ giai đoạn 8 – 18 tuần tuổi	G2	26:2009/FT DN	
2897	Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho gà đẻ giai đoạn 18 – 78 tuần tuổi	G3	27:2009/FT DN	
2898	Đậm đặc heo con	DH1	32:2009/FT DN	
2899	Bắp nấu chín	NI	34:2009/FT DN	
2900	Đậu nành nấu chín	NII	35:2009/FT DN	
2901	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho vịt thịt vỗ béo từ 6 tuần – xuất chuồng	AVT	36:2009/FT DN	
	Công ty TNHH Gold Coin Feedmill Đồng Nai Địa chỉ: Lô D12-1.1, Quốc lộ 15A, KCN Long Bình, P. Long Bình, TP Biên Hòa, Đồng Nai. Điện thoại: 0613 993588. Fax: 0618 899911.			
2902	Hỗn hợp cho heo sữa từ 7 ngày – 7kg thể trọng	1000	AF.ĐN01/11	
2903	Hỗn hợp cho heo con từ 8kg – 15kg thể trọng	1010	AF.ĐN02/11	
2904	Hỗn hợp cao cấp cho heo thịt siêu nạc từ 15kg – 45kg thể trọng	1020	AF.ĐN03/11	
2905	Hỗn hợp cao cấp cho heo thịt siêu nạc từ 60kg thể trọng đến xuất chuồng	1030	AF.ĐN04/11	
2906	Thức ăn hỗn hợp cho heo nái mang thai	1040	AF.ĐN05/11	
2907	Thức ăn hỗn hợp cho heo nái nuôi con	1050	AF.ĐN06/11	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
2908	Đạm đặc siêu đậm cho heo thịt từ tập ăn đến xuất chuồng	1120	AF.ĐN08/11	
2909	Đạm đặc cho heo nái mang thai và nuôi con	1210	AF.ĐN09/11	
2910	Hỗn hợp cho heo thịt từ 15kg – 45kg thể trọng	LV2	AF.ĐN10/11	
2911	Hỗn hợp cho heo thịt từ 45kg thể trọng đến xuất chuồng	LV3	AF.ĐN11/11	
2912	Hỗn hợp cho heo nái mang thai	LV6	AF.ĐN12/11	
2913	Hỗn hợp cho gà thịt thương phẩm từ 1 – 14 ngày tuổi	3010	AF.ĐN13/11	
2914	Hỗn hợp cho gà thịt thương phẩm từ 15 – 28 ngày tuổi	3020	AF.ĐN14/11	
2915	Hỗn hợp cho gà thịt thương phẩm từ 29 ngày tuổi đến xuất chuồng	3030	AF.ĐN15/11	
2916	Hỗn hợp cho gà thịt từ 1 – 28 ngày tuổi	GV1	AF.ĐN16/11	
2917	Hỗn hợp cho gà thịt từ 29 ngày tuổi đến xuất chuồng	GV2	AF.ĐN17/11	
2918	Hỗn hợp cao cấp cho gà hậu bị từ 8 – 18 tuần tuổi	3040	AF.ĐN18/11	
2919	Hỗn hợp cao cấp cho gà đẻ từ 19 tuần tuổi trở lên	3050	AF.ĐN19/11	
2920	Hỗn hợp cao cấp cho vịt con từ 1 – 21 ngày tuổi	2010	AF.ĐN20/11	
2921	Hỗn hợp cho vịt con từ 1 – 21 ngày tuổi	VV1	AF.ĐN22/11	
2922	Hỗn hợp cho vịt thịt từ 22 ngày tuổi đến xuất chuồng	VV2	AF.ĐN23/11	
2923	Hỗn hợp cho vịt đẻ từ 18 tuần tuổi trở lên	2040	AF.ĐN24/11	
2924	Thức ăn hỗn hợp cao cấp cho cút thịt từ 1 – 35 ngày tuổi	5010	AF.ĐN25/11	
2925	Thức ăn hỗn hợp cao cấp cho cút đẻ	5050	AF.ĐN26/11	
2926	Đạm đặc cho heo thịt từ 15kg thể trọng đến xuất chuồng	1130	AF.ĐN27/11	
2927	Thức ăn tập ăn cho heo con từ 8kg – 15kg thể trọng	301	GC.ĐN00/04	
2928	Thức ăn hỗn hợp cho gà thịt từ 1 – 28 ngày tuổi	211	GC.ĐN01/04	
2929	Thức ăn hỗn hợp cho gà thịt từ 29 ngày tuổi đến xuất chuồng	212	GC.ĐN02/04	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
2930	Thức ăn hỗn hợp cho gà hậu bị 8 – 18 tuần tuổi	104	GC.ĐN03/04	
2931	Thức ăn hỗn hợp cho gà đẻ từ 19 tuần tuổi trở lên	105	GC.ĐN04/04	
2932	Thức ăn hỗn hợp cho gà thịt thương phẩm từ 1 – 14 ngày tuổi	201	GC.ĐN05/04	
2933	Thức ăn hỗn hợp cho gà thịt thương phẩm từ 15 – 28 ngày tuổi	202	GC.ĐN06/04	
2934	Thức ăn hỗn hợp cao cấp cho vịt đẻ từ 18 tuần tuổi trở lên.	415SP	GC.ĐN06/10	
2935	Thức ăn hỗn hợp cho gà thịt thương phẩm từ 29 ngày tuổi đến xuất chuồng	203	GC.ĐN07/04	
2936	Thức ăn tập ăn cho heo sữa từ 7 ngày – 7kg thể trọng	300	GC.ĐN08/04	
2937	Thức ăn tập ăn cao cấp cho heo con từ 8kg – 15kg thể trọng	301S	GC.ĐN09/10	
2938	Thức ăn hỗn hợp cho heo con từ 15kg – 30kg thể trọng	302	GC.ĐN10/04	
2939	Thức ăn hỗn hợp cao cấp cho heo thịt từ 30kg – 60kg thể trọng	303S	GC.ĐN10/09	
2940	Thức ăn hỗn hợp cho heo con từ 15kg – 30kg thể trọng	312	GC.ĐN11/04	
2941	Thức ăn hỗn hợp cho heo thịt từ 30kg – 60kg thể trọng	303	GC.ĐN12/04	
2942	Thức ăn hỗn hợp cho heo thịt từ 30kg – 60kg thể trọng	313	GC.ĐN13/04	
2943	Thức ăn hỗn hợp cho heo thịt từ 60kg đến xuất chuồng	304	GC.ĐN15/04	
2944	Thức ăn hỗn hợp cho heo nái mang thai	306	GC.ĐN16/04	
2945	Thức ăn hỗn hợp cho heo nái mang thai	316	GC.ĐN17/04	
2946	Thức ăn hỗn hợp cho heo nái nuôi con	309	GC.ĐN18/04	
2947	Thức ăn đậm đặc cho heo thịt từ 15kg thể trọng đến xuất chuồng	805	GC.ĐN20/04	
2948	Thức ăn đậm đặc cho heo nái mang thai và nuôi con	806	GC.ĐN21/04	
2949	Thức ăn đậm đặc siêu đậm cho heo từ 5kg thể trọng đến xuất chuồng	805SP	GC.ĐN23/04	
2950	Thức ăn hỗn hợp cho vịt con từ 1 – 21 ngày tuổi	401	GC.ĐN24/06	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
2951	Thức ăn hỗn hợp cho vịt con từ 1 – 21 ngày tuổi	411	GC.ĐN25/06	
2952	Thức ăn hỗn hợp cho vịt chạy đồng từ 22 ngày tuổi - xuất chuồng	413	GC.ĐN26/06	
2953	Thức ăn hỗn hợp cho vịt đẻ từ 18 tuần tuổi trở lên.	415SH	GC.ĐN29/06	
2954	Thức ăn hỗn hợp cao cấp cho cút thịt từ 1 – 35 ngày tuổi	501	GC.ĐN29/10	
2955	Thức ăn hỗn hợp cao cấp cho cút đẻ	505	GC.ĐN30/10	
	Công ty CP Greenfeed Việt Nam, Chi nhánh Đồng Nai Địa chỉ: Đường số 6, KCN Sông Mây, huyện Trảng Bom, Đồng Nai. Tel: 0618972881; Fax: 0618972468			
2956	Thức ăn hỗn hợp dạng mảnh cho gà thịt thương phẩm từ 1-21 ngày tuổi	1112	01:2011/GF ĐN	
2957	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho gà thịt thương phẩm từ 22-35 ngày tuổi	1124	02:2011/GF ĐN	
2958	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho gà thịt thương phẩm từ 35 ngày tuổi – xuất chuồng	1134	03:2011/GF ĐN	
2959	Thức ăn đậm đặc cho gà thịt thương phẩm từ 1 ngày tuổi – xuất chuồng	1160	04:2011/GF ĐN	
2960	Thức ăn hỗn hợp dạng bột/dạng mảnh/dạng viên cho gà đẻ trứng thương phẩm từ 18 tuần tuổi trở lên	1240/ 1242/1244	05:2011/GF ĐN	
2961	Thức ăn đậm đặc cho gà đẻ thương phẩm từ 18 tuần tuổi trở lên	1260	07:2011/GF ĐN	
2962	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt con từ 1-21 ngày tuổi	3114	08:2011/GF ĐN	
2963	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt thịt từ 22 - 42 ngày tuổi	3124	09:2011/GF ĐN	
2964	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt thịt từ 43 ngày tuổi – xuất chuồng	3134	10:2011/GF ĐN	
2965	Thức ăn đặc biệt dạng viên cho heo sau cai sữa đến 30kg- MEDIFEED	MF 99	100:2011/GF ĐN	
2966	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt đẻ trứng siêu thịt từ 20 tuần tuổi	3154	101:2011/GF ĐN	
2967	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt đẻ từ 18 tuần tuổi	3144	11:2011/GF ĐN	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
2968	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt đẻ chạy đồng từ 20 tuần tuổi	3244	12:2011/GF ĐN	
2969	Thức ăn hỗn hợp dạng hạt cho gà thả vườn, gà lông màu từ 1- 30 ngày tuổi	1312	13:2011/GF ĐN	
2970	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho gà thả vườn, gà lông màu từ 31 ngày tuổi – xuất chuồng	1324	14:2011/GF ĐN	
2971	Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho cút con từ 1 – 35 ngày tuổi	2110	15:2011/GF ĐN	
2972	Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho cút đẻ từ 35 ngày tuổi trở lên	2120	16:2011/GF ĐN	
2973	Thức ăn hỗn hợp dạng viên WINNER – 1 cho heo con từ tập ăn đến 8kg	9014	17:2011/GF ĐN	
2974	Thức ăn hỗn hợp dạng bột/ dạng viên WINNER -2 cho heo con từ 8kg – 15kg	9020/9024	18:2011/GF ĐN	
2975	Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho cút con từ 1 – 35 ngày tuổi	2310	19:2011/GF ĐN	
2976	Thức ăn hỗn hợp dạng bột/dạng viên PROGESTA cho heo nái mang thai	9040/9044	20:2011/GF ĐN	
2977	Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho gà đẻ trứng thương phẩm từ 18 tuần tuổi trở lên	HC 240	21:2011/GF ĐN	
2978	Thức ăn hỗn hợp dạng bột/ dạng viên DURA – SOW cho heo nái nuôi con	9050/9054	22:2011/GF ĐN	
2979	Thức ăn hỗn hợp dạng mảnh cho gà đẻ trứng thương phẩm từ 18 tuần tuổi trở lên	HC 242	23:2011/GF ĐN	
2980	Thức ăn hỗn hợp dạng bột/ dạng viên LEAN MAX - 1 cho heo thịt từ 15kg đến 30kg	9100/9104	24:2011/GF ĐN	
2981	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt đẻ trứng siêu thịt từ 20 tuần tuổi	HD 154	25:2011/GF ĐN	
2982	Thức ăn hỗn hợp dạng bột/ dạng viên LEAN MAX- 2 cho heo thịt từ 30kg – 60kg	9200/9204	26:2011/GF ĐN	
2983	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho heo con từ tập ăn đến 8 kg	HP 014	27:2011/GF ĐN	
2984	Thức ăn hỗn hợp dạng bột/dạng viên LEAN MAX - 3 cho heo thịt từ 60kg – xuất chuồng	9300/9304	28:2011/GF ĐN	
2985	Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho cút đẻ từ 35 ngày tuổi trở lên	HQ 120	29:2011/GF ĐN	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
2986	Thức ăn đậm đặc LEAN MAX CONCENTRATE cho heo thịt từ 15kg đến xuất chuồng	9600	30:2011/GF ĐN	
2987	Thức ăn đậm đặc cho heo thịt Sau cai sữa – xuất chuồng	9610	31:2011/GF ĐN	
2988	Thức ăn đậm đặc cho heo thịt siêu nạc sau cai sữa – xuất chuồng	9630	32:2011/GF ĐN	
2989	Thức ăn đậm đặc cho heo nái mang thai	9700	33:2011/GF ĐN	
2990	Thức ăn đậm đặc cho heo nái nuôi con	9800	34:2011/GF ĐN	
2991	Thức ăn hỗn hợp dạng hạt cho gà thả vườn, gà lông màu từ 1 – 30 ngày tuổi	HC 312	35:2011/GF ĐN	
2992	Thức ăn hỗn hợp cho heo đực giống dạng bột/ dạng viên SUPER BOAR	9060/9064	36:2011/GF ĐN	
2993	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho gà thả vườn, gà lông màu từ 31 ngày tuổi - xuất chuồng	HC 324	37:2011/GF ĐN	
2994	Thức ăn hỗn hợp dạng bột/ dạng viên cho heo con sau cai sữa WINNER - 3	9030/ 9034	38:2011/GF ĐN	
2995	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho gà đẻ trứng thương phẩm từ 18 tuần tuổi trở lên	HC 244	39:2011/GF ĐN	
2996	Thức ăn hỗn hợp dạng bột /dạng mảnh cho gà con hướng trứng thương phẩm từ 1 – 7 tuần tuổi	1210/ 1212	40:2011/ GF ĐN	
2997	Thức ăn hỗn hợp dạng bột/ dạng mảnh/ dạng viên cho gà hậu bị từ 8 – 18 tuần tuổi	1220/ 1222/ 1224	43:2011/ GF ĐN	
2998	Thức ăn hỗn hợp dạng bột /dạng mảnh cho gà con hướng trứng thương phẩm từ 1 – 7 tuần tuổi	HC 210/ HC 212	44:2011/GF ĐN	
2999	Thức ăn hỗn hợp dạng mảnh cho gà thịt thương phẩm từ 1 – 21 ngày tuổi	HC 112	45:2011/GF ĐN	
3000	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho gà thịt thương phẩm từ 22 - 35 ngày tuổi	HC 124	46:2011/GF ĐN	
3001	Thức ăn hỗn hợp dạng bột/ dạng mảnh/ dạng viên cho gà hậu bị từ 8 – 18 tuần tuổi	HC 220/ HC222/ HC 224	47:2011/GF ĐN	
3002	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho gà thịt thương phẩm từ 35 ngày tuổi – xuất chuồng	HC 134	48:2011/GF ĐN	
3003	Thức ăn hỗn hợp dạng bột/ dạng viên cho heo con từ 8kg đến 15kg	HP 020/HP 024	55:2011/GF ĐN	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
3004	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho heo lai kinh tế từ 20kg – xuất chuồng	P 674	56:2011/GF ĐN	
3005	Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho cút con từ 1 – 35 ngày tuổi	HQ 310	57:2011/GF ĐN	
3006	Thức ăn hỗn hợp dạng bột/ dạng viên cho heo con sau cai sữa từ 15 đến 30kg	HP 030/ HP 034	58:2011/GF ĐN	
3007	Thức ăn hỗn hợp dạng bột/ dạng viên PROGESTA cho heo nái mang thai	HP 040/ HP 044	60:2011/GF ĐN	
3008	Thức ăn hỗn hợp dạng bột/ dạng viên DURA-SOW cho heo nái nuôi con	HP 050/ HP 054	62:2011/GF ĐN	
3009	Thức ăn cho heo đực giống dạng bột/ dạng viên SUPER BOAR	HP 060/ HP 064	64:2011/GF ĐN	
3010	Thức ăn hỗn hợp dạng bột/ dạng viên cho heo thịt từ 15kg đến 30kg	HP 100/ HP 104	66:2011/GF ĐN	
3011	Thức ăn hỗn hợp dạng bột/ dạng viên cho heo thịt từ 30kg đến 60kg	HP 200/ HP 204	68:2011/GF ĐN	
3012	Thức ăn hỗn hợp dạng bột/ dạng viên cho heo thịt từ 60kg đến xuất chuồng	HP 300/ HP 304	70:2011/GF ĐN	
3013	Thức ăn đậm đặc cho heo thịt từ 15kg đến xuất chuồng	HP 600	71:2011/GF ĐN	
3014	Thức ăn đậm đặc cho heo thịt sau cai sữa – xuất chuồng	HP 610	72:2011/GF ĐN	
3015	Thức ăn đậm đặc cho heo thịt siêu nạc sau cai sữa xuất chuồng	HP 630	73:2011/GF ĐN	
3016	Thức ăn đậm đặc cho heo nái mang thai	HP 700	74:2011/GF ĐN	
3017	Thức ăn đậm đặc cho heo nái nuôi con	HP 800	75:2011/GF ĐN	
3018	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt con từ 1-21 ngày tuổi	HD 114	76:2011/GF ĐN	
3019	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt thịt từ 22 – 42 ngày tuổi	HD 124	77:2011/GF ĐN	
3020	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt thịt từ 43 ngày tuổi – xuất chuồng	HD 134	78:2011/GF ĐN	
3021	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt đẻ từ 18 tuần tuổi	HD 144	79:2011/GF ĐN	
3022	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt đẻ chạy đồng từ 20 tuần tuổi	HD 244	80:2011/GF ĐN	
	Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Nam Mỹ Địa chỉ: 695B, ấp Tân Bình, xã Bình Minh, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai Điện thoại : 061.8951596 Fax : 061.8951597.			

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
3023	Thức ăn hỗn hợp dạng bột (hoặc viên) cho heo từ 15 đến 30 kg	CROSS PIG 01	01 : 2009/ NM	
3024	Thức ăn hỗn hợp dạng bột (hoặc viên) cho heo từ 15 đến 30 kg	PROFIT A	01 : 2010/ NM	
3025	Thức ăn hỗn hợp dạng bột (hoặc viên) cho heo từ 30 đến 60 kg	CROSS PIG 02	02 : 2009/ NM	
3026	Thức ăn hỗn hợp dạng bột (hoặc viên) cho heo từ 30 đến 60 kg	PROFIT B	02 : 2010/ NM	
3027	Thức ăn hỗn hợp dạng bột (hoặc viên) cho heo từ 60 kg đến XC	PROFIT C	03 : 2010/ NM	
3028	Thức ăn hỗn hợp dạng bột (hoặc viên) cho heo nái mang thai	CROSS PIG 04	04 : 2009/ NM	
3029	Thức ăn hỗn hợp dạng bột (hoặc viên) cho heo nái mang thai	PROFIT D	04 : 2010/ NM	
3030	Thức ăn hỗn hợp dạng bột (hoặc viên) cho heo nái nuôi con	CROSS PIG 05	05 : 2009/ NM	
3031	Thức ăn hỗn hợp dạng bột (hoặc viên) cho heo nái nuôi con	PROFIT E	05 : 2010/ NM	
3032	Thức ăn hỗn hợp dạng viên nuôi gà ta, gà tàu, gà thả vườn 21 ngày - XC	PROFIT 201	06 : 2010/ NM	
3033	Thức ăn hỗn hợp dạng viên nuôi gà vỗ béo	PROFIT 202	07 : 2010/ NM	
3034	Thức ăn hỗn hợp dạng viên nuôi gà con từ 1 đến 21 ngày	PROFIT 200	08 : 2010/ NM	
3035	Thức ăn hỗn hợp dạng bột (hoặc viên) nuôi heo từ 7 đến 15 kg	PROFIT 101	09 : 2010/ NM	
3036	Thức ăn hỗn hợp dạng bột (hoặc viên) nuôi heo nái mang thai	AMAZON 2010	10 : 2010/ NM	
3037	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt vỗ béo	DUCK FEED 119	11 : 2009/ NM	
3038	Thức ăn hỗn hợp dạng bột (hoặc viên) cho heo nái mang thai	FAST FEED 04	15 : 2009/ NM	
3039	Thức ăn hỗn hợp dạng bột (hoặc viên) cho heo nái mang thai	LUCK FEED 04	16 : 2009/ NM	
3040	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt đẻ chạy đồng	VIT 1329	NM ĐN 01/08	
3041	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt từ 01 đến 21 ngày tuổi	VIT 1309	NM ĐN 02/08	
3042	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt vỗ béo	VIT 1319	NM ĐN 03/08	
3043	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt đẻ	VIT 1369	NM ĐN 04/08	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
3044	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt từ 01 đến 21 ngày tuổi	VIT 1379	NM ĐN 05/08	
3045	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho vịt thịt từ 21 ngày đến xuất bán	VIT 1389	NM ĐN 06/08	
3046	Thức ăn đậm đặc dạng bột cho heo từ tập ăn đến xuất chuồng	OZONE 8948	NM ĐN 07/08	
3047	Thức ăn đậm đặc dạng bột cho heo từ tập ăn đến xuất chuồng	OZONE 8946	NM ĐN 08/08	
3048	Thức ăn đậm đặc dạng bột cho heo từ 15 kg đến xuất chuồng	OZONE 8942	NM ĐN 09/08	
3049	Thức ăn đậm đặc dạng bột cho heo nái	OZONE 8937	NM ĐN 10/08	
3050	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho heo con từ 7 ngày đến 8 kg	OZONE 8900	NM ĐN 11/08	
3051	Thức ăn hỗn hợp dạng bột (hoặc viên) cho heo từ 8 đến 15 kg	OZONE 8920	NM ĐN 12/08	
3052	Thức ăn hỗn hợp dạng bột (hoặc viên) cho heo từ 15 đến 30 kg	OZONE 8918	NM ĐN 13/08	
3053	Thức ăn hỗn hợp dạng bột (hoặc viên) cho heo từ 30 đến 60 kg	OZONE 8916	NM ĐN 14/08	
3054	Thức ăn hỗn hợp dạng bột (hoặc viên) cho heo từ 60 kg đến XC	OZONE 8914	NM ĐN 15/08	
3055	Thức ăn hỗn hợp dạng bột (hoặc viên) cho heo nái mang thai	OZONE 8904	NM ĐN 16/08	
3056	Thức ăn hỗn hợp dạng bột (hoặc viên) cho heo nái nuôi con	OZONE 8905	NM ĐN 17/08	
3057	Thức ăn đậm đặc dạng bột cho heo từ tập ăn đến xuất chuồng	TOTAL 9948	NM ĐN 18/08	
3058	Thức ăn đậm đặc dạng bột cho heo từ tập ăn đến xuất chuồng	TOTAL 9946	NM ĐN 19/08	
3059	Thức ăn đậm đặc dạng bột cho heo từ 15 kg đến xuất chuồng	TOTAL 9942	NM ĐN 20/08	
3060	Thức ăn đậm đặc dạng bột cho heo từ 15 kg đến xuất chuồng	TOTAL 9936	NM ĐN 21/08	
3061	Thức ăn đậm đặc dạng bột cho heo nái	TOTAL 9937	NM ĐN 22/08	
3062	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho heo con từ 7 ngày đến 8 kg	TOTAL 9900	NM ĐN 23/08	
3063	Thức ăn hỗn hợp dạng bột (hoặc viên) cho heo từ 8 đến 15 kg	TOTAL 9901	NM ĐN 24/08	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
3064	Thức ăn hỗn hợp dạng bột (hoặc viên) cho heo từ 20 đến 50 kg	TOTAL 9902	NM ĐN 25/08	
3065	Thức ăn hỗn hợp dạng bột (hoặc viên) cho heo từ 50 kg đến XC	TOTAL 9903	NM ĐN 26/08	
3066	Thức ăn hỗn hợp dạng bột (hoặc viên) cho heo nái mang thai	TOTAL 9904	NM ĐN 27/08	
3067	Thức ăn hỗn hợp dạng bột (hoặc viên) cho heo nái nuôi con	TOTAL 9905	NM ĐN 28/08	
3068	Thức ăn đậm đặc dạng bột cho heo từ tập ăn đến xuất chuồng	@ 50	NM ĐN 29/08	
	Công ty Cổ phần Việt Pháp Sản xuất Thức ăn gia súc Proconco (Công bố áp dụng cho tất cả các nhà máy của Proconco trong cả nước) Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa I, Đồng Nai Điện thoại: 061.3836454 – 8826626. Fax: 061.3836146.			
3069	Thức ăn hỗn hợp cho heo con 15 - 30kg	Big One 1	01:2010/PROCON CO	
3070	Thức ăn hỗn hợp cho bò sữa	C40S	01:2011/PROCON CO	
3071	Thức ăn hỗn hợp cho heo thịt 30 - 60kg	Big One 2	02:2010/PROCON CO	
3072	Thức ăn hỗn hợp cho bò sữa	A4000	02:2011/PROCON CO	
3073	Thức ăn hỗn hợp cho heo con theo mẹ	Delice A, FF14A	03:2010/PROCON CO	
3074	Thức ăn hỗn hợp cho heo con tập ăn đến 15kg	Delice B, C14, S14, A1400, F1110, FF14B, PRESTARTER	04:2010/PROCON CO	
3075	Thức ăn hỗn hợp cho heo con 15 - 30kg	C15, A1500, F1120, Porcy15, FF15, F1505, SN01, STARTER	05:2010/PROCON CO	
3076	Thức ăn hỗn hợp cho heo thịt 30 - 60kg	C16, A1600, F1130, Porcy16, FF16, SN02, GROWTH	06:2010/PROCON CO	
3077	Thức ăn hỗn hợp cho heo thịt từ 60kg - xuất	C17, A1700, F1140, Porcy17, FF17, SN03	07:2010/PROCON CO	
3078	Thức ăn hỗn hợp cho heo lai từ 30 - 60kg	C165, S165	08:2010/PROCON CO	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
3079	Thức ăn hỗn hợp cho heo lai từ 60kg - xuất chuồng	C175, S175	09:2010/PROCON CO	
3080	Thức ăn hỗn hợp cho heo lai từ 30kg - xuất chuồng	F1, F100, HL99	10:2010/PROCON CO	
3081	Thức ăn hỗn hợp cho heo hậu bị	C18, F1170, Porcy18, FF18, F1802	11:2010/PROCON CO	
3082	Thức ăn hỗn hợp cho heo thịt từ 15 - 30kg	FF01	11:2011/PROCON CO	
3083	Thức ăn hỗn hợp cho heo nái mang thai	C18A, A1800, F1150, Porcy18A, FF18A, F1804, S18A, Gestation	12:2010/PROCON CO	
3084	Thức ăn hỗn hợp cho heo thịt từ 30 - 60kg	FF02	12:2011/PROCON CO	
3085	Thức ăn hỗn hợp cho heo nái nuôi con	C18B, A1900, F1160, Porcy18B, FF18B, F1806, S18B, Lactation	13:2010/PROCON CO	
3086	Thức ăn hỗn hợp cho lợn đực giống	C18C	14:2010/PROCON CO	
3087	Thức ăn đậm đặc cho heo thịt từ 15kg - xuất thịt	C10, S10	15:2010/PROCON CO	
3088	Thức ăn siêu đậm đặc cho heo thịt từ 5kg - xuất thịt	CHAMPION HN, S1000	16:2010/PROCON CO	
3089	Thức ăn siêu đậm đặc cho lợn con từ 5 - 15kg	ĐD LỢN CON 2000	17:2010/PROCON CO	
3090	Thức ăn đậm đặc cho heo thịt từ 7kg - xuất thịt	C99	18:2010/PROCON CO	
3091	Thức ăn đậm đặc SĐ77 cho heo thịt từ 5kg - xuất thịt	SĐ77	19:2010/PROCON CO	
3092	Thức ăn đậm đặc 24K cho heo thịt từ 5kg - xuất thịt	24K	21:2010/PROCON CO	
3093	Thức ăn đậm đặc cho heo thịt từ 15kg - xuất thịt	Porcy2002, A1100, Super2000, FF2002	22:2010/PROCON CO	
3094	Thức ăn đậm đặc cho heo thịt từ 15kg - xuất thịt	Champion, A1000	23:2010/PROCON CO	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
3095	Thức ăn đậm đặc cho heo thịt từ 5kg - xuất thịt	Champion/Ami/Sumo/Porcy/France feed cao đậm	24:2010/PROCON CO	
3096	Thức ăn đậm đặc cho heo nái	C12, S12, A1200, Porcy12, FF12, F1090	25:2010/PROCON CO	
3097	Thức ăn hỗn hợp cho bò sữa	C40, S40	26:2010/PROCON CO	
3098	Thức ăn hỗn hợp cho bò sữa	FF40	27:2010/PROCON CO	
3099	Thức ăn hỗn hợp cho bê, bò tơ và bò cái cận sữa	C41	28:2010/PROCON CO	
3100	Thức ăn hỗn hợp cho bò thịt	C42, FF42	29:2010/PROCON CO	
3101	Thức ăn hỗn hợp cho bò sữa	C40 NEW	30:2010/PROCON CO	
3102	Thức ăn đậm đặc cho gà thịt	C200, C20, A2000, S20	41:2010/PROCON CO	
3103	Thức ăn hỗn hợp cho gà thịt thả vườn từ 1 - 21 ngày tuổi	C225A	41:2011/PROCON CO	
3104	Thức ăn đậm đặc cho gà ta, gà tàu	C205	42:2010/PROCON CO	
3105	Thức ăn hỗn hợp cho gà thịt thả vườn từ 22 - 42 ngày tuổi	C225B	42:2011/PROCON CO	
3106	Thức ăn đậm đặc cho gà đẻ	C21, C210, A2100, FF21, S210	43:2010/PROCON CO	
3107	Thức ăn hỗn hợp cho gà thịt thả vườn từ 43 ngày tuổi - xuất chuồng	C235 (NEW)	43:2011/PROCON CO	
3108	Thức ăn đậm đặc cho gà đẻ giống	C211	44:2010/PROCON CO	
3109	Thức ăn hỗn hợp cho gà thịt thả vườn từ 1 - 21 ngày tuổi	FF225A	44:2011/PROCON CO	
3110	Thức ăn hỗn hợp cho gà đẻ	C24, A2400, FF24, Hỗn Hợp GDST	45:2010/PROCON CO	
3111	Thức ăn hỗn hợp cho gà thịt thả vườn từ 22 - 42 ngày tuổi	FF225B	45:2011/PROCON CO	
3112	Thức ăn hỗn hợp cho gà đẻ	HH Viên Gà Đẻ	46:2010/PROCON CO	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
3113	Thức ăn hỗn hợp cho gà thịt thả vườn từ 43 ngày tuổi - xuất chuồng	FF235 (NEW)	46:2011/PROCON CO	
3114	Thức ăn hỗn hợp cho gà đẻ Ai Cập	HH Gà Đẻ Ai Cập	47:2010/PROCON CO	
3115	Thức ăn hỗn hợp cho gà thịt thả vườn từ 1 - 42 ngày tuổi	FF225	47:2011/PROCON CO	
3116	Thức ăn hỗn hợp cho gà giống bố mẹ	C240, S240	48:2010/PROCON CO	
3117	Thức ăn đậm đặc cho gà hậu bị	C25, A2500, FF25, S25	49:2010/PROCON CO	
3118	Thức ăn hỗn hợp cho gà hậu bị giai đoạn 1 từ 1 - 10 tuần	C26, A2600, FF26, HH Gà Hậu Bị GD1	50:2010/PROCON CO	
3119	Thức ăn hỗn hợp cho gà hậu bị giai đoạn 2 từ 11 - 19 tuần	C27, A2700, FF27, HH Gà Hậu Bị GD2	51:2010/PROCON CO	
3120	Thức ăn hỗn hợp cho gà siêu thịt từ 1 - 12 ngày tuổi	C28A	52:2010/PROCON CO	
3121	Thức ăn hỗn hợp cho gà siêu thịt từ 13 - 24 ngày tuổi	C28B	53:2010/PROCON CO	
3122	Thức ăn hỗn hợp cho gà siêu thịt từ 25 ngày tuổi - xuất	C29	54:2010/PROCON CO	
3123	Thức ăn hỗn hợp vỗ béo gà siêu thịt	C29B	55:2010/PROCON CO	
3124	Thức ăn hỗn hợp cho gà thịt từ 1 - 14 ngày tuổi	GST01	56:2010/PROCON CO	
3125	Thức ăn hỗn hợp cho gà thịt từ 15 - 30 ngày tuổi	GST02	57:2010/PROCON CO	
3126	Thức ăn hỗn hợp cho gà thịt trên 30 ngày tuổi	GST03	58:2010/PROCON CO	
3127	Thức ăn hỗn hợp cho gà vỗ béo	GST04	59:2010/PROCON CO	
3128	Thức ăn hỗn hợp cho gà thịt từ 1 - 21 ngày tuổi	G1000, A2310, FF1000	60:2010/PROCON CO	
3129	Thức ăn hỗn hợp cho gà thịt từ 22 ngày tuổi - chờ xuất	G2000, A2320, FF2000	61:2010/PROCON CO	
3130	Thức ăn hỗn hợp cho gà thịt từ 5 - 7 ngày trước khi xuất	G3000, A2330, FF3000	62:2010/PROCON CO	
3131	Thức ăn hỗn hợp cho gà ta, gà tàu từ 1 - 42 ngày tuổi	C225, F2115, A2250, S225	63:2010/PROCON CO	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
3132	Thức ăn hỗn hợp cho gà ta, gà tàu trên 42 ngày tuổi	C235, F2125, A2350, S235	64:2010/PROCON CO	
3133	Thức ăn hỗn hợp vỗ béo gà ta, gà tàu	C2300, F2135, A2300, FF2300	65:2010/PROCON CO	
3134	Thức ăn hỗn hợp cho gà lông màu nuôi công nghiệp từ 1 - 21 ngày tuổi	P221	66:2010/PROCON CO	
3135	Thức ăn hỗn hợp cho gà lông màu nuôi công nghiệp từ 22 - 42 ngày tuổi	P222	67:2010/PROCON CO	
3136	Thức ăn hỗn hợp cho gà lông màu nuôi công nghiệp từ 43 ngày tuổi - chờ xuất	P223	68:2010/PROCON CO	
3137	Thức ăn đậm đặc cho cút đẻ	C31, A3100, FF31	69:2010/PROCON CO	
3138	Thức ăn hỗn hợp cho cút hậu bị	C32, A3200, FF32, HH Cút Hậu Bị	70:2010/PROCON CO	
3139	Thức ăn hỗn hợp cho cút đẻ	C34, A3400, FF34, S34	71:2010/PROCON CO	
3140	Thức ăn đậm đặc cho vịt đẻ	C61, S61, FF61	81:2010/PROCON CO	
3141	Thức ăn hỗn hợp cho vịt đẻ trên 5 tháng đẻ	C64S	81:2011/PROCON CO	
3142	Thức ăn hỗn hợp cho vịt con từ 1 - 21 ngày tuổi	C62, A6200, FF62	82:2010/PROCON CO	
3143	Thức ăn hỗn hợp vỗ béo vịt từ 10 – 15 ngày trước khi xuất	C666	82:2011/PROCON CO	
3144	Thức ăn hỗn hợp cho vịt thịt từ 21 - 42 ngày tuổi	C63A, FF63A	83:2010/PROCON CO	
3145	Thức ăn hỗn hợp cho vịt thịt trên 42 ngày tuổi	C63B, FF63B	84:2010/PROCON CO	
3146	Thức ăn hỗn hợp cho vịt con từ 1 - 21 ngày tuổi	C662	85:2010/PROCON CO	
3147	Thức ăn hỗn hợp cho vịt thịt từ 22 ngày tuổi - vỗ béo	C663, A6300	86:2010/PROCON CO	
3148	Thức ăn hỗn hợp vỗ béo vịt từ 10 - 15 ngày trước khi xuất	C666, A6600	87:2010/PROCON CO	
3149	Thức ăn hỗn hợp vỗ béo vịt	C6000, FF6000	88:2010/PROCON CO	
3150	Thức ăn hỗn hợp cho vịt đẻ	C64, A6400, FF64, S64	89:2010/PROCON CO	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
3151	Thức ăn hỗn hợp cho vịt đẻ	C664, A6640	90:2010/PROCON CO	
3152	Thức ăn hỗn hợp cho vịt đẻ trứng giống	C640, FF640	91:2010/PROCON CO	
3153	Thức ăn hỗn hợp cho vịt ngan thịt từ 1 - 21 ngày tuổi	VNT01	92:2010/PROCON CO	
3154	Thức ăn hỗn hợp cho vịt ngan thịt từ 22 - 42 ngày tuổi	VNT02	93:2010/PROCON CO	
3155	Thức ăn hỗn hợp cho vịt ngan thịt trên 42 ngày tuổi	VNT03	94:2010/PROCON CO	
3156	Thức ăn hỗn hợp cho vịt ngan đẻ siêu trứng	HH Vịt Ngan đẻ siêu trứng	95:2010/PROCON CO	
3157	Thức ăn hỗn hợp cho vịt đẻ	Big One 6	96:2010/PROCON CO	
	Công ty TNHH Một thành viên PROVIMI (PROVIMI VIETNAM) Địa chỉ: 238 quốc lộ 1A, phường Tân Hiệp, Tp. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai. Điện thoại: (061) 3881 489 ; Fax: (061) 3884 304			
3158	Chế phẩm trợ sinh cho heo nái mang thai	PACIFLOR	10:2010/PVM	
3159	Thức ăn bổ sung vitamin - khoáng cho heo giống.	NUBIOTIN E	10:2011/PVM	
3160	Premix bổ sung vitamin cho thức ăn gia cầm	AF_STARGRO 5012	106:2010/PVM	
3161	Premix bổ sung khoáng cho thức ăn gia cầm	AF_STARGRO 6012	107:2010/PVM	
3162	Thức ăn bổ sung vitamin cho gia cầm	NUVITAN	11:2010/PVM	
3163	Premix bổ sung vitamin cho gia cầm đẻ	VITAMIN 21 GIA CẦM ĐẼ-NEW	112:2010/PVM	
3164	Premix bổ sung vitamin cho thức ăn bò	VNFM_VITAMIN ADE	114:2010/PVM	
3165	Premix bổ sung Vitamin & Khoáng cho thức ăn của heo con cai sữa	HH_PIG PRESTARTER 4782	116:2010/PVM	
3166	Premix bổ sung vitamin & khoáng cho thức ăn của heo con	HH_PIG STARTER 4783	117:2010/PVM	
3167	Hỗn hợp bổ sung vitamin, khoáng cho thức ăn heo giống	WH_PIG BREEDER PREMIX	119:2010/PVM	
3168	Premix bổ sung vitamin-khoáng cho thức ăn heo nái mang thai và nái nuôi con	HA_VIKAMIX HC- 04	125:2010/PVM	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
3169	Premix bổ sung vitamin cho thức ăn gia cầm	CJVN_VITAMIN POULTRY (CM 1976)	126:2010/PVM	
3170	Hỗn hợp bổ sung vitamin, khoáng cho thức ăn heo con	WH_PIG STARTER PREMIX	127:2010/PVM	
3171	Hỗn hợp bổ sung vitamin, khoáng cho thức ăn heo lứa	WH_PIG GROWER PREMIX	128:2010/PVM	
3172	Hỗn hợp chất điện giải hòa tan cho gia súc, gia cầm	NUTROLYTE	129:2010/PVM	
3173	Premix bổ sung vitamin -khoáng cho thức ăn gia cầm đẻ	PREMIX 01 VINA	13:2010/PVM	
3174	Chất bổ sung thức ăn chăn nuôi ngựa cầu trùng cho gà	CLOPIDOL 12.5%	130:2010/PVM	
3175	Hỗn hợp bổ sung vitamin cho thức ăn gà giò	JF_BROILER VITAMIN – GRAPE PP - NEW	131:2010/PVM	
3176	Premix bổ sung dinh dưỡng và phụ gia cho heo cai sữa 7-15 kg	PROMIX HEO CAI SỮA 7 - 15kg 5%	134:2010/PVM	
3177	Premix bổ sung vitamin & khoáng cho thức ăn heo con	HC_CÔNG THỨC HEO CON CUSTOMIX 001	135:2010/PVM	
3178	Premix bổ sung vitamin & khoáng cho thức ăn heo thịt	HC_CÔNG THỨC HEO THỊT CUSTOMIX 002	136:2010/PVM	
3179	Premix bổ sung vitamin cho thức ăn heo	FT_PIG VITAMIN PREMIX	137:2010/PVM	
3180	Premix bổ sung vitamin cho thức ăn heo < 15 kg	NH_PREMIX VITAMIN HEO < 15KG 0.1%	138:2010/PVM	
3181	Premix bổ sung vitamin cho thức ăn nái nuôi con và mang thai	NH_VITAMIN PREMIX NÁI NUÔI CON & MANG THAI 0,1%	139:2010/PVM	
3182	Hỗn hợp bổ sung vitamin, khoáng cho thức ăn gia cầm đẻ trứng	WH_POULTRY LAYER PREMIX	141:2010/PVM	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
3183	Hỗn hợp bổ sung vitamin, khoáng cho thức ăn gia cầm thịt	WH_POULTRY BROILER PREMIX	142:2010/PVM	
3184	Premix bổ sung vitamin-khoáng cho gia cầm thịt	VT_MGC_01	144:2010/PVM	
3185	Sữa thay thế dùng cho heo con	NUTRILAC 306	145:2010/PVM	
3186	Thức ăn bổ sung axit amin, vitamin và khoáng cho heo	SUPERMIX	146:2010/PVM	
3187	Premix bổ sung vitamin cho thức ăn heo	PREMIX V-6	149:2010/PVM	
3188	Premix bổ sung vitamin cho thức ăn heo	PREMIX V-7	150:2010/PVM	
3189	Premix bổ sung vitamin cho heo	PREMIX V-8	153:2010/PVM	
3190	Giúp nái lên giống tốt hơn	HAPPY SOW	154:2010/PVM	
3191	Premix bổ sung khoáng cho thức ăn gà đẻ	NTF_LAYER MINERAL 21 0,2%	155:2010/PVM	
3192	Premix bổ sung vitamin cho thức ăn gia súc, gia cầm	UP_4200A	156:2010/PVM	
3193	Premix bổ sung vitamin cho thức ăn gia súc, gia cầm	UP_4200B	157:2010/PVM	
3194	Premix bổ sung vitamin cho thức ăn gia súc, gia cầm	UP_4200C	158:2010/PVM	
3195	Premix bổ sung vitamin cho thức ăn gia súc, gia cầm	UP_4200F	159:2010/PVM	
3196	Premix bổ sung vitamin cho thức ăn gia súc, gia cầm	UP_4200H	160:2010/PVM	
3197	Premix bổ sung khoáng cho thức ăn gia súc, gia cầm	UP_4300A	161:2010/PVM	
3198	Premix bổ sung khoáng cho thức ăn gia súc, gia cầm	UP_4300B	162:2010/PVM	
3199	Premix bổ sung khoáng cho thức ăn gia súc, gia cầm	UP_4300C	163:2010/PVM	
3200	Premix bổ sung khoáng cho thức ăn gia súc, gia cầm	UP_4300D	164:2010/PVM	
3201	Premix bổ sung khoáng cho thức ăn gia súc, gia cầm	UP_4300G	165:2010/PVM	
3202	Thức ăn bổ sung-hấp phụ, trung hòa độc tố nấm mốc	NUTRIBIND	173:2010/PVM	
3203	Thức ăn bổ sung-hấp phụ, trung hòa độc tố nấm và nấm mốc	NUTRIBIND +	174:2010/PVM	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
3204	Premix bổ sung vitamin - khoáng và chất phụ gia cho thức ăn heo nái.	NT195 DD HEO NÁI	182:2010/PVM	
3205	Premix bổ sung vitamin - khoáng và chất phụ gia cho thức ăn gà ta, gà tàu	NT 2536 HH GÀ TA, GÀ TÀU	183:2010/PVM	
3206	Premix bổ sung vitamin - khoáng và chất phụ gia cho thức ăn bò sữa	NT 404HH BÒ SỮA	184:2010/PVM	
3207	Premix bổ sung vitamin - khoáng và chất phụ gia cho thức ăn vịt thịt	NT 624 HH VỊT THỊT	185:2010/PVM	
3208	Premix bổ sung vitamin - khoáng cho thức ăn vịt đẻ	NT 645 HH VỊT ĐẼ	186:2010/PVM	
3209	Premix bổ sung vitamin-khoáng và chất phụ gia cho thức ăn gà ta, gà tàu	NT 2537 HH GÀ TA, GÀ TÀU	189:2010/PVM	
3210	Premix bổ sung vitamin, khoáng và chất phụ gia cho thức ăn gà ta, gà tàu	NT2535_HH GÀ TA, GÀ TÀU	190:2010/PVM	
3211	Premix bổ sung vitamin cho thức ăn heo	7005-A	20:2010/PVM	
3212	Premix bổ sung vitamin cho gia cầm	213 – V SAN MIGUEL	22:2010/PVM	
3213	Premix bổ sung khoáng cho gia cầm	POULTRY MINERAL	23:2010/PVM	
3214	Premix bổ sung vitamin cho heo	207 – V SAN MIGUEL	24:2010/PVM	
3215	Premix bổ sung khoáng cho heo	PIG MINERAL	25:2010/PVM	
3216	Men tiêu hóa và chất làm tăng tính thèm ăn cho heo	PIGZYME	26:2010/PVM	
3217	Premix bổ sung vitamin-khoáng cho gia cầm	PREMIX 13 VINA	27:2010/PVM	
3218	Hỗn hợp bổ sung vitamin, khoáng cho thức ăn heo nái	HC_CÔNG THỨC HEO NÁI CUSTOMIX	27:2011/PVM	
3219	Hỗn hợp bổ sung vitamin, khoáng cho thức ăn gà thịt	BROILER PREMIX LHP01	28:2011/PVM	
3220	Hỗn hợp bổ sung vitamin, khoáng cho thức ăn gia cầm thịt	HMV_BROILER PREMIX NEW	30:2011/PVM	
3221	Premix bổ sung khoáng cho thức ăn heo	CJVN_MINERAL SWINE (CM4088)	31:2010/PVM	
3222	Hỗn hợp vitamin – khoáng cho thức ăn gà thịt	HD_BROILER NEW	31:2011/PVM	
3223	Hỗn hợp vitamin-khoáng cho thức ăn heo 15 – 30 kg	HD_PIG 15 - 30KG NEW	32:2011/PVM	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
3224	Premix bổ sung vitamin cho thức ăn heo	CJVN_VITAMIN SWINE (CM1975)	34:2010/PVM	
3225	Premix bổ sung vitamin-khoáng cho thức ăn thỏ giống	PREMIX THỎ GIỐNG 0,25%	40:2010/PVM	
3226	Premix bổ sung vitamin-khoáng cho thức ăn thỏ thịt	PREMIX THỎ THỊT 0,25%	41:2010/PVM	
3227	Premix bổ sung khoáng cho thức ăn gia cầm	CJVN_MINERAL POULTRY (CM4089)	43:2010/PVM	
3228	Premix bổ sung vitamin, khoáng cho thức ăn vịt đẻ	HA_VIKAMIX HC- 05	44:2010/PVM	
3229	Premix bổ sung khoáng cho thức ăn heo	CJVN_MINERAL SWINE (CM2021)	49:2010/PVM	
3230	Premix bổ sung vitamin cho thức ăn heo 15 – 30 kg	NH_PREMIX HEO 15-30KG 0,1%	50:2010/PVM	
3231	Premix bổ sung vitamin cho thức ăn heo 30 kg – xuất chuồng	NH_PREMIX HEO 30KG-XC	51:2010/PVM	
3232	Premix khoáng vitamin cho bò sữa	CALCI BO	53:2010/PVM	
3233	Chế phẩm sinh học cho heo nái và heo con	PRO-ONE	54:2010/PVM	
3234	Premix bổ sung vitamin cho thức ăn gia cầm đẻ	VITAMIN 21 NEW 0,05%	55:2010/PVM	
3235	Premix bổ sung vitamin cho thức ăn lợn	HVI_VITAMIN LỢN	64:2010/PVM	
3236	Premix bổ sung vitamin cho thức ăn gà thịt	HVI_VITAMIN GÀ THỊT	65:2010/PVM	
3237	Premix bổ sung vitamin cho thức ăn gà đẻ	HVI_VITAMIN GÀ ĐẼ	66:2010/PVM	
3238	Premix bổ sung vitamin cho thức ăn vịt thịt	HVI_VITAMIN VỊT THỊT	67:2010/PVM	
3239	Premix bổ sung vitamin cho thức ăn vịt đẻ	HVI_VITAMIN VỊT ĐẼ	68:2010/PVM	
3240	Premix bổ sung vitamin & khoáng cho thức ăn heo	DH100	70:2010/PVM	
3241	Premix bổ sung vitamin & khoáng cho thức ăn heo	DH200	71:2010/PVM	
3242	Premix bổ sung vitamin & khoáng cho thức ăn heo	DH300	72:2010/PVM	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
3243	Premix bổ sung vitamin & khoáng cho thức ăn heo	DH400	73:2010/PVM	
3244	Premix bổ sung vitamin & khoáng cho thức ăn heo	DH500	74:2010/PVM	
3245	Premix bổ sung khoáng cho thức ăn gia cầm	POULTRY 2000	75:2010/PVM	
3246	Premix bổ sung vitamin và khoáng cho thức ăn heo con 5 - 15 kg	HA_VIKAMIX HC-01	81:2010/PVM	
3247	Premix bổ sung vitamin và khoáng cho thức ăn heo 15 - 30 kg	HA_VIKAMIX HC-02	82:2010/PVM	
3248	Premix bổ sung vitamin và khoáng cho thức ăn heo 30 - 100 kg	HA_VIKAMIX HC-03	83:2010/PVM	
3249	Premix bổ sung vitamin cho thức ăn heo	AF_STARGRO 1012V	84:2010/PVM	
3250	Premix bổ sung khoáng cho thức ăn heo	AF_STARGRO 2012M	85:2010/PVM	
3251	Premix bổ sung vitamin - khoáng cho thức ăn heo	CX 5105	87:2010/PVM	
3252	Premix bổ sung vitamin - khoáng cho thức ăn heo con 5 - 30 kg	WINMIX W10	88:2010/PVM	
3253	Premix bổ sung vitamin-khoáng cho thức ăn heo lứa 30 - 60 kg	WINMIX W11	89:2010/PVM	
3254	Premix bổ sung vitamin-khoáng cho thức ăn heo thịt 60 kg-xuất chuồng	WINMIX W12	90:2010/PVM	
3255	Premix Vitamin-khoáng cho gia cầm đẻ	WINMIX W21	91:2010/PVM	
3256	Premix bổ sung vitamin-khoáng cho gà thịt	WINMIX W22	92:2010/PVM	
3257	Premix bổ sung vitamin-khoáng cho vịt thịt	WINMIX W42	93:2010/PVM	
3258	Premix bổ sung vitamin - khoáng cho thức ăn heo giống	WINMIX W13	94:2010/PVM	
	Công ty TNHH Sao Xanh Địa chỉ: Cụm CN Dốc 47, Tam Phước, Biên Hòa, Đồng nai Điện thoại: 0613512099. Fax: .0613512121.			
3259	Thức ăn hỗn hợp dạng viên và dạng bột dùng cho heo con từ 7 ngày đến 7kg.	M1110	01:2009/BS	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
3260	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho heo con từ tập ăn đến 15kg.	BS07	01:2011/BS	
3261	Thức ăn hỗn hợp dạng viên và dạng bột dùng cho heo con từ 7kg đến 15kg.	M1120	02:2009/BS	
3262	Thức ăn hỗn hợp dạng viên và dạng bột dùng cho heo từ 15kg đến 30kg.	BS15	02:2011/BS	
3263	Thức ăn hỗn hợp dạng viên và dạng bột dùng cho heo từ 30kg đến 70kg.	BS16	03:2011/BS	
3264	Thức ăn hỗn hợp dạng viên và dạng bột dùng cho heo thịt siêu nạc từ 15kg đến 30kg.	M1130HQ	03:2009/BS	
3265	Thức ăn hỗn hợp dạng viên và dạng bột dùng cho heo thịt siêu nạc từ 15kg đến 30kg.	M1130	04:2009/BS	
3266	Thức ăn hỗn hợp dạng viên và dạng bột dùng cho heo thịt siêu nạc từ 30kg đến 60kg.	M1140	05:2009/BS	
3267	Thức ăn hỗn hợp dạng viên và dạng bột dùng cho heo thịt siêu nạc từ 60kg đến xuất chuồng.	M1150	06:2009/BS	
3268	Thức ăn hỗn hợp dạng viên và dạng bột dùng cho heo nái mang thai.	M1210	07:2009/BS	
3269	Thức ăn hỗn hợp dạng viên và dạng bột dùng cho heo nái nuôi con.	M1220	08:2009/BS	
3270	Thức ăn đậm đặc dùng cho heo từ 15kg đến xuất chuồng.	C1110	09:2009/BS	
3271	Thức ăn siêu đậm đặc dùng cho heo từ tập ăn đến xuất chuồng.	C1120	10:2009/BS	
3272	Thức ăn đậm đặc dùng cho heo nái mang thai và nuôi con.	C1210	11:2009/BS	
3273	Thức ăn hỗn hợp dạng viên và bột dùng cho heo từ 30kg đến 60kg	L3060	12:2009/BS	
3274	Thức ăn dạng viên, bột dùng cho heo nái mang thai.	LN01	14:2009/BS	
3275	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho vịt con từ 1 đến 21 ngày tuổi.	M3110	15:2009/BS	
3276	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho vịt từ 21 ngày tuổi đến xuất chuồng.	M3120	16:2009/BS	
3277	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho vịt vỗ béo	M3130	17:2009/BS	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
3278	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho vịt từ 1 ngày tuổi đến xuất chuồng.	M3140	18:2009/BS	
3279	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho vịt đẻ thương phẩm	M3210	19:2009/BS	
3280	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho vịt đẻ trứng giống	M3210HQ	20:2009/BS	
3281	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho vịt đẻ chạy đồng	M3220	21:2009/BS	
3282	Thức ăn hỗn hợp dạng viên, mảnh dùng cho gà thả vườn từ 1 đến 42 ngày tuổi	M6110	22:2009/BS	
3283	Thức ăn hỗn hợp dạng viên, mảnh dùng cho gà thả vườn từ 42 ngày tuổi đến xuất chuồng	M6120	23:2009/BS	
3284	Thức ăn hỗn hợp dạng viên, mảnh dùng cho gà thả vườn từ 1 ngày tuổi – xuất chuồng	M6230	24:2009/BS	
3285	Thức ăn hỗn hợp dạng mảnh dùng cho gà thịt từ 1 đến 14 ngày	M6310	25:2009/BS	
3286	Thức ăn hỗn hợp dạng viên, mảnh dùng cho gà thịt từ 15 đến 29 ngày	M6320	26:2009/BS	
3287	Thức ăn hỗn hợp dạng viên dùng cho gà thịt từ 30 ngày đến xuất chuồng	M6330	27:2009/BS	
	Công ty TNHH Sunjin Vina Địa chỉ: Lô II-11, KCN Hố Nai, Trảng Bom, Đồng Nai. Tel: 0613.985.995; Fax: 0613.958.990			
3288	Thức ăn hỗn hợp cho gà ta, gà lông màu từ 1-28 ngày tuổi	Sun- chip (710)	01:2009/SJĐN	
3289	Thức ăn hỗn hợp cho heo con cai sữa từ 7kg-15kg	Primo-jump (E-10)	01:2010/SJĐN	
3290	Thức ăn hỗn hợp cho gà công nghiệp lông màu từ 1-21 ngày	Pro- chip 1 (CN 20)	01:2011/SJ ĐN	
3291	Thức ăn hỗn hợp cho gà ta, gà lông màu từ 28 ngày tuổi đến xuất chuồng	Sun- chip (720)	02:2009/SJĐN	
3292	Thức ăn hỗn hợp cho gà công nghiệp lông màu từ 22-42 ngày	Pro- chip 2 (CN 21)	02:2011/SJ ĐN	
3293	Thức ăn hỗn hợp cho vịt con từ 1-21 ngày tuổi	SUN-QUACK 500	03:2009/SJĐN	
3294	Thức ăn hỗn hợp cho heo thịt từ 15kg-30kg	Primo-star (E-20)	03:2010/SJĐN	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
3295	Thức ăn hỗn hợp cho gà công nghiệp lông màu từ 43 ngày tuổi - xuất chuồng	Pro- chip 3 (CN 25)	03:2011/SJ ĐN	
3296	Thức ăn hỗn hợp cho vịt con từ 21 ngày tuổi đến xuất chuồng	SUN-QUACK (510)	04:2009/SJĐN	
3297	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho bò sữa	Boss milk (M 25)	04:2011/SJ ĐN	
3298	Thức ăn hỗn hợp cho heo thịt từ 30kg-60kg	Primo-lean (E-30)	05:2010/SJĐN	
3299	Thức ăn tập ăn cho heo con từ 7 ngày tuổi-8kg	Super-milk (a- Gold)	06:2009/SJĐN	
3300	Thức ăn hỗn hợp cho heo cai sữa từ 8kg-15kg	Super-jump (a- 10)	07:2009/SJĐN	
3301	Thức ăn hỗn hợp cho heo thịt từ 60kg- xuất chuồng	Primo-grow (E- 40)	07:2010/SJĐN	
3302	Thức ăn hỗn hợp cho heo thịt từ 15kg-30kg	Super-star (a- 20)	09:2009/SJĐN	
3303	Thức ăn hỗn hợp cho heo nái mang thai từ khi phối đến 7 ngày trước khi đẻ	Primo-promama (E-50)	09:2010/SJĐN	
3304	Thức ăn hỗn hợp cho heo thịt từ 30kg-60kg	Super- grow (a- 30)	11:2009/SJĐN	
3305	Thức ăn hỗn hợp cho heo nái nuôi con từ 7 ngày trước khi đẻ đến khi phối giống	Primo-mama (E- 60)	11:2010/SJĐN	
3306	Thức ăn hỗn hợp cho heo thịt từ 60kg- xuất chuồng	Super-finish (a- 40)	13:2009/SJĐN	
3307	Thức ăn đậm đặc cho heo thịt từ 5kg - xuất chuồng	Primo-combi 1 (E- 19)	13:2010/SJĐN	
3308	Thức ăn đậm đặc cho heo thịt từ 15kg - xuất chuồng	Primo-combi 2 (E- 49)	14:2010/SJĐN	
3309	Thức ăn hỗn hợp cho heo nái mang thai	Super-pro (a- 50)	15:2009/SJĐN	
3310	Thức ăn đậm đặc cho nái mang thai từ khi phối đến 7 ngày trước khi đẻ	Primo-combi promama (E-59)	15:2010/SJĐN	
3311	Thức ăn hỗn hợp cho heo nái mang thai	Super-pro (a- 52)	16:2009/SJĐN	
3312	Thức ăn đậm đặc cho nái nuôi con từ 7 ngày trước khi đẻ đến khi phối giống	Primo-combi mama (E-69)	16:2010/SJĐN	
3313	Thức ăn hỗn hợp cho heo nái nuôi con	Super-mama (a- 60)	17:2009/SJĐN	
3314	Thức ăn hỗn hợp cho heo nái nuôi con	Super-mama (a- 62)	18:2009/SJĐN	
3315	Thức ăn hỗn hợp cho vịt con từ 1-21 ngày tuổi	Start-Duck (E- 50V)	18:2010/SJĐN	
3316	Thức ăn đậm đặc cho heo thịt từ 15kg - xuất chuồng	Super-plus (a- 49)	19:2009/SJĐN	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
3317	Thức ăn hỗn hợp cho vịt thịt từ 21 ngày tuổi đến xuất chuồng	Finish -Duck (E-51V)	19:2010/SJĐN	
3318	Thức ăn đậm đặc cho heo thịt từ 5kg - xuất chuồng	Super-one (a- 19)	20:2009/SJĐN	
3319	Thức ăn hỗn hợp cho vịt đẻ từ 18 tuần tuổi đến loại thải	Duck layer (E-54V)	20:2010/SJĐN	
3320	Thức ăn hỗn hợp cho vịt đẻ siêu trứng từ 18 tuần tuổi đến loại thải	Super duck layer (E-55V)	21:2010/SJĐN	
3321	Thức ăn hỗn hợp cho heo cai sữa từ 7kg-15kg	Prime -Jump special wave (910 SW)	22:2010/SJĐN	
3322	Thức ăn hỗn hợp dạng bột cho bò sữa	Milk queen (M 100)	23:2009/SJĐN	
3323	Thức ăn đậm đặc cho heo từ 5kg - xuất chuồng	Combi-one (919)	23:2010/SJĐN	
3324	Thức ăn hỗn hợp cho gà trống từ 1-21 ngày tuổi	Sun- chip (711S)	24:2009/SJĐN	
3325	Thức ăn đậm đặc cho nái mang thai từ khi phối đến 7 ngày trước khi đẻ	Combi- promama (959)	24:2010/SJĐN	
3326	Thức ăn hỗn hợp cho gà trống từ 22-42 ngày tuổi	Sun- chip (720 S)	25:2009/SJĐN	
3327	Thức ăn đậm đặc cho nái nuôi con từ 7 ngày trước khi đẻ đến khi phối giống	Combi- mama (969)	25:2010/SJĐN	
3328	Thức ăn đậm đặc cho heo từ 20kg-xuất chuồng	Super-combi (999 MK)	26:2010/SJĐN	
3329	Thức ăn hỗn hợp cho vịt đẻ từ 18 tuần tuổi đến loại thải	Duck layer (540)	27:2010/SJĐN	
3330	Thức ăn hỗn hợp cho vịt đẻ siêu trứng từ 18 tuần tuổi đến loại thải	Duck layer (550)	28:2010/SJĐN	
3331	Thức ăn hỗn hợp cho cú đẻ	Quail- layer (322)	29:2009/SJĐN	
3332	Thức ăn đậm đặc cho heo thịt từ 15kg- xuất chuồng	Super-fit (a- 79)	29:2010/SJĐN	
3333	Thức ăn hỗn hợp cho vịt đẻ từ 18 tuần tuổi đến loại thải	QUACK-QUACK (V300)	30:2010/SJĐN	
3334	Thức ăn hỗn hợp cho vịt con từ 1-21 ngày tuổi	CAP-CAP 1 (V100)	31:2009/SJĐN	
3335	Thức ăn hỗn hợp cho vịt đẻ từ thương phẩm 18 tuần tuổi đến loại thải	Super- quack (V400)	31:2010/SJĐN	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
3336	Thức ăn hỗn hợp cho vịt con từ 21 ngày tuổi đến xuất chuồng	CAP-CAP 2 (V200)	32:2009/SJĐN	
3337	Thức ăn hỗn hợp cho heo nái nuôi con từ 7 ngày trước khi đẻ đến khi phối giống	Mama 962	SJ ĐN 01/05	
3338	Thức ăn hỗn hợp cho heo nái nuôi con từ 7 ngày trước khi đẻ đến khi phối giống	Mama 960	SJ ĐN 02/05	
3339	Thức ăn hỗn hợp cho heo nái mang thai từ khi phối đến 7 ngày trước khi đẻ	Promama 952	SJ ĐN 03/05	
3340	Thức ăn hỗn hợp cho heo nái mang thai từ khi phối đến 7 ngày trước khi đẻ	Promama 950	SJ ĐN 04/05	
3341	Thức ăn hỗn hợp cho heo tập ăn từ 7 ngày tuổi- 7kg	Prime- milk 900	SJ ĐN 05/05	
3342	Thức ăn hỗn hợp cho heo từ 15kg-30kg	Prime- star 922	SJ ĐN 10/05	
3343	Thức ăn hỗn hợp cho heo từ 15kg-30kg	Prime- star 920	SJ ĐN 11/05	
3344	Thức ăn hỗn hợp cho heo từ 30kg-60kg	Prime- lean 932	SJ ĐN 12/05	
3345	Thức ăn hỗn hợp cho heo từ 30kg-60kg	Prime- lean 930	SJ ĐN 13/05	
3346	Thức ăn hỗn hợp cho heo từ 60kg- xuất chuồng	Prime - grow 942	SJ ĐN 14/05	
3347	Thức ăn hỗn hợp cho heo từ 60kg- xuất chuồng	Prime - grow 940	SJ ĐN 15/05	
3348	Thức ăn hỗn hợp cho gà đẻ từ 18 tuần tuổi đến loại thải	Sun- lay (752)	SJ ĐN 32/05	
3349	Thức ăn đậm đặc cho heo thịt từ 15kg - xuất chuồng	Combi-plus (949)	SJ ĐN 39/05	
3350	Thức ăn tập ăn cho heo con từ 7 ngày tuổi- 7kg	Primo-gold	SJ ĐN 45/07	
	Công ty TNHH Thanh Bình Địa chỉ: Khu phố 8, phường Long Bình, Biên Hòa, Đồng Nai. Tel/Fax: 0613984772/ 3984740			

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
3351	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo thịt từ 30kg đến 60kg	Số 6, A, Thanh bình 6 BH 307, Đồng tiến H66, Beta 6, Redpig 606, Victory 6, Rex 1202, Redpig C16, Rex 1202.	TBĐN 03/10	
3352	Thức ăn đậm đặc dùng cho heo từ tập ăn đến xuất	Thanh Bình P50, Beta A50, V 9500, Rex 05, Đại hiệp D1690	TBĐN 04/08	
3353	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo thịt từ 60kg đến xuất	Số 7, B, TB 7, TB 8, BH 308, BH 17, Đồng tiến H16, Redpig 608, V7, V8, Rex 1302	TBĐN 04/10	
3354	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo nái chữa, nái hậu bị, nọc	Số 10, TB10, BH 310, Đồng tiến H68, Beta E, Redpig 610, V10.	TBĐN 05/10	
3355	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo nái nuôi con	Rex 1502	TBĐN 06/10	
3356	Thức ăn hỗn hợp dùng cho bê, bò nuôi thịt	Thanh Bình 44	TBĐN 07/10	
3357	Thức ăn hỗn hợp dùng cho bò sữa	TB 40, BH B800, Beta B900, Redpig B300, V B4400.	TBĐN 08/10	
3358	Thức ăn hỗn hợp dùng cho bò sữa	Rex 8888	TBĐN 09/10	
3359	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà từ 01 ngày đến xuất	TB 51L, BH 108, Beta G24, G25, Redpig 1900, V 5303, Đại hiệp G28	TBĐN 10/10	
3360	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt, ngan con từ 01 ngày tuổi đến 21 ngày tuổi	Thanh Bình 62T, Beta V31, V 4602.	TBĐN 11/10	
3361	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt từ 01 ngày tuổi đến xuất	Thanh Bình 65T, BH 207, Beta V33, Redpig 2000, V 4302	TBĐN 12/10	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
3362	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt từ 22 ngày tuổi đến xuất	Thanh Bình 63T	TBĐN 13/10	
3363	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt nuôi thịt vỗ béo.	Thanh Bình 67T, Beta V 34	TBĐN 14/10	
3364	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt, ngan đẻ	Thanh Bình 64T, 603, BH 203, Beta V36, Redpig 2003, V4442,	TBĐN 15/10	
3365	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt, ngan đẻ	Thanh Bình 604, BH 208, Đồng tiến H350, Beta V35, Redpig 6666, V4702, Thanh bình V20, Rex 544, Đại hiệp V26	TBĐN 16/10	
3366	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt, ngan đẻ	Thanh Bình V19	TBĐN 17/10	
3367	Thức ăn hỗn hợp dùng cho vịt, ngan đẻ siêu trứng	Thanh bình V21	TBĐN 18/10	
3368	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo, gà, vịt	Thanh Bình 69, Beta V37	TBĐN 19/10	
3369	Thức ăn hỗn hợp dùng cho cút đẻ	Biên hòa 400, Redpig C500, Thanh bình 34	TBĐN 20/10	
3370	Thức ăn đậm đặc dùng cho heo từ tập ăn đến xuất	Thanh bình 151S	TBĐN 21/10	
3371	Thức ăn đậm đặc dùng cho heo từ tập ăn đến xuất	BH 9999, V9999	TBĐN 22/10	
3372	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà từ 01 đến 14 ngày	Thanh Bình 510	TBĐN 25/10	
3373	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà từ 14 đến 28 ngày	Thanh Bình 510A	TBĐN 26/10	
3374	Thức ăn hỗn hợp dùng cho gà từ 29 ngày đến xuất	Thanh Bình 511	TBĐN 27/10	
3375	Thức ăn hỗn hợp dùng cho lợn từ 15kg đến 50kg	Biên Hòa A52, Rex 1102 (15kg- 50kg BH A52)	TBĐN 47/10	
3376	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo thịt từ 15kg đến 50kg	Biên Hòa A46	TBĐN 48/10	

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số TCCS	Số tiếp nhận CBHQ (nếu có)
3377	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo thịt từ 30kg đến xuất	Biên Hòa A47	TBĐN 49/10	
3378	Thức ăn đậm đặc dùng cho heo từ tập ăn đến xuất	Biên Hòa B48	TBĐN 50/10	
3379	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo con tập ăn.	Thanh Bình 351, Redpig C14, Rex 1020	TBĐN 01/10	
3380	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo thịt từ 15kg đến 30kg	D, Thanh Bình D, BH 306, BH 309, Beta D, Redpig 605, Redpig 609, Victory D, Redpig C15, Rex 1102.	TBĐN 02/10	
3381	Thức ăn đậm đặc dạng viên dùng cho vịt đẻ	Beta V30	TBĐN 23/10	
	Công ty Cổ phần hữu hạn Vedan Địa chỉ: Quốc lộ 51, ấp 1A, xã Phước Thái, huyện Long Thành, Đồng Nai. Tel: 0613825111. Fax: 0613825139			
3382	Dịch mật đường lên men cô đặc dùng làm thức ăn bổ sung trong chăn nuôi Vedafeed dạng lỏng	VEDAFEED dạng lỏng	03:2009/VDN	
3383	Phụ gia thức ăn chăn nuôi Vedafeed dạng viên	VEDAFEED dạng viên	06:2010/VDN	
3384	Dịch Polyglutamic acid	PGA	07:2010/VDN	
3385	Vedafeed dịch Polyglutamic acid	VEDAFEED PGA	11:2011/VDN	